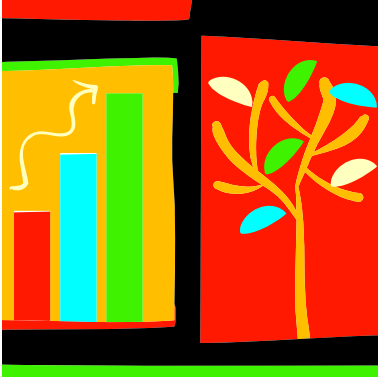


Bên giòng lịch sử 1940 – 1965



- 1 -

Lý do nào thúc đẩy tôi viết hồi ký

Sau khi Tổng thống Ngô Đình Diệm bị giết, những biến chuyển chính trị và quân sự dồn dập xảy ra trên đất nước Việt Nam làm cho tôi nghĩ rằng Ông Diệm không phải là một nhân vật không thể thay thế được. Nhưng ít ra Ông cũng là một nhân vật cần thiết cho đất nước Việt Nam trong một giai đoạn nào đó. Nguyên nhân thất bại của Ông Diệm, của những giấc mơ, những cố gắng, những kế hoạch của Ông Diệm có lẽ là ở chỗ Ông, hay ít ra vài người quanh Ông và thân thiết với Ông không chịu hiểu rằng sự cần thiết của Ông Diệm đối với đất nước Việt Nam chỉ là một sự cần thiết trong một giai đoạn đặc biệt nào đó thôi. Khi giai đoạn lịch sử đó qua đi, thì sự cần thiết đó cũng không còn. Đáng lý Ông Diệm và chế độ phải biết thay đổi nhanh chóng để thích ứng với những đòi hỏi của một giai đoạn lịch sử mới, hoặc là phải biết lùi ra khỏi chỗ đứng Ông đã chiếm giữ trong giai đoạn mà sự có mặt của Ông cần thiết cho đất nước.

Với tư cách một người gần gũi, có thể nói là thân thiết với Ông Diệm mà lại

không phải lệ thuộc quá nhiều vào quyền hành và sự chỉ huy của Ông tôi đã được nhìn những cố gắng, những thành công, những thất bại và những sai lầm của Ông. Trước những tin tức, những lập luận, những xuyên tạc quanh Ông Diệm và chế độ tôi cảm thấy cần phải viết lại những hiểu biết, những nhận xét, những chứng kiến của tôi về những việc làm cũng như về đời sống, tư cách của Ông để sau này nếu những người nào muốn tìm hiểu sự thật về giai đoạn lịch sử- mà sự có mặt của Ông Diệm là cần thiết và quan trọng- có thêm một soi sáng, một nhận định không có ác ý, không thiên vị.

Những hoàn cảnh đặc biệt, những may mắn lạ lùng đã cho phép tôi gặp gỡ và nhiều lúc tham dự, hợp tác với những nhân vật đã làm nên lịch sử Việt Nam trong 30 năm qua. Luôn luôn tôi đã tham dự vào những biến cố lịch sử này với tư cách một nhân chứng hơn là một kẻ trong cuộc, nhưng lại là nhân chứng đứng ở một vị thế nhìn thấy nhiều việc mà nhiều người không thấy được. Người tìm hiểu lịch sử càng có được nhiều nguồn tin, nhiều tài liệu bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Thiên hồi ký của tôi hy vọng là một trong những nguồn tin và tài liệu đó.

Tôi đã nhiều lần có dự định ghi lại những điều mình nhìn thấy, chứng kiến, tham dự trong mấy chục năm qua. Nhưng luôn luôn tôi phải đình hoãn công việc đó, vì những việc làm cấp bách, những bận rộn trong nhiều0 nhiệm vụ. Sau khi Ông Ngô Đình Diệm mất, tôi có lần đã nghĩ rằng bây giờ là lúc tôi có thể yên ổn ngồi lại viết thiên hồi ký dự định từ lâu. Nhưng những biến cố dồn dập lại làm cho tôi hồi hộp theo dõi, và một lần nữa hoãn việc ghi chép, với hy vọng rằng những biến cố đó sẽ giúp tôi hiểu thêm vai trò và sự cần thiết của Ông Diệm trong giai đoạn 10 năm qua.

Thời gian trôi qua cũng giúp cho tôi, và dân chúng Việt Nam có thể nhìn Ông Diệm với một tầm nhìn khách quan và vô tư hơn. Những kẻ một lần gắt

gao chỉ trích bài bác Ông Diệm và những việc làm của Ông, đã có dịp tự đặt câu hỏi: sự thanh toán Ông Diệm và chế độ Ông Diệm phải chăng là một sai lầm tai hại và nguy hiểm? Những hỗn loạn chính trị, những thất bại quân sự sau ngày 1/11/1963 đã trả lời cho câu hỏi đó. Tôi nhớ đại sứ Nolting, đại tướng Harkins đã viết ra, hoặc trả lời những cuộc phỏng vấn xác nhận điều đó; những người đã góp tay thanh toán Ông Diệm và chế độ Ông Diệm ít có ai lấy làm hãnh diện về việc làm của họ.

Cuối năm 1969 những người bạn trẻ đến gặp tôi, bàn bạc với tôi về sự cần thiết và nên ghi chép lại những điều tôi đã thấy trong những năm qua, trong một thiên hồi ký càng vô tư bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Tôi đồng ý, và với sự góp tay của những người bạn trẻ đó, tôi đã thực hiện thiên hồi ký khi đăng báo đã mang một nhan đề có lẽ hơi khoe khoang:

“Hồi ký lộ mặt nạ lịch sử”.

Tôi không đồng ý về cái tên gọi gán cho thiên hồi lý nhỏ bé và khiêm tốn của tôi. Vậy nên khi sửa chữa lại, bỏ khuyết thêm để in thành sách, tôi xin chọn một tên gọi khác “Bên giòng lịch sử 1940-1965”.

Đó là tất cả những lý do lớn nhỏ đã thúc đẩy tôi thực hiện thiên hồi ký này. Tôi không hy vọng tất cả những mong ước của tôi đặt vào thiên hồi ký có thể thành tựu. Tôi cũng không dám tin rằng thiên hồi lý này soi sáng được những biến cố lịch sử phức tạp trong mấy chục năm qua. Tôi chỉ muốn góp vào những tài liệu lịch sử một vài hiểu biết riêng của tôi, và giúp cho những kẻ muốn tìm hiểu lịch sử một lối nhìn riêng.

L. M. CAO VĂN LUẬN

NGUYỄN VIỆN TRƯỞNG ĐẠI HỌC HUẾ

GIÁO SƯ ĐẠI HỌC VĂN KHOA SÀI GÒN

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 2 -

Những cái mốc trong lịch sử

Về những ngày niên thiếu của tôi, cũng như của những đứa trẻ V.N vào thời buổi đó, tôi chỉ còn nhớ được cái không khí thanh bình, yên ổn, nhưng là một thứ thanh bình và yên ổn đe dọa, đau xót, nhục nhã. Tôi ra đời tại Hà Tĩnh, năm 1908. Đó cũng là năm mà nhiều cuộc nổi loạn phát khởi ở tỉnh tôi và nhiều nơi khác. Khi tôi bắt đầu có trí khôn thì thỉnh thoảng tôi nghe được những lời bàn tán, xầm xì, những nét mặt đầy lo sợ quanh tôi, nhưng tôi không thể hiểu được điều gì rõ ràng. Những thanh niên, những trai tráng bị bắt đi lính cho Pháp rồi không mấy ai trở về. Sau này tôi được biết họ được gọi đi lính thợ, được gửi sang Pháp dự thế giới chiến tranh thứ nhất. Có lẽ để đập tan tinh thần phản kháng và cách mạng trong tỉnh Hà Tĩnh, nhà nước Bảo-Hộ đã bắt rất nhiều thanh niên trong tỉnh tôi.

Tôi sinh ra trong một gia đình Công giáo lâu đời. Cho nên khi những người xung quanh nhận thấy tôi học hành dễ dàng thì ý nghĩ đầu tiên của họ là gửi tôi vào chủng viện. Vào năm lên 13 tuổi, năm 1921, tôi vào học tại Tiểu Chủng Viện Xã-Đoài. Thời đó, Xã-Đoài chỉ có một vài lớp đầu bậc Trung học và vì đó ít lâu sau tôi được gửi vào học tại trường các Thầy Dòng La San ở Huế là trường Pellerin. Sau khi thi đậu bằng Thành Chung, tôi lại được gửi ra Hà Nội theo học đại chủng viện Xuân Bích vào năm 1933. Tôi

đã đậu hai phần Tú tài. Sáu năm sau tôi được thụ phong Linh mục vào năm 1939.

Sau những cuộc nổi dậy khắp nơi của người VN chính phủ Pháp muốn tỏ ra cởi mở hơn, cho thi hành một chính sách văn hóa tương đối tiến bộ. Ngoài việc mở thêm những trường cho các tỉnh huyện, nhà nước Bảo Hộ còn cấp nhiều học bổng cho sinh viên ưu tú. Một số các học bổng này được dành cho một ít tu sĩ Công giáo. Tôi may mắn được cấp một học bổng du học tại Đại Học Đường Sorbonne. Vào mùa thu năm 1939, tôi lên đường sang Ba-Lê. Mặc dầu thế chiến thứ hai đã bùng nổ, nước Pháp bị Đức chiếm đóng; nhưng nhờ là tu sĩ, nên tôi không gặp một trở ngại lớn lao nào trong đời sống hay trong công việc học hành. Từ 1939 đến 1942 tôi theo học Triết và Văn chương, đậu cử nhân năm 1942. Sau đó tôi học ở trường Á Đông Sinh ngữ và tốt nghiệp ở trường này năm 1945.

Trong những năm chiến tranh, mặc dầu tôi không có dịp tham dự trực tiếp vào những biến cố lịch sử trọng đại, nhưng tôi cũng có dịp gặp gỡ những người Việt Nam trong giới sinh viên học sinh, giới lính thợ, lính khố đỏ và một số người Việt Nam sang Pháp từ đệ nhất thế chiến rồi ở lại Pháp luôn và nhập quốc tịch Pháp.

Trước lễ Giáng Sinh năm 1940, tôi đến thăm một linh mục thừa sai ở đường Du-Bac, số 128. Vị linh mục này đã sống ở Viễn Đông lâu năm, và trong lần đến thăm này, tôi đã được gặp một thiếu phụ Pháp giàu lòng từ thiện đang tổ chức những cuộc thăm viếng, giúp đỡ những người Việt Nam đi lính trong quân đội Pháp bị quân Đức bắt làm tù binh. Thấy tôi là người Việt Nam, bà De Seize ngỏ ý yêu cầu tôi theo bà đến thăm những người lính Việt Nam bị giam giữ trong các trại tù binh ở Laval. Tôi nhận lời và những ngày nghỉ lễ sau đó, tôi cùng bà De Seize thường đến trại tù binh Laval thăm viếng những người lính Việt Nam. Công việc của tôi chẳng có gì quan trọng. Tôi làm cái

nhiệm vụ thông ngôn giữa những người Việt Nam và những nhà hảo tâm Pháp, đôi lúc viết giùm và gửi thư về quê hương cho những người không biết đọc biết viết. Tôi cũng đến thăm những tù binh Việt Nam được điều trị tại các bệnh viện khắp Ba-Lê.

Lúc bấy giờ một số sinh viên Việt Nam cũng tổ chức những nhóm sinh viên thăm viếng và an ủi những thương bệnh binh Việt Nam tại các bệnh viện. Một lần tôi gặp Trần Hữu Phương trong một bệnh viện. Từ sự quen biết đến chỗ thân thiết thật dễ dàng, nhanh chóng giữa những người Việt Nam xa Tổ quốc, cùng chung lý tưởng. Cũng từ đó, tôi có ý nghĩ phối hợp các hoạt động của các sinh viên Việt Nam tại Ba-Lê, và đem chuyện đó ra bàn với Trần Hữu Phương.

Chúng tôi tập hợp các tổ chức sinh viên Việt Nam tại Pháp và các Việt kiều thành một hội duy nhất, lấy tên là hội Liên Hiệp những người Đông Dương tại Pháp (Fédération Des Indochinois de France), với vị chủ tịch đầu tiên là Trần Hữu Phương, cùng các hội sáng lập như Trần Đức Thảo, Phạm Huy Thông, hai anh em Hoàng Xuân Mãn, Hoàng Xuân Nhị (em Hoàng Xuân Hãn).

Số sinh viên tham dự trên 300 người. Những Việt kiều ở Pháp và Ba-Lê trên nguyên tắc đều là hội viên, tuy nhiên chỉ có một số ở Ba-Lê tham gia những sinh hoạt thường xuyên của hội. Nhân danh hội Liên Hiệp những người Đông Dương tại Pháp, chúng tôi ra một bản tuyên ngôn đòi chính phủ Bảo-Hộ Pháp phải trao trả độc lập cho Việt Nam. Sở dĩ chúng tôi quyết định ra tuyên ngôn nói trên, vì vào đầu năm 1945, sau khi quân đồng minh thắng quân Đức, Ba-Lê được giải phóng, có hai sinh viên Việt Nam ký tên vào một bản tuyên ngôn cam kết trung thành với mẫu quốc Pháp. Tôi còn nhớ tên những người Việt Nam ký vào bản tuyên ngôn nhục nhã này, nhưng thiết tưởng không nên nhắc đến làm gì. Tuyên ngôn đòi độc lập của chúng tôi

được dịch ra nhiều thứ tiếng và được phổ biến khắp nước Pháp. Một vài báo ở Pháp và Âu Châu có đề cập đến tuyên ngôn của chúng tôi.

Chính phủ Pháp lập tức bắt giam một số lãnh tụ sinh viên đồng thời cũng là lãnh tụ hội Liên Hiệp những người Đông Dương tại Pháp như các anh Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Hoàng Xuân Nhị, Phạm Huy Thông. Nếu không phải là tu sĩ, được sự che chở của tòa Tổng Giám mục Ba-Lê chắc hẳn tôi đã không thoát khỏi tù tội.

Những sinh viên bắt giam tại khám đường La Santé, nơi đã từng giam giữ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), Nguyễn Thế Truyền, Phan Chu Trinh ngày trước. Với tư cách và bộ áo một tu sĩ, tôi có lý do chính đáng để tham viếng những người bị bắt giam. Do đó anh em trong hội cử tôi giữ nhiệm vụ liên lạc, tiếp tế và giúp đỡ các anh em. Tôi tìm đến bà De Seize nhờ bà tiếp tay, vì tôi biết lúc này thế lực của bà khá lớn. Trước đây bà từng giúp đỡ những tổ chức kháng chiến chống Đức; dĩ nhiên bây giờ nước Pháp đánh đuổi được quân Đức, những nhân vật kháng chiến đang giữ nhiệm vụ quan trọng trong chính quyền Pháp đương thời. Bà De Seize quen biết với vị đại tá giám đốc khám đường La Santé, bà đã dẫn tôi đến giới thiệu thẳng với ông này, với những lời lẽ thành thực và nồng nhiệt. Nếu tôi nhớ không lầm thì hình như ông này tên là Paul Arnoux, từng làm chánh sở mật thám tại Đông Dương dưới thời quan toàn quyền Decoux. Ông có một trí nhớ phi thường. Những phạm nhân quan trọng một lần qua mắt ông đủ để ông nhớ mãi. Sau này để xác nhận Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc chỉ là một, chính quyền Pháp đã nhờ đến ông đi nhìn mặt Hồ Chí Minh. Cái chi tiết làm cho ông Arnoux cam đoan Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Văn Ba, Lão Woong, bác Trần chỉ là một người, là cái tai của họ Hồ.

Điều làm tôi ngạc nhiên lúc đầu là đại tá Arnoux tỏ ra rất cởi mở, niềm nở,

ca ngợi những nhà cách mạng Việt Nam, tỏ ra rất kính phục Trần Đức Thảo. Ông cho hành động ái quốc của sinh viên Việt Nam là đúng, và tỏ ý tiếc rằng vì nhiệm vụ phải giam giữ họ. Bàn về chính trị, ông tỏ ý mong muốn chính phủ Pháp cho thi hành một chính sách thuộc địa tiến bộ và tự do hơn. Ông phê bình một điểm về tình hình chính trị Việt Nam thời bấy giờ, mà cho đến nay, trong tình thế này, tôi thấy vẫn còn khá đúng. Ông nói rằng Việt Nam có nhiều nhân vật ái quốc lỗi lạc như Nguyễn Ái Quốc, Phan Chu Trinh, Trần Đức Thảo, thật xứng đáng được hưởng một nền độc lập thật sự vững chắc, không chỉ có vài nhân vật lỗi lạc, mà là phải có một lớp trí thức đông đảo và một lớp dân chúng trung bình tiến bộ. Ông lo ngại Việt Nam không có lớp người cần thiết đó. Tôi nghĩ một lúc rồi trả lời rằng dưới con mắt của người Pháp thì nhận xét của ông đúng lắm, nhưng quan niệm của người Việt Nam và Á Đông thì khác hơn đôi chút. Cái thước đo sự trưởng thành ý thức của người Pháp và người Việt Nam không giống nhau. Dân Việt Nam không phải vì không biết đọc biết viết và không biết đi bầu mà có thể coi họ như những người dân bán khai mọi rợ. Và lại cần phải tạo những điều kiện trưởng thành dân trí từ từ. Và không một thế lực nào có thể lấy cái có dân Việt Nam chưa hội đủ những tiêu chuẩn trưởng thành dân trí để thay họ cai trị đất nước họ. Nếu như nước Pháp có lòng khai hóa cho dân Việt Nam, thì cứ trao trả độc lập, giúp phương tiện và điều kiện cho dân Việt Nam trưởng thành dần dần để giữ vững nền độc lập đó còn hơn là cứ giữ tiếp tục chính sách bảo hộ mãi.

Sau câu chuyện, đại tá Arnoux cho người dẫn tôi xuống phòng giam Trần Đức Thảo. Quan nhiều hành lang, nhiều lần cửa sắt, tôi được dẫn đến một phòng đợi. Sau hàng cửa sắt, tôi thấy Trần Đức Thảo đứng nhìn ra nháy mắt ra hiệu cho tôi. Thảo nói với lính gác rằng tôi là linh mục tuyên úy của các Việt kiều, và nhân danh nhân quyền, đòi hỏi được nói chuyện trực tiếp với

tôi về chuyện linh hồn. Thảo phản đối việc phải nói chuyện với một linh mục tuyên úy qua lưới sắt. Lính gác lên phòng giám đốc xin lệnh rồi trở xuống cho phép tôi và Trần Đức Thảo nói chuyện thẳng với nhau trong phòng đợi. Tôi trao cho Thảo ít quần áo, đồ ăn và những tin tức thời sự. Vụ bắt bớ này làm cho hội Liên Hiệp những người Đông Dương tại Pháp tan rã. Vì thế vào mùa đông năm 1945, khi nhận được một bản tuyên ngôn của năm Giám mục Việt Nam đòi hỏi nước Pháp phải trao trả độc lập cho Việt Nam, chúng ta dựng lên một tổ chức mới lấy danh hiệu là Hội những người Công giáo Việt Nam tại Pháp (Association des catholiques Vietnamiens de France) để có danh nghĩa và lý do phổ biến cái tuyên ngôn hay thông điệp này. Chúng tôi cho dịch và in thông điệp, rồi nhờ những hội Hướng Đạo Pháp phổ biến đến nhiều thành phố lớn khắp nước Pháp. Một số lãnh tụ của Hội lại bị mật vụ Pháp bắt giam, trong đó tôi nhớ rõ nhất là anh Nguyễn Hy Hiền. Nhưng lần này nhờ sự can thiệp của tòa Tổng Giám Mục Ba-Lê và giới Công giáo Pháp đang có nhiều ảnh hưởng trong chính quyền thời bấy giờ, các anh em được trả tự do nhanh chóng. Bản thông điệp ký tên các Giám mục Lê Hữu Từ, Nguyễn Bá Tòng, có những lời lẽ ôn hòa, nhưng rắn rỏi, có lẽ làm cho Pháp lo ngại hơn những lời chỉ trích, chửi bới. Mặc dầu gặp khó khăn, chúng ta quyết định triệu tập một đại hội những Việt kiều tại Pháp để phổ biến thông điệp. Ông Trương Công Cừu lúc đó lo phần tổ chức. Tôi thì đi liên lạc với một số chính khách, nhân sĩ Pháp có khuynh hướng tiến bộ như dân biểu Boutoien, bạn thân của Hồ Chí Minh, linh mục Chaillet, chủ nhiệm tạp chí Le Témoignage Chretien.

Lúc đến tiếp xúc với cha Chaillet để mời ông thuyết trình trong đại hội, cha Chaillet đã cho tôi xem một vài tài liệu chứng minh rằng phong trào Việt Minh hiện đang bị chi phối bởi Cộng sản và những lãnh tụ Việt Minh phản động là những đảng viên cộng sản cốt cán. Theo tài liệu này, đảng Cộng sản

Quốc tế và Pháp chỉ thị cho các đảng viên tích cực yểm trợ cho phong trào Việt Minh. Cha Chaillet cũng trưng ra những bằng chứng về những lãnh tụ Việt Minh như Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp là những đảng viên cộng sản lâu năm và đang hành động theo kế hoạch chung của cộng sản quốc tế. Cha Chaillet hỏi tôi khi đã biết việc này tôi còn quyết định đòi độc lập nữa không.

Tôi không ngần ngại trả lời rằng chúng tôi tuy không biết tường tận, nhưng cũng đoán được phong trào Việt Minh do cộng sản chi phối. Nhưng đa số dân Việt Nam thì tin tưởng phong trào Việt Minh là một phong trào cách mạng ái quốc và tách riêng việc đòi độc lập cho Việt Nam, dù do ai chủ xướng, cũng là một hành động xứng đáng. Người công giáo Việt Nam có thể không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, nhưng lại ở cái thế bắt buộc phải ủng hộ việc đòi hỏi độc lập cho đất nước mình. Công giáo Việt Nam đã mang tiếng là rước Pháp vào, là theo Pháp phản quốc; nay cách biện hộ tốt nhất là phải cùng với toàn dân Việt Nam đòi hỏi độc lập. Hơn nữa người công giáo Việt Nam là những công dân Việt Nam, phải làm những nghĩa vụ công dân cạnh những nghĩa vụ tín đồ công giáo.

Cha Chaillet gật gù, đồng ý thuyết trình trong đại hội. Tôi không nhớ hết nội dung bài thuyết trình của cha Chaillet. Nhưng đại cương, cha nói rằng theo đà tiến bộ và tiến hóa của nhân loại, đến lúc những quốc gia nhược tiểu đảm trách sứ mạng cai trị đất nước họ và những quốc gia văn minh thì có trách nhiệm phải tạo những điều kiện và phương tiện thuận lợi để những quốc gia nhược tiểu cựu thuộc địa trở thành những quốc gia độc lập thân hữu trong một cộng đồng thế giới hòa bình. Đại hội đã nồng nhiệt tán dương bài thuyết trình của cha Chaillet.

Sau đại hội, Tổng Giám Mục Ba-Lê cho mời tôi lên. Tôi được gặp linh mục tổng thư ký tòa Tổng Giám Mục. Vị này cho tôi xem một tuyên ngôn ký tên

50 tu sĩ Việt Nam cam kết trung thành với nước Pháp, cùng những tài liệu chứng minh phong trào Việt Minh do cộng sản chi phối. Tôi hỏi lại vị linh mục này rằng cha có nghĩ là 50 linh mục ký tên vào cái tuyên ngôn kỳ cục kia có đủ tư cách đại diện cho hơn triệu giáo dân Việt Nam hay không, nhất là trên phương diện chính trị. Vị linh mục làm một cử chỉ có thể coi như lỗi trả lời không biết. Tôi còn nêu nghi vấn là có thể số tên các tu sĩ ghi dưới tuyên ngôn kia không có sự đồng ý của các tu sĩ đó, một số những chữ ký có thể là giả mạo. Hơn nữa hiện nay có trên 1500 linh mục Việt Nam, hàng ngũ giáo phẩm Việt Nam chưa hề có một thứ đại hội nào đề cử 50 linh mục kia đứng ra lên tiếng thay thế cho họ. Tôi cũng nêu tên những vị linh mục nhiều uy tín mà tôi biết, không hề có tên trong bản tuyên ngôn đó. Vị linh mục tổng thư ký tòa Tổng Giám Mục Ba-Lê tỏ ra thông cảm và cho biết rằng ông sẽ không phổ biến rộng bản tuyên ngôn này, và khuyên tôi dù sao cần thận trọng trong các hoạt động liên quan đến chính trị.

Trong những trang vừa qua, tôi phải viết về cái tôi rất nhiều, không phải vì tôi muốn được chú ý, được ca tụng, quan trọng hóa cá nhân mình. Nhưng chỉ vì tôi muốn trình bày rằng nhờ những hoàn cảnh và cơ hội đặc biệt, tôi đã có dịp tiếp xúc, kết thân, đôi lúc cộng tác với những nhân vật chính trị sau này sẽ làm thay đổi tình thế Việt Nam, đóng góp vào việc làm nên lịch sử Việt Nam.

Ba-Lê thời bấy giờ không những chỉ là thủ đô nước Pháp mà còn là thủ đô đế quốc Pháp, là nơi tập trung và gặp gỡ những nhà cách mạng sau này sẽ làm sụp đổ đế quốc thực dân Pháp. Thời bấy giờ phần lớn những nhân vật đó đang hoạt động trong bóng tối, đang ở giai đoạn qui tụ lực lượng, chiêu hiền đãi sĩ và do đó họ sẵn sàng kết thân với mọi người Việt Nam có chút học vấn và tài năng. Gặp gỡ họ, tìm đến với họ và đôi lúc giúp đỡ họ không phải là chuyện khó. Hơn nữa những người Việt Nam ở Ba-Lê lúc đó ít nhiều

ở trong tình trạng khốn quẫn, bị theo dõi, bị bắt bớ và do đó rất dễ có thiện cảm với nhau, rất dễ thương yêu đùm bọc nhau.

Bấy nhiêu hoàn cảnh, điều kiện đặc biệt đó đã giúp tôi chứng kiến hoặc tham dự vào nhiều biến cố trọng đại sau này, chuẩn bị cho tôi bước vào cái chỗ đứng mà tôi phải chiếm giữ sau này bên cạnh những nhân vật lịch sử Việt Nam.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 3 -

Hy vọng và tình mộng của người Việt Nam ở Pháp

Tôi còn nhớ rõ ngày hôm đó, ngày lễ thánh Louis 25-8-1944. Hôm trước vài toán quân đồng minh đã lẻ tẻ tiến vào thành phố Ba-Lê và tàn quân Đức đã rút khỏi Ba-Lê. Vị tướng Đức chỉ huy quân khu Ba-Lê hình như không muốn giao tranh để tránh cho Ba-Lê khỏi bị tàn phá. Những toán quân kháng chiến Pháp bắt đầu nổi lên, săn đuổi những đám tàn quân Đức khắp các ngõ đường. Khu tôi ở, Institut Catholique tương đối yên tĩnh. Nhưng tiếng súng nhỏ từ xa vọng lại, các cha, các thầy từng toán vài người tụm lại bàn tán, kháo tin. Tất cả đều lạc quan. Từ lúc biết được quân đồng minh đã bỏ bộ lên Normandie, chúng ta biết chắc sớm muộn quân Đức cũng bại trận. Điều lo lắng nhất của mọi người là quân Đức phòng thủ Ba-Lê sẽ không chịu rút êm và sẽ chiến đấu liều lĩnh, quân đồng minh bắt buộc phải dùng những phương tiện lớn, như họ đã quen dùng ở nhiều nơi. Như vậy thành

phổ lịch sử này, với bao nhiêu di tích lịch sử vô giá, sẽ thành tro bụi.

Nhưng rồi một chuyện bất ngờ đã xảy ra. Sáng sớm ngày 25-8-1944, đài phát thanh của lực lượng giải phóng do tướng De Gaulle lãnh đạo loan tin đoàn quân thiết giáp Pháp, do tướng Leclerc cầm đầu, sẽ tiếp thu Ba-Lê. Lộ trình đoàn quân giải phóng Pháp không được loan báo vì lý do an ninh.

Nhưng ai cũng đoán được những con đường lớn mà đoàn quân thiết giáp của tướng Leclerc sẽ đi qua. Chẳng hạn khu Arc de triomphe, Champs Élysée, Nhà Ga chính v.v...

Chẳng hiểu nhờ một nguồn tin đặc biệt nào, các cha các thầy ở Institut Catholique biết rằng đoàn thiết giáp của tướng Leclerc sẽ vào cửa Porte D'Orléans. Tôi là một trong số những người hăng hái đến đứng chờ ở đó. Sự chen lấn làm tôi lùi lại phía sau đám đông. Tôi nhớ rõ, đang tìm chỗ cao để nhìn đoàn thiết giáp cầm đầy những lá cờ Pháp những bó hoa của dân chúng Pháp ném mừng, thì một người quen hốt hoảng chạy lại lôi tôi lên hàng đầu. Đám đông dạt ra người nhường lối cho tôi qua, khi người lôi tôi đi hét to: “Tránh đường, tránh đường, cha đi xứ dầu”. Lúc đó tôi mới hiểu vì sao tôi được lôi ra hàng đầu. Hình ảnh mà tôi ghi nhận được khi bước ra khỏi rừng người là đoàn thiết giáp của tướng Leclerc đã đi chậm lại. Tôi chợt hiểu nguyên nhân khi nhìn vào lề đường và mặt đường.

Một bà phước đã chồm lên hôn một binh sĩ trên thiết giáp lúc chiếc thiết giáp đang di chuyển với tốc độ tuy không nhanh lắm, nhưng cũng khoảng 10 cây số giờ. Bà đã bị kéo ngã, bánh xích sắt của thiết giáp đã nghiền lên bà, tôi mừng tượng cảm thấy rằng ánh mắt bà phước còn long lanh, nhấp nháy, má bà còn ấm khi tôi đặt tay lên đó. Tôi làm phép xứ dầu thánh và cầu nguyện ngăn ngừa cho bà.

Tai nạn này làm tôi bùi ngùi. Sao mới vui đó, hơn hờ đó, mà nay đã nhắm mắt. Trong khu vực quanh xác bà phước, những tiếng reo hò yếu đi đôi chút.

Trên mặt đường, vũng máu còn đọng lại. Đoàn thiết giáp chuyển bánh về hướng Ga chính, với tốc độ chậm mà đều. Từ năm năm nay, đây là lần đầu tiên tôi cùng dân chúng Pháp được thấy hình ảnh sức mạnh của nước Pháp. Tôi cũng chung nỗi hân hoan với dân chúng Pháp. Nhưng rồi tôi chợt nghĩ sức mạnh này có thể dày xéo lên dân tộc tôi và tôi đã cúi mặt một lúc. Cuộc vui không còn vui được đối với tôi, và tôi đã bỏ về trước đám đông tản mác, trong lúc đoàn thiết giáp của tướng Leclerc vẫn còn kéo dài, những tiếng reo hò vẫn vang dội, những bó hoa vẫn được tung lên ngập đường.

Tôi bắt đầu suy nghĩ nhiều hơn, suy nghĩ nhiều chuyện. Tôi thoáng nhớ đến những cuộc khởi nghĩa trong và sau thế chiến. Và kết quả của nó như thế nào thì mọi người đã biết. Ban nhiều người Việt Nam thất bại và bị lưu đày thì lịch sử đã ghi. Tôi cũng đã biết được hiện nay ở nước nhà đang có một phong trào khởi nghĩa nhen nhúm, chưa biết do ai cầm đầu và có khả năng, đường lối như thế nào.

Nhưng tôi lo sợ cho họ, cho dân tộc mình. Dù đã bại trận, nhưng sức mạnh quân sự của nước Pháp cũng còn thừa để bẹp mọi cuộc nổi loạn của dân tộc Việt Nam.

Trong các Việt kiều và sinh viên Việt Nam tại Pháp những người lúc bấy giờ tin tưởng rằng sau chiến thắng nước Pháp sẽ có một chính sách cởi mở hơn đối với các thuộc địa.

Họ dựa vào bài diễn văn của tướng De Gaulle đọc tại Brazzaville 30-1-1944. Lúc tôi có vẻ ngờ vực điều đó, một vài người ca tụng De Gaulle nồng nhiệt, cam đoan rằng tướng De Gaulle là người khôn ngoan, sáng suốt đã từng chịu cái khổ nhục của một kẻ mất nước, chiến đấu để giải phóng tổ quốc mình, ắt hẳn sẽ thông cảm được những đòi hỏi độc lập của dân tộc Việt Nam.

Họ trích đọc nguyên văn cho tôi nghe vài đoạn hứa hẹn quan trọng trong bài diễn văn đó. Chẳng hạn cái đoạn nói rằng nước Pháp có nhiệm vụ phải làm

cách nào để các dân tộc tại các lãnh thổ thuộc địa tiến bộ dần đến trình độ có thể tự quản trị. Lại có đoạn chỉ thị cho các quan toàn quyền và Cao ủy các lãnh thổ Pháp quốc hải ngoại phải nghiên cứu và áp dụng những cải tổ cần thiết thích hợp với tình thế mới và nếu cần không do dự trong việc cải tổ cơ cấu cai trị.

Tôi cũng rất muốn hy vọng như họ. Nhưng tôi hiểu rõ người Pháp và nước Pháp hơn họ. Người Pháp có thể nói là rất tốt, rất hồn nhiên, cởi mở dân chủ văn minh.

Nhưng đối với các nước nhược tiểu thì nước Pháp có chính sách riêng của nó, chính sách mà nhiều người Pháp có thể không đồng ý, nhưng vẫn được thi hành.

Nước Pháp đã được giải phóng nhanh chóng. Quân Đức phòng thủ Ba-Lê đầu hàng mà không chiến đấu. Thành phố Ba-Lê không bị tan nát vì bom đạn trong lúc giao tranh.

Các di tích I-sa Ba-Lê vẫn được bảo toàn. Có tin đồn rằng sở dĩ Ba-Lê tránh được cảnh điêu tàn là nhờ sự trung gian của một bậc thẩm quyền trong Giáo hội. Cho đến nay điều này vẫn còn là bí mật lịch sử. Không ai hiểu được tại sao. Hình như Đức Tổng Giám Mục thành Ba-Lê đóng một vai trò quan trọng trong vụ này. Cho nên sau khi Ba-Lê được giải phóng, mặc dù nhiều người chỉ trích ngài đã theo chính phủ Vichy và Đức, tướng De Gaulle triệt để ra lệnh tôn trọng ngài, và một chủ nhật tướng De Gaulle đã dự lễ do ngài hành lễ.

Thực ra cho đến nay không ai hiểu nguyên nhân nào đã xui tướng Đức Von Choltitz đầu hàng một cách dễ dàng mà không chiến đấu.

Lịch sử chỉ ghi rằng tướng Choltitz đã đầu hàng sau một cuộc thương thuyết mau chóng với ông Nordling, đại sứ Thụy Sĩ mà chưa chiến đấu và chưa gây cho Ba-Lê một cảnh tàn phá nào.

Những cuộc vui của dân chúng Pháp những ngày sau chiến thắng càng làm cho tôi buồn ngủi.

Nước Pháp chỉ bị chiếm đóng vài năm. Nước Việt Nam tôi đã bị nô lệ mấy chục năm. Nếu được độc lập dân tộc Việt Nam vui sướng đến mực nào. Tôi không bao giờ quên được điều mơ ước đó. Thực ra cái mơ ước cho Việt Nam được độc lập, tự do và tiến bộ đã làm tôi phải bỏ dở luận án tiến sĩ. Tôi không ân hận gì lắm, mặc dầu đôi lúc hơi tiếc. Nghĩ cho cùng thì lấy thêm vài bằng cấp không chắc gì đã có ích cho tôi, cho sự hiểu biết của tôi bằng những hoạt động chung với anh em sinh viên Việt Nam và các Việt kiều ở Pháp. Tôi hiểu tôi là một linh mục, nhưng là một linh mục Việt Nam. Tôi có bổn phận với Chúa, với Giáo hội nhưng tôi cũng có bổn phận với tổ quốc, với dân tộc.

Tuy ngờ vực sự thành tâm của Pháp trong những hứa hẹn thi hành một chính sách cởi mở và tiến bộ đối với các thuộc địa, tôi vẫn chưa tắt hy vọng, vẫn chờ một phép lạ, và vẫn muốn nghĩ rằng những hoạt động của anh em sinh viên và Việt kiều, góp thêm vào những cuộc đấu tranh tại nước nhà sẽ giúp ích cho việc tranh thủ độc lập.

Cho nên tôi vẫn tiếp tục qua lại với các tổ chức sinh viên và Việt kiều như trước. Mọi người đều nuôi một ý thức khẩn trương và hăng hái hoạt động, có điều họ không nắm rõ chiều hướng hoạt động. Chỉ có một việc làm cụ thể nhất mà chúng tôi cố gắng là tập hợp, liên kết và tổ chức những sinh viên và Việt kiều trong khu vực Ba-Lê, hy vọng gây được một thanh thế.

Những hoạt động của tôi và các sinh viên Việt kiều tại khu Ba-Lê trong thời gian này thì có nhiều người biết, nên tôi thiết tưởng không nhắc đến nhiều làm gì.

Tôi chỉ xin kể lại một vài câu chuyện mà tôi cho là có ý nghĩa đặc biệt đã ghi

đậm hơn vào trí nhớ tôi. Chẳng hạn mấy lần gặp gỡ với cựu hoàng đế Duy Tân, tức là thái tử Vĩnh San.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 4 -

Vua Duy Tân và Phong Trào “Cờ Tự Trị” tại Pháp

Tôi đứng lên, mở cửa. Trước ngưỡng cửa hiện ra một người đàn ông Việt Nam khoảng 40 hay 45 tuổi, cao lớn, hơi gầy, tai lớn, khoác chiếc áo lạnh dày, khuôn mặt ông hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tôi cố moi trong trí nhớ xem có người quen biết nào lâu năm không gặp lại, nay đến tìm tôi, nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy một nét quen thuộc nào. Tôi nhìn người đàn ông lạ chờ đợi. Ông ta chậm chạp cởi chiếc áo khoác, máng lên móc. Bấy giờ tôi thấy bên trong, ông mặc quân phục Pháp, mang cấp bậc chuẩn úy bộ binh Pháp. Sau này nước Pháp được giải phóng, những người lính Việt Nam mang cấp bậc sĩ quan Pháp khá nhiều. Cho nên quân phục và cấp bậc không làm cho tôi nhớ lại điều gì.

Có thể đây là một người vừa từ các trại tù binh Đức được giải thoát. Có thể từ đoàn quân thuộc địa Pháp được đem vào giải phóng mẫu quốc.

Người đàn ông lạ tự giới thiệu:

- Thưa cha, tôi là Vĩnh San.

Tôi lẩm bẩm, và trong đầu óc cố moi móc ra những cái tên Hoàng phái:

- Vĩnh San... Vĩnh San...

- Xin lỗi ngài, trong Hoàng phái có quá nhiều chi, nào là Bửu, Vĩnh... nên tôi không nhớ...

Người tự xưng là Vĩnh San mỉm cười:

- Thưa cha, có lẽ nếu tôi nói đến một cái tên thứ hai của tôi thì cha sẽ nhớ lại được. Thưa cha, ngày xưa tôi là hoàng đế Duy Tân.

Tôi giật mình, nhìn người đàn ông hơi kỳ hơn, rồi do lòng kính phục tự nhiên mà bao nhiêu năm ôm ấp huyền thoại về một vị vua trẻ tuổi, anh hùng đã tạo ra, tôi quì phục xuống theo nghi lễ triều yết:

- Hân hạnh được ra mắt ngài.

Nhưng cựu hoàng Duy Tân, hay Thái tử Vĩnh San vội vàng đỡ tôi dậy, cười tươi tắn, và kéo tôi vào ghế ngồi đối diện nhau:

- Xin cha đừng nhắc nhiều đến chuyện cũ. Tôi đến đây chính ra để thưa với cha những chuyện hiện tại, nhờ cha giúp cho về vài chuyện hiện tại.

- Nếu có thể giúp được việc gì tôi xin sẵn sàng, nhưng xin hỏi ngài một câu: làm sao ngài biết tôi, biết địa chỉ tôi mà đến tìm?

- Cha khiêm tốn quá không để ý đó thôi. Danh tiếng cha trong giới Việt kiều ở hải ngoại đâu cũng biết. Khi đến Ba-Lê, đã có người giới thiệu với tôi rằng nếu muốn đi vào giới Việt kiều ở đây, thì hãy tìm gặp cha Cao Văn Luận.

Tôi tìm gặp cha cũng vì chuyện đó.

- Xin lỗi ngài, cho tôi hỏi thêm một câu để thỏa tính tò mò: hiện nay tình trạng của ngài ra sao?

Cựu hoàng Duy Tân châm thuốc hút, nhìn mơ màng trả lời:

- Bây giờ thì như cha thấy, tôi là một chuẩn úy trong quân đội Pháp. Ngay sau lúc nghe tin tướng De Gaulle lập lực lượng kháng chiến FFI (Forcés France caises de l'Intérieur) tôi đang bị giam ở đảo La Réunion lập tức xin gặp quan toàn quyền Pháp ở đó, và yêu cầu được gia nhập lực lượng kháng chiến chống quốc xã Đức và họ cho tôi đến Madagascar. LỜI yêu cầu của tôi

được thỏa mãn. Có lẽ vì họ muốn dùng tôi để lôi cuốn mấy ngàn Việt kiều ở Madagascar và dân Việt Nam ở nước nhà về phe kháng chiến chống Đức.

Tôi được mang cấp bậc chuẩn úy, như ngài thấy. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta giúp nước Pháp trong hoạn nạn, hay ít ra tỏ lòng hào hiệp với nước Pháp trong lúc đó, thì có thể gây cho họ sự kính nể đối với ta, về sau họ phải nghĩ lại nhiều hơn khi tái chiếm Đông Pháp.

- Có thể hành động của ngài đúng nhưng chuyện về sau chưa biết thế nào.

- Đành vậy. Chuyện về sau thì bây giờ tôi đang lo đây. Lúc rời Madagascar, các Việt kiều, các sinh viên Việt Nam du học ở Pháp thì không có cách nào hay hơn là tìm gặp cha. Cha rất được kính nể và quen biết rất nhiều trong giới Việt kiều ở đây

Tôi có phần cảm động vì sự tin tưởng của các Việt kiều, cũng như của Cựu hoàng Duy Tân, tôi thú nhận là từ khi sang Ba-Lê, một phần lớn thì giờ của tôi đã được dành để tiếp xúc, sinh hoạt, hoạt động với các anh em sinh viên Việt Nam du học, các Việt kiều, các lính thợ ở lại Pháp sau đệ nhị thế chiến. Những Việt kiều tại Ba-Lê, tôi đã tụ tập họ vào một hội Việt kiều công giáo Ba-Lê, và sau này trở thành giáo xứ Việt Nam tại Ba-Lê. Tôi không hiểu được tư tưởng, mưu định của nhà vua. Trong câu chuyện trao đổi đêm hôm vua Duy Tân chỉ nói những chi tiết, những giai thoại về đời sống ở Madagascar. Tôi cũng chưa dám hỏi kỹ lưỡng, vì nghĩ rằng nếu người ta muốn nói thì không cần hỏi cũng nói, nếu muốn dấu thì hỏi họ lại càng dấu kín.

Câu chuyện trở lại việc vua Duy Tân muốn tiếp xúc với các Việt kiều, các đoàn thể Việt Nam ở Pháp. Tôi thưa với ngài:

- Chuyện đó thì tôi có thể giúp ngài được. Tôi xin đề nghị là ngài nên tìm một cơ hội gặp chung một số sinh viên, trí thức ưu tú trước, sau đó tùy nhận xét của ngài, tùy mỗi thiện cảm của ngài gây ra được, ngài sẽ tiếp xúc riêng

với từng người thì tiện hơn.

Vua Duy Tân gật gù, tán đồng ý kiến đó:

- Mọi việc xin nhờ cha thu xếp.

Tôi hỏi địa chỉ ông ta và hẹn một tuần sau sẽ mời ông đến tham dự một buổi tiếp tân khiêm tốn do các hội đoàn Việt kiều tổ chức để đón mừng ông. Tiễn ông vua cũ mà tôi chỉ nhớ qua những huyền thoại, ra khỏi cửa, lòng tôi bồi ngùi thương nhớ. Cuộc nổi loạn của vua Duy Tân tuy thất bại, nhưng tiếng vang đã thức tỉnh dân chúng Việt Nam, đã nuôi dưỡng được ý chí quật cường của dân tộc trong bấy lâu nay. Trong lần gặp gỡ này, tôi chưa hiểu được vua Duy Tân có còn là vị vua anh hùng ngày xưa, dám đem ngai vàng thách đố với một cuộc phiêu lưu vô vọng.

Tôi chỉ ghi nhớ một việc khá rõ trong câu chuyện đêm hôm đó: vua Duy Tân muốn trở lại hoạt động chính trị. Theo chiều hướng nào thì tôi chưa được biết. Nhưng tôi nghĩ cái chí nguyện đó rất đáng kính phục và giúp đỡ.

Mỗi người phải được một cơ hội để làm lại, để đem những khôn ngoan, kinh nghiệm học được trong thất bại, trong gian khổ, thử thách một lần nữa. Vì những ý nghĩ như vậy, tôi khá hăng hái lo việc tập hợp các sinh viên trí thức Việt Nam tại Ba-Lê và các Việt kiều ưu tú.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 5 -

Những bí ẩn từ “Lon” chuẩn ụy đến “lon” đại tá của ông vua cách mạng

Tôi kể chuyện lại với bạn Trần Hữu Phương, Trương Công Cừu và các anh em trong hội L'Amicale Des Annamites de France. Tất cả đồng ý tổ chức tại trụ sở của hội một buổi tiếp tân đơn giản chào mừng cựu hoàng Duy Tân. Việc thu xếp, chuẩn bị chẳng có gì đáng nói. Chúng tôi thông báo rí tai cho nhau, và đến ngày đó, khoảng 30 người có mặt tại trụ sở. Một một người được đề cử liên lạc với vua Duy Tân và hẹn giờ, ngày địa điểm, đón ngài đến hội.

Khi hay tin vua Duy Tân đã đến Ba-Lê và muốn gặp anh em, nhiều người có vẻ hồi hộp, hy vọng, dựng lên khá nhiều giấc mộng. Nhưng cũng có một số nhún vai: cái gì đã qua nên cho nó qua luôn, kể cả những triều đại vua chúa. Nhưng tất cả cũng vui vẻ muốn gặp lại vua Duy Tân ít ra là vì cảm phục, tò mò, nếu không phải là vì hy vọng vào tương lai.

Tôi nghĩ rằng cần phải giúp cho mọi người một cơ hội, cho nên ngoài việc triệu tập cuộc họp mặt giới hạn tại trụ sở hội L'Amicale Des Annamites de France tôi còn loan truyền tin vua Duy Tân đến Ba-Lê trong giới Việt kiều ở Pháp. Tôi phải nhìn nhận là huyền thoại về vua Duy Tân vẫn còn đẹp lắm, vẫn còn được nhiều người say mê.

Trong câu chuyện, tôi thoáng nghe các Việt kiều kể lại với nhau cảm tưởng của họ, lòng kính phục của họ về cuộc khởi nghĩa thất bại, và sự thương xót của họ về số phận tù đầy của nhà vua. Có lúc tôi cũng như một vài anh em lạc quan và mơ mộng, ước mong rằng cái tên vua Duy Tân, uy tín và danh tiếng của ngài có khả năng tập hợp được những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, ở hải ngoại và tại nước nhà.

Lúc bấy giờ tôi đã phong phanh nghe tin về những hoạt động của đảng Cộng sản Đông Dương, về những tên tuổi vang rền như Tôn Đức Thắng, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Lương Bằng. Một chế độ quân chủ lập hiến tiên bộ sẽ bảo

đảm cho Việt Nam không trôi vào một chế độ Cộng sản, mà với tư cách người Công giáo tôi không thể chấp nhận được. Tôi hy vọng thật mong manh. Mấy mươi năm tù đầy, sống dưới sự kiểm tỏa của Pháp, không biết tâm tính của vua Duy Tân có thay đổi gì không. Không có gì bảo đảm rằng vị vua trẻ tuổi dám đề xướng cách mạng, dám hy sinh ngai vàng hồi còn là cậu thanh niên 16 tuổi, vẫn còn sống trong người đàn ông trên 40 tuổi, mang cấp bậc chuẩn úy trong quân đội Pháp.

Nhưng tôi không lúc nào hối hận hay do dự trong việc giúp đỡ vua Duy Tân, vì theo tôi sự giúp đỡ không có tính cách ràng buộc và dấn thân mà chỉ có giá trị đưa ra một cơ hội, với nhiều chọn lựa. Nếu sự chọn lựa về sau của nhà vua không phù hợp với ý hướng, mong ước của tôi, thì tôi vẫn có thể rút lui, và chỉ làm nhân chứng mà thôi.

Tôi thoáng hiểu rằng vua Duy Tân muốn dựa vào nước Pháp. Điều đó có thể là một cái thế bắt buộc đối với Việt Nam và Đông Pháp. Nước Pháp không thể nào để mất Đông Pháp. Việc thu xếp với nước Pháp cho Việt Nam có một chỗ đứng thích hợp, xứng đáng là điều cần thiết, miễn là chỗ đứng không quá thiệt thòi nhục nhã và giữ vẹn những khả năng, những cơ hội để tiến bộ, dành thêm những chủ quyền quốc gia.

Tôi suy nghĩ cũng khá nhiều về tương lai, về số phận đất nước và nhất là về những đe dọa đè nặng lên số phận đó trong lịch sử những phong trào khởi nghĩa. Khuôn mặt một minh chủ rất cần thiết, đó là điều dĩ nhiên. Nhưng ai sẽ là minh chủ xứng đáng để qui tụ quần thần, tả hữu, toàn dân.

Trong giới khuynh tả, Cộng sản, hình như một thứ minh chủ đã bắt đầu xuất hiện, một cụ già thường được gọi là Bác, một con người bí mật mà mỗi khi nói đến nhiều người dù bất đồng chính kiến cũng phải cảm phục. Nhưng trong giới người Việt Nam yêu nước, khuynh hữu, bảo hoàng, thì chưa có một vóc dáng minh chủ nào hiện rõ. Có ba vị vua đôi lúc được nhắc đến Bảo

Đại, Hàm Nghi, Duy Tân.

Đến buổi tiếp tân, anh em sinh viên và Việt kiều đến đủ trước giờ. Vua Duy Tân đến, tươi cười bắt tay mọi người. Một số như Phạm Huy Thông, Võ Văn Thái, Trần Hữu Chương, Trần Đức Thảo xúm lại hỏi về quá khứ.

Cựu Hoàng lắc đầu, vẻ mặt trầm ngâm, như thẹn thùng, như đau xót:

- Xin các anh em hãy cho những việc đã qua được đi qua luôn. Chúng ta nên nói những chuyện hiện tại. Bây giờ chúng ta nên làm gì?

Các anh em chờ đợi. Vua Duy Tân ngừng một phút, cho mọi người chăm chú hơn rồi nói tiếp:

- Quân Đồng Minh sẽ thắng ở Thái Bình Dương. Phát xít Nhật sẽ bại trận ở Á châu, cũng như Đức Ý đã bại trận ở Âu châu. Và nước Pháp với binh hùng tướng mạnh sẽ trở lại Việt Nam. Chúng ta cần phải chọn lựa một thái độ. Chống Pháp hay thân Pháp. Hiện nay tại nước nhà một phong trào Cộng sản đang nổi lên, liên kết với phong trào Cộng sản quốc tế. Chúng ta lại phải cân hợp tác với Pháp để chống lại phong trào Cộng sản. Chúng ta vẫn đòi độc lập, tuy nhiên cũng đành chấp nhận một số những điều kiện của người Pháp.

Một người thắc mắc hỏi thêm:

- Thưa ông...

Mọi người vẫn gọi vua Duy Tân là ông, và đó là ý muốn của ông, ông không muốn được gọi là Đức Vua hay Hoàng đế bệ hạ chi cả. Vậy một người hỏi:

- Thưa ông, hợp tác với Pháp cũng được, nhưng hợp tác như thế nào? Theo cương vị nào?

Vua Duy Tân do dự một lúc. Nét mặt ông có vẻ băn khoăn, rồi cuối cùng nhà vua trả lời:

- Người Pháp đang cần sự hợp tác của chúng ta để tái chiếm Đông Pháp. Họ có thể chấp nhận cho ta thành một quốc gia tự trị trong liên hiệp Pháp.

Thiết tưởng điều đó cũng không trái với quyền lợi quốc gia. Dần dà chúng ta đòi thêm quyền hành về cho chúng ta. Trước binh lực hùng hậu của Pháp, và hậu thuẫn của đồng minh Tây phương. Chúng ta biết làm gì hơn? Chống Pháp. Chúng ta đã thấy những tấm gương chống Pháp, và tôi đây là nạn nhân của một lối chống Pháp nóng nảy vụng về. Rồi đất nước chúng ta sẽ phải chịu một cảnh chiến tranh tàn khốc mà kết quả chưa biết là thắng hay bại.

Nhiều người vẫn chưa hài lòng về những câu trả lời của vua Duy Tân; nhưng phần lớn e ngại không muốn bộc lộ. Bữa tiệc trà kết thúc, và có thể nói mọi người ra về với cả băn khoăn. Tôi có phần thất vọng. Ở vua Duy Tân, tôi không thấy tài năng hay đức độ. Tuy nhiên trước con người dày dạn, da sạm đen, tai rộng, mặt nở nang tôi thấy kính nể vài phần.

Trước khi chia tay, tất cả mọi người đứng chung chụp vài tấm hình kỷ niệm. Có lẽ ngày nay không còn ai có một bức hình này, vì có một lúc mọi người tự coi là ở cái thế bắt buộc phải chối mọi liên hệ với vua Duy Tân. Điều này tôi xin kể sau.

Khoảng hơn hai tuần, có lẽ vào cuối năm 1944, vua Duy Tân trở lại gặp tôi và các anh em Việt kiều, sinh viên. Lần này, tôi thấy ông thay đổi nhiều. Trước hết là y phục. Ông mặc quân phục sang trọng, đúng một thẳng nếp và lại là loại quân phục đạo phủ. Ở cầu vai ông mang có cấp hiệu Đại tá bộ binh Pháp. Tôi linh cảm như có một sự thay đổi trọng đại hơn ở vua Duy Tân, trọng đại gấp mấy lần sự thay đổi hình thức y phục.

Vua Duy Tân cho biết rằng, ông được người Pháp giúp đỡ thành lập một đạo quân toàn người Việt Nam, với mục đích sẽ đi tiên phong trong cuộc hành quân tái chiếm Đông Pháp. Hiện nay đạo quân này do ông cầm đầu, và tuyển mộ được một tiểu đoàn. Tiểu đoàn này được đem sang đóng ở Constance, bên Đức.

Phần lớn quân số tiểu đoàn này là những lính thợ, lính khổ đỏ, và một số ít người Việt Nam gia nhập kháng chiến ở Madagascar và các thuộc địa khác. Tôi bắt đầu thấy rõ mưu mô của người Pháp. Họ muốn dùng vua Duy Tân như một lá bài. Chính vua Duy Tân biết điều đó, nhưng lại chấp nhận hợp tác với người Pháp.

Pháp đã đề lộ ý định chia Việt Nam làm ba quốc gia tự trị trá hình, riêng biệt: Nam Việt, hay Cochinchine, thành một vương quốc do vua Duy Tân cai trị. Trung Việt, hay Annam, sẽ trao cho Bảo Đại, và hình như miền Bắc, thì do áp lực của Mỹ, Pháp phải dành cho các đảng phái cách mạng. Tôi không được biết lúc bấy giờ người Pháp có nghĩ đến chuyện giao miền Bắc cho Hồ Chí Minh hay không.

Vua Duy Tân đề xướng ra phong trào cờ Tự Trị, dự định tổ chức các Việt kiều ở Pháp thiện cảm với ông thành một đảng. Tôi thấy quá rõ là nỗ lực của ông sẽ thất bại, se không qui tụ được bao nhiêu người. Những thành phần ưu tú thấy ông đã quá dễ dãi với Pháp, bắt đầu xa lánh ông.

Tuy nhiên cái huyền thoại ngày xưa của ông cũng lôi cuốn được một số nhỏ, phần lớn là lớp lính thợ, lính khổ đỏ hay Việt kiều gốc lính thợ ở lại lập nghiệp trên đất Pháp.

Tôi cũng xin kể ra cái tình trạng của các Việt kiều ở Pháp trong thời gian này, để hiểu rõ hơn vì sau vua Duy Tân không qui tụ được đông đảo Việt kiều. Lúc bấy giờ Việt kiều tại các xưởng máy được đối xử thua thiệt vô cùng so với thợ thuyền Pháp đồng khả năng và nhiệm vụ. Lương của họ có thể chỉ bằng 1 phần 3. Muốn được đối xử và hưởng quyền lợi ngang hàng như thợ thuyền Pháp, thì người Việt Nam ở Pháp lúc bấy giờ có một cách gần như là duy nhất: gia nhập Tổng Liên Đoàn Lao Động Pháp (CGT). Lúc đó và cho đến bây giờ, Tổng Liên Đoàn Lao Động Pháp chi phối vào trong tổ chức này thì kể như đã trở thành cảm tình viên của đảng cộng sản Pháp.

Tôi và các cha hiểu rõ tình trạng này, riêng tôi cố gắng hoạt động trong giới thợ thuyền Việt kiều ở Pháp khuyên họ gia nhập Liên đoàn Công nhân Công giáo.

Về quyền lợi, nếu gia nhập Liên đoàn Công nhân Công giáo (CFTC), Việt kiều cũng sẽ được hưởng đồng đều như người Pháp, nhưng vì người Việt Nam thích a dua, và thấy đã có nhiều Việt kiều vào CGT, họ cũng gia nhập luôn cho tiện.

Tôi nghe nhiều người đồn rằng phong trào Cờ Tự Trị của vua Duy Tân gặp nhiều trở ngại từ một tổ chức chính trị Việt Nam ở Pháp, có lẽ chi nhánh đảng Cộng sản Đông Dương. Trong các trại lính Việt Nam ở Pháp, những đảng viên Cờ Tự Trị có thể bị thủ tiêu rồi chôn ngay trong trại lính. Nhiều trường hợp như vậy xảy ra mà các sĩ quan Pháp không có cách gì khám phá và trừng phạt thủ phạm, vì những người chung quanh quá sợ sự khủng bố, không bao giờ tố cáo.

Sau lần gặp gỡ vua Duy Tân nói trên, tôi không còn gặp gì ông nữa. Tôi có hay tin ông sắp về nước, và trước khi về được người Pháp cho mượn máy bay quân sự Pháp sang Algérie thăm vua Hàm Nghi đang bị giam lỏng ở đó. Một buổi sáng tôi đang đọc sách trước phòng thì một anh sinh viên Việt Nam đến gõ cửa, trao cho tôi một tờ báo Pháp. Tiếng anh run cảm xúc:

- Thừa cha, vua Duy Tân tử nạn rồi.

Tôi cũng giật mình hỏi lại:

- Tử nạn làm sao?

Anh sinh viên chỉ tờ báo. Tôi đứng lật tờ báo ra đọc. Chỉ là một tường thuật ngắn ngủi tai nạn máy bay trên đường từ Pháp sang Algérie. Nạn nhân được chú ý nhất trên máy bay là Vua Duy Tân. Tờ báo cũng đăng mấy dòng tiểu sử của nhà vua, và ca ngợi lòng trung thành với Pháp quốc của ông.

Tôi không hiểu rõ chuyện gì xảy ra. Trong thời kỳ nước Pháp vừa được giải

phóng, những cuộc thủ tiêu, ám sát ngay trong hàng ngũ Pháp cũng là chuyện thường bữa. Nhiều tin đồn cho rằng máy bay không bị tai nạn kỹ thuật, mà bị phá hoại. Trong quân đội Pháp, ở mọi ngành, đều có những đảng viên Cộng sản và cũng có một số lính thợ, lính gác Việt Nam. Rất có thể một trái bom nổ chậm có đồng hồ đã được gài sẵn trong máy bay, và khi máy bay ra giữa Địa trung hải thì bom nổ. Từ Pháp sang Algérie, máy bay chỉ bay qua biển. Một chiếc máy bay bị nạn rơi trên mặt biển mênh mông thì còn dấu tích gì nữa. Giả thuyết thứ nhất được nhiều người nói đến là Cộng sản đã thủ tiêu vua Duy Tân, vì nhận thấy uy tín của ông sẽ gây trở ngại cho họ hơn là những nhân vật như Bảo Đại, Hàm Nghi. Vua Duy Tân là một yếu tố bất ngờ trong ván bài của Cộng sản. Họ không chắc hẳn vua Duy Tân ngoan ngoãn đầu hàng người Pháp, hay là vua Duy Tân còn có mưu mô nào. Giả thuyết thứ hai được nhắc đến lúc bấy giờ thì do những người thiện cảm với vua Duy Tân, đưa ra. Giả thuyết này nói rằng chính Pháp hãm hại vua Duy Tân, vì nhận thấy ngài tuyên bố hợp tác ngoài mặt, nhưng thâm tâm đã có dự tính lúc được lên ngôi, sẽ tuyên cáo với quốc dân một nền độc lập hoàn toàn, đặt người Pháp trước một việc đã rồi rất khó xử.

Cho đến nay bí mật về cái chết của vua Duy Tân vẫn còn hoàn toàn, và xem chừng lịch sử không còn chịu vén lên một lần nào nữa. Sau cái chết của vua Duy Tân, phong trào Cờ Tự Trị do ông sáng lập sống leo lét thêm vài tháng nữa rồi tan rã dần, không thấy ai nhắc lại nữa. Đất nước bắt đầu những biến chuyển lớn và câu chuyện vua Duy Tân bị quên lãng mau chóng. Thỉnh thoảng nhớ lại, tôi vẫn bùi ngùi, thắc mắc. Bao nhiêu năm tù đầy đã không dạy khôn được cho vua Duy Tân hay sao? Sự hợp tác với Pháp mà vua Duy Tân chọn là thừa tâm hay chỉ là chiến thuật, là thủ đoạn, là một lối hoãn binh chi kế? Có lẽ vì nhận xét vội về vua Duy Tân cho nên trong những tháng cuối cùng đời ông, tôi đã không tìm dịp làm thân và gặp gỡ nhiều. Ông cũng

không thân với một ai mà tôi được biết ở Ba-Lê. Lúc bấy giờ tôi lại chưa hề có ý nghĩ là những lời nói, những ý kiến của tôi có thể giúp ích gì cho vua Duy Tân. Tôi chưa có một dự tính nào về một vai trò cho mình trong lịch sử Việt Nam, hay cạnh những người có hy vọng làm lịch sử Việt Nam. Đôi lúc tôi tự hỏi nếu tôi giảng giải, khuyên ngăn, đưa ý kiến thì vua Duy Tân có thay đổi kế hoạch không, và lúc đó, lịch sử Việt Nam sẽ được viết lại như thế nào? Một triều đại Duy Tân có khá hơn một triều đại Bảo Đại không? Đôi lúc nghĩ tôi không khỏi cảm thấy ân hận đã bỏ lỡ cơ hội, có lẽ vì sự ân hận do việc này gây ra, mà sau này có đôi lúc tôi làm việc có phần hăng hái, đối với một vài người làm chính trị và làm lịch sử. Có lẽ vì vậy nên về sau tôi thẳng thắn và nhanh miệng hơn.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 6 -

Trung thành với mẫu quốc...

Sang năm 1945, nước Pháp sau những niềm hân hoan chính trị thù nghịch bắt đầu mâu thuẫn. Tướng De Gaulle thấy khó làm được việc gì, đã tự ý rút lui, và ông Bidault thuộc đảng MRP lên làm thủ tướng. Chủ trương của ông Bidault cũng như của đảng này, và có thể nói là của tất cả các đảng chính trị Pháp, là phải giữ các thuộc địa, vì có thuộc địa thì nước Pháp mới được liệt vào hàng cường quốc trên thế giới.

Trong số các thuộc địa của Đông Pháp được coi là quan trọng nhất vì những lý do dễ hiểu: vị trí chiến lược của Đông Pháp, cách riêng Việt Nam trên thế giới, quyền lợi của Pháp ở Đông Pháp rất nhiều và rất lớn, vốn liếng Pháp bỏ ra ở Việt Nam kể ra khá lớn, và Pháp muốn có thì giờ nhiều hơn để thu lời về gấp trăm ngàn lần vốn.

Trong thời gian này tôi có tiếp xúc với một vài nhân vật chính trị Pháp, hoặc là những lãnh tụ trong các chánh đảng, hoặc là các dân biểu. Ở ai, tôi cũng

nghe họ nói đến quyền lợi nước Pháp là trên hết, và không thể nào suy suyển cái quyền lợi tối thượng đó, vì những sự đấu tranh giành độc lập dù rất chính đáng của các thuộc tiểu.

Bài diễn văn của tướng De Gaulle tuy chẳng hứa hẹn gì nhiều cho các xứ thuộc địa; vậy mà các đảng phái chính trị cũng lo ngại là đã hứa hẹn quá nhiều, và họ không muốn nhắc lại nữa. Họ coi những hứa hẹn đó chỉ là thủ đoạn trong lúc hoạn nạn, để tranh thủ dân thuộc địa khỏi nổi lên phản lại Pháp, nay Pháp đã mạnh, không cần giữ lời hứa. Hơn nữa tướng De Gaulle đã ra đi.

Một lãnh tụ trong đảng MRP của ông Bidault đã nói chuyện với tôi khá lâu và thành thật. Ông biết tôi đang chú ý đến những phong trào đấu tranh ở nước nhà. Người Pháp có sự thành thật rất dễ thương. Họ có thể tách rời những thiện cảm riêng tư với lòng ái quốc của người Pháp.

Kẻ mà tôi nói trên đây, tỏ ra rất thông cảm những lo âu, những mong muốn của tôi, và có lẽ vì thế, vì không muốn cho tôi rơi vào những tính toán ngây thơ, đã không cho tôi biết về những kế hoạch của Pháp đối với Đông Pháp và các thuộc địa.

Cách riêng đối với Đông Pháp, thì chủ trương của đảng MRP và hầu hết các đảng chính trị Pháp lúc bấy giờ, là phải chiếm lại bằng mọi giá. Những cuộc thương thuyết với Anh, Mỹ, Trung Hoa hiện đang diễn ra trong hậu trường để chuẩn bị cho cuộc tái chiếm Đông Pháp. Những quan toàn quyền, những lực lượng tái chiếm đã được chỉ định.

Phương lược tiếp thu Đông Pháp cũng đã được thỏa thuận với Anh, Mỹ và Trung Hoa. Tuy nhiên người Pháp cũng hiểu rằng chẳng có gì bất biến, vì vậy rất có thể vì áp lực từ phía Mỹ, Trung Hoa, và vì những cuộc tranh đấu của dân chúng Đông Pháp, Pháp có thể bằng lòng cho Việt Nam một nền tự trị rất hạn chế, nhưng trước khi cho tự trị, Pháp đã mưu mô chia Việt Nam ra làm ba hay bốn quốc gia riêng biệt, tình trạng Lào, Cao Miên, thì Pháp cho là không cần thay đổi. Họ quan niệm rằng một khi giải quyết được vấn đề Việt Nam, tức là giải quyết được cả Đông Pháp. Lào là một dân tộc dễ dãi, tinh thần quốc gia còn non yếu, ý thức chính trị không được vững vàng, dân số thưa thớt, đất đai thì rộng quá. Chẳng những họ không nghĩ đến chuyện chống Pháp đòi độc lập, mà không chừng họ còn mời Pháp ở lại lâu hơn, nếu họ hiểu rằng không có Pháp thì đe dọa lớn nhất đối với họ là khối dân Việt Nam bên kia dãy Trường Sơn.

Tôi nói cho vị lãnh tụ đảng MRP biết rằng những tính toán của nước Pháp chưa chắc gì đã tốt đẹp và có lợi cho nước Pháp. Rất có thể vì ham hố, muốn giữ cả, mà rồi theo như tục ngữ Việt Nam, lại phải “ngã về không”.

Ông ta cũng có những lo ngại như vậy, nhưng ông ta cho biết vì tự ái dân tộc, nước Pháp không thể để uy thế của mình suy suyển một chút gì, nhất là mới sau chiến thắng.

Bất cứ chánh phủ nào không giải quyết vấn đề thuộc địa một cách khôn khéo, thích hợp, sẽ bị đổ lập tức. Nếu trả độc lập ngay cho các thuộc địa, thì dễ dàng quá, nhưng sẽ làm cho nhiều đảng đối lập vịn vào có đó chê chính phủ yếu, đầu hàng, phản quốc, và lật đổ chính phủ này trong 24 tiếng đồng hồ.

Trong thời gian đầu năm 1945, nhiều biến cố dồn dập. Các sinh viên và Việt kiều linh cảm được sẽ có những biến cố trọng đại xảy đến cho dân tộc Việt Nam đều nao nức muốn làm một cái gì, nhưng cái gì phải làm thì họ chưa hiểu rõ. Việc đầu tiên mà tôi khuyên họ nên làm là tập hợp các Việt kiều sinh viên lại trong một đoàn thể có tổ chức, có sinh hoạt. Công việc này đang được xúc tiến thì chúng tôi hay tin hai sinh viên Việt Nam được Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, tức là Bộ Thuộc Địa gọi lên, và ít hôm sau trên đài phát thanh Pháp, trên đài phát thanh Viễn Đông, trên một số báo chí Pháp, một tuyên ngôn mệnh danh là của những Việt kiều, sinh viên Việt Nam du học ở Pháp được phổ biến.

Tuyên ngôn này, nhân danh những Việt kiều ở Pháp, những sinh viên Việt Nam du học ở Pháp, nhận thấy rằng những người Việt Nam ở Pháp, cũng như cả dân tộc Việt Nam rất lấy làm hân hoan thấy nước Pháp trở lại địa vị cường quốc trên thế giới, chúc tụng nước Pháp chiến thắng Quốc xã Đức, cầu mong cho nước Pháp và đồng minh đánh đuổi phát xít Nhật khỏi Việt Nam và Đông Pháp. Vậy nhân danh những Việt Nam sinh viên Việt Nam ở Pháp, và thay cho dân tộc Việt Nam, tuyên bố trung thành với nước Pháp, sẵn sàng đem Việt Nam vào Liên Hiệp Pháp.

Khi bản tuyên ngôn này được phổ biến, mọi giới Việt kiều sinh viên đều phấn nộ và muốn phải hành động, phải lên tiếng. Lập tức hội Federation Des Indochinois De France được thành lập, với một ban chấp hành gồm 12 ủy viên. Bửu Hội làm chủ tịch, Trần Hữu Phương tổng thư ký, các ủy viên khác thì cũng toàn là những sinh viên mà tôi quen thân, như Trần Đức Thảo,

Phạm Huy Thông, Hoàng Xuân Mãn.

Công việc đầu tiên, là ra một tuyên ngôn bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh, phủ nhận tuyên ngôn của hai sinh viên kia, và không chấp nhận trở lại tình trạng thuộc địa của Pháp, đòi cho Việt Nam phải được độc lập trật tự. Tuyên ngôn này lời lẽ rắn rỏi, lập luận vững chắc, và đọc lên người Việt Nam nào cũng phải cảm động, vì từng tiếng, từng dòng hàm chứa cả linh hồn yêu nước của anh em sinh viên, Việt kiều. Sau khi bàn luận, Trần Đức Thảo có nhiệm vụ soạn tuyên ngôn, tuyên ngôn được in ra, nhân danh hội Federation Des Indochinois, và được gửi đi các sứ quán ngoại quốc, các tòa lãnh sự, đại diện cơ quan báo chí khắp nước. Nó làm cho chính phủ Pháp có vẻ bối rối, và tức giận. Chỉ mấy hôm sau thì chúng tôi hiểu rõ phản ứng của chính phủ Pháp: Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Phạm Huy Thông bị bắt giam vào nhà lao Prison De La Santé.

Tôi được tòa Tổng Giám Mục Ba-Lê can thiệp nên không bị bắt giam. Nagy vài hôm sau, tôi có tìm cách vào thăm Trần Đức Thảo và mang quần áo, thức ăn cho các anh em trong nhà lao Prison De La Santé. Đây cũng là nơi trước kia có lần đã giam giữ Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Phan Chu Trinh.

Sau vụ bắt bớ này hội Federation Des Indochinois không hoạt động công khai được nữa. Tôi lại tập hợp các Việt kiều Công giáo thành một hội mới là Association Des Catholiques Vietnamiens De France, gọi tắt là ACVNF, sẽ là nguồn gốc của giáo xứ Việt Nam tại Ba-Lê sau này.

Tôi không nhớ rõ là vào tháng nào, nhưng khoảng mùa thu năm 1945, có thể đầu tháng 9, Bộ Thông Tin Pháp trao cho chúng tôi một bản thông điệp của 5 vị Giám mục Việt Nam (có các đức cha Nguyễn Bá Tòng, Lê Hữu Từ...) đòi nước Pháp phải trao trả độc lập cho Việt Nam, và kêu gọi những thành phần dân chúng Pháp tiến bộ hãy ủng hộ sự đòi hỏi chính đáng này, để tránh cho hai nước cái cảnh trở nên thù nghịch nhau.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 7 -

Cộng sản Pháp và nền độc lập ở Việt Nam

Tin Nhật đầu hàng, và chính phủ Việt Nam tuyên bố độc lập cũng đã đến tai chúng tôi. Người Pháp, trên tư cách một người, thì tôi thấy có rất nhiều người thiện cảm với phong trào đòi độc lập của Việt Nam. Khi nhận được thông điệp của các giám mục Việt Nam, tôi in ra khoảng một trăm ngàn bản, nhờ các hướng đạo sinh Pháp đi phát ở các nhà thờ tại Ba-Lê, khu phụ cận và những tỉnh quanh Ba-Lê.

Sau khi thông điệp này được phổ biến vài hôm thì một số anh em trong ACVNF bị bắt, trong đó có Nguyễn Hy Hiền, nhưng chỉ vài ngày là được thả, có lẽ nhờ có sự can thiệp bên trong của tòa Giám mục Ba-Lê.

Tôi nhận thấy tình thế đã khẩn trương lắm rồi, và phải cố gắng làm cho những người có trách nhiệm trong chính phủ Pháp suy nghĩ kỹ hơn trước khi quyết định điều gì về Việt Nam.

Có lẽ chúng tôi đã hành động vì tuyệt vọng thì nhiều hơn. Chúng tôi rất ít hy vọng những hoạt động của chúng tôi có thể thay đổi chiều hướng lịch sử. Tuy nhiên chúng tôi không thể nào ngồi yên nhìn lịch sử bi thảm diễn ra.

Tôi tổ chức một buổi họp mặt, hay gọi là hội nghị, một cuộc hội thảo gì cũng được. Ngoài anh em sinh viên, Việt kiều, tôi còn mời nhiều nhân vật Pháp, và những người bạn Pháp có thiện cảm với Việt Nam.

Trong số này tôi nhớ có dân biểu hạt là ông Borthien, thuộc đảng Xã Hội Pháp, nổi tiếng là rất tiến bộ và chủ trương trả độc lập cho Việt Nam, ông là bạn thân của Hồ Chí Minh. Cha Chaillet, chủ nhiệm tạp chí Temoignage Chrétien thì được mời thuyết trình.

Cha Chaillet đã ngần ngại lâu trước khi nhận lời. Kúc tôi ngỏ ý mời cha thuyết trình quanh vấn đề nước Pháp với nền độc lập của Việt Nam, thái độ của người Công giáo đối với vấn đề chính trị v.v..., ông tỏ ra trầm ngâm, đi bách bộ trong phòng riêng của ông mấy vòng rồi ông rút ở một học tủ khóa ra một tập hồ sơ khá dày, trao cho tôi.

- Cha đã biết những điều này chưa?

Dĩ nhiên là tôi chưa biết, vì tôi chưa đọc những hồ sơ tài liệu này bao giờ. Tôi đọc vội. Đó là những báo cáo và những chỉ thị của trung ương đảng

Cộng sản Pháp, cho các phân bộ đảng tại Pháp và Đông Pháp.

Nội dung chỉ thị nói rằng hiện nay ở Việt Nam, một phong trào cộng sản đang nổi lên đòi độc lập, phong trào này hành động theo đường lối cộng sản quốc tế. Vậy thì những đảng viên nòng cốt của cộng sản Pháp phải kín đáo nhưng tích cực giúp đỡ phong trào cộng sản Việt Minh.

Tập tài liệu có chỗ nêu rõ tên những lãnh tụ cộng sản như Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng và những lý lịch, thành tích của họ, nhằm chứng minh rằng họ là đảng viên cộng sản trung kiên, có đảng tịch lâu năm, và đáng tin cậy lắm.

Trong năm 1945, các Việt kiều và sinh viên Việt Nam tại Pháp chưa biết chia rẽ là gì. Niềm hân hoan, hãnh diện dân tộc đã phủ lên mọi bất đồng chính kiến có thể có. Cộng sản cũng chưa để lộ tính chất tàn bạo của nó. Tại Pháp chắc chắn đã có những tổ chức của đảng cộng sản Đông Dương, nhưng chưa công khai ra mặt, chưa nhân danh cộng sản để lên tiếng. Mọi người Việt Nam lưu lạc tại Pháp chỉ biết một điều: nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Nhưng bắt đầu từ năm 1946, những mầm mống chia rẽ bắt đầu. Ngay trong nội bộ những đoàn thể Việt kiều và sinh viên Việt Nam mà tôi đã góp công gây dựng nên, cũng bắt đầu xuất hiện sự chia rẽ. Một vài anh em đặt chính kiến lên trên tình đồng bào... Trong những cuộc gặp mặt, nhiều anh em không đến. Một lần, hai lần không đến thì có thể cho là tình cờ, là bận rộn, nhưng năm mười lần không đến thì chỉ có thể là cố tình.

Lại có một số anh em công khai lên tiếng biện hộ cho chính kiến của họ. Những cuộc tranh luận thoát ra khỏi khuôn khổ của sự thảo luận, của sự học hỏi, mà trở thành những cuộc cãi vã lớn tiếng đầy thù hằn thường xuyên xảy ra giữa các tổ chức Việt kiều và sinh viên. Chỉ trong ít lâu thì hầu hết những tổ chức Việt kiều và sinh viên Việt Nam tại Pháp mà chúng tôi gây dựng nên không còn hoạt động đều đặn, thường xuyên nữa, mà chỉ hoạt động tùy hứng, tùy nhu cầu, nghĩa là khi có việc thì anh em vẫn còn họp mặt lại với nhau được.

Cái ngày đánh dấu sự cáo chung của tình đoàn kết, có thể là ngày phái đoàn Phạm Văn Đồng sang Ba-Lê. Tôi không thấy lịch sử nói đến phái đoàn này. Tôi nhớ là vào độ mùa xuân 1946, như là cuối tháng ba, đầu tháng tư thì phải. Nhất định là sau cái gọi là thỏa ước 6 tháng ba giữa Sainteny và chính

phủ Việt Minh.

Phái đoàn Phạm Văn Đồng, trên danh nghĩa là phái đoàn quốc hội Việt Nam thăm viếng thiện chí nước Pháp. Phái đoàn gồm có Phạm Văn Đồng, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Hoàng Minh Giám, và một số người tôi không nhớ tên hết.

Báo chí, tin tức Pháp chẳng nói gì đến chuyến viếng thăm của phái đoàn Phạm Văn Đồng, tuy nhiên các Việt kiều đã được thông báo bằng điện tín không phải từ nước nhà, mà hình như là từ một tổ chức công chức ở Pháp. Tôi được cử dẫn đầu những anh em sinh viên, Việt kiều ra phi trường Orly đón tiếp phái đoàn Phạm Văn Đồng.

Tôi ngạc nhiên vì phi trường không có vẻ gì là sắp đón tiếp một phái đoàn quốc hội của một quốc gia, dù là quốc gia nhỏ bé. Phòng khách nơi mà phái đoàn sẽ đến trước tiên vẫn không khác gì ngày thường. Chính phủ Pháp hình như chẳng cử nhân vật nào quan trọng ra đón tiếp, và cũng chẳng có nghi lễ đón tiếp chi đáng kể cả.

Lúc phi cơ đến, chúng tôi được báo tin, và ra sân phi cơ đậu đứng chờ. Đây là lần đầu tiên tôi được chứng kiến một phái đoàn công du của một chính phủ Việt Nam độc lập. Dĩ nhiên là tất cả chúng tôi hồi hộp và tò mò. Phạm Văn Đồng từ phi cơ bước xuống, nhìn rộng trước mặt, rồi tia nhìn của ông dừng lại trên phái đoàn Việt kiều.

Ông mặc một bộ âu phục màu sẫm, khoác áo lạnh kéo cổ lên tận cằm. Sau ông là Hoàng Minh Giám, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Tấn Gi Trọng và vài ba nhân viên vô danh.

Ông Phạm Văn Đồng được một vài nhân viên thuộc bộ ngoại giao Pháp ra đón tiếp tận thang máy bay.

Hình như nhân viên cao cấp nhất ở ngạch thư ký bộ ngoại giao Pháp. Ông hơi cau mày, mặt xám lại một lúc, và bắt tay người Pháp rất nhanh rồi tiến ngay đến phía chúng tôi. Lúc này thì mặt ông có vẻ tươi vui, cởi mở. Ông lên tiếng chào hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt, nhờ một anh em, hình như là Trần Đức Thảo, giới thiệu từng người cho ông.

Ông dừng lại nói chuyện với tôi khá lâu, hỏi han những công việc của anh em sinh viên và Việt kiều. Khi phái đoàn đi đến các nhóm Việt kiều đứng

hơi xa tôi một chút, thì Nguyễn Mạnh Hà đi chậm lại, và đến nói nhỏ với tôi:

- Con có chuyện quan trọng muốn thưa với cha. Tôi con sẽ đến.

Phái đoàn Phạm Văn Đồng được các nhân viên bộ ngoại giao Pháp mời lên một chiếc xe ca, loại xe buýt thông thường, có những dãy ghế ngang thường dùng chờ khách đi tỉnh, và được đem về một khách sạn hạng ba. Sự khinh miệt của chính phủ Pháp đối với phái đoàn quốc hội Việt Nam đầu tiên thật là rõ ràng.

Tối hôm đó, tôi chờ Nguyễn Mạnh Hà. Lúc bấy giờ tôi đã rời khỏi Institut Catholique, và dọn đến ở trong khu 70 Arondissement. Ông có vẻ nghiêm trọng, lo âu. Ông đưa cho tôi mấy tập báo Cứu quốc và Hồn Công giáo cùng một ít tài liệu về Việt Nam. Ông cho biết, đúng như những điều tôi đã biết sơ qua, chính phủ Việt Minh, từ trên xuống dưới đều là những nhân vật cộng sản cốt cán.

Một vài chính khách quốc gia được đem vào trong chính phủ vì áp lực của tướng Tàu Lữ Hán trước đây, và nay đang bị Võ Nguyên Giáp tìm cách thanh toán dần, nếu không thì bao vây và tước hết quyền hành. Ông cũng kể cho tôi nghe tình trạng Việt Nam và những tin đồn nói về những vụ thanh toán ở Thái Nguyên, Cao Bằng giữa Việt Minh và các đảng phái quốc gia.

Ông tỏ ra lo lắng và buồn phiền, vì nhận thấy tương lai nước nhà nhiều rối rắm. Ông hiểu nhiều về nước Pháp nên ông cũng lo sợ rằng nền độc lập của Việt Nam không bền vững được. Lúc ông sang Pháp thì quân Leclerc đã vào Hà Nội và đã bắt đầu có những đụng chạm giữa quân Pháp và quân tự vệ Việt Minh ở vài nơi tại Hải Phòng và Hà Nội.

Nhiều lúc ông được cụ Hồ dùng làm thông ngôn, mặc dầu cụ Hồ rất thông thạo tiếng Pháp. Đó là thói quen của cụ. Những lúc không muốn nói vội vàng, muốn nhiều thì giờ để suy nghĩ, thì cụ làm như không hiểu tiếng Pháp để cho thông ngôn dịch qua lại hai lần. Nhờ đó ông cũng được biết những xích mích, dằng co giữa cụ Hồ và quan Cao ủy Pháp Argenlieu.

Theo ông thì Sainteny được cụ Hồ tin cậy hơn đôi chút, và Sainteny cũng tỏ ra hiểu biết tình cảnh Việt Nam, thông cảm những khó khăn của chính phủ Việt Minh. Tướng Leclerc cũng được cụ Hồ kính nể lắm. Ông kể một mẫu chuyện về sự khôn ngoan khéo léo của tướng Leclerc khi vào Hà Nội.

Ông đã tươi cười bắt tay Võ Nguyên Giáp, khi Giáp ra đón tiếp và chào ông bằng câu mở đầu: nhân danh những người kháng chiến Việt Nam, tôi xin chào mừng người đồng chí kháng chiến Pháp nơi ông. Leclerc còn tỏ ra khéo léo hơn, khi ông đề nghị với Võ Nguyên Giáp về việc thành lập một tiểu đoàn hỗn hợp Pháp Việt để canh gác và dàn chào cho ông. Tiểu đoàn hỗn hợp này sẽ gồm một phần người lính Pháp, và 3 phần lính Việt. Như vậy vì vấn đề lễ nghi, thể diện các đơn vị lính tự vệ Việt Minh sẽ được cung cấp quân phục chính tề, vũ trang những loại súng tối tân hơn, y như lính Pháp vậy.

Nguyễn Mạnh Hà còn cho tôi biết là kẻ có nhiều quyền hành lại không phải là Jean Sainteny, hay Leclerc mà là D'Arbenlieu, một thầy tu dòng Trappe khó tính, ít hiểu biết về Việt Nam, và say sưa với danh dự, uy quyền của nước Pháp.

Ông tiên đoán sớm muộn những xích mích giữa người Pháp và chính phủ Việt Minh không thể nào tránh được, và chưa biết sẽ biến chuyển đến mức độ nào, có giới hạn được trong vòng phải chăng và có thể dàn xếp được không.

Mấy hôm sau, Phạm Văn Đồng tổ chức một buổi tiếp tân dành cho các Việt kiều. Ngoài những sinh viên, Việt kiều mà tôi quen biết, tôi nhận thấy có một số lạ mặt. Phạm Văn Đồng ngồi cạnh tôi, và nói chuyện rất cởi mở. Có lẽ lo sợ những cuộc cãi vã vì chính kiến, ông đã không đề cập gì nhiều đến các vấn đề chính trị mà chỉ nói những chuyện thông thường. Ông nói chuyện có duyên, cởi mở, vui vẻ.

Phái đoàn Phạm Văn Đồng ở lại Pháp đâu vào khoảng vài ba tuần lễ mà thôi. Về những hoạt động của phái đoàn này, tôi nghe phong phanh rằng họ sang Pháp để chuẩn bị cho một cuộc tham viếng nước Pháp của cụ Hồ. Phạm Văn Đồng và các nhân viên phái đoàn tiếp xúc nhiều với các tổ chức Việt kiều ở Ba-Lê.

Riêng ông thì hình như gặp gỡ các dân biểu Pháp thuộc khuynh hướng xã hội và cộng sản như Paul Rivet Jean Rous là những bạn của cụ Hồ.

Lúc tiễn đưa phái đoàn Phạm Văn Đồng về nước, tôi và các Việt kiều cũng ra tận phi trường. Phạm Văn Đồng có vẻ buồn phiền hơn lúc đến, và sự đưa tiễn của chính phủ Pháp lần này cũng chẳng long trọng gì hơn lúc đến. Tôi nhận thấy có thêm vài dân biểu cộng sản, vài người Pháp có thiện cảm với

cụ Hồ.

Phái đoàn đưa tiễn của chính phủ Pháp thì cũng vẫn là những thư ký bộ ngoại giao. Và các xe ca đã chờ Đồng trước đây, nay cũng chờ ông và phái đoàn trở lại phi trường.

Lúc lên khỏi thang phi cơ, quay lại vẫy tay chào các Việt kiều, hình như Phạm Văn Đồng cười chua chát cay đắng. Mắt ông đăm đăm và dáng người có vẻ mệt mỏi, chịu đựng, nhẫn nhục.

Từ đây sự chia rẽ vì chính kiến, chủ nghĩa bắt đầu trở nên trầm trọng và lộ liễu trong hàng ngũ Việt kiều, sinh viên ở Pháp.

Trần Đức Thảo ít tới lui với anh em, và hình như đã thiên hẳn sang phía cộng sản không biết từ lúc nào. Tôi thấy như vậy cũng hết ham sinh hoạt với các đoàn thể Việt kiều. Tôi có nghĩ đến chuyện về nước, cùng với các cha như cha Mai, cha Lập, nhưng vì thấy tình hình Việt Nam chưa ngã ngũ ra sao cả, nên hơi ngần ngại.

Những tin tức về Việt Nam thì thật là thiếu sót, mơ hồ, thư từ ở Việt Nam gửi sang cũng rất thưa hiếm. Lâu lắm tôi mới nhận được một lá thư của các cha từ địa phận Vinh. Tôi cảm thấy băn khoăn thật nhiều, và không biết quyết định như thế nào. Các sinh viên, trí thức, một số lẻ tẻ về nước, số còn lại thì chăm chú vào việc sinh sống.

Pháp chuẩn bị quân đội để can thiệp và tái chiếm Đông Pháp. Những cuộc cãi vã, tranh luận trong nội bộ đảng cộng sản Pháp về Việt Nam lọt ra ngoài, cho thấy rằng cộng sản Pháp không hoàn toàn ủng hộ phong trào cộng sản Việt Minh. Một đoạn hồi ký của Maurice Thorez lãnh tụ cộng sản Pháp, bạn thân và đồng chí của Hồ Chí Minh viết rằng ông hy vọng cò tam tài sẽ bay pháp phối khắp Liên Hiệp Pháp, ông không hề nghĩ là đảng cộng sản Pháp chủ trương từ bỏ địa vị của Pháp ở Đông Pháp. Chính phủ Pháp cũng có hai khuynh hướng.

Khuynh hướng thứ nhất thì cho Việt Nam tự trị rộng rãi và thực sự trong một Liên Hiệp Pháp được sửa đổi. Khuynh hướng thứ hai chủ trương phải tái lập uy quyền của đế quốc Pháp như cũ và nếu cần thì bằng quân đội.

Tại Nam bộ, quân Pháp đã thay thế quân Anh, và đang có những âm mưu lộ liễu thành lập một nước Nam Kỳ tự trị.

Những cuộc thương thuyết với chính phủ Tưởng Giới Thạch diễn ra ở Trùng Khánh, Côn Ninh, để nhằm hòa giải áp lực và sự can thiệp của Tàu vào Việt Nam, và về phía này hình như Pháp cũng đang thành công.

Những tin tức trên, thêm những tiết lộ của Nguyễn Mạnh Hà, của cha Chaillet làm cho tôi băn khoăn rất nhiều.

Lại nói đến Nguyễn Mạnh Hà, những tiết lộ, tâm sự của ông làm cho tôi nghĩ rằng không thể nào theo cộng sản thực tình được. Cả bây giờ tôi cũng còn như vậy. Ông là người trí thức, là người công giáo chân thành, lại sinh trưởng trong một gia đình khá giả. Cho nên khó mà trở thành người cộng sản cuồng nhiệt. Có lẽ hoàn cảnh nào đó đã bắt buộc ông phải hợp tác với cộng sản.

Ít lâu sau khi phái đoàn Phạm Văn Đồng rời Pháp, tôi nghe tin nói rằng cụ Hồ đã đích thân sang Ba-Lê để thương thuyết với chính phủ Pháp về vấn đề quyền tự trị, nền thống nhất của Việt Nam, và vai trò Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp. Tin này được loan đi từ giới cộng sản Pháp.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 8 -

Ba lần gặp gỡ Hồ Chí Minh

Tôi chưa được thấy mặt, hay thấy hình ảnh gì của chủ tịch Hồ Chí Minh. Những hình ảnh đăng trên các báo Pháp từ tháng 9 năm 1945 đều là những tấm hình cũ, mà một vài báo Pháp xin được của sở Mật Vụ Hải Ngoại Pháp. Khi thì tôi thấy một thanh niên gầy ốm, cao lêu nghêu, khi thì một cụ già khoảng 50. Không có gì bảo đảm cho tôi những hình ảnh đó là của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Như mọi người Việt Nam ở Pháp thời bấy giờ, tôi rất tò mò muốn biết mặt cụ Hồ, con người dù sao thì cũng đã dành độc lập cho Việt Nam, và đang tranh đấu với Pháp để giữ lấy nền độc lập mong manh đó.

Ở Pháp vào đầu năm 1946, thỉnh thoảng có tin đồn cụ Hồ sẽ sang Ba-Lê, làm cho những anh em Việt kiều hồi hộp chờ đợi, nhưng rồi báo lại cái

chính rằng cụ chưa sang Ba-Lê lần này.

Vào cuối tháng tư, tôi được biết Pháp và Việt Minh đã ký kết một thỏa ước tạm thời, giao quyền cai trị Trung và Bắc bộ cho chính phủ Hồ Chí Minh, còn Nam bộ thì giữa tình trạng không giải quyết, do Pháp quản trị, chờ một cuộc trưng cầu dân ý. Thỏa ước này được gọi là thỏa ước 6 tháng 3. Tôi cũng được biết hội nghị Đà Lạt ngày 24-3-1946 giữa Võ Nguyên Giáp và Pierrre Mesmer đã không đem lại kết quả gì.

Những điều này tôi chỉ được biết tin qua báo chí, qua một vài bản tin mà lúc bấy giờ một ổ chức thông tin không chính thức của Việt Minh ở Ba-Lê phân phát.

Rồi qua những nguồn tin không xuất xứ, loan truyền trong giới Việt kiều ở Ba-Lê, cũng như trong giới chính trị thân cộng, tôi biết chắc rằng cụ Hồ sang Ba-Lê.

Tôi và anh em Việt kiều, sinh viên hồi hộp chờ đợi và chuẩn bị đón tiếp.

Chúng tôi chưa ai nghĩ đến những bất đồng vì vấn đề chính kiến, tư tưởng, tôn giáo. Mọi người hãnh diện có một chính phủ độc lập, có một lãnh tụ dám đương đầu với người Pháp. Theo tin từ các báo, thì tôi nghe nói rằng ngày 30 tháng 5 năm 1946, cụ Hồ từ Saigon lên phi cơ đi Ba-Lê, cùng với tướng Salan và ông Jean Sainteny.

Đến ngày 1 tháng 6, đài phát thanh Pháp Á, và đài phát thanh Pháp loan tin Nam bộ tách rời và thành lập chính phủ Nam kỳ tự trị, do ông bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng. Tôi và anh em Việt kiều thấy đau nhói trong tim, ngẩn ngơ trước cái tin khó tin. Điều mong ước của mọi người Việt Nam, sau độc lập, và kèm theo độc lập là thống nhất.

Tôi đã hiểu thế nào là sự nhục nhã của người Việt Nam phải chịu sự chia cắt, người Trung kỳ, Bắc kỳ vào Nam kỳ phải có thông hành. Có lẽ chính sự phản bội và sai lầm này của người Pháp làm cho lộ trình của cụ Hồ đã không ghé Ba-Lê ngay như mọi người mong chờ mà ghé Biarritz. Tôi không hiểu có anh em Việt kiều nào có thể ra đón cụ Hồ ở phi trường Biarritz không, nhưng trong số người tôi quen biết thì không có ai đi.

Cụ Hồ ở lại Biarritz khá lâu. Ngày nào anh em Việt kiều cũng đến cho tôi hay một vài tin, phần lớn thuộc loại tin đồn. Một số trong các tin này nhắc

đến sự chia xốt, đau khổ của cụ Hồ, mô tả cụ như một con người anh hùng gặp vận bất, một cụ gì đang than khóc cho số phận đất nước.

Tôi không tin mà cũng chẳng ngờ chi, chỉ chờ đợi được gặp cụ Hồ, chờ đợi tình thế hiện rõ hơn. Trong khoảng thời gian này, một chính phủ mới được thành lập, chính phủ Bidault, thuộc đảng MRP.

Như tôi đã nói trước, đây là một chính phủ thực dân thực sự, mặc dầu trong chính phủ này có một vài Bộ trưởng cộng sản, hay thân cộng sản, như ông Charles Tillon, Bộ trưởng không quân. Tôi hiểu rõ cộng sản Pháp không sẵn sàng trao trả độc lập chân chính và toàn vẹn cho Việt Nam, như nhiều người mong. Cộng sản Pháp và thực dân Pháp vẫn có thể đi đôi với nhau không có chi mâu thuẫn. Sự chờ đợi của tôi và các anh em Việt kiều kéo dài gần cả tháng. Vào ngày 20-6-1946 chúng tôi hay tin cụ Hồ sẽ từ Biarritz lên Ba-Lê đúng sáng 22-6. Hầu hết anh em Việt kiều sinh viên, trí thức Việt Nam ở Ba-Lê đều tụ họp lại với nhau bàn chuyện lập phái đoàn đón rước cụ Hồ. Tôi được chọn cầm đầu phía những người Công giáo Việt Nam ở Pháp và các tu sĩ Việt Nam du học, vì tôi là Chủ tịch hội tu sĩ Việt Nam du học ở Pháp, gồm 30 tu sĩ, linh mục.

Việt kiều ở Ba-Lê lúc bấy giờ khá đông. Tôi được biết ngoài phái đoàn của chúng tôi, còn những phái đoàn Việt kiều khác, trong đó chẳng hạn có phái đoàn Việt kiều thợ thuyền, gồm những người cộng sản hay thân cộng sản, đi riêng.

Lúc chúng tôi đến phi trường Le Bourget thì nơi sân máy bay đậu đã dày đặc người. Phái đoàn Việt kiều của chúng tôi đứng nhập chung vào những phái đoàn Việt kiều khác, có phái đoàn chỉ gồm 15 người, có phái đoàn đến non trăm người. Có lẽ thấy phái đoàn chúng tôi có trật tự, lại gồm mấy linh mục, nên những người tổ chức lễ đón tiếp sắp cho chúng tôi đứng lên đầu.

Tôi nhận thấy chính phủ Pháp lần này đón tiếp cụ Hồ một cách long trọng. Tất cả mặt tiền phòng khách danh dự phi trường đều treo cờ Pháp chen kẽ. Có lính vệ binh và giàn kèn sắp hàng trước chúng tôi. Đứng riêng và xa trước mặt chúng tôi độ trăm thước, có phái đoàn chính phủ Pháp, trong đó tôi thấy vài tướng lãnh, bộ trưởng. Ông Moutet là bộ trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, hay bộ thuộc địa. Chúng tôi chờ non một tiếng đồng hồ thì nghe lính vệ binh cộng hòa và lính kèn hô chuẩn bị. Họ đứng nghiêm mà mọi người ngẩng mặt nhìn lên trời. Lúc bấy giờ số phi cơ lên xuống phi trường Bourget cũng không nhiều lắm. Chúng tôi nghe tiếng phi cơ nổ lớn dần, rồi

một ohi cơ hai động cơ là hạ cánh trên phi đạo, chậm chạp chạy về sân đậu trước mặt chúng tôi. Dàn kèn trở bài quốc ca Việt Nam trước, bài Marseillaise sau. Tôi rơm rớm nước mắt. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, trong đời tôi, tôi được chứng kiến một quốc trưởng Việt Nam được đón tiếp theo đúng nghi lễ ngoại giao. Cũng là lần đầu tiên tôi nghe bài quốc ca Việt Nam. Nhiều anh em Việt kiều quanh tôi sụt sịt khóc. Có những người Việt Nam sống ở Pháp lâu năm từ 1918 đến nay, hầu như quên tiếng Việt Nam, cũng không cảm được xúc động.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 9 -

Lần gặp gỡ thứ nhất giữa tôi và cụ Hồ: Số phận người công giáo trong số phận Việt Nam

Cụ Hồ xuất hiện, đứng yên trên cửa phi cơ. Tôi không hiểu nhờ đâu mà tôi biết được đó là cụ Hồ. Có lẽ nhờ dáng người đặc biệt của cụ, nhờ những mô tả trước đây chẳng hoặc là nhờ cụ là người Việt Nam đầu tiên hiện lên trên bậc thang trước cửa phi cơ. Cụ Hồ đưa tay vẫy chào mọi người, rồi chậm rãi bước xuống. Sau cụ là ông Jean Sainteny, rồi đến các nhân vật Việt Nam mà tôi không biết rõ.

Phái đoàn chính phủ Pháp tiến ra tận chân thang máy bay chào đón cụ Hồ. Chúng tôi vẫn đứng yên, tuy nhiên có một vài đại diện Việt kiều ôm bó hoa bước ra, đi về phía cụ Hồ. Ánh mắt cụ Hồ sáng lên, nhìn vào đám Việt kiều, và tiến ngay đến phía mấy đại diện ôm bó hoa. Cụ Hồ có cử chỉ thân mật tự nhiên, cụ ôm bó hoa, và ôm luôn người tặng hoa, mắt chớp chớp như muốn khóc.

Tôi tin là cụ cảm động thật, chứ không phải nhờ tài đóng kịch. Cụ làm cái việc duyệt hàng quân danh dự rất nhanh, cho xong, rồi đi thẳng đến đám Việt kiều. Tôi không hiểu vì đâu mà cụ đến ngay trước mặt tôi trước tiên, rồi tiếp đến các cha bên cạnh. Cụ bận bộ quần áo kaki vàng sẫm màu, cổ cao và thẳng theo lối cổ áo lính Tàu. Cụ bắt tay tôi thật chặt, tươi cười.

Nguyễn Mạnh Hà theo sát sau cụ, giới thiệu một số Việt kiều với cụ. Cụ hẹn sẽ gặp lại tôi và anh em Việt kiều. Lúc nói chuyện với tôi, cụ Hồ có những cử chỉ mà tôi không quên được. Tôi bận áo chùng, ngoài khoác áo lạnh có

hàng nút xuống tận chân. Cụ Hồ khi thì đặt tay lên vai tôi, khi mân mê những chiếc nút trước ngực tôi. Cụ nghe tôi nói tiếng Nghệ Tĩnh, cụ cũng nói toàn giọng Nghệ Tĩnh.

Ai mà không cảm động khi nghe tiếng nói quê hương mình, giọng nói làng mạc mình? Và tôi không cần chối là tôi đã cảm động thật tình, mặc dầu những câu chuyện trao đổi ngắn ngủi trên phi trường Bourget sáng 22-6 chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt.

Nguyễn Mạnh Hà dừng lại, nói nhỏ với tôi:

- Cha nên tìm dịp lên gặp cụ chủ tịch, khuyên cụ bỏ cái việc đòi lập giáo hội tự trị.

Hà nháy tôi và hẹn sẽ gặp lại sau. Cụ Hồ có vẻ vui thích khi đi tiếp xúc với các Việt kiều. Cụ đề mặc những người Pháp trong phái đoàn chính phủ Pháp đứng ngơ ngẩn, hay lơ đãng theo sau cụ.

Cụ chẳng có vẻ gì vội vàng, trái lại như cứ muốn nói chuyện mãi với người Việt Nam. Chỉ có ông Jean Sainteny là đi theo cụ từ đầu đến cuối. Lúc bắt tay khắp hết các Việt kiều, cụ quay trở về phía phái đoàn chính phủ Pháp, và đi vào phòng khách danh dự của phi trường.

Chúng tôi vẫn chưa về vội, đứng lại cho đến lúc cụ Hồ cùng với phái đoàn Pháp lên xe rời phi trường. Lúc ngồi trên xe, cụ còn nhào người ra vẫy tay chào chúng tôi, và ra dấu hẹn gặp lại.

Vài hôm sau, Nguyễn Mạnh Hà đến gặp tôi kể lại cho tôi nghe những chuyện xảy ra bên nước nhà, liên quan đến đạo công giáo. Ông cho tôi biết chính phủ Việt Minh đang có chủ trương đòi tách rời giáo hội Việt Nam ra khỏi tòa thánh Vatican lập giáo hội Việt Nam tự trị, thay thế tất cả các giám mục Pháp, các linh mục Pháp, bằng những giám mục Việt Nam, linh mục Việt Nam. Nguyễn Mạnh Hà khuyên tôi nên xin gặp cụ chủ tịch trình bày cho cụ biết điều đó không được. Tôi đồng ý và lên Hotel Royal là nơi cụ Hồ và phái đoàn Việt Nam ở, xin yết kiến. Tôi nhận thấy lần này chính phủ Pháp đón tiếp cụ Hồ xứng đáng với một vị quốc trưởng Việt Nam hơn. Trước cửa Hotel Royal treo hai lá cờ lớn, một lá cờ tam tài Pháp và một lá cờ đỏ sao vàng. Chính phủ Pháp còn cử một tiểu đội gác danh dự trước cửa khách sạn sau này. Khi tôi vào, thì có một người Việt Nam tiếp tôi, ghi vào phiếu lời yêu cầu xin gặp, danh tính tôi, và lý do xin gặp. Tôi chỉ nói vắn tắt:

xin gặp cụ chủ tịch. Người thư ký không cho biết bao giờ được cụ Hồ tiếp, nhưng niềm nở hẹn sẽ có thiệp mời đến tận nhà tôi sau.

Đầu chừng hai hôm sau thì có một người đem thiệp mời hẹn giờ được tiếp kiến đến cho tôi. Tôi đã suy nghĩ và sắp xếp trong đầu óc những gì sẽ thưa với cụ Hồ. Tôi nghĩ đến số phận giáo hội Việt Nam một phần. Nhưng nghĩ nhiều hơn đến số phận đất nước Việt Nam.

* Buổi nói chuyện lần thứ nhất với Hồ Chí Minh.

Tôi đến Hotel Royal trước giờ hẹn vài phút. Tôi được dẫn vào một phòng khách sang trọng, được mời ngồi đối diện với một cánh cửa thứ hai, khác với cánh cửa vào phòng khách. Ít phút sau cánh cửa trước mặt tôi mở ra cụ Hồ và một người như là thư ký của cụ, bước vào. Cụ Hồ đứng yên một lúc khá lâu, mắt nhìn đăm đăm về phía tôi, có vẻ như ngạc nhiên, ngỡ ngàng. Rồi cụ mỉm cười, đưa tay ra hiệu mời ngồi. Cụ chậm rãi đi ra phía tôi và bắt tay tôi. Tôi vẫn đứng trước mặt cụ, mặc dù sau khi bắt tay tôi, cụ đã ngồi xuống ghế, ngẩng nhìn tôi như chờ đợi.

Sau những câu chào mừng, chúc tụng, tôi vào đề ngay:

- Thưa cụ Chủ tịch, cụ sang Pháp công cán cho nước nhà. Với tư cách riêng và tư cách tuyên úy các Việt kiều Công giáo ở Pháp, tôi xin đến chào cụ cầu chúc cụ làm tròn sứ mệnh đòi lại độc lập cho nước nhà.

Cụ Hồ gật gù, mỉm cười, đưa tay mời tôi ngồi xuống lần nữa, nhưng tôi xin phép được đứng. Cụ nhìn tôi mỉm cười thật tươi tắn:

- Tôi rất vui mừng gặp linh mục, và xin nói cho linh mục biết bây giờ tại nước nhà, mọi tầng lớp, mọi thành phần, mọi giai cấp, không phân biệt tôn giáo, cùng đoàn kết sau lưng chính phủ tranh đấu cho một mục đích duy nhất là giành lại độc lập và thống nhất cho xứ sở.

Lúc nhà sư có chuyện vui buồn gì, thì cũng mời cố đạo đến dự. Khi cố đạo có chuyện gì cũng mời sư đến chia sẻ. Nhưng mà tôi phải nói thật với linh mục rằng bên đạo Công giáo chưa được tự lập. Trong toàn cõi Việt Nam có 15 địa phận thì chỉ có 2 địa phận được hai vị giám mục Việt Nam cai quản, còn các địa phận kia thì do các giám mục ngoại quốc coi sóc.

Tôi nghĩ các linh mục trẻ như linh mục phải cùng với chính phủ ta, tranh đấu

đòi lại quyền tự trị cho các địa phận đạo ở Việt Nam. Linh mục nghĩ sao?

Tôi đã được Nguyễn Mạnh Hà cho biết đường lối của chính phủ Việt Minh đối với giáo hội công giáo Việt Nam, cho nên không ngạc nhiên khi nghe cụ Hồ nói như vậy. Tôi bình tĩnh thưa:

- Thưa cụ Chủ Tịch, đây là điều mà tôi muốn thưa với cụ Chủ Tịch hôm nay. Tôi có nghe ở bên nước nhà có phong trào đòi lập giáo hội tự trị. Thưa cụ, những người công giáo Việt Nam chúng tôi cũng muốn tự lập theo một nghĩa nào đó. Chúng tôi đều mong cho các địa phận Việt Nam có đầy đủ những giám mục đều là người Việt Nam.

Đó cũng là đường lối mà Vatican luôn luôn chủ trương là theo đuổi. Thưa cụ chúng tôi không thấy có gì phải phản đối, nếu những người công giáo Việt Nam muốn tự đảm nhiệm lấy sự cai quản việc đạo trong nước mình. Nhưng thưa cụ, tôi thiết nghĩ cách tiến đến sự tự lập cho giáo hội Việt Nam phải được suy xét và thực hiện đúng cách.

Tiện đây, cụ Chủ Tịch đã ghé nước Pháp, nếu cụ Chủ Tịch muốn cho công việc mau chóng, thuận tiện, cụ Chủ Tịch có thể ghé qua Vatican xin gặp Đức Giáo Hoàng hoặc nếu cụ Chủ Tịch bận, thì cử một phái đoàn đại diện sang La Mã, thương thuyết với Tòa thánh một hiệp ước (Concordat) giữa chính phủ và Tòa thánh, yêu cầu Tòa thánh tấn phong thêm các giám mục Việt Nam và thỏa thuận với chính phủ về mọi việc bổ các giám mục cai quản các địa phận Việt Nam. Cụ Hồ có vẻ không hài lòng lắm:

- Đó không phải là việc của chính phủ. Việc của chúng tôi là làm sao cho các giáo dân Việt Nam đừng có đi cầu kinh với các cố đạo Pháp vì làm như vậy thì có vẻ còn chịu nô lệ Pháp, trong lúc cả nước đứng lên dành độc lập với người Pháp.

Tôi hơi bất mãn vì cái quan niệm cứng nhắc của cụ Hồ:

- Thưa cụ Chủ Tịch, người công giáo đi cầu nguyện ở đâu, có ai xướng kinh thì cũng chỉ cầu nguyện với Chúa, chứ không hề có chuyện cầu nguyện với người Pháp. Và lại theo tinh thần công giáo, thì chúng tôi coi mọi người giống nhau, các linh mục ngoại quốc, hay linh mục Việt Nam, về phần đạo không có gì đặc biệt cả. Nếu chúng tôi còn phân biệt người Pháp với người Việt trong việc đạo, thì Tòa thánh sẽ cho rằng người công giáo Việt Nam còn ấu trĩ, thiếu kỷ luật đạo, và sẽ không thể xúc tiến việc trao quyền cai

quản các địa phận và các họ đạo cho các giám mục và các linh mục Việt Nam được.

- Có lẽ cụ Hồ nhận ra đề tài này có thể gây rắc rối, mất lòng, nên vội lánh sang chuyện khác. Cụ hỏi tôi tình hình các Việt kiều, sinh viên ở Pháp, việc học hành của tôi. Lúc này cụ thân mật, cởi mở, vui tính. Cụ hẹn sẽ mời tôi, các cha và Việt kiều sinh viên đến dự một bữa tiệc.

Tôi nhận thấy câu chuyện này không có kết quả như ý tôi mong muốn. Tôi không tìm được một lời hứa ở cụ Hồ sẽ thay đổi chủ trương, nên tôi cũng không muốn nhắc lại nữa. Tôi xin kiếu từ, và khi tiễn tôi ra cửa phòng khách, cụ Hồ vui vẻ bắt tay tôi, đặt tay lên vai tôi mân mê những nút áo chùng trước ngực tôi nói những câu chuyện ở nước nhà, làm như là thân mật với tôi lắm.

Cuộc tiếp xúc lâu dài đầu tiên giữa tôi và cụ Hồ làm cho tôi lo lắng và buồn rầu khá nhiều. Tôi vừa kính phục cụ Hồ là một nhà cách mạng, một vị lãnh đạo quốc gia có tài, nhưng tôi cũng lo lắng cho giáo hội công giáo Việt Nam, cho tương lai xứ sở Việt Nam. Những quan niệm hẹp hòi và sai lầm về việc đạo có thể gây ra những xung đột nguy hiểm giữa người công giáo và phong trào Việt Minh, cũng như có thể gây nên những phản ứng bất lợi trên quốc tế cho chính phủ Việt Minh. Tôi linh cảm được những giai đoạn đen tối sắp đến cho giáo hội Việt Nam cũng như cho đất nước Việt Nam. Tôi không một lúc nào cầu mong cho người Pháp đặt lại quyền bảo hộ ở Việt Nam, nhưng tôi mong ước Pháp và chính phủ Việt Minh có thể đi đến một sự thỏa thuận chung, trong đó số phận người công giáo Việt Nam không bị thiệt thòi. Tôi cũng rất lo sợ những người công giáo có tinh thần hẹp hòi sẽ gây nên những xung đột tai hại với phong trào Việt Minh, đang được coi như một phong trào toàn dân, và một lần nữa, bị hiểu lầm là đi ngược với quyền dân tộc.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 10 -

Cụ Hồ khuyên tôi: Chú còn trẻ, đẹp trai, Không lấy vợ uống quá

Tôi ra về mang nhiều lo âu. Tôi chưa biết gì nhiều về cụ Hồ Chí Minh nhưng có điều tôi nhận thấy ngay. Cụ Hồ là một con người cứng rắn, cuồng nhiệt,

cương quyết, đã định làm gì thì dù bao nhiêu trở ngại cũng san bằng làm cho kỳ được. Sự mềm dẻo khéo léo của cụ Hồ chỉ ở bề ngoài, chỉ là một lối chinh phục cảm tình người đối thoại, thâm tâm cụ, không bao giờ cụ vì nghe người đối thoại hợp lý mà thay đổi quyết định của cụ. Tôi thần phục, nhưng sợ hãi con người như thế.

Tôi mơ hồ thấy con đường mà cụ Hồ sẽ đưa đẩy dân tộc Việt Nam, giáo hội Việt Nam vào: chiến tranh, mâu thuẫn, thanh toán lẫn nhau, đàn áp và sát hại những thiểu số chống đối, trong đó có đạo công giáo.

Tôi cũng đã được biết qua tin tức, lịch sử của những phong trào cộng sản ở Nga, Mễ Tây Cơ, Tây Ban Nha, Nam Tư v.v... và không một nơi nào sự thành lập một chế độ cộng sản đem lại một điều gì tốt đẹp hơn cho người công giáo.

Tôi là một linh mục công giáo, tôi không thể nào đồng ý với một người chủ trương biến Việt Nam thành một quốc gia cộng sản. Nhưng tôi là người Việt Nam, và lúc này điều cấp thiết là phải đòi lại độc lập từ tay người Pháp, và nếu tôi không góp công sức thì cũng không nỡ lòng nào chống lại, dù bằng lời nói, bất cứ một thể lực chính trị nào đang mưu đòi Độc Lập cho đất nước.

Những ngày sau đó tôi không ngớt suy nghĩ về số phận đất nước mình. Tôi theo dõi qua tin tức, qua những câu chuyện với các Việt kiều, đôi lúc với Nguyễn Mạnh Hà, những hoạt động ở Ba-Lê của cụ Hồ. Có những Việt kiều ngưỡng mộ cụ Hồ thực tình, hay là được đảng cộng sản tổ chức thì không biết, nhưng ngày nào cũng ra đứng trước Hotel Royal chờ được nhìn mặt cụ Hồ một lần rồi trở về.

Những ai ra vào khách sạn này họ đều nhớ nhẵn mặt. Nhờ đó những câu chuyện với họ, tôi được biết sơ lược rằng người Pháp không thực tâm thương thuyết với cụ Hồ. Cụ buồn và bất mãn, không dự những cuộc họp ở Fontainebleau.

Nhờ những người sốt sắng theo dõi các hoạt động của cụ Hồ và quanh cụ Hồ, tôi biết được rằng trong thời gian ở Ba-Lê, cụ Hồ đã tiếp xúc với các lãnh tụ cách mạng Phi Châu, như lãnh tụ du kích quân Algérie sau này là ông Ferhat Abbas. Điều này không có gì khó hiểu, vì ai cũng biết cụ Hồ là tác giả cuốn “Le Proces De La Colonisation Française” mà Nguyễn Thế Truyền đề tựa.

Ông Ben Gourison, sau này thủ tướng Do Thái, lúc bấy giờ chủ tịch một hội ái hữu Do Thái Pháp, cũng đến nói chuyện với cụ Hồ vài lần. Những nhân vật đến thường nhất là ông Paul Bernard, giám đốc Ngân Hàng Đông Pháp. Tôi nghĩ rằng cụ Hồ không quên được những vấn đề thiết thực của đất nước: vấn đề kinh tế.

Từ lúc tôi gặp cụ Hồ và nói chuyện với cụ được khoảng bốn hôm thì tôi và vài cha khác nhận được thư mời dự một buổi tiếp tân. Hối ra tôi được biết những Việt kiều khác như Trương Công Cừu, Trần Hữu Phương, Võ Văn Thái cũng nhận được thiệp mời như tôi. Nói là một buổi tiếp tân thì hơi quá đáng, đây chỉ là một bữa ăn thân mật, những người được mời phần nhiều tôi có quen, gồm tất cả khoảng non 30 người.

Tôi và cha Lập, cha Tiến đến với nhau cùng một lúc. Một vài anh em Việt kiều đã đến trước, và đang đứng trong phòng khách. Một lát thì thấy cụ Hồ bước ra, bắt tay mọi người, tôi trà trộn với mọi người, trong phòng khách, nói chuyện phiếm. Tôi phải công nhận cụ Hồ là một người hiểu biết rộng rãi.

Vấn đề gì cụ cũng có thể nói chuyện sơ qua và tỏ ra hiểu biết, chăm chú nghe chuyện. Những anh em Việt kiều được mời hôm ấy gồm toàn phần lớn những nhà trí thức, những sinh viên đã tốt nghiệp, nghĩa là thành phần Việt kiều ưu tú ở Pháp.

Dù mọi người kính nể cụ Hồ, nhưng trong câu chuyện, đôi lúc có ý, đôi lúc vô tình, họ không khỏi nêu lên những vấn đề khó khăn, có thể làm cho người được hỏi lâm vào thế kẹt.

Tôi chưa lúc nào thấy cụ Hồ bị kẹt như thế. Và lại cụ có lối đánh trống lảng tài tình. Vấn đề gì cụ thấy khó trả lời thỏa mãn người đối thoại, cụ lập tức nói sang chuyện khác, nói đến một vấn đề khác thật hấp dẫn, làm cho người nêu lên câu hỏi khó quên mất câu hỏi của họ.

Khoảng nửa giờ sau, những khách mời đến đầy đủ, và cũng vừa đúng giờ ghi trong thiệp mời, tức đầu khoảng 12 giờ trưa, cụ Hồ mời mọi người sang phòng ăn. Hiện nay Hotel Royal vẫn còn, có lúc còn được gọi là Hotel Royal- Monceau, và phòng tiếp tân tại nơi này vẫn không thay đổi gì nhiều, bàn ăn là một bàn chữ nhật lớn.

Cụ Hồ cầm tay tôi dẫn đến chiếc ghế bên trái cụ, và chỉ cho cha Lập ngồi

bên phải, cha Hoàng Trọng Tiến ngồi đối diện.

Những anh em khác được cụ sắp xếp ngồi vào bàn. Từ lúc gặp các anh em Việt kiều cho đến lúc ngồi vào bàn ăn, cụ Hồ chỉ nói những chuyện lật vặt, thứ chuyện mà người ta gọi là chuyện phiếm, không đâu vào đâu cả.

Nhưng trong mọi câu nói cụ Hồ thương khuyên anh em Việt kiều tham gia vào công cuộc đấu tranh đòi độc lập.

Lúc vào bàn ăn, cụ Hồ chẳng hề dùng cái lối đọc diễn văn long trọng. Cụ ngồi ngay vào bàn ăn, và lúc nâng ly rượu đầu, cụ nói giọng thật là nồng nàn, thành thật:

- Chính phủ bên nước nhà đang theo đuổi mục tiêu tranh thủ độc lập, đem hạnh phúc lại cho toàn dân. Nhưng muốn đem hạnh phúc cho toàn dân, thì phải thực hiện xã hội chủ nghĩa. Giả sử mà chúa Giêsu sinh ra đời vào thời đại này, trước sự đau khổ của người đời như lúc này, mà Chúa muốn cứu vớt, thì chắc là cũng phải theo xã hội chủ nghĩa.

Tôi và các cha mỉm cười vì cái lối so sánh kỳ cục của cụ Hồ, tôi trả lời cụ:

- Thừa cụ Chủ tịch, về việc tranh thủ độc lập, thì mọi người Việt Nam công giáo hay không công giáo đều sẵn sàng tham gia. Nhưng về việc thực hiện xã hội chủ nghĩa, thì chúng tôi thiết nghĩ có nhiều người không đồng ý rằng đó là giải pháp duy nhất để đem hạnh phúc lại cho con người.

Cụ Hồ vỗ vai tôi, cười:

- Cha lại tuyên truyền rồi.

Có lẽ lúc đó tôi còn trẻ, nên tôi có hơi long trọng trong câu chuyện một cách quá đáng. Tôi không cười, thừa lại:

- Thừa cụ Chủ tịch, tôi đâu có ý tuyên truyền. Tôi nói ra ai nghe thì nghe, ai không thì thôi, tôi chẳng bao giờ chủ trương bắt những người không nghe theo lời nói của mình vào trại tập trung cả.

Cụ Hồ chỉ khẽ cau mày:

- Đạo Công giáo chỉ được nước bình nhà giàu, về với nhà giàu. Nhà giàu

chết thì giật chuông inh ỏi, làm lễ mờ long trọng, còn nhà nghèo chết thì im hơi lặng tiếng. Như vậy làm sao Chúa biết linh hồn nhà nghèo vừa thoát khỏi xác mà đến rước về thiên đàng?

Tôi lại càng nghiêm hơn nữa, và nhất định phải cãi lại cụ Hồ.

- Thừa cụ Chủ tịch, Đạo Công giáo chẳng hề bênh nhà giàu bao giờ. Chúa Giêsu ra đời trong gia đình nghèo khó, giảng đạo cho người nghèo trước. Nhưng sở dĩ có những người Công giáo nghèo, những người giàu, là vì đạo Công giáo là một thành phần xã hội, sống trong một xã hội, và xã hội đó có kẻ giàu người nghèo. Nếu xã hội có giai cấp thì đạo Công giáo phải chấp nhận, nhưng không phải là tán đồng hoàn toàn đâu. Đạo chủ trương mọi người ngang hàng, bình đẳng trước Thiên Chúa không phân biệt giai cấp chi cả.

Cụ Hồ làm thính một lúc, mặt lúc ấy hơi nghiêm, nhưng cụ tươi cười ngay, đổi sang câu chuyện khác, giọng nửa bông đùa nửa thành thật:

- Các chú còn trẻ và đẹp trai cả sao không chịu lấy vợ đi? Các chú không lấy vợ, xã hội, đất nước thiệt thòi biết bao nhiêu?

Lúc này tôi dùng giọng bông đùa để trả lời cụ:

- Xin lỗi cụ chủ tịch, thế tại sao cụ không lấy vợ để làm lợi cho xã hội? Chúng tôi độc thân nhưng sự độc thân của chúng tôi không làm thiệt hại gì cho xã hội, cũng như độc thân của cụ chủ tịch vậy mà.

- Tôi độc thân được, nhưng các chú còn trẻ, độc thân sao nổi. Trông thấy hoa, sao khỏi muốn hái được.

- Thừa cụ, bây giờ cụ đã già, nhưng trước kia cụ cũng trẻ như chúng tôi, mà cụ vẫn độc thân được, thì chúng tôi cũng có thể độc thân được: chúng tôi cũng có thể trông thấy hoa mà không muốn hái vì bận theo một lý tưởng khác.

Thấy tôi cãi hơi hăng, cụ Hồ cười rồi bắt sang chuyện khác.

Trần Hữu Phương ngồi ở cuối bàn cất tiếng hỏi:

- Thừa cụ, cụ người ở đâu, xin cho chúng tôi được biết?

Cụ Hồ trả lời:

- Tôi người Việt Nam.

- Việt Nam nhưng là tỉnh nào?

Tôi nhìn về phía Trần Hữu Phương và nói:

- Anh Phương thật ngớ ngẩn, giọng của cụ là đặc giọng Nghệ An, anh còn hỏi làm gì nữa.

Mọi người cười ồ lên và bữa tiệc được tiếp tục trong bầu không khí vui vẻ đầm ấm cho đến hai giờ chiều mới tan.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 11 -

Những hoạt động của Hồ Chí Minh trong ba tháng rưỡi ở Pháp

Một giai thoại được giới Việt kiều thời bấy giờ nhắc đến hoài, làm cho tôi phải nhớ lại. tạp chí Le Paria là một tạp chí cộng sản cực đoan do chính cụ Hồ sáng lập và làm chủ nhiệm, chủ bút, kiêm nhiếp ảnh viên kiêm bình luận gia, trong những năm sau đệ nhất thế chiến, cùng với cụ Nguyễn Thế Truyền. Sau khi cụ Hồ rời nước Pháp, nó chuyển giao cho một đảng viên cộng sản Pháp và Đông Dương. Nó không sống gió như ngày xưa, nhưng vẫn sống lây lất, và trong những ngày cụ Hồ sang Pháp lần này tạp chí Le Paria đăng một bức thư ngỏ lời cụ Hồ, nói là của những đồng chí do cụ đào tạo, nhưng thấy cụ phản bội nên nhất định chửi cụ, chống cụ.

Thư ngỏ như vậy:

“Chúng tôi là nhóm đồng chí ít ỏi còn lại do đồng chí (Hồ) đào tạo năm 1925. Những tư tưởng của đồng chí đã thấm sâu vào chúng tôi. Chúng tôi xem đồng chí như biểu tượng cho tất cả những tầng lớp thợ thuyền Việt Nam trẻ.

“Chúng tôi không ngờ lại phải mất hết mọi hy vọng sau thỏa ước ngày 8 tháng 3 (giữa cụ Hồ và D’Argenlieu, để Pháp trao tống Nam bộ). Đồng chí đã ký kết một thỏa ước chấp nhận tự trị mà không phải độc lập. Sức mạnh của lòng tin tưởng của chúng tôi đặt vào nơi cụ là lãnh tụ phong trào cách mạng phản đế ngày nay cũng ngang ngửa với lòng căm phẫn của chúng tôi. Chúng tôi lấy làm xấu hổ là ngày xưa đã chọn lầm lãnh tụ.

“Nhưng nhân dân Việt Nam không bao giờ tuyệt vọng... Họ sẽ tiếp tục con đường cụ đã vạch nhưng đã không noi theo cho đến cùng”.

Số báo Le Paria này đã gây nên một vụ tạt gọi là xì căng đan. Cụ Hồ phản đối chính phủ Pháp, cho rằng chính phủ Pháp cố tình làm rắc rối cho cụ, hạ nhục cụ, chế nhạo cụ. Cụ đòi gặp đại diện nhóm chủ trương tờ Le Paria. Trong một lần gặp gỡ với đại diện bộ ngoại giao Pháp, cụ Hồ đã làm mặt nổi giận, chua cay, trách móc chính phủ Pháp.

Đại diện bộ ngoại giao Pháp, chính phủ Pháp đã mắc bẫy, xin lỗi cụ Hồ bao nhiêu lần về vụ này, và những mặt vụ Pháp, cán bộ thông tin mật của Pháp sau đó đã phải đi căn dặn các báo cần dè dặt trong mọi bài bình luận, chỉ trích gì đề cập đến cụ Hồ và vấn đề Việt Nam.

Trong lúc cụ Hồ ở Pháp, các bào Pháp tuy gọi là tự do, nhưng thông cảm với chính phủ, nên riêng các đề tài Việt Nam, thì coi như có kiểm duyệt.

Nhưng mà ý cụ Hồ khi làm mặt giận vì bài báo Le Paria không phải chỉ có như vậy đâu. Cụ muốn lấy cái lập trường quá khích ở Le Paria để làm một tiêu chuẩn so sánh với lập trường thật là ôn hòa, mềm dẻo của cụ, và như thế chứng minh với người Pháp rằng ngày nay cụ và dân tộc Việt Nam đã chọn nước Pháp làm một đồng minh đàn anh, nghĩa là cụ chịu nhượng bộ nhiều lắm, nhưng Pháp cũng nên hiểu cho cụ, đừng bắt cụ nhượng bộ hơn nữa, bởi vì sau lưng cụ, còn những thành phần quá khích không thể nào cho phép cụ lùi thêm bước nữa.

Mấy tháng liền, nghĩa là từ ngày 22 tháng 6 đến 13 tháng 9, hội nghị Fontainebleau vẫn tiếp tục. Cụ Hồ bất mãn và thất vọng. Sau mấy phiên nhóm đầu, cụ hoàn toàn giao phó cho các đại diện. Nguyễn Mạnh Hà thường đi dự với nhiều nhiệm vụ, một trong các nhiệm vụ đó là thông ngôn, vì Hà giỏi tiếng Pháp, mà cũng giỏi tiếng Việt. Đôi lúc Hà trở lại gặp tôi và kể cho nghe những chuyện xảy ra trong hội nghị. Cụ Hồ có vẻ không gấp gáp ký bất cứ một hiệp ước gì với Pháp. Người ta có cảm tưởng cụ Hồ cố tình kéo

dài hội nghị. Người Pháp thì cũng muốn kéo dài tình trạng nhập nhằng này, có lẽ để cho sự phân chia Nam bộ trở thành vững chắc và tự nhiên hơn. Bên Sài-gòn, chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh trở thành bù nhìn thực sự của Pháp. Cả những cơ quan hành chánh cũng do người Pháp làm trưởng sở.

Người Pháp có cảm tình với cụ Hồ nhiều lắm. Nhưng có một điều bất ngờ cụ Hồ lúc sang Pháp không tính đến: những lãnh tụ cộng sản ngày nay ít ai biết đến và thân thiết với đảng viên cộng sản kỳ cựu trong những đảng viên sáng lập đảng cộng sản Pháp, sau đệ nhị thế chiến là Nguyễn Ái Quốc, nay là Hồ Chí Minh. Vì vậy sự hỗ trợ, hay thiện cảm của đảng cộng sản Pháp mà cụ Hồ đã mong mỏi không xảy ra.

Trong một buổi tiếp tân vào ngày 25 tháng 6, tức là trước ngày chúng tôi dự tiệc trưa lần thứ nhất với cụ Hồ tổ chức tại khách sạn Royal một cuộc tiếp tân long trọng mời rất đông quan khách.

Đảng cộng sản Đông Dương ở Pháp, và cán bộ Việt Minh đi lôi kéo số Việt kiều, khoảng vài trăm người kéo đến quanh Hotel Royal biểu tình hoan hô tình thân thiện Pháp Việt, lúc cụ Hồ tiếp các chính khách, trí thức, nhân sĩ, báo giới Pháp bên trong khách sạn.

Trong buổi tiếp tân này một đảng viên cộng sản Pháp, thuộc hệ phái Trotsky, tức là đệ tứ quốc tế, có hỏi trường hợp cái chết của Tạ Thu Thâu. Cụ Hồ làm mặt buồn rầu, thiểu não, đã trả lời rằng: Ông Thâu là một nhà ái quốc lớn, và chúng tôi rất buồn lòng khi hay tin ông mất.

Bị hỏi dồn, ai là thủ phạm thủ tiêu ông Thâu, cụ Hồ đã trả lời gằng gượng: Tất cả những ai đi sai con đường tôi đã vạch, đều phải bị tiêu diệt. Con người cộng sản giáo điều ở cụ Hồ hiện rõ trong câu nói đó, và câu nói tàn bạo đó giải thích được những hành động sau này của chính phủ Việt Minh ở vùng gọi là giải phóng.

Có lẽ nhờ tuổi tác, cho nên cụ Hồ nói chuyện thân mật với các thiếu phụ Pháp, đàn bà Pháp rất tự nhiên. Trong cuộc tiếp tân này, tổ chức trong vườn hoa Hotel Royal, cụ Hồ đã tự hái những bông hồng đẹp nhất cài lên áo, lên tóc những bà mệnh phụ tham dự, kèm theo những lời khen áo đẹp, những câu ca tụng nước Pháp.

Ngày 13 tháng 7, cụ Hồ mở cuộc họp báo, và các bài tường thuật được đăng trên một vài báo Pháp. Lúc đó báo chí quốc tế chưa chú ý mấy đến vấn đề

Việt Nam, vì họ xem đây là một vấn đề nội bộ của nước Pháp. Bộ ngoại giao Pháp cũng đang vận động với các Tòa đại sứ đồng minh, nhất là với Mỹ và Anh, để thu hẹp tầm quan trọng của vấn đề này thành chuyện nội bộ của Pháp. Cuộc họp báo ngày 13-7 đã không có tiếng vang như cụ Hồ mong ước.

Trong cuộc họp báo này, cụ Hồ đã xác nhận cụ là Nguyễn Ái Quốc. Cụ trả lời báo Le Monde, đã hỏi cụ về lai lịch của cụ, trong câu hỏi có nêu thắc mắc cụ Hồ có phải là Alias Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc hay không? Cụ Hồ mỉm cười, trả lời một cách mập mờ, nước đôi:

“Tôi đã phải sống lén lút, chui rúc, cho nên cái việc đổi tên này tên nọ không có gì đáng ngạc nhiên. Và tôi chỉ thực hiện công khai kể từ ngày 20 tháng 8 năm 1945” (ngày tuyên cáo độc lập).

Cụ Hồ lên Ba-Lê ngày 22 tháng 6, nhưng mãi đến ngày 2 tháng 7, tức 10 ngày sau, cụ mới gặp thủ tướng Pháp Beorbed Bidault. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và Bidault có vẻ khinh thường cụ Hồ. Trong thông cáo chung cụ Hồ đã hết sức nhún nhường, mềm dẻo: Chúng ta sẽ thành tâm hợp tác với nhau theo tinh thần nhân bản mà các triết gia Khổng giáo cùng các triết gia Tây phương đều chia sẻ, để thiết lập một mối liên hệ mới giữa những con người cùng tự do, và cùng tương quan với nhau. Như chúng ta thấy, bản thông cáo đã cố tình bỏ sót cái ý: giữa hai quốc gia tự do độc lập, tương quan.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 12 -

Ngày Cát-To-Duy-Ê (14/ 7) 1946: Cụ Hồ thành Quốc Khách của Pháp

Nhờ những cuộc vận động khôn khéo, dần dà cụ Hồ trở thành thượng khách của chính phủ Pháp, của nước Pháp. Chúng ta thấy cụ đã đi từ chỗ ở kín đáo tại thành phố Biarritz, đến Ba-Lê, và vào ngày 14 tháng 7 tức là ngày quốc khánh Pháp, cụ Hồ đã được xếp chỗ ngồi trên hàng ghế danh dự, ngang hàng thủ tướng Bidault. Trong cuộc lễ hôm đó, cụ Hồ đã nhận danh quốc trưởng Việt Nam đặt vòng hoa tưởng niệm lên mộ chiến sĩ vô danh. Từ đây cụ có tư thế một quốc khách của Pháp rồi.

Như nói trên ông Bidault là một người có tinh thần thực dân và khinh miệt người Việt Nam lộ liễu. Trong việc sắp xếp chỗ ngồi trong ngày quốc khánh Pháp, cụ Hồ đòi ngồi ngang hàng với ông Bidault, nhưng ông Bidault nhất định không chịu như vậy. Cuối cùng ban nghi lễ phải sắp nhiều khán đài gần nhau, nhưng cái cao cái thấp, hơn kém nhau vài phân. Cụ Hồ được sắp ngồi cũng tạm gọi là ngang hàng với ông Bidault trên khán đài riêng, thấp hơn khán đài ông Bidault vài phân, nhưng ở xa thì thấy ngang nhau.

Cụ Hồ được xếp ngồi chung với các lãnh tụ cộng sản như Thorez và các bộ trưởng cộng sản như Tillon (bộ trưởng không quân).

Những ngày ở Ba-Lê kéo dài mà không ích lợi gì. Hội nghị Fontainebleau, theo lời kể của Nguyễn Mạnh Hà, thì chỉ là một phiên họp để Pháp ra điều kiện và phái đoàn Việt Minh từ chối cách nào cho khéo léo, để không tan vỡ ngay là được rồi.

Cụ Hồ chán nản, và nhân một hôm gặp lại một người bạn Pháp quen thân lâu năm, vợ chồng ông Raymond Aubrac, hiện sống trong một biệt thự rộng rãi ở vùng quê phụ cận Ba-Lê, cụ Hồ để phái đoàn của ông lại Hotel Royal, trong lúc cụ và vài thơ ký dời đến ở nhà ông Aubrac. Vợ ông này là bà Lucie Aubrac, là dân biểu cộng sản trong quốc hội Pháp. Cụ Hồ dời về nhà gia đình Aubrac từ ngày 12 tháng 8 và ở lại đó cho đến ngày 15 tháng 9 tức là ngày cụ rời Pháp trở về Việt Nam.

Chính phủ Pháp dành cho cụ Hồ và phái đoàn Việt Minh vài chiếc xe du lịch, tôi nhớ hình như là mấy chiếc Citroen, loại ba hàng ghế, với tài xế và cận vệ cùng một đội cảnh sát. Lúc dời về nhà Aubrac, cụ Hồ đem theo chiếc xe, nhưng yêu cầu khỏi có cảnh sát. Mỗi sáng cụ dậy sớm, duyệt qua các báo Pháp, các bản tường thuật phiên họp hôm trước, rồi dùng sáng với gia đình Aubrac và lên Ba-Lê.

Càng kéo dài, hội nghị Fontainebleau càng lâm vào tình trạng bế tắc, đổ vỡ. Fontainebleau là một nơi tuy chẳng xa Ba-Lê lắm, nhưng khí hậu lại lạnh, và phòng họp thì thiếu tiện nghi. Những người Việt Nam tham dự hội nghị có lẽ vì cái rét lạnh không quen ở Pháp, đâm ra lảm lì. Phía phái đoàn Pháp chỉ gồm những chuyên viên cề vấn đề thuộc địa, mà không có một nhân vật chính trị có hạng nào cả.

Vì vậy vấn đề được đặt ra đều không thể giải quyết tại chỗ, mà phải chờ phúc trình lên. Điểm bất đồng lớn nhất giữa hai phái đoàn, hai quốc gia, là

phía Việt Minh thì muốn đứng trên lập trường một quốc gia độc lập, chủ quyền, đề thương thuyết về mối liên hệ theo pháp lý quốc tế, với một quốc gia bạn.

Trong lúc phía Pháp muốn coi hội nghị này như một cuộc họp nội bộ giữa chủ và tớ, mà chủ dĩ nhiên là nước Pháp. Họ chỉ muốn phái đoàn Việt Minh chấp thuận những ân huệ của Pháp, nếu có sửa đổi thì chỉ sửa đổi đôi chút thôi. Điểm bất đồng quan trọng thứ hai, là phái đoàn Việt Minh quan niệm nước Việt Nam thống nhất từ Cà Mau đến Nam Quan, do một chính phủ và dĩ nhiên là chính phủ Việt Minh cai trị.

Phái đoàn Pháp theo chỉ thị của chính phủ và dựa theo thỏa ước tháng 3, thì coi vấn đề lãnh thổ Việt Nam chưa được giải quyết: Nam bộ đã có chính phủ tự trị dưới nhãn hiệu giả Nguyễn Văn Thinh, nhưng được hứa là sẽ có tổ chức trưng cầu dân ý để quyết định sát nhập hay tách riêng. Trung và Bắc kỳ thì có thể trao cỜ Chính phủ Việt Minh, nhưng chính phủ này phải công nhận tính cách chuyển tiếp, lâm thời và phải chờ sau cuộc trưng cầu dân ý toàn cõi Việt Nam mới dứt khoát.

Tuy nhiên có một điều mà chính phủ Pháp không biết và nếu biết thì có lẽ hội nghị Fontainebleau không tan vỡ, chính phủ Việt Minh coi việc thống nhất ba miền quan trọng hơn vấn đề độc lập. Do đó nếu Pháp chịu để cho ba miền thống nhất, thì Việt Nam có thể chấp nhận qui chế tự trị trong liên hiệp Pháp. Nhưng lúc bấy giờ Pháp theo chủ trương và mưu kế của D'Argenlieu, đã tách Nam bộ thành cộng hòa Nam bộ tự trị, cho nên bây giờ nhượng bộ điểm này ngay, khi chưa có trưng cầu dân ý thì có vẻ Pháp chịu thua sao. Cho nên Pháp không nhượng bộ về vấn đề thống nhất lãnh thổ.

Đến ngày 12 tháng 9, hội nghị Fontainebleau kể như tan vỡ. Một phần phái đoàn Việt Minh đã rời nước Pháp trở về Hà Nội.

Một thông cáo của phái đoàn Việt Minh được phổ biến, cổ che dấu sự thất bại, cổ mở rộng cửa thương thuyết.

Thông cáo không có nói đến những điều gì đã thỏa thuận được, mà chỉ nói rằng hai chính phủ “mong ước” sẽ tiếp tục nói chuyện nhau ở những cấp bộ địa phương về những thỏa ước giới hạn.

Tại Hà Nội những phần tử quá khích rục rịch nổi lên chống lại Việt Minh. Khi hay tin hội nghị Fontainebleau thất bại, các đảng phái cách mạng đã

công khai chỉ trích chính phủ Việt Minh và cụ Hồ.

Vì vậy cụ Hồ muốn mang về nước ít ra một thỏa ước nào minh bạch hơn là một bản thông cáo không có giá trị gì hết. Cụ chỉ còn trông cậy vào một con đường: ký với Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, tức là bộ Thuộc Địa Pháp, một thỏa ước kiểu đó. Dĩ nhiên đây là một thiệt thòi nhục nhã cHò Chính phủ Việt Minh: quốc trưởng một quốc gia, dù nhỏ bé không thể nào hạ mình ký kết với một bộ trưởng, lại là bộ trưởng bộ Thuộc Địa.

Làm như vậy đương nhiên cụ Hồ nhận chịu cho Việt Nam làm xứ thuộc địa, chấp nhận uy quyền của thực dân Pháp và riêng cụ trở thành bề dưới của Marius Moutet, bộ trưởng bộ Thuộc Địa Pháp.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 13 -

Lần thứ ba, cụ Hồ nói rõ phải đánh Tây nếu...

Từ ngày 11 tháng 9, gần như suốt ngày, có lúc lẫn sang đêm, cụ Hồ đã đến gặp ông Marius Moutet, bộ trưởng bộ Thuộc Địa Pháp. Trong những ngày cuối cùng ở Pháp này cụ Hồ lúc nào mặt cũng có vẻ buồn rầu, đau khổ, trầm ngâm. Những Việt kiều thỉnh thoảng gặp cụ không mấy lúc thấy cụ cười nữa.

Trong khoảng thời gian này, chúng tôi và một số Việt kiều khá đông nhận được thiệp mời của cụ Hồ, mời dự một buổi tiếp tân ở nhà ông Raymond Aubrac. Hầu hết những Việt kiều tôi quen biết đều được giấy mời.

Những người trong nhóm quen biết với tôi không mấy ai giàu, cho nên cùng hẹn chung nhau đi chuyến xe buýt. Lúc chúng tôi đến khoảng 4 giờ chiều, thì số Việt kiều có mặt rồi khá đông, có khoảng vài trăm người. Tôi cứ ngại là sau hai lần gặp gỡ cụ Hồ, lần nào tôi cũng lên tiếng cãi lại cụ, lần này có thể cụ sẽ bực mình với tôi.

Nhưng điều tôi không ngờ, là cụ Hồ niềm nở với tôi như trước. Cụ đón chúng tôi ngay gần cổng vào vườn.

Buổi tiếp tân tính tổ chức trong vườn, cho nên tôi đã thấy bàn ghế kê sẵn,

đèn mắc sẵn, trên các nhành cây, bụi hoa. Cụ Hồ bắt tay tôi, rồi khoác vai tôi kéo vào một chiếc ghế đôi trong vườn. Tay cụ vẫn bá vào vai tôi, có lúc cụ vòng tay lại trước ngực tôi, mân mê những nút áo, và bàn tay gầy guộc của cụ đã đụng vào má, vào cằm tôi. Cử chỉ thân mật này, nếu ở bất cứ một người nào khác, chắc là tôi không chịu, nhưng ở cụ Hồ thì tôi thấy nó tự nhiên quá, và không có lý do gì để tôi từ chối cả.

Anh em vây quanh cụ Hồ, phần nhiều là những thành phần trí thức trong đó có những người quen nhiều với tôi hỏi han tình hình, kết quả hội nghị Fontainebleau. Tôi thấy mặt cụ Hồ thoáng sậm lại, vừa buồn, vừa chua chát, vừa căm hận. Nhưng rồi cụ mỉm cười liên được. Cụ trả lời bông đùa, mập mờ, đại ý rằng thành công hay thất bại chẳng quan trọng gì cho lắm, thua keo này ta bày keo khác.

Lúc đó khoảng 5 giờ chiều. Vài giọt mưa bắt đầu rơi xuống. Mọi người kéo nhau vào trong nhà. Cụ Hồ vẫn đặt tay trên vai tôi, kéo tôi vào phòng khách.

Phòng khách tuy rộng nhưng cũng khó chứa hết vài trăm người, nếu mỗi người đều phải có ghế ngồi. Cụ Hồ lên tiếng yêu cầu mọi người dẹp ghế vào sát tường rồi ngồi bệt xuống nền nhà cho tiện. Cụ kéo tôi ngồi xuống trước nhất. Tôi thấy không có gì để nói. Các anh em Việt kiều liên tiếp hỏi cụ, bây giờ hội nghị Fontainebleau kể như thất bại rồi, cụ tính sao? Cụ Hồ trả lời nước đôi, cố tình giấu diếm điều gì đó:

- Hội nghị vẫn tiếp tục. Chúng ta có tục ngữ: còn nước còn tát mà. Nhưng nếu hội nghị thất bại, chúng ta sẽ liệu đối phó.

Một anh em Việt kiều hỏi.

- Thưa cụ chủ tịch, nước Pháp có binh hùng tướng mạnh, vũ khí tối tân, chúng ta lấy gì để đánh Pháp, và đánh như vậy thì hy vọng gì mà đánh?

Cụ Hồ nhìn thẳng mọi người, giọng cương quyết:

- Chúng ta có nhân dân, nếu nhân dân quyết tâm đánh, thì dù Pháp mạnh đến mấy cũng phải thua. Tất nhiên là không ai muốn chịu cảnh chiến tranh, vì thắng hay bại thì cũng phải thiệt hại nhiều. Nhưng một khi thương thuyết không kết quả, thì chúng ta không còn cách gì khác. Cụ Hồ có lẽ để tránh những câu hỏi lắc léo, hoặc vì một lý do nào đó tôi không được biết, cụ đứng lên đi vào nhà trong. Vài phút sau, cụ trở ra và vẫn ngồi xuống cạnh tôi. Một

gia nhân đi theo đến trước mặt tôi:

- Thừa cha, bà chủ mời cha vào có chuyện muốn thưa với cha.

Tôi theo gia nhân vào một phòng khách nhỏ, lối phòng khách phụ nữ, bà Lucie Aubrac đứng lên bắt tay tôi, tươi cười mời tôi ngồi:

- Hôm nay tôi rất sung sướng thấy các linh mục, những nhà trí thức Việt Nam như các ông Trần Đức Thảo, Phạm Huy Thông cùng đến dự cuộc tiếp tân của cụ Hồ.

Tôi thấy đây là một triệu chứng tốt tỏ rõ dân tộc Việt Nam không phân biệt tôn giáo, giai cấp đã đoàn kết sau cụ Hồ.

Sau vài câu chuyện phiếm, bà Aubrac xin chụp hình tôi làm kỷ niệm. Tôi nhận thấy bà có một dụng ý nào đó, nên ngần ngại.

- Thừa bà, hình một thầy tu như tôi thì có ra gì đâu, xin bà khỏi phải chụp làm gì.

Bà Aubrac có vẻ muốn chụp cho được hình tôi.

- Thừa cha, ít khi chúng ta có dịp gặp gỡ như thế này, tôi chỉ muốn xin chụp hình cha làm kỷ niệm.

Tôi đã thấy hai chiếc máy hình, loại máy hình lớn, có chân lớn ba càng trên phủ tấm vải đen của các thợ chụp hình chuyên môn thời đó. Tôi vẫn từ chối:

- Nếu bà chụp hình để làm kỷ niệm, bỏ vào Album gia đình thì dù không thích tôi cũng không dám từ chối, nhưng nếu bà chụp hình để ngày mai hình tôi lên báo L'humanité kèm theo một bài bình luận đại khái nói rằng linh mục Luận ủng hộ lập trường cụ Hồ hết mình, thì tôi xin bà cho phép tôi từ chối.

Bà Aubrac vẫn tươi cười:

- Nếu cha đã không bằng lòng cho lên báo, thì chúng tôi sẽ giữ làm kỷ niệm trong gia đình vậy.

Thợ chụp hình ngấm nghĩa, chụp riêng tôi vài bộ, chụp tôi đứng chung với

bà Aubrac vài bộ. Tôi ra phòng ngoài, đứng ở một góc hơi xa cụ Hồ. Hình như cụ vẫn chờ tôi ra nên vừa thấy tôi, cụ đã bước lại gần, kéo tôi ngồi xuống bên cạnh như trước. Cụ có vẻ thân mật, tha thiết hơn:

- Tôi sắp về nước, nhân tiện chú nên viết một bức thư gửi các giám mục, các giáo sĩ bên nước nhà, các vị sẽ mừng vì thấy các vị linh mục trẻ bên Pháp đã hiểu và ủng hộ lập trường của chính phủ ta.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 14 -

Hồ Chí Minh yêu cầu tôi viết một lá thư...

Từ sau lần gặp gỡ thứ hai, cụ Hồ đã quen gọi tôi là chú, khi thì gọi là linh mục. Vẫn theo thói quen, tay cụ vẫn mân mê những nút áo chùng thâm của tôi, những chiếc nút có bọc vải bên ngoài, và khá lớn. Tôi dè dặt:

- Thừa cụ chủ tịch, bên nước nhà có đến 14, 15 vị giám mục, bây giờ tôi biết viết thư cho ai? Và lại khi tôi rời nước nhà đi du học thì còn trẻ tuổi, không có hân hạnh thân thiết với các ngài cho lắm.

Cụ Hồ có vẻ trầm ngâm, suy nghĩ, tìm tòi một lúc, rồi cụ làm ra vẻ mừng rỡ như đã khám phá được điều quan trọng:

- Chú hãy viết thư cho Đức cha Lê Hữu Từ được rồi. Ngài là cố vấn tối cao của chính phủ ta, và cũng là bạn thân của tôi, tôi sẽ đưa tận tay ngài.

Tôi đã hiểu cái dụng ý chính trị của cụ Hồ trong việc này, cho nên tôi muốn từ chối khéo léo:

- Thừa chủ tịch, tôi được giấy mời đến đây dự tiệc tiễn đưa cụ chủ tịch, không có chuẩn bị chi cả, nên bây giờ cụ chủ tịch bảo viết thư, tôi chẳng biết viết thế nào cả. Và lại tôi nay sau khi từ biệt cụ chủ tịch tôi phải đáp xe hỏa đi Louvain ngay, thuyết trình tại một đại hội truyền giáo ở đó. Ở đây có ông Trương Công Cừu, Tổng thư ký hội Việt kiều công giáo Ba-Lê, để ông Cừu viết thư cũng được vậy.

Cụ Hồ cau mày, có vẻ phật ý:

- Linh mục, hay một linh mục nào khác viết thư thì mới có giá trị, chứ một giáo dân thì không ích lợi gì.

Tôi hện lại:

- Nếu vậy để tôi về thưa lại với các cha khác, và có thể họ sẽ viết thư về rồi trao cho cụ chủ tịch sau.

Câu chuyện về lá thư tạm kết thúc ở đây, và cụ Hồ không nhắc lại nữa. Tôi đi Louvain nên không dự buổi tiếp tân đến cuối được. Tôi kiêu từ ra về sớm hơn các người khác. Cụ Hồ tiễn tôi đến cửa phòng khách, bắt tay, tươi cười, và mời tôi về nước.

Những điều tôi viết ra về Hồ Chí Minh, một phần qua những lần tiếp xúc trực tiếp giữa tôi với cụ Hồ, một phần do những câu chuyện, những tin tức mà tôi được biết đến thời bấy giờ, và tôi không dám nói là tôi biết nhiều hơn các sử gia. Sau này tôi không còn gặp lại cụ Hồ một lần nào. Năm 1947 tôi về nước, có tìm cách trở vào địa phận Vinh, lúc bấy giờ thuộc kiểm soát của chính phủ kháng chiến Việt Minh, nhưng vì không thể bắt liên lạc với các bậc thẩm quyền địa phận Vinh cho nên tôi phải lưu lạc Hà Nội, rồi vào Huế và từ Huế tôi ra Hương Phương, Hòa Ninh ở lại mấy tháng. Tình hình lúc bấy giờ làm tôi thay đổi ý định, vì biết rằng dù có ra Xã Đoài, tôi cũng không giúp ích gì được.

Lúc bấy giờ trong vùng Việt Minh kiểm soát, phong trào đàn áp công giáo tuy chưa lộ liễu, nhưng đã bắt đầu, và nhiều làng công giáo đã tách rời để thành lập những khu biệt lập, bên ngoài dựa theo Pháp, nhưng thực tâm không mong gì hơn là được sống yên lành.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 15 -

Cụ Hồ đến phòng ngũ Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa Pháp

Những ngày cuối cùng của hội nghị Fontainebleau, tức là ngày đầu tháng 6, trong lúc phái đoàn Việt Nam vẫn còn tham dự hội nghị thì Hồ Chí Minh lúc

bấy giờ đang ở trong nhà gia đình dân biểu cộng sản Raymond Aubrac, mỗi sáng khoảng 10 giờ, đi xe lên Hotel Royal Monceau, duyệt lại các tài liệu, phúc trình, hội nghị ngày hôm trước, rồi theo chương trình đã sắp xếp trước, cụ đến Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, tức là Bộ Thuộc Địa, hội đàm với ông Bộ trưởng Marius Moutet.

Những cuộc họp riêng và kín này bắt đầu vào khoảng ngày 7 tháng 9, lúc hội nghị Fontainebleau không còn hy vọng gì đi đến một giải pháp mà cả Pháp lẫn Việt Minh có thể chấp nhận.

Những gặp gỡ giữa cụ Hồ và ông Marius Moutet hình như do ông Jean Sainteny và một nhân vật cộng sản trong chính phủ Pháp thời bấy giờ là ông Tillon, Bộ trưởng Không Quân sắp xếp và khuyến khích, với mục đích vừa không làm mất lòng đồng chí cộng sản Hồ Chí Minh, tức Alias Nguyễn Ái Quốc, và từng là sáng lập viên đảng cộng sản Pháp, mà lại không đi ngược lại quyền lợi và chính sách của nước Pháp.

Những người gặp cụ Hồ lên xe đến bộ Pháp Quốc Hải Ngoại thời bấy giờ đều kể lại với tôi rằng: mặt cụ đăm đăm, trán cau lại thành những vết nhăn không lúc nào phai được.

Cụ lặng lẽ bước lên xe, người như gập đôi lại trên chiếc ghế sau. Người cận vệ duy nhất của cụ bước lên cạnh ghế tài xế, và lập tức người tài xế là một đảng viên cộng sản Pháp do ông Aubrac giới thiệu, rồ máy xe, từ từ chạy đến bộ Thuộc địa.

Không một người nào khác tham dự những buổi họp kín này. Theo lời một vài người kể lại với tôi, thì có nhiều buổi sáng cụ Hồ như ngần ngại, lo sợ đến thẳng bộ Thuộc Địa, và khi gần đến, bỗng cụ ra hiệu cho tài xế đi lòng vòng trong thành phố Ba-Lê vài chục phút, rồi đột ngột cụ chép miệng, bảo tài xế thôi hãy đến bộ Thuộc địa.

Vài ký giả chực trước cửa bộ Thuộc địa để xin phỏng vấn, đều bị từ chối đôi lúc một cách khéo léo, đôi lúc một cách cứng rắn. Những ai nhìn thấy mặt cụ Hồ lúc bấy giờ dù rất muốn săn tin, cũng không nỡ nài ép. Trong mấy ngày, trông cụ già thêm mười tuổi.

Không ai biết rõ những điều được thảo luận giữa cụ Hồ và ông Marius Moutet. Lúc đó có ý định của Pháp trong vấn đề Việt Nam đã khá rõ rệt, Pháp muốn thành lập 3 vùng riêng biệt, nếu có thể thì biến thành ba quốc gia

không liên hệ gì với nhau. Nam kỳ tự trị, gọi là Cộng hòa Nam kỳ, hoàn toàn do Pháp chi phối qua những bù nhìn kiểu Nguyễn Văn Thinh. Nước Việt Nam, mà trong mọi danh từ chính thức Pháp vẫn cố tình gọi là Annam, có thể gồm từ phía Bắc Phan Thiết ra đến biên giới Hoa-Việt, có thể giao cho Chính phủ Việt Minh, và một cao nguyên tự trị, và một cao nguyên tự trị, chạy đi từ vùng Đà Lạt, Tuyên Đức, lên đến Ban Mê Thuộc, Kontum. Lúc bấy giờ có nhiều tin đồn nói rằng Pháp đã tìm thấy trong vùng Cao Nguyên này, và phần Cao Nguyên thuộc lãnh thổ Lào tiếp giáp với vùng này những khoáng sản quý báu: than đá, dầu hỏa, Uranium v.v...

Nhìn nét mặt cụ Hồ sau buổi họp kín với bộ trưởng Thuộc Địa Marius Moutet, người ta đoán được rằng cụ Hồ đã nhượng bộ thêm một chút. Lúc bấy giờ cũng có nhiều tin đồn trong giới Việt kiều ở Pháp, đồn rằng nước Pháp thấy không thể buộc cụ Hồ chấp nhận một giải pháp hoàn toàn có lợi cho Pháp, đang muôi ý định bắt cóc, hay giam lỏng cụ Hồ không cho về nước, nếu cụ không ký kết với Pháp một thỏa hiệp công nhận Cộng Hòa Nam Kỳ, và Cao Nguyên tự trị. Tất cả chỉ là những tin đồn bởi vì cho đến hôm nay lịch sử vẫn không cho biết rõ những cuộc thảo luận tại bộ Thuộc Địa Pháp đã diễn ra như thế nào, tranh luận về những vấn đề nào.

Nhưng càng ngày người ta càng thấy cụ Hồ mất bình tĩnh, buồn thảm chán ngán hơn một chút.

Sau buổi tiếp tân tại nhà Aubrac, chiều tối đó tôi đi xe lửa sang Louvain, Bỉ, dự một buổi thuyết trình của Hội Thừa Sai. Hai hôm sau tôi trở lại, và ngày nào cũng có một vài Việt kiều đến nói chuyện với tôi về số phận hội nghị Fontainebleau, và những cuộc gặp gỡ giữa cụ Hồ với ông Moutet. Nhờ đó, tuy không gặp lại cụ Hồ một lần nào trước khi cụ rời nước Pháp, tôi cũng biết được, như mọi người lúc bấy giờ có thể biết, những gì xảy ra quanh cụ Hồ.

Nguyễn Mạnh Hà ở lại cho đến ngày cuối cùng, trong lúc một phần phái đoàn Việt Minh tham dự hội nghị Fontainebleau về, đã rời Pháp, đi tàu thủy từ Marseille về Sài Gòn, ghé Cap, rồi ra thẳng Hà Nội.

Những cuộc hội đàm giữa cụ Hồ và Moutet không hề được văn kiện hóa.

Cụ Hồ là người có trí nhớ phi thường, và để giữ bí mật hoàn toàn về nội dung những cuộc mật đàm này cụ không muốn lập một văn kiện gì về những cuộc mật đàm đó. Một lần gặp Nguyễn Mạnh Hà, sau khi từ Louvain về Ba-

Lê, tôi có hỏi về nội dung những cuộc họp ở bộ Thuộc Địa, Hà lắc đầu, nói rằng Hà cũng chỉ biết qua những tin đồn, qua nét mặt càng ngày càng buồn thảm của cụ Hồ, sau mỗi lần gặp ông Moutet. Và Hà đoán rằng những cuộc gặp gỡ mật đó không thể nào gọi là một thành công đối với cụ Hồ. Hà cùng tôi thảo luận về những giả thuyết, những tin đồn và hỏi nhau liệu người Pháp có dám bắt cóc hay giữ cụ Hồ lại không. Không ai có thể trả lời được.

Một việc mà Hà cho tôi biết vào những ngày đầu tháng 9, là những điện tín theo mật mã hay ám ký, từ Hà Nội đánh sang. Đại loại thì những điện tín đó đều tỏ ra sốt ruột, lo lắng, thúc giục cụ Hồ mau trở về nước, vì hiện có nhiều biến chuyển trọng đại tại nước nhà đòi hỏi sự có mặt của cụ.

Một điện tín đề cập đến tình trạng căng thẳng ở Hải Phòng, Bắc Ninh, Lạng Sơn. Vụ Bắc Ninh xảy ra đầu trong tháng Tám: một toán quân tự vệ Việt Minh phục kích một đoàn quân tải lương của Pháp, giết gần trọn đoàn quân này và cướp được lương thực, súng ống. Hình như vụ này do chính Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn bày ra khi hay tin Hội nghị Fontainebleau kẻ như bẻ tắc để làm áp lực với chính phủ Pháp.

Tại Lạng Sơn, đồn binh Pháp sống trong tình trạng bị bao vây và cô lập. Quân Pháp không dám ra ngoài, sợ bị ám sát, bắt cóc, và sợ dân chúng đánh đập. Hải Phòng xảy ra vài vụ lộn xộn giữa lính Pháp và các thanh niên tự vệ thành.

Tại Nam bộ, người Pháp than phiền rằng tướng Nguyễn Bình đang mộ quân, lập căn cứ, xây dựng hạ tầng cơ sở trái với thỏa ước tạm thời 8 tháng Ba giữa D'argenlieu, (Jean Sainteny ký thay) Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh.

Nguyễn Bình không chịu tập trung quân vào khu chỉ định chờ một giải pháp chính thức, trái lại Nguyễn Bình mở đường sang Cao Miên và Lào, tìm cách liên kết với các nhóm cách mạng chống Pháp khác, như Hòa Hảo của Huỳnh Phú Sổ.

Đối với những vụ này, cụ Hồ luôn luôn tìm cách trấn an người Pháp, và cụ có lúc dựa vào những điều đó, để yêu sách Pháp thêm một chút, nhưng hình như cụ không thành công. Có tin tướng Leclerc được thay thế bởi tướng Valluy. Cụ Hồ và các lãnh tụ Việt Minh rất tin tưởng vào tướng Leclerc, và lo sợ tinh thần thực dân quá khích của tướng Valluy và những bộ hạ của ông như đại tá Debès, đô đốc Battet.

Tất cả những tin tức từ nước nhà làm cho cụ Hồ buồn phiền thêm, và linh cảm một sự đổ vỡ trầm trọng trong bang giao Pháp Việt. Cụ Hồ là người biết rõ một cuộc chiến tranh sẽ tai hại đối với dân tộc Việt Nam như thế nào. Cụ lại đặt nặng vấn đề thống nhất ba vùng lên trên cái danh từ độc lập, hay chủ quyền. Nhưng người Pháp đã quyết liệt không muốn cho Việt Nam thống nhất. Lúc bấy giờ Pháp lại đã thỏa thuận được với Lào và Cao Miên, để đặt lại một chế độ bảo hộ mới, trá hình dưới chiêu bài Liên Hiệp Pháp.

Phe De Gaulle thì gần như bị loại ra hết khỏi chính phủ, và tướng De Gaulle đã trở về trại mát Colombeydes Deus Eglises trí sĩ và viết hồi ký, không tham dự gì vào chính trị nước Pháp, do đó những lời hứa hẹn của ông trong diễn văn đọc ở Brazaville được coi như vô giá trị.

Trong bầu không khí đó, cuộc họp buổi chiều kéo dài mãi đến 9 giờ tối, cụ Hồ mới rời bộ Thuộc Địa ra về.

Trông cụ càng thiếu ngủ hơn bao giờ. Vài phút sao thì Moutet cũng ra xe về tư dinh, và người ta thấy nét mặt ông Moutet cũng chẳng tươi tắn gì hơn. Ông Moutet theo tiết lộ một vài người thì tối đó đã không dùng bữa, vào ngay phòng ngủ, đóng kín cửa và lên giường liền. Về sau người ta được biết ông Moutet bị cảm và vì đó, trong cuộc họp chiều 14-9, cụ Hồ và ông ta đã trao đổi những lời xằng giọng gần như là cãi lộn với nhau. Câu cuối cùng của ông Moutet hình như là một câu từ chối.

Về đến Hotel Royal, cụ Hồ cũng về ngay phòng riêng nhưng người ngoài vẫn thấy cửa sổ phòng cụ Hồ sáng đèn, và cụ Hồ ngồi làm việc cho đến gần nửa đêm.

Gần nửa đêm cụ Hồ đích thân gọi điện thoại cho ông Moutet. Ông Moutet đang ngủ, yêu cầu có chuyện gì dù khẩn cấp mấy cũng xin chờ cho đến sáng mai, ông mệt và bị cảm không thể nói chuyện gì được nữa. Cụ Hồ nài nỉ rằng cụ sẽ đến gặp ông tại nhà riêng ngay lập tức, chỉ 5 phút nữa thôi, và không để cho ông Moutet kịp từ chối, cụ Hồ cúp điện thoại.

Theo người Pháp kể lại, thì ông Moutet cũng không ngờ là cụ Hồ sẽ đến gặp ông ngay, cho nên ông lên giường ngủ lại. Nhưng quả thực cụ Hồ đã rời Hotel Royal, cùng với một cận vệ và tài xế đến nhà ông Moutet ngay.

Ông Moutet kể lại rằng ông vừa chợp mắt, thì gác cửa báo là cụ Hồ đến, và đã đến, và đã lên thẳng phòng ông.

Khi cụ Hồ vào thì ông Moutet còn nằm trên giường, tung chăn ngồi dậy bận áo ngủ, ngồi trên giường. Cụ Hồ và người cận vệ bước vào. Cụ Hồ đến ngồi vào chiếc ghế đầu giường ông Moutet, cố lấy nét mặt vui tươi cởi mở nói rằng cụ đến để ký kết những điều được thảo luận lúc chiều, chỉ xin thay đổi vài chi tiết nhỏ.

Ông Moutet lại yêu cầu cụ Hồ ngày mai sẽ họp và ký cũng chẳng vội gì. Đại ý là cụ Hồ đã nói rằng cái gì đã xong hãy cho xong luôn, không nên chờ sáng ngày mai những việc có thể làm xong đêm nay.

Ông Moutet khoác thêm chiếc áo choàng, gọi bồi đem cà phê đậm lên, rồi hai người cùng ra ngồi đối diện nơi chiếc bàn trong phòng ngủ. Ông Moutet gọi thợ ký riêng soạn lại văn kiện đã được dùng làm căn bản trong cuộc thảo luận lúc chiều, rút ra một bản đúc kết, đánh máy thành nhiều bản, và trao cho cụ Hồ.

Cụ Hồ chỉ đọc qua, không sửa đổi gì đặt bút ký ngay. Ông Moutet ký vào bên cạnh, và đó là bản thỏa ước được gọi là Modus Vivendi ngày 14 tháng 9 với những điều khoản căn bản được công bố trên báo chí ngày sáng 15 tháng 9:

- 1) Chính phủ Việt Minh công nhận giá trị thỏa ước tạm thời 8 tháng 3 và thỏa hiệp Dalat, tức là công nhận Cộng Hòa Nam Kỳ cho đến lúc có một cuộc trưng cầu dân ý tại Nam bộ để quyết định sự thống nhất hay tách rời Nam bộ khỏi Việt Nam.
- 2) Mọi lực lượng Việt Minh tại Nam bộ được tập trung vào những khu chỉ định, được giải giới, chờ đợi trưng cầu dân ý. Chính phủ Việt Minh hứa không gửi thêm quân, cán bộ và Nam bộ.
- 3) Chính phủ Việt Minh công nhận người Pháp có quyền tiếp tục khai thác các cơ sở kinh tế có sẵn khắp Việt Nam.
- 4) Hai chính phủ cùng thỏa thuận coi người Pháp và người Việt Nam ngang hàng, tuy nhiên chính phủ Việt Minh phải dành một số độc quyền cho Pháp, cố vấn Pháp, nhân viên văn hóa Pháp.
- 5) Về vấn đề tiền tệ, hai chính phủ cam kết sử dụng một loại giấy bạc duy nhất, lấy đồng quan Pháp làm căn bản.

6) Chính phủ Việt Minh bằng lòng cứu xét việc gia nhập Liên Hiệp Pháp theo chiều hướng thuận, và đòi lại chính phủ Pháp bằng lòng giúp đỡ Việt Nam về kinh tế, văn hóa và quân sự.

7) Một hiệp ước chính thức và vĩnh viễn sẽ được thảo luận và ký kết trong một hội nghị mới sẽ được mở sau, do sự tham khảo giữa hai chính phủ.

Trên thực tế, thỏa ước 14-9 cũng như thỏa ước tạm thời 8 tháng 3, là những nhượng bộ lớn của Việt Minh đối với Pháp, nhưng trên nguyên tắc thì Việt Minh dành được một vài điều gọi là thắng lợi chẳng hạn như đã được chính phủ Pháp coi là một phe đối thoại có thẩm quyền, và hứa hẹn sẽ có một hội nghị chính thức quan trọng để thảo luận tiếp.

Thỏa ước 14-9 đã được ký âm thầm, vào nửa đêm.

Nguyên văn bản thỏa ước này đã không được phổ biến ngay trong những ngày sau đó. Cụ Hồ đã họp báo. Chính phủ Pháp đã không tổ chức tiếp tân hay tiệc đưa nào. Các báo Pháp thời bấy giờ chỉ đăng thành vài tin.

Sau ngày 15 tháng 9 nhiều anh em Việt kiều tỏ vẻ buồn cụ Hồ.

Vì bất đồng rõ rệt quá, tôi không có ý định, cũng chẳng muốn tìm cách gặp lại cụ Hồ. Cụ Hồ cũng từ chối tiếp bất cứ ai.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 16 -

Suốt hai ngày cuối cùng, cụ Hồ không ra khỏi phòng. Ông Moutet, bộ trưởng bộ Thuộc Địa có đến thăm cụ Hồ một lần cuối cùng, hình như do lời yêu cầu của cụ Hồ để thu xếp chuyện trở về Việt Nam của cụ. Ngày 17 tháng 9 cụ Hồ âm thầm rời Ba-Lê.

Anh em Việt kiều có tính chuyện tiễn đưa cụ, cử vài đại diện đến gặp cụ trình bày việc đó.

Vài đại diện khác tiếp xúc với ban Nghi lễ bộ Ngoại Giao và bộ Thuộc Địa nhưng được cho biết là ngày về của cụ Hồ chưa được tiết lộ. Họ hẹn lần nữa là lúc nào có việc gì, sẽ tin cho các Việt kiều. Phái đoàn lên xin gặp cụ Hồ cũng không được tiếp, người thư ký nói cụ Hồ mệt không muốn tiếp khách. Chương trình đưa tiễn vì thế không thành.

Ngày 18, anh em Việt kiều hay tin cụ Hồ đã rời Ba-Lê đi Toulou. Cụ Hồ rời Ba-Lê có vẻ âm thầm và vội vàng. Về nước trên một tiểu đỉnh của Hải quân Pháp, chiếc Dumont d'Urville. Có người kể lại rằng lúc bước lên chiếc tàu Dumont d'Urville cụ Hồ lặng lẽ đi qua hàng thủy thủ dàn chào, lặng lẽ bắt tay các nhân viên bộ Ngoại Giao và bộ Thuộc Địa Pháp, không nói một tiếng. Các sĩ quan trên tàu Dumont d'Urville về sau kể lại rằng, lúc tàu ra khơi, nét mặt cụ Hồ trở lại bình thường, đôi lúc tươi vui, tuy lúc nào cũng có vẻ trầm ngâm, tư lự. Thường những buổi sáng sớm, và chiều, cụ lên đứng trên boong tàu ngắm cảnh mây nước mênh mông, hết như một thi sĩ tìm vần thơ trong cảnh trời đất vậy. Trong các bữa ăn, cụ Hồ ngồi chung với các sĩ quan của chiến hạm, trong số này có một vị linh mục tuyên úy. Bây giờ thì cụ linh hoạt, bui bẻ nói chuyện với mọi người.

Cụ Hồ đem vấn đề hiện hữu của thiên Chúa ra tranh luận với linh mục tuyên úy. Câu chuyện con gà và cái trứng được mang ra, và cụ Hồ nhất định không chấp nhận co một con gà hay một cái trứng đầu tiên được Thiên Chúa tạo dựng. Ý cụ Hồ không phải tranh luận để đi đến kết luận, mà chỉ tranh luận để cho vui câu chuyện trong bữa ăn.

Có những lúc cụ Hồ đi hết mọi nơi trong tàu, ngồi lại nói chuyện với các thủy thủ. Cụ Hồ từng hiểu lần làm bồi tũ, cụ quen đi biển, quen thuộc đời sống trên tàu biển, cho nên cụ nói chuyện với các thủy thủ như là một thủy thủ già kinh nghiệm vậy.

Tôi và các anh em Việt kiều ở Pháp lúc đó, nếu được biết các điều này cũng qua những tin truyền miệng, những tin trên báo chí Pháp mà thôi. Dĩ nhiên là chúng tôi hết sức tò mò muốn biết mọi việc cụ Hồ làm hay mọi việc gì xảy ra cho cụ Hồ, vì đó nếu có một anh em nào có tin gì, hay đọc được việc gì trên báo liên quan đến cụ Hồ, thì lại đi nói với nhau, chuyển cho nhau xem.

Những chuyện về sau đó thì báo chí Pháp có đăng lại, như chuyện cụ Hồ gặp cao uỷ Pháp là ông Diệm' Argentlieu trên thiết giáp hạm Suffren, neo ngoài

khởi vịnh cam Ranh, ngày 18 tháng 10. Sau cuộc gặp gỡ và vào buổi chiều, người Pháp mời một số ký giả Pháp và Việt Nam đến dự một cuộc họp báo trên chiến hạm Suffren. Lúc một chiếc tiểu đĩnh chở các ký giả từ Cam Ranh ra cập vào chiến hạm Suffren, thì cụ Hồ đứng ngay trên boong tàu gần cầu thang, đưa tay vẫy chào.

Trong cuộc họp báo, cụ Hồ và cao uỷ Pháp D'argenlieu ngồi bên nhau. Nét mặt D'argenlieu nghiêm nghị, mặt cau lại, mắt đăm đăm nhìn cụ Hồ. Trong lúc đó thì cụ Hồ cười cợt, đùa giỡn với các ký giả. Cụ quay qua người này, người nọ, hỏi han về xứ sở về nghề nghiệp của họ. Cụ Hồ có trí nhớ phi thường. Cụ ở Pháp lâu năm, thạo những thổ âm, hiểu rành những tập quán từng địa phương, những đặc điểm của từng vùng nước Pháp. Vì đó cuộc họp báo trở nên một cuộc phiếm luận rất vui vẻ.

Sau một lúc nói chuyện phiếm vui với các ký giả, cụ Hồ chính thức vào vấn đề, nói rằng báo chí Việt Pháp đã tỏ ra quá khó tính, quá nghiêm khắc đặt nhiều đòi hỏi vào hội nghị Fontainebleau. Cụ mô tả sơ sài hội nghị Fontainebleau và nói sơ lược về những điểm chính của thoả ước 14 tháng 9, chưa phải là đã kết thúc được mọi vấn đề tranh luận mà chỉ mở đầu cho một cuộc thương thuyết lâu dài, thường xuyên.

Cụ hứa sẽ mở một hội nghị mới vào tháng giêng năm 1947, và lúc đó những vấn đề chưa được giải quyết sẽ được đem ra thảo luận.

Đề đốc D'argenlieu có vẻ không muốn cho cụ nói quá nhiều về hứa hẹn họp hội nghị sắp tới, cắt ngang lời cụ Hồ, trình trọng tuyên bố rằng những cuộc thương thuyết vừa qua là một bước quan trọng trên con đường đi đến sự thoả hiệp tốt đẹp giữa hai chính phủ, hai dân tộc.

Một sự kiện quan trọng xảy ra vào cuối cuộc họp báo đó, được các báo Pháp chú ý đặc biệt, đăng lên thành tit lớn trang nhất.

Sau khi nghe D'argenlieu tuyên bố trình trọng như vậy xong, cụ Hồ đột ngột đứng lên, bước lại gần D'argenlieu và giữa lúc chưa ai biết chuyện gì xảy ra, thì cụ Hồ ôm chầm lấy D'argenlieu, như hai anh em thân thiết, hay như hai người bạn cố tri. Dĩ nhiên hình ảnh này được các nhiếp ảnh viên ghi lại trong phim của họ, và hôm sau được đăng rõ ràng trên báo.

Nhìn bức ảnh, chúng tôi ở Ba-Lê cũng thấy rõ nét mặt ngơ ngác, hơi khó chịu đến là buồn cười của D'argenlieu. D'argenlieu không còn có thể làm

nghiêm được nữa, cho nên ông tươi cười, đưa tay ôm cụ và cảnh này kéo dài có đến hơn một phút.

Cụ Hồ theo chiến hạm Suffren ra Hải Phòng, trong lúc các ký giả Pháp ké trên máy bay của quan Cao uỷ D'argenlieu trở vào Sài Gòn. Tàu cập bến Hải Phòng ngày 23 tháng 10. Quang cảnh đón tiếp cụ Hồ ở Hải Phòng thì dĩ nhiên là những người Việt Nam nào ở đó lúc bấy giờ đều còn nhớ. Tôi chỉ được biết qua những bài tường thuật của báo Pháp, và báo Cứu Quốc được gửi từ Hà Nội sang Pháp vài tuần sau đó. Sự cảm động thương xót và một chút ý thức hài hước làm tôi chú ý và thán phục cụ Hồ về cái tài lợi dụng cả được những sự thất bại để biến thành sự thành công. Trên thực tế, hội nghị Fontainebleau và thoả ước 14 tháng 9 là một thất bại ngoại giao lớn nhất, đau nhất cho cụ Hồ, và cho Việt Nam.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 17 -

Ở Pháp nghe tiếng vọng chiến tranh từ nước nhà

Sau khi phái đoàn cụ Hồ rời Ba-Lê, tôi và các anh em Việt kiều ở Pháp hồi hộp chờ tin mừng từng ngày. Cụ Hồ lên đường ngày 19 tháng 9, mãi đến ngày 21 tháng 10 cụ Hồ mới đến Hải Phòng. Những bức ảnh đăng lại trên các báo Pháp, báo Cứu Quốc, cuộc đón tiếp cụ Hồ tại nhà ga Hà Nội cho tôi thấy rằng sự nồng nhiệt mà nhân dân Việt Nam dành cho cụ Hồ đã bị suy yếu đi nhiều lắm. Báo Pháp tường thuật một cử chỉ khéo léo của cụ Hồ: giữa lúc rừng người hò reo phản đối thoả ước 14 tháng 9, cụ Hồ đã cất tiếng ca, và ra hiệu cho dàn nhạc cử quốc ca Việt Nam, và quốc ca Pháp tiếp ngay sau đó.

Trước phong trào chống Pháp ngày càng bành trướng mạnh mẽ, nhiều báo Pháp đã tiên đoán sự đổ vỡ của bang giao Việt Pháp. Nước Pháp cũng đoán được điều này, và từ Ba-Lê, tôi đã nhận thấy những sự chuẩn bị của chính phủ Pháp để đem thêm quân và chiến cụ sang Việt Nam. Các báo tả phái lên tiếng tố cáo sự thiếu thành thật của chính phủ Pháp đối với chính phủ Việt Nam và tường thuật đầy đủ những cuộc chuyển quân và chiến cụ đến các hải cảng lớn, chờ xuống tàu sang Việt Nam.

Vào cuối tháng 11 tôi hay tin quân Pháp đã đánh chiếm thành phố Hải Phòng, bắn phá vào nhiều khu phố làm cho hàng ngàn người chết. Khi đọc tin này trên báo tôi lặng người một lúc, và không còn hy vọng gì tránh được chiến tranh trên đất nước mình. Tôi cũng không tin rằng nền độc lập của Việt Nam có thể tồn tại. Lúc bấy giờ tôi tin chắc rằng quân Pháp sẽ thắng. Nhưng tôi vẫn hy vọng vào những biến cố của thời đại sẽ buộc nước Pháp dù thắng, cũng không thể trở lại chế độ thuộc địa hoặc bảo hộ thời xưa.

Nhiều báo Mỹ lên tiếng chỉ trích chính sách Pháp, và tôi đã nghĩ nhiều đến vai trò của Mỹ trong vấn đề Việt Nam. Tôi cũng nghe tin nhiều nhân vật Mỹ đã sang Hà Nội, không để giúp nước Pháp, mà hình như là để đóng một vai trò bí mật và khó hiểu nào đó. Giới chính trị Pháp thường bàn tán rất nhiều đến thái độ của Mỹ, chỉ trích các hành động dẫm chân và thọc gậy bánh xe của Mỹ.

Tên một vài nhân vật Mỹ được nhắc đến, như tướng Galagher Trưởng phái bộ Mỹ đặc trách kiểm soát việc giải giới quân Nhật phía bắc vĩ tuyến 16, đại tá Patti, giám đốc sở mật vụ Mỹ OSS tại Viễn Đông, đại tá Nordlinger, đặc trách giao tế trong phái bộ Mỹ tại Hà Nội và nhiều bài bình luận của báo Pháp đã đổ tội cho những nhân vật đó xúi chính phủ Việt Minh chọn thái độ cứng rắn đối với Pháp.

Tôi không được biết một điều gì rõ ràng từ nước nhà, và tình trạng mù mờ càng làm cho tôi lo sợ, buồn rầu. Hiến pháp Việt Minh ngày 12 tháng 11 cũng được báo Pháp nhắc đến sơ lược, và bình luận về sự thiếu sót trong phần đề cập đến chính sách ngoại giao. Báo Pháp phân tích Hiến pháp này và kết luận rằng chính phủ Việt Minh đã phản bội những cam kết trong các thoả ước Dalat 8 tháng 3, 14 tháng 9. Những báo cực hữu lên tiếng đe dọa nước Pháp sẽ không tha thứ cho thái độ rồ dại và hỗn xược đó. Lúc bấy giờ chính phủ Bidault bị phe cực hữu chi phối nặng nề, và quan điểm của các báo cực hữu có thể được coi như quan điểm của chính phủ Pháp. Do những sự kiện đó, tôi thấy rằng Việt Nam không còn cách gì tránh được cảnh chiến tranh.

Vào cuối năm 1946, những tin càng ngày càng bi thảm hơn về Việt Nam làm cho tôi và các anh em Việt kiều không còn một lúc nào mà quên được tình trạng nước nhà. Một bản tin của báo Mỹ tường thuật sự thất bại của sứ mạng trung gian của ông Moffat, đặc sứ của bộ ngoại giao Mỹ tiếp xúc với chính phủ Việt Minh vào khoảng đầu tháng 12. Theo báo Mỹ thì chính phủ Việt Minh không tin tưởng một chút nào về sự thành tâm và thái độ đứng đắn của

Pháp, và coi con đường chiến tranh là điều không thể tránh được. Tại Ba-Lê, đại sứ Mỹ có thông tri cho bộ ngoại giao Pháp biết quan điểm của Mỹ, và hình như khuyến cáo Pháp nên mềm dẻo hơn để tránh đổ vỡ. Báo chí Pháp một bên đăng lại những tin tức của phái bộ Maffat, một bên liên tiếp chửi rủa Mỹ đã bỏ rơi Pháp, và lên giọng bắt cần Mỹ giúp đỡ chi nữa cũng sẽ tái chiếm được Đông Dương một cách dễ dàng.

Tại Pháp nhiều đơn vị quân đội lớn đã được lệnh cấm trại. Những đường xe hoả đến Marseille, Toulon được quân đội trung dụng, và ngày đêm tại các nhà ga lớn, người ta thấy xe tăng, đại bác, lính tráng được chuyển lên xe hoả tập nập.

Các đảng khuynh tả ở Pháp tổ chức vài cuộc biểu tình nhỏ phản đối chính phủ Bidault, tổ cao chính phủ này đem quốc gia vào một chiến tranh nguy hiểm và vô ích. Nhìn không khí chuẩn bị chiến tranh ở Pháp, tôi hoàn toàn thất vọng cho nền hoà bình và độc lập của nước nhà.

Giữa lúc đó, chính phủ Bidault từ chức và chính phủ Léon Blum lên thay thế. Ông Léon Blum, được nhiều người ở Pháp coi như một phần tử tiến bộ và ôn hoà, nhưng hình như chẳng còn ai hy vọng rằng mỗi bang giao Việt Pháp còn có thể giải quyết bằng những cuộc thương thuyết ngoại giao được nữa.

Ngay sau khi đó chính phủ mới, ông Marius Moutet vẫn còn là bộ trưởng bộ Thuộc Địa cầm đầu một phái đoàn sang Hà Nội. Nhiều báo khuynh tả ở Pháp đây là một hành động vụng về nhục mạ chính phủ Việt Minh. Đáng lý Pháp phải cử một phái bộ ngoại giao do một ngoại trưởng cầm đầu sang Việt Nam thì Pháp để ông bộ trưởng Thuộc Địa Pháp sang Hà Nội, và dĩ nhiên hành động này chỉ có thể được giải thích như là Pháp cố tình coi Việt Nam là một thuộc Địa. Tin này làm nhiều Việt kiều phẫn nộ.

Vào cuối năm 1946, hình như giữa không khí chuẩn bị lễ Giáng Sinh năm đó, tôi hay tin chiến tranh đã bùng nổ khắp Việt Nam đêm 19 tháng 12. Lần này báo chí Pháp đăng những tin nóng hổi, mau chóng, đầy đủ, có cả hình ảnh ông Jean Sainteny, cao uỷ Pháp tại Hà Nội bị thương nặng.

Như vậy là chiến tranh đã thành một sự thật không thể tránh được nữa rồi. Lệnh tổng động viên từng phần bắt đầu áp dụng ở Pháp. Nhiều binh sĩ, sĩ quan trừ bị Pháp được gọi tái ngũ. Không khí nước Pháp sôi sục chiến tranh.

Báo chí chia hai phe, một phe chỉ trích chính phủ bỏ lỡ cơ hội giải quyết vấn đề Việt Nam cách ôn hoà bằng thương thuyết, phe khác thì đòi chính phủ đánh mạnh, đánh mau, dồn mọi nỗ lực quân sự để giải quyết chiến tranh chớp nhoáng. Phe cộng sản Pháp, các đảng phái khuynh tả, xã hội, lao động thì theo phe chỉ trích chính phủ.

Những tin tức đầu tiên về chiến tranh Việt Nam bắt đầu chiếm trang nhất các báo Pháp, và hầu hết đều là những tin chiến thắng. Ngày 22 tháng 12, thủ tướng Pháp Léon Blum đọc diễn văn trước quốc hội loan báo rằng chiến tranh Việt Nam đã thực sự diễn ra, và kết luận rằng quân Pháp đang thắng lớn. Cuối diễn văn, ông Léon Blum hứa hẹn rằng nước Pháp chỉ nhằm tái lập an ninh trật tự tại Đông Pháp, và sau đó sẽ bàn chuyện tổ chức một nước Việt Nam tự trị và tự do. Tướng Leclerc được bổ nhiệm làm tổng thanh tra quân đội Pháp tại Đông Pháp.

Ngày 26, hay 27 tháng chạp năm 1946, tôi nghe đài phát thanh Pháp lập lại một lời kêu gọi của cụ Hồ gửi thủ tướng Pháp Léon Blum, ngỏ ý sẵn sàng mở lại các cuộc thương thuyết, nếu quân Pháp lui về các vị trí cũ được qui định trong thoả ước 6 tháng 3, Dalat và 14 tháng 9.

Cụ Hồ đề nghị nếu quân Pháp làm theo các điều kiện đó thì sẽ có một cuộc ngưng bắn tức khắc. Tôi và các anh em Việt kiều đêm ngày gắn tai vào các đài phát thanh Pháp Á và đài phát thanh Pháp, BBC để nghe tin tức.

Niềm hy vọng cho hoà bình Việt Nam lại được nhen nhúm le lói trong lòng những người Việt Nam xa quê hương. Lúc bấy giờ bộ trưởng Thuộc Địa Pháp là ông Marius Moutet đã sang Việt Nam, và nhiều tin đồn nói rằng ông được chỉ điều đình một cuộc ngưng bắn.

Trong diễn văn đầu năm dương lịch, 1 tháng giêng 1947, cụ Hồ lại nói trên đài phát thanh, nghe đâu đặt tại Hà Đông, những điều kiện ngưng bắn đại để đòi quân Pháp ngưng hành quân trở lại vị trí cũ trước ngày 16 tháng chạp 1946. Nước Pháp ngưng gửi viện binh sang Đông Pháp. Ông Marius Moutet trực tiếp gặp cụ Hồ một địa điểm sẽ được chỉ định sau và một cuộc thương thuyết chính thức sẽ khai diễn trên căn bản thoả ước 6 tháng 3-1946, và sau đó sẽ có một Hội nghị thượng đỉnh giữa cụ Hồ và ông Léon Blum tại Ba-Lê. Dư luận chính giới Pháp lúc bấy giờ tỏ ra khinh thường Việt Minh, không tin tưởng gì vào sự thành thật của các đề nghị mà cụ Hồ đưa ra. Lạ do mà chính phủ Pháp đưa ra, theo báo chí Pháp lúc bấy giờ, để từ chối đề nghị của cụ Hồ, là cho rằng cụ Hồ không còn lãnh đạo được chính phủ Việt Minh và

phong trào Việt Minh. Chính phủ muốn quyết định một điều gì quan trọng đều bị những phần tử quá khích, hiếu chiến, bài Pháp cực đoan chi phối như Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Hoàng Minh Giám. Mặt khác, nước Pháp đang ở trong một chế độ phải chờ quốc hội nhóm họp, thảo luận, biểu quyết. Trong lúc đó thì quân Pháp tiếp tục lên tàu sang Việt Nam càng ngày càng đông, và chiến cuộc Việt Nam càng khốc liệt. Với những tường thuật và tin tức chiến thắng mà người Pháp coi là rục rờ. Các tướng lãnh Pháp được phỏng vấn, trừ tướng Leclerc là sáng suốt, còn thì hầu hết đều tiên đoán rằng quân Pháp sẽ chiến thắng nhanh chóng. Có người nói chỉ trong vòng một năm thì Pháp sẽ bình định xong Việt Nam, tái lập chế độ bảo hộ như cũ.

Các giới chính trị Pháp bắt đầu nói đến một giải pháp chính trị: tái lập chế độ quân chủ bù nhìn ở Việt Nam, Lào, Cao Miên. Bảo Đại, lúc bấy giờ là công dân Vĩnh Thụy, được một máy bay Mỹ chở từ Hà Nội sang Hồng Kông ít lâu trước ngày chiến tranh bùng nổ.

Ông Léon Blum, cố vấn chính trị cho đô đốc D'Argantlieu cũng cho một bài phỏng vấn đăng trên báo Pháp nào đó tôi không nhớ tên nói rằng đã vào cái giai đoạn này thì nước Pháp không còn có thể thương thuyết cái gì với Hồ Chí Minh và chính phủ Việt Minh được nữa rồi, vì vậy phải tìm một nhân vật Việt Nam khác để mà thương thuyết. ông Torel, một cố vấn thứ hai của cao uỷ D'Argantlieu còn quá khích hơn thế nữa., đôi khi tỏ ra khinh thị khả năng của người Việt Nam có thể cai trị đất nước họ, và nói rằng vì lòng nhân đạo, vì tinh thần trách nhiệm đối với tình hình thế giới, Pháp phải chiến thắng Việt Minh bằng quân sự.

Giữa tháng giêng 1947, tôi nghe qua đài phát thanh, tin chính phủ Việt Minh đã từ chối thương thuyết, và hạ lệnh tổng động viên để kháng chiến chống Pháp. Thế là hy vọng hoà bình cho Việt Nam mà những người Việt Nam xa quê hương còn nuôi dưỡng bây giờ hoàn toàn tan vỡ. Tôi nhớ khi hay tin này nhiều anh em Việt kiều đã nhìn nhau, mắt rưng rưng. Nhiều Việt kiều cương quyết về nước, dù biết rằng, hay lo sợ rằng sự đóng góp của họ sẽ không ích lợi gì, nhưng họ nghĩ không thể chạy trốn trách nhiệm được.

Tôi cũng có ý nghĩ về nước, mặc dù với thiên chức linh mục tôi không biết đóng góp gì vào vận mệnh nước nhà một cách tích cực và hữu ích. Việc học hành của tôi được xếp vào hàng thứ yếu, và trong các buổi cầu nguyện không lúc nào tôi quên được số phận đất nước mình.

Chỉ được nghe tin tức nước nhà qua đài phát thanh Pháp Á đặt tại Sài Gòn,

và qua những bài tường thuật, chắc chắn là không trung thực của báo chí Pháp, tôi bồn chồn đau xót và gần như quay quắt lên.

Tôi không thù ghét gì người Pháp, và tôi thương yêu văn hoá Pháp, quý mến những người bạn Pháp, nhưng tôi không thể nào đứng về phía chính sách của nước Pháp. Tôi đi tiếp xúc với nhiều chính khách Pháp và chính họ cũng không hoàn toàn đồng ý với chính sách của chính phủ Pháp trong vấn đề Việt Nam. Nhưng họ cũng chỉ thờ dãi, coi đó như một điều không thể tránh được, như một thứ định mệnh khắt khe nào đó. Điều làm tôi ngạc nhiên, là những cá nhân người Pháp thì rất dễ thương, chỉ trích đường lối của chính phủ Pháp, nhưng vì danh dự, vì bản phận họ vẫn hăng hái lên đường sang Việt Nam để bắn giết người Việt Nam.

Một bản tin của Pháp tấn xã từ Hà Nội đánh về vào đầu năm 1947 viết rằng phái đoàn ông Marius Moutet sang Hà Nội chỉ để tìm cách tái lập Bảo hộ, mà không có ý định thương thuyết tìm một giải pháp chính trị chi cả. Cũng trong thời gian này báo France Soir, một báo lớn có quan điểm khuynh hữu đăng lại một bài phỏng vấn quan cao uỷ Pháp D'argenlieu, và quan cao uỷ trả lời rằng kể từ đây vấn đề Đông Pháp chỉ còn có thể giải quyết bằng sức mạnh quân sự. Ông cao uỷ cũng ngụ ý nói rằng nước Pháp có thể tìm được những nhân vật quốc gia ngoài Hồ Chí Minh để thương thuyết và như vậy lá vai Bảo Đại đã được chuẩn bị, và đã được lật tẩy dần.

Những tin chiến thắng của quân Pháp từ Việt Nam liên tiếp được gửi về Pháp. Tướng Leclerc có lẽ là người sáng suốt nhất thời bấy giờ trong hàng ngũ lãnh đạo Pháp, hình như ông có gởi lên chính phủ Pháp một bản phúc trình hay điều trần chi đó, nhận định quân Pháp có thể thắng được Việt Minh, với điều kiện căn bản là phải dựa vào tinh thần quốc gia của người Việt Nam nếu cần thì dựng lên một đối tượng hay một biểu tượng quốc gia cho người Việt Nam. Tướng Leclerc khuyến cáo chính phủ Léon Blum tuyên cáo rõ ràng một hiến chương thật rộng rãi, đứng đắn cho vấn đề Việt Nam, có các điểm trao trả độc lập cho Việt Nam, hứa hẹn thống nhất ba kỳ bằng tuyển cử tự do. Nhưng tướng Leclerc không được cao uỷ D'argenlieu tin cậy nhiều, và ngày 14 tháng giêng năm 1947, ông D'argenlieu ra một tuyên cáo hứa hẹn tái lập chế độ quân chủ ở Việt Nam, Nam bộ tự trị. Vào lúc đó một phái đoàn Pháp được cử sang Hồng Kông tiếp xúc với cựu hoàng Bảo Đại, lúc đó là công dân Vĩnh Thụy. Những điều này được chính phủ Pháp tuyên bố âm ỉ, coi như một giải pháp tốt nhất, đúng nhất cho Việt Nam, cho Pháp. Quan cao uỷ D'argenlieu theo các tin đồn thì cũng cho người tiếp xúc với những nhân vật quốc gia như Ngô Đình Diệm, Hoàng Xuân Hãn,

Nguyễn Mạnh Hà để thành lập một chính phủ trong chế độ quân chủ do Bảo Đại làm quốc trưởng. Không một nhân vật nào được tiếp xúc chịu ra hợp táac với Pháp và Bảo Đại trong những điều kiện mà người Pháp đưa ra.

Tại Nam bộ, thủ tướng Nguyễn Văn Thinh đã tự tử và bác sĩ Lê Văn Hoạch được chọn lên thay thế. Hình như trước đó, Pháp định chọn đại tá Xuân, nhưng các tay quyền thế ở Nam bộ không chịu ông Xuân và ông Xuân buồn tình đành qua Pháp. Ngay tại Pháp, ngay trong chính phủ Pháp có hai khuynh hướng mâu thuẫn. Nhóm Cộng sản, đảng xã hội, nghiệp đoàn lao động Pháp do Cộng sản chi phối thì thúc giục chính phủ Pháp phải điều đình với Hồ Chí Minh. Nhưng đảng MRP thì lấy cớ Hồ Chí Minh đã phản bội mọi thoả ước ký kết với Pháp trong đêm khởi nghĩa 19 tháng 12, không thể điều đình với Hồ Chí Minh lần thứ hai được nữa.

Trong lúc chính phủ Pháp hết sức bối rối thì tôi hay tin tướng Leclerc được đề cử thay cao uỷ D'argenlieu giữ chức cao uỷ Pháp tại Việt Nam. Tôi lại cho rằng vấn đề Việt Nam có đôi chút hy vọng giải quyết bằng thương thuyết.

Nhưng chỉ mấy hôm sau, vào cuối tháng hai, chính tướng Leclerc lên tiếng từ chối, và nói rõ rằng khi mà chính phủ Pháp không chấp nhận phương thức của ông đã từng được trình bày trong bản trần tình của ông, thì ông thấy không làm việc được, nên ông từ chối. Tướng Leclerc cũng chủ trương phải thương thuyết với Hồ Chí Minh, nhưng mà vừa tiếp xúc, vừa bình định đồng thời ban bố một hiến chương mới rõ ràng cho Việt Nam và Đông Pháp, trong đó quyền độc lập được tôn trọng, hy vọng thống nhất ba kỳ được hứa hẹn. Tướng Leclerc có đề cập đến diễn văn của tướng De Gaulle tại Brazaville đầu năm 1945 và đòi hỏi chính phủ Pháp, vì danh dự của nước Pháp, phải tôn trọng các hứa hẹn của tướng De Gaulle đối với các thuộc địa Pháp, nhất là đối với Việt Nam và Đông Pháp. Thái độ của tướng Leclerc làm nhiều người Việt Nam thán phục, nhưng sự từ chối của ông làm cho mọi người đã thất vọng nay thêm tuyệt vọng.

Sau khi tướng Leclerc từ chối chức vụ cao uỷ Pháp, chính phủ Pháp lúng túng mấy tháng, không tìm ra người thay thế đô đốc D'argenlieu, và đến đầu tháng 3 năm 1947, ông Emil Bollaert mới được cử làm cao uỷ Pháp tại Đông Pháp. Ngay lúc mới nhận chức ông này đã gặp khó khăn: dân biểu lãnh tụ cộng sản là Maurice Thorez tố cáo trước quốc hội Pháp một “cầm nang” của chính phủ giao ông Bollaert, buộc ông này phải làm sao cho 5 quốc gia trong Đông Pháp nằm trong Liên hiệp Pháp.

Ông được gia hạn cho sáu tháng để tìm những phe phái ở Việt Nam chịu đứng lên nhân danh dân tộc Việt Nam thương thuyết với Pháp trong căn bản đó mà thôi. Báo chí cộng sản lại được dịp làm rùm beng về vụ này, và cái “cầm nang” trở thành một đề tài bàn cãi công khai ở Pháp. Chính sự tiết lộ cái cầm nang này đã làm cho nhiều chính khách Việt Nam đứng đắn từ chối hợp tác với Pháp và Bảo Đại. Vì sự làm rùm beng này mà chính phủ Léon Blum phải nhượng bộ khối liên hiệp cộng sản và đảng xã hội Pháp một đòn nhỏ, là thêm vào đoạn cuối trong cầm nang trao cho ông Bollaert một khoản phụ đính “nếu còn có thể được thì nên nghiên cứu việc mở các cuộc thương thuyết với Hồ Chí Minh và chính phủ Việt Minh”. Đảng Cộng sản và Xã hội Pháp cũng coi đó là một thắng lợi rõ ràng và dứt khoát thêm nữa.

Vì vào thời kỳ đầu năm 1947, chính trị nước Pháp liên quan quá mật thiết với số phận nước nhà, bỗng dưng tôi chăm chú theo dõi mọi tin tức chính trị của Pháp, đọc kỹ lưỡng những cuộc thảo luận tại quốc hội Pháp và hội họp nghe những tin tức từ hành lang chính trị Pháp ở Ba-Lê.

Những điều đó không làm cho tôi vui mừng, vì càng theo dõi kỹ càng thấy nước Pháp coi nặng vấn đề quân sự trên chính trị, và tin tưởng vào đoàn quân viễn chinh Pháp, nhất là sau những chiến thắng dễ dàng và rực rỡ của đoàn quân tướng Leclerc ở Nam bộ.

Chỉ trong vài tháng, tướng Leclerc gần như tiêu diệt trọn các đơn vị Việt Minh, đẩy tướng Nguyễn Bình vào vài mật khu sát biên giới Việt Miên Lào và bắt đầu thu phục được các lực lượng giáo phái như Cao Đài, Hoà hảo hay ít ra làm cho các lực lượng này tách rời khỏi phong trào Việt Minh.

Nhưng cái chết của tướng Leclerc trong năm đó làm cho hy vọng chiến thắng bằng quân sự của Pháp ở Việt Nam đen tối dần.

Vào khoảng tháng 4 năm 1947, tôi có nghe tin chính phủ Pháp cử một đặc sứ gặp Hồ Chí Minh: ông Paul Mus, một giáo sư và một nhà văn nổi tiếng, tiến bộ, quen biết với Hồ Chí Minh và nhiều nhân vật Việt Minh.

Chúng tôi những Việt kiều ở Pháp lại cố bám vào một hy vọng ming manh. Nhưng hy vọng đã tan vỡ ngay chỉ ít lâu sau, khi ông Paul Mus trở về, và trong một vài tiết lộ của Pháp, cho biết rằng những điều kiện của chính phủ Pháp được coi như căn bản của giải pháp mà Pháp trao cho Hồ Chí Minh là một đòi hỏi Việt Minh phải đầu hàng vô điều kiện trước khi thương thuyết

thượng đỉnh giữa Hồ Chí Minh và Léon Blum.

Trong văn thư của Léon Blum mà ông Paul Mus trao tay cho Hồ Chí Minh có khoản buộc mọi lực lượng vũ trang của Việt Minh phải giải giới tập trung vào những khu chỉ định, trao quyền bảo vệ an ninh trật tự toàn cõi Việt Nam cho quân đội p. Theo sự bàn tán ở Ba-Lê lúc đó thì sở dĩ chính phủ Léon Blum thời bấy giờ có hành động này chẳng qua là để xoa dịu những yêu sách của khối Cộng sản và đảng Xã hội Pháp mà không thực tâm muốn thương thuyết với cụ Hồ.

Bấy giờ thì tôi thấy rõ không còn chút hy vọng gì về một nền hoà bình cho Việt Nam bằng các cuộc thương thuyết. Chiến tranh thì càng ngày càng khốc liệt hơn, và bên Tàu, quân Mao Trạch Đông đang tiến dần xuống phía Nam, chính phủ Tưởng Giới Thạch bắt đầu gặp những cuộc khủng hoảng kinh tế và tiền tệ trầm trọng.

Tôi còn nhớ vào khoảng đầu năm 1947, ít lâu sau khi phái đoàn Marius Moutet và tướng Leclerc từ Hà Nội trở về Ba-Lê, và sứ mạng của giáo sư Paul Mus thất bại, một giai thoại được truyền tụng trong chính giới Pháp, tướng Leclerc và ông Bộ trưởng Marius Moutet lúc đến Hà Nội, đã được mật vụ Pháp cho biết tin Hồ Chí Minh và Tổng bộ hiện đang trốn tại một vùng rừng núi trong tỉnh Tuyên Quang. Đại tá Debes, tướng Salan đề nghị tổ chức một cuộc hành quân nhảy dù đột kích vào nơi đó, trong lúc bề ngoài lên tiếng chấp nhận thương thuyết trở lại với cụ Hồ, và như thế có nhiều hy vọng bắt trọn bộ tham mưu Việt Minh.

Đô đốc D'argenlieu, tuy đã từ chức nhưng vẫn còn giữ quyền cao uỷ Pháp tại Sài Gòn, tướng Moliere, tư lệnh quân Pháp tại Hà Nội đều tán thành kế hoạch này. Riêng tướng Leclerc nhất định phản đối. Ông nói rằng danh dự nước Pháp không cho phép quân đội Pháp hành động như vậy, ông gọi đó là hành động dè tiện mà nước sông Seine không rửa sạch được (*C'est une perfidie que toute L'eau de là Seine ne peut laver!*).

Bộ trưởng Moutet thì nói rằng một chính phủ xã hội (Thủ tướng Léon Blum) được thành lập để tìm giải pháp hoà bình cho Việt Nam không thể hành động như một bọn thảo khấu, bất chấp danh dự, bất chấp lương tri. Tướng Leclerc muốn đích thân gặp cụ Hồ, như lời đề nghị riêng của cụ Hồ, bất cứ nơi nào mà cụ Hồ chỉ định, và tự đặt trong sự bảo vệ an ninh của cụ Hồ với điều kiện ông được chính phủ Pháp trao toàn quyền giải quyết vấn đề Việt Minh, và toàn quyền ký kết các văn kiện thay mặt chính phủ Pháp.

Nhưng các đảng hữu khuynh như MRP, và cả đa số đảng Cộng sản và Xã hội Pháp không chấp nhận điều kiện của tướng Leclerc, vì hầu hết mọi người Pháp đều đinh ninh rằng cụ Hồ đã mất hết uy quyền trong Tổng bộ Việt Minh, bị nhóm hiếu chiến và thân Mao Trạch Đông (lúc bấy giờ đã chiếm quá nửa Trung Hoa lục địa) như Hoàng Quốc Việt, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu thao túng và bao vây cụ Hồ. Chỉ có ba nhân vật trong chính quyền Pháp là ông Moutet, tướng Leclerc, ông Jean Sainteny là những kẻ hiểu rõ uy thế và tài năng của cụ Hồ, tỏ ý tin tưởng rằng trong mọi trường hợp, cụ Hồ vẫn là lãnh tụ được tuân phục của phong trào Việt Minh.

Những nhân vật Pháp đã giết chết mọi hy vọng tái lập hoà bình Việt Nam bằng thương thuyết, ngoài Đô đốc D'argenlieu, và hai cận thần của ông ta là Leon Pignon và Torel, còn có các tướng lãnh Pháp như tướng Moliere, Valluy. Giữa lúc giải pháp thương thuyết ở Việt Nam được chính phủ Pháp coi như không thực tế thì nước Pháp lại vướng vào những phong trào nổi loạn dành độc lập ở nhiều thuộc địa: Madagascar, Maroc, Tunisie v.v... Tướng De Gaulle tuy đã rời chính quyền, nhưng uy thế của ông vẫn rất lớn, lại đưa ra một thông cáo ý nghĩa hết sức mập mờ nói rằng người Pháp nào làm cho nước Pháp mất đi một lãnh thổ hải ngoại Pháp, sớm muộn phải bị xét xử trước toà án tối cao. Ông Bollaert, vốn là một thuộc hạ thân tín của tướng De Gaulle trong thời kỳ kháng chiến chống Đức, nhất định là phải “khớp” trước lời cảnh cáo nghiêm khắc của tướng De Gaulle, cho nên đã lúng túng trong việc quyết định tìm một giải pháp thương thuyết với cụ Hồ.

Vào khoảng đầu năm 1947, quyết định về nước của tôi đã dứt khoát, nhưng tôi muốn hiểu thêm trách nhiệm cũng như vai trò của một người công giáo, của một linh mục công giáo đối với số phận đất nước mình. Tôi thu xếp đi La Mã cùng với các cha Mai, cha Khiết, cha Bông và xin yết kiến Đức Giáo Hoàng. Chúng tôi lên đường vào khoảng tháng tư hay tháng năm. Chúng tôi đáp xe hoả từ Ba-Lê sang Ý. Những dấu tích của chiến tranh vẫn chưa xoá hết dọc đường xe hoả. Những cầu cống đường sá vừa sửa chữa còn những dấu vết của bom đạn.

Hai bên đường những nhà cửa bị tàn phá vẫn chưa tái thiết hết được. Càng nhìn cảnh tàn phá do chiến tranh gây nên ở Âu Châu, tôi lại càng lo sợ buồn phiền cho đất nước mình đang lâm cảnh chiến tranh không biết bao giờ mới thoát ra được.

Các cha giao hết cho tôi trách nhiệm và vinh dự hầu chuyện với Đức Thánh Cha. Đến La Mã vào buổi chiều chúng tôi tìm đến một nơi tạm trú dành cho các linh mục từ xa đến, nghỉ tạm một đêm. Chúng tôi đã gửi thư xin yết kiến Đức Thánh Cha lên Bộ Truyền Giáo của toà thánh Vatican từ trước, nên trong ngày đó, chúng tôi đến gặp Đức Hồng Y và lấy giấy giới thiệu. Được biết Đức Thánh Cha đang nghỉ mát tại biệt điện Castel Gondolfo, hôm sau chúng tôi đi xe buýt đến nơi đó, vào lúc 8 giờ. Chúng tôi được một lính hầu thường được gọi là Garde Suisse, phục sức như lính thời Trung cổ dẫn qua nhiều dãy phòng, nhiều hành lang. Tại mỗi phòng đều có một Đức Ông. Chúng tôi được dẫn vào phòng một Hồng Y phụ trách việc tiếp khách của Đức Thánh Cha, Đức Hồng Y cho biết là phái đoàn chúng tôi những bốn người, và thường thì trong trường hợp này, Đức Thánh Cha tiếp trước cửa văn phòng của Ngài.

Chúng tôi ngồi trong phòng Đức Hồng Y phụ trách nghi lễ và tiếp khách một lúc. Chúng tôi được dặn dò những cách thức quỳ lạy hôn tay Đức Thánh Cha.

Một lát sau, chúng tôi được dẫn đến cửa văn phòng Đức Thánh Cha. Lính hầu mở rộng cánh cửa, và từ trong văn phòng, Đức Thánh Cha bước ra nhìn thẳng vào chúng tôi, mỉm cười hiền từ. Ngài mặc y phục trắng tinh, phủ tận chân. Chúng tôi theo đúng nghi lễ triều yết Đức Thánh Cha, quỳ lạy và hôn tay Đức Thánh Cha Piô XII có vẻ mặt nghiêm nghị nhưng hiền từ, nhìn bốn chúng tôi, và nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Pháp:

- Cha yêu mến dân tộc Việt Nam của chúng con nhiều lắm và cha rất sung sướng gặp các con. Cha còn nhớ một người Việt Nam hiền đức mà cha thương mến, là Đức Nam Phương Hoàng Hậu. Cha gặp bà trước đây, trước đệ nhị thế chiến, khi bà mới kết hôn với hoàng đế của chúng con. Các con có tin tức gì về hai người đó không?

Chúng tôi trình Đức Thánh Cha những tin mà chúng tôi biết về hoàng đế Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương.

Chúng tôi cũng chẳng biết gì về gia đình vương giả đó, và những tin chúng tôi biết chỉ qua tin đồn. Hoàng đế Bảo Đại thì đã thoát sang Hồng Kông và hoàng hậu Nam Phương nghe đâu còn ẩn nấp tại một nhà dòng ở Huế (Dòng Chúa Cứu Thế Huế).

Tôi trình Đức Thánh Cha những thắc mắc của tôi, của những người công

giáo, và nhất là của những linh mục công giáo trong tình thế mới:

- Kính tâu Đức Thánh Cha, chúng con muốn xin Đức Thánh Cha soi sáng cho chúng con một vài niềm băn khoăn. Hiện nay bên nước Việt Nam của chúng con có một phong trào đang nổi lên dành độc lập, đánh Pháp. Phong trào Việt Minh như một làn gió mạnh thổi từ Nam chí Bắc, nung nấu tâm chí mọi người Việt Nam, nhưng chúng con biết rằng phong trào đó đã bị cộng sản chi phối, mặc dầu mục tiêu đấu tranh của nó là mục tiêu chung của độc lập Việt Nam chúng con. Chúng con là người công giáo lại là linh mục công giáo, chúng con không biết nên có thái độ như thế nào trước phong trào này.

Đức Thánh Cha có vẻ trầm ngâm, nghĩ ngợi một phút, giọng ngài chậm rãi, từ tốn, dè dặt:

- Cha biết rằng những người công giáo Việt Nam đang làm bốn phận người yêu nước của họ.

Tôi nhớ rõ nguyên văn câu nói bằng tiếng Pháp của Đức Thánh Cha: (Nous Savons que les catholiques Annamites font leur de voir patriotes).

Sau câu nói đó, Đức Thánh Cha im lặng nhìn chúng tôi, ánh mắt có vẻ nhiều buồn phiền, đau thương xót xa. Ngài ban phép lành cho chúng tôi, và theo lệ thường, gửi phép lành về cho những người thân, cho đất nước chúng tôi. Câu nói của Đức Thánh Cha làm tôi suy nghĩ mãi từ đó không dứt. Câu nói có thể hiểu nhiều cách, không chê trách, không bắt buộc, không dạy bảo phải hành động như thế này hay thế kia, mà để toàn quyền lựa chọn và quyết định cho người trong cuộc. “Những người công giáo Việt Nam chỉ làm bốn phận người yêu nước”. Khi họ theo Việt Minh, dù biết Việt Minh là cộng sản, khi họ chiến đấu chống Pháp, họ cũng làm bốn phận người yêu nước.

Tôi cảm thấy như trút được gánh nặng. Giáo hội không lên án người công giáo Việt Nam làm bốn phận người yêu nước. Quyền lựa chọn và quyết định là ở mọi người. Và riêng tôi đã có sự lựa chọn, quyết định. Tôi không thể đứng dưng, đứng ngoài, trốn tránh cuộc chiến tranh máu lửa trên đất nước tôi. Tôi phải về nước, mặc dù chưa biết sẽ làm gì, sẽ làm được gì.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

Nhìn cảnh trâu cày mắt rụng lệ

Tháng tám 1947, nghĩa là vài tháng sau khi yết kiến Đức Thánh Cha, tôi cùng 15 cha Việt Nam khác lên tàu Felix Roussel về nước. Tàu lênh đênh 21 ngày trên biển cả. Mỗi ngày qua đi, tôi lại thấy lòng thương nhớ nước Việt Nam lớn thêm, những bồn chồn mong đợi và lo sợ cũng tới theo. Những gì sẽ chờ đợi chúng tôi, chờ đợi nước Việt Nam chúng tôi trong những ngày tới? Khi tàu ghé qua một vài bến ở Phi Châu, tôi và vài cha có lên thăm các thành phố xứ người cho khuây khoả. Hình ảnh nước Pháp hùng mạnh càng hiện rõ hơn, nhưng bóng dáng những nứt rạn, những lúng túng của nước Pháp, của đế quốc Pháp cũng đã bắt đầu nổi lên tại các xứ thuộc địa Pháp này rồi. Tôi tin tưởng gần như chắc chắn là nước Pháp sẽ phải thanh toán các thuộc địa của họ. Điều đáng lo sợ là cái cách thanh toán đó, có bao nhiêu dân tộc nhỏ bé bị nghiền nát, bị hy sinh?

Tàu đến Cap St Jacques dừng lại một đêm ngoài cửa sông chờ người cầm lái. Sáng hôm sau, tàu ngược dòng sông lên Sài Gòn.

Chúng tôi đứng trên boong tàu nhìn vào hai bên bờ sông từ khi tàu vào sông cho đến lúc tàu cập bến, những đám ruộng lúa bắt đầu hiện ra. Vài con trâu đứng đĩnh gặm cỏ trên bờ ruộng. Tự dưng mắt tôi ươn ướt, và tôi đã khóc thầm lặng không biết từ lúc nào. Nhìn sang các cha bên cạnh, một vài người Việt Nam bên cạnh, cũng đang rung rung nước mắt. Nhưng không phải là nước mắt đau thương mà là nước mắt sung sướng vinh dự được trở về quê hương mình sau 8 năm cách biệt. Mặc dầu báo chí đã cho tôi thấy những cảnh chiến tranh tàn bạo nhưng lúc tàu ngược dòng tôi chỉ thấy cảnh thanh bình, yên ổn hết sức. Những lũy tre, những rặng dừa, những thửa ruộng, những đàn trâu bò, những đứa bé chăn trâu, vài đoàn người đi trên bờ ruộng. Tất cả đều có vẻ thanh bình kỳ lạ.

Chúng tôi được một đại diện Đại Chung Viện Sài Gòn ra bến Nhà Rồng đón tiếp, và chúng tôi về ngay Đại Chung Viện ở đường Cường Để bây giờ. Các cha khác, tùy gốc địa phận, chờ tàu trở lại địa phận của họ. Riêng tôi thì chờ tàu ra Hải Phòng để tìm cách về địa phận Vinh.

Khoảng vài tuần sau, tôi mua được vé tàu thủy ra Hải Phòng. Cảnh vịnh Hạ

Long hùng tráng, sừng sững nổi lên trên mặt nước, với vài chiếc thuyền buồm, vài chiến hạm Pháp, tuy đồ sộ mà so với cảnh thì thật là bé nhỏ vô nghĩa, càng làm tôi yêu mến đất nước mình hơn.

Lúc tàu cập bến Hải Phòng, cảnh chiến tranh bắt đầu hiện ra trước mắt. Những dấu vết của vụ bắn phá Hải Phòng cuối năm 1946 vẫn còn nguyên vẹn.

Dân Việt Nam ngoài bến tàu ra thì rất thưa thớt. Chỉ có những khu phố của người Tàu và người Pháp là còn có vẻ đông đúc, thịnh vượng. Vừa bước lên bến tàu tôi đã biết ngay thế nào là nỗi nhục của một người dân nước nhỏ bị trị. Đáng buồn nhất, là chính một người Việt Nam nhắc nhở cho tôi cái nhục này.

Tôi đến phòng nhà đoàn để khai giấy tờ. Trên phiếu khai bằng tiếng Pháp, nơi dòng ghi quốc tịch, tôi viết thật đậm nét hai tiếng: Việt Nam.

Người thư ký nhà đoàn gạch hai chữ đỏ, nhìn tôi trân tráo hỏi:

- Cha người Cochinchinois, Annamites hay Tonkinois? Tôi trừng mắt nhìn người thư ký nhà đoàn, gắt giọng:

- Tôi người Việt Nam.

Người thư ký nhà đoàn cau mày, mấp máy như sắp gắt gỏng với tôi, rồi chẳng hiểu sao lại mỉm cười, giải thích dài dòng:

- Xin lỗi cha, lệnh quan trên bây giờ bắt buộc mọi người lên bến phải khai rõ là người Cochinchinois, Annamite du Centre, hay Tonkinois. Cha hiểu cho, đó chỉ là bệnh quan trên, chúng tôi có muốn bắt ép ai làm gì đâu.

Tôi chán ngán đau đớn:

- Quê tôi ở Hà Tĩnh, thầy ghi sao đó cũng được. Người thư ký nhà đoàn viết nắn nót: Annamite du Centre. Tôi chưa xót vì hiểu ra âm mưu định gây chia rẽ Nam Bắc trở lại của người Pháp. Mình không được quyền làm người Việt Nam nữa. Mình phải bị bắt buộc làm người Trung kỳ, Bắc lý. Người Pháp muốn có 3 nước Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ!

Tôi lên ngay Hà Nội.

Đường xe lửa đã được tái lập ngay sau khi Pháp tái chiếm Hà Nội. Xe chạy thật chậm chạp, có lẽ chỉ khoảng năm chục cây số 1 giờ hay kém hơn. Từ cửa sổ toa xe lửa nhìn ra ngoài, những làng mạc hoang tàn, những khu nhà bị đốt cháy còn trơ nền, những nhà gạch đổ nát cho tôi biết chiến tranh đã là một sự thật mà từ đây tôi phải làm quen, phải hoà mình vào. Tôi đến ở tại nhà Chung Hà Hội, nơi tôi đã từng sống ít lâu trước khi đi Pháp. Tôi bắt đầu làm quen lại với văn chương Việt Nam. Tôi đọc hầu hết những sách của Tự lực Văn đoàn. Khi hay tin tôi về nước, một số người Việt ở Pháp và những người biết tiếng tôi đôi chút lần lượt đến thăm, thỉnh thoảng mời tôi đến nhà họ chơi.

Tôi nhớ hình như người đầu tiên mà tôi gặp là Hoàng Bá Vinh còn được người công giáo địa phận Vinh gọi là ông già Vinh. Tôi xin đóng một dấu ngoặc ở đây: ông già Vinh được gọi như thế không phải vì ông nhiều tuổi, mà vì ông từng học ở địa chủng viện ra và gần thụ phong linh mục, thì vì một lý do nào đó bỏ dở con đường tu hành.

Đối với những người đó, người công giáo địa phận Vinh gọi là “ông già” để tỏ ý kính trọng một chút.

Hoàng Bá Vinh lúc bấy giờ cầm đầu một nhóm thanh niên trẻ, hăng say lý tưởng, phần lớn người công giáo đầy lòng yêu nước, tuy không theo Việt Minh, nhưng nhất quyết không hợp tác với Pháp, đang hoạt động cho một giải pháp quốc gia thuần túy.

Lãnh tụ được tôn thờ nhất là ông Ngô Đình Diệm. Trong này có anh Nguyễn Văn Châu, người Quảng Bình, về sau làm Trung tá Giám đốc Nha Chiến tranh Tâm lý, một thời được ông Diệm tin cậy. Ngoài ra, nếu tôi nhớ không lầm thì có một anh chàng cao lớn, hơi gầy, đen, liều lĩnh, thật thà, là anh Hoàng Bá Linh.

Không rõ lúc đó anh đã đi học trường Hạ Sĩ Quan Pháp hay chưa, hình như là chưa thì phải.

Hoàng Bá Vinh gặp tôi rất thường, và những lúc đó tôi với anh ta bàn về tình hình đất nước, nói đến những niềm hy vọng của mọi người Việt Nam, của những người công giáo yêu nước.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

Gặp các cộng sự viên đầu tiên của Ngô Đình Diệm

Những ngày chủ nhật, có lúc tôi và mấy anh em đó ngồi lại nói chuyện rất lâu. Họ hỏi tôi về khuynh hướng, chủ trương của nước Pháp đối với Việt Nam. Tôi cũng thành thật nói cho họ biết những nhận xét của tôi: nước Pháp không thể dễ dàng trao trả độc lập cho Việt Nam, dù với nhân vật chính trị nào.

Ít lâu sau, một số nhà trí thức bất hợp tác với Pháp, vừa từ vùng Việt Minh trốn về đến gặp tôi như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Dương Đôn v.v... Họ là những người không có một lập trường hay một thái độ nào rõ rệt, dứt khoát.

Họ còn được gọi, đôi khi tự gọi là những nhà trí thức hay chính trị trù mị. Họ không chịu hợp tác với Việt Minh, có lẽ vì họ thuộc thành phần trí thức tiểu tư sản, không chấp nhận được chủ nghĩa cộng sản và những thủ đoạn đàn áp tôn giáo, trí thức, địa chủ của Việt Minh. Nhưng họ cũng không muốn hợp tác với Pháp. Nếu hỏi họ muốn làm gì, định làm gì, thì họ không thể nào trả lời được, ngoài câu chờ xem.

Trong thời gian này tôi có gặp Nguyễn Thế Truyền. Thật là một điều đáng buồn cho tôi và cho cụ. Trước đây tôi từng nghe danh cụ Truyền, biết cụ viết bài tựa cho cuốn sách nhỏ của cụ Hồ: *Le Procès de la colonisation Francaise*. Lúc ở Pháp tôi nghe tiếng cụ khá lớn, nghe nhiều người ca tụng cụ. Tôi tưởng khi gặp cụ sẽ tìm được một cái gì mà tôi chờ đợi không gặp. Tôi gặp, nói chuyện với cụ một cách hết sức kính cẩn. Nhưng câu chuyện càng kéo dài, tôi không thấy được gì, ngoài một thời quá khứ đấu tranh của cụ.

Sau vài câu hỏi tôi nêu lên không được trả lời, tôi xoay qua một câu chuyện phiếm. Sau đó tôi không có ý mà cũng không còn tìm cách gặp lại cụ, dù hai người vẫn ở Hà Nội.

Khoảng cuối năm 1947, hai tháng sau khi tôi về Hà Nội thì nghe tin ông Trần Văn Lý ra Hà Nội. Bấy giờ ông Trần Văn Lý ở trong hội đồng chấp chánh, và quyền thủ hiến Trung Phần. Ông Trần Văn Lý đến gặp tôi mời tôi và cha Bồng cùng về Huế với ông. Tôi nhận lời. Ông Lý trong câu chuyện có cho tôi thoáng thấy rằng sở dĩ ông ra làm việc với Pháp là vì một cái thể

bắt buộc.

Ông suy luận rằng không thể nào để cho miền Trung hỗn loạn mãi được, hay hoàn toàn đặt dưới quyền cai trị hành chánh trực tiếp của người Pháp. Người Pháp chẳng thành thực gì, nhưng chúng ta yếu, chẳng có cách gì, theo Việt Minh thì không được, vậy thì phải tạm thời hợp tác với người Pháp trước rồi từ từ sẽ tính. Ông Lý có nhắc đến tên Ngô Đình Diệm.

Hình như chủ ý của ông Lý, dù ông không nói cho tôi hay là chuẩn bị thời cơ để đưa ông Ngô Đình Diệm giữ một chức vụ lãnh đạo quan trọng nào đó, trong một thứ chính quyền mà người Pháp đang tính lập ra.

Tôi có nói chuyện hứa về Huế với các người quen như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Mạnh Hà. Họ đều khuyên tôi chẳng nên về Huế mà làm gì, mà cũng chẳng nên hợp tác với những người đang hợp tác với Pháp như ông Lý.

Tôi nói mấy câu bênh vực sơ cho ông Lý, đại ý là không nên kết án ai vội, phải chờ xem hành động rồi xét đoán sau cũng không muộn. Tôi cho họ biết là tôi đã hứa về Huế, vậy thì dù sao tôi cũng vào Huế rồi liệu sau. Tôi muốn vào Huế chẳng phải muốn làm việc gì với ông Lý mà chỉ muốn tìm cách trở về địa phận Vinh qua ngã Quảng Trị, Quảng Bình, vì lúc bấy giờ tôi nghe quân Pháp đã đổ bộ lên cửa sông Gianh, đã tiến ra sát đèo Ngang và đang dự định vượt đèo Ngang tiến ra Hà Tĩnh, Nghệ An.

Có người trong bọn Hoàng Xuân hãn, Nguyễn Mạnh Hà bày cho tôi cái kế là cứ giữ chỗ máy bay (lúc đó Pháp mới mở một đường bay đặc biệt dành cho quan khách, nhân vật quan trọng, dùng loại máy bay 1 và 2 động cơ), lên xe, rồi giả vờ cho xảy ra một tai nạn xe hơi, và tôi vào nằm nhà thương, thế là lỡ luôn chuyện về Huế với ông Lý. Tôi thấy chẳng cần phải bày trò này làm chi. Về Huế thì đã sao?

Và lại thâm tâm tôi cũng muốn được đi nhiều nơi, nhìn thấy nhiều điều, gặp gỡ nhiều người. Những nhà trí thức và chính trị trù thủ làm cho tôi thất vọng khá nhiều. Họ chẳng đưa ra một giải pháp hay một kế hoạch nào rõ rệt. Họ chỉ ngồi chờ, gọi là trù thủ mà chờ. Chờ ai chờ cái gì chính họ cũng chẳng biết. Khi thì họ chờ ông Ngô Đình Diệm, khi thì họ chờ ông Bảo Đại, khi thì họ mơ Cường Để trở về.

Tôi có gặp một người tên là Nguyễn Khuê. Đúng hơn Khuê nhờ Hoàng Bá Vinh dẫn đến gặp tôi. Vinh cho tôi biết Khuê làm thư ký riêng cho ông Ngô

Đình Diệm. Lần đầu vào gặp tôi, Khuê có vẻ lúng túng, khép nép. Tôi hỏi thăm mấy câu anh ta trả lời ấp úng. Lúc Khuê về, Hoàng Bá Vinh nói chuyện với tôi là Khuê thấy tôi nghiêm nghị, chẳng dám thừa chuyện gì. Tôi ngạc nhiên, đâu có biết mình nghiêm nghị làm cho kẻ khác phải sợ.

Hôm sau, Vinh lại đưa Khuê đến và lần này thì anh ta dạn dĩ hơn. Dĩ nhiên là Khuê ca tụng ông Diệm, khoe rằng lực lượng của ông Diệm khá lắm, và ông Diệm thì có sẵn một giải pháp cho Việt Nam, một chủ nghĩa đương đầu được với chủ nghĩa cộng sản. Khuê trao cho tôi một tập giấy viết tay, chữ của ông Diệm, đoạn thì viết bằng tiếng Pháp, đoạn thì bằng tiếng Việt trong đó ông Diệm trình bày cái giải pháp và cái chủ nghĩa của ông.

Trên phương diện một người khảo sát văn chương hay triết lý thì tôi không thể nào phục cái gọi là chủ nghĩa xã hội quốc gia gì đó của ông Diệm được. Lập luận đôi khi lúng túng vấp vấp chẳng có gì khúc chiết vững chắc. Đại để thì tôi hiểu là ông Diệm chủ trương xây dựng một lực lượng quốc gia thuần túy, không phải cộng sản, mà cũng không theo Pháp, nhưng cũng lại không chủ trương đánh Pháp, mà hình như là chủ trương một sự thương thuyết nào đó với Pháp, trên căn bản Pháp phải công nhận đương nhiên và trước hết nền độc lập, thống nhất, chủ quyền của Việt Nam từ Cà Mau đến Nam Quan.

Lý thuyết thì không làm cho tôi phục được, nhưng cái tâm huyết của một người muốn tìm một đường đi cho quốc gia Việt Nam trong hoàn cảnh đặc biệt này thì làm cho tôi thấy thương mến, kính trọng ông.

Cái lực lượng của ông Diệm mà Khuê đem ra khoe với tôi là khá mạnh, thì tôi có nghe nói đến.

Nó vốn là nhóm thanh niên Nghệ Tĩnh Bình do cha Huê thành lập từ năm 1941, với chủ trương ôn hoà, không đổ máu để dành lại độc lập từ tay người Pháp. Phong trào này định chọn Cường Để làm Minh Chủ và lúc thế lực Nhật mạnh thì muốn mượn thế Nhất diệt Pháp. Về sau thời cuộc biến chuyển, giải pháp Cường Để xem ra không thích hợp, nhóm cha Huê chọn ông Diệm, quyên tiền giúp ông Diệm mở rộng tổ chức, mở những khoá huấn luyện bí mật cho một số cán bộ phần lớn người công giáo trong vùng Nghệ Tĩnh Bình. Năm 1945, cha Huê trốn vùng Việt Minh vào Nam để liên lạc với ông Diệm. Rồi vào đầu năm 1945, lúc trên đường từ Sài Gòn đi miền tây, không hiểu do một sứ mạng nào đó, xe cha Huê bị phục kích, và cha Huê tử nạn. Trong nhóm này có anh Hồ Hán Sơn, người Hà Tĩnh, nhỏ bé, nhưng hoạt động, có tài thu hút người đối thoại rất mau.

Sơn còn có biệt tài vận động và xách động quần chúng, nhất là thanh niên. Những hoạt động của Sơn có lúc bị mật thám Pháp chú ý nên Sơn đổi tên, lánh mặt, tạm thời dạy học ở một trường nhà xứ ở Quảng Bình. Lúc này Sơn cũng ra Hà Nội, có đến gặp tôi vài lần. Sơn và Vinh là hai người mà tôi mến có thể nói là yêu quý và tin tưởng khá nhiều. Họ đều có nhiệt tình, hăng say và trung thành.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 20 -

Huế điêu tàn và buồn thảm

Đã lỡ hứa với ông Trần Văn Lý, tôi vào Huế khoảng cuối năm 1947. Tôi ở lại Huế vài tháng, nói chuyện với ông Lý khá nhiều. Lúc này tôi cũng có cơ hội gặp một số người trong đó có ông Ngô Đình Cẩn, Trần Điền, và dĩ nhiên là các cha sở Huế. Tôi ở lại Huế vài tháng, ông Lý đề nghị mời tôi làm giám đốc nha Văn hoá miền Trung, một nha chưa thành hình, có trách nhiệm như một bộ giáo dục thông tin thu hẹp mà ông Lý định thành lập. Ông Lý sống rất đơn giản gần như khắc khổ, mặc dù lúc bấy giờ uy quyền ông, sau người Pháp thì khá lớn.

Uy quyền đó, vào tay người khác đã hết được ra lửa. Riêng với ông Lý, tôi phải công tâm mà nhận xét rằng trong thời gian quyền thủ hiến Trung Việt, ông Lý cố gắng làm những việc tốt, cứu giúp một vài người bị Tây tình nghi nhưng ông biết không phải cộng sản.

Tôi thấy tình thế không cho phép tôi hay bất cứ ai làm việc gì. Tôi từ chối và chú tâm lo việc đọc sách tìm hiểu, qua lại với những người mà tôi thấy có tâm huyết.

Dịp này tôi có gặp ông Ngô Đình Cẩn một vài lần, nhưng không thân lắm, bà cụ Khả có vẻ mến tôi lắm, thường mỗi lần tôi đến thăm ông Cẩn, bà cụ hay chống gậy ra hỏi thăm dần dò ông Cẩn làm các món ăn ngon đãi tôi. Bà cụ rất mộ đạo, và đôi khi ngồi lại nói chuyện đạo với tôi khá lâu.

Nhân một vài lúc rỗi rảnh tôi có vào thăm thành nội Huế, bụi ngùi nhìn cung điện nhà Nguyễn nay hoang tàn, đổ nát. Tôi chợt nhớ đến Bảo Đại, người

đang được nhắc đến khá nhiều ở Pháp những ngày tôi sắp về nước cũng như ở Việt Nam những tháng vừa qua.

Tôi không tìm thấy hy vọng đẹp đẽ nào ở con người đó, chẳng hiểu tại sao. Tôi chưa gặp Bảo Đại, chưa thấy Bảo Đại, và những ý nghĩ của tôi có tính cách linh cảm hay trực giác mà thôi. Tôi không một lúc nào tin tưởng dù mong manh rằng Bảo Đại sẽ làm được chuyện gì lớn lao xoay chuyển được tình thế đất nước xứng đáng đối thoại một mặt với nước Pháp, một mặt với Việt Minh, để trở thành một cơ hội quý báu những người Việt Nam yêu nước không cộng sản nhưng không thể theo Pháp.

Nhận thấy ở tại Huế chẳng ích lợi gì, chẳng làm được việc gì, tôi tính về Quảng Bình, thuộc địa phận Vĩnh.

Lúc bấy giờ quân Pháp đã đổ bộ lên cửa sông Gianh, tiến sâu vào đến hết huyện Quảng Trạch, Tuyên Hoá theo hai ngã sông Gianh là Nguồn sơn và Nguồn nậy. Quân Pháp và lính bảo vệ đoàn đóng ở hai đồn lớn ở Quảng Khê và Ba Đồn. Những làng công giáo bắt đầu nổi lên chống lại Việt Minh, xin súng Pháp lập đồn hương vệ trong làng. Tôi muốn tìm hiểu cái giải pháp này, cũng muốn sống trọn vẹn đời sống một linh mục nên dứt khoát rời Huế đi Đồng Hới, rồi từ đây đi ca nô ra Quảng Khê lên Ba Đồn và về xứ Đan Sa.

Thời gian này tôi làm một cha xứ Đan Sa hết bốn phận, thay cha Dụng đã từ trần. Xứ Đan Sa, cũng như các xứ khác ở Hoà Ninh, Hướng Phương, Vĩnh Phước cũng lập đồn hương vệ, rào làng, xin súng Pháp để chống lại Việt Minh. Tôi không tin rằng giải pháp này là đúng, trái lại tôi lo sợ sẽ đem lại nhiều hậu quả tai hại hơn cho người công giáo mà thôi, nhưng giáo dân có vẻ hăng say, tin tưởng.

Lúc đó nếu người Pháp thực tâm thì tình thế không chừng có thể thay đổi, ít ra ở vùng tôi vừa đến, tức là vùng Quảng Bình từ Đèo Ngang trở về phía Nam. Nhưng chỉ ít lâu tôi biết ngay rằng người Pháp không thực tâm, mà cũng không có phương tiện, vũ khí để vũ trang đầy đủ cho dân làng nào muốn tự trị chống lại Việt Minh.

Hình như bộ phận lãnh đạo Việt Minh trong tỉnh Quảng Bình, các huyện Quảng Trạch và Tuyên Hoá đã được báo cáo nhiều về tôi, nên thỉnh thoảng tôi nhận được một thư mời của Chính uỷ huyện Tuyên Hoá. Lời lẽ có vẻ tha thiết, trình bày hơn thiệt, mời tôi hợp tác với chính phủ Việt Minh, tố cáo Pháp có những tội ác này nọ.

Tôi không hiểu rõ những thư mời này do tự ý Chính uỷ huyện bày ra, hay có chỉ thị từ trên. Tôi chẳng dám hy vọng rằng cụ Hồ còn nhớ đến tôi sau mấy lần gặp gỡ, chuyện trò, mặc dù tôi biết cụ có trí nhớ kỳ lạ. Cũng có những lá thư gần như là nhân danh cụ Hồ mời tôi nhưng tôi đoán điều đó chỉ là một thủ đoạn để vuốt ve tôi mà thôi.

Thời gian làm cha xứ ở Đan Sa tôi được cái an ủi là giúp đỡ dân chúng chẳng những về việc đạo, mà cả về những việc hết sức lắm cẩm, bất ngờ, như chữa bệnh cảm gió cho một người đàn bà, bày thuốc giục đẻ cho bò cái.

Sau gần một năm, tôi lên Hướng Phương, tức là nơi cai quản các xứ công giáo trong hạt Quảng Bình thuộc địa phận Vinh (bên kia sông Gianh về phía Nam thì lại thuộc địa phận Huế). Lúc này tôi thường nhận được thư mời của Chính uỷ huyện Tuyên Hoá hơn trước, và cạnh những lời mời mọc, thỉnh thoảng có những đoạn ngụ ý đe dọa.

Tôi trình bày với các cha về cách rào làng chống Việt Minh như thế này xem chừng không bền vững được, thà rằng chấp nhận sống như mọi người khác, không lẽ Việt Minh lại giết hết người công giáo được sao, nhất là trong lúc họ cần thu phục lòng dân để đánh Pháp. Một vài cha đồng ý điều đó, nhưng nói rằng các giáo dân không chịu.

Tôi và cha Khấn bàn nhau nên nói thẳng, hỏi ý định của người Pháp, và cho biết nếu họ thành thực giúp đỡ thì họ phải cho thêm súng ống, phương tiện xứng đáng. Tôi thay mặt các Cha đi Đồng Hới trình bày câu chuyện với đại tá cai quản vùng Quảng Bình. Ông nói thẳng là người Pháp không thể làm hơn được, mà cũng không đủ tin tưởng người Việt Nam, dù là ai để võ trang thêm.

Vào tháng tư 1948 có tin vua Bảo Đại về nước, và dân chúng những vùng Tây chiếm được kêu gọi dân lên huyện Ba Đồn tụ họp để nghe đọc hiệu triệu của hoàng đế. Tôi được cử làm đại diện dân chúng đi họp ở Ba Đồn. Trong lời hiệu triệu, tôi không thấy điều gì lạ, đáng mừng.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 21 -

Câu chuyện bên lò sưởi năm 1948

Tôi đi ca nô từ Quảng Khê vào Đồng Hới, mua vé máy bay vào Huế. Vì đường bộ và đường thủy bị cắt đoạn, người Pháp thời bấy giờ mở một đường máy bay từ Sài Gòn ra Hà Nội, lên Nam Vang, Vạn Tượng.

Vào Huế chưa được bao lâu, khoảng một tháng, thì Bửu Lộc đánh điện mời tôi lên gặp hoàng đế Bảo Đại, và ý chừng muốn nhờ tôi thuyết phục ông Ngô Đình Diệm ra thành lập một chính phủ qui tụ được những người quốc gia chân chính, có uy tín, có tài năng.

Đi cùng chuyên máy bay đặc biệt của quân đội Pháp, mà Bửu Lộc xoay sở để đem ra Huế dành riêng chỗ tôi và cụ Đoàn Nậm, một nhân sĩ ở Huế.

Lên Đà Lạt, tôi tìm đến ông Ngô Đình Diệm ngay. Lúc đó ông Diệm ở trong biệt thự của ông Nhu. Đây là lần đầu tiên tôi gặp ông Diệm, nhưng đã biết tiếng ông từ khi ông làm thượng thư, rồi từ chức và mới đây qua những lời ca tụng của các cộng sự viên của ông như Hoàng Bá Vinh, Nguyễn Khuê, Nguyễn Văn Châu, các cha và giới công giáo, cũng như nhiều thành phần quốc gia tôi được tiếp xúc cũng hay nhắc đến ông Diệm, và tỏ vẻ tin tưởng, kính phục ông. Với những cảm tình có sẵn đó tôi chỉ định đến gặp thăm hỏi, làm quen và tìm hiểu ông Diệm mà thôi, chứ không có ý định rõ rệt nào.

Trời Đà Lạt lạnh, ông Diệm bận bộ đồ com lê ngồi đọc sách trong sa lông, sát bên lò sưởi. Ông Diệm thân mật, tươi cười đứng lên mời tôi ngồi xuống chiếc ghế bành cạnh ông, hỏi han tôi về những cảm tưởng, nhận xét của tôi lúc về nước. Tôi tỏ ý lo sợ, xót xa cho đất nước, vì tình trạng chiến tranh, vì âm mưu của người Pháp, vì sự chia rẽ nội bộ hàng ngũ quốc gia, vì hiểm họa cộng sản. Ông Diệm ít nói, gật gù có vẻ tán đồng. Tôi vào ngay đề:

- Thưa cụ, bây giờ người Pháp đã đưa hoàng đế Bảo Đại về lập lại triều đình nhà Nguyễn, cụ có định ra lập chính phủ không? Ông Diệm lắc đầu, nhìn đăm đăm vào bếp lửa:

- Trước cha, vài người cũng đã hỏi tôi điều đó. Thực ra thì tôi không nên trả lời vì Bảo Đại hoặc người của ngài chưa nói gì với tôi một cách chính thức về điều đó. Theo tôi thì không thể nào ra lập chính phủ lúc này được. Cha cũng hiểu rồi đó. Thoả hiệp Vĩnh Hạ Long đã không đem lại độc lập và thống nhất chân chính cho Việt Nam. Quân đội Pháp, Cao uỷ Pháp đang nắm mọi quyền hành chính trị, quân sự. Về ngoại giao thì Việt Nam bị giới

hạn, chỉ được phép đặt đại diện ở ba nơi là Ba-Lê, Hoa-thịnh-đôn và Luân-đôn.

Như thế chủ quyền ngoại giao hoàn toàn không có, hoàn toàn trong tay người Pháp. Điều thứ hai nữa ít người để ý là người Pháp lập ra Hoàng Triều Cương Thổ để biến tất cả vùng cao nguyên Trung và Nam Phần thành đất thuộc địa trực tiếp của Pháp.

Ông Diệm trầm ngâm một lúc. Tôi vẫn im lặng. Những lời ông nói ra nửa như suy tư, nửa như phân trần với tôi:

- Vùng cao nguyên này có một tầm quan trọng lớn về chiến lược và kinh tế. Về chiến lược, nó nằm ở giữa ba quốc gia Việt, Miên, Lào. Ai chiếm giữ được cao nguyên này có thể gây áp lực được đối với cả ba quốc gia đó.

Người Pháp gọi vùng cao nguyên là Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là một lối trá hình, trên thực tế chủ tâm của họ là biến vùng này thành thuộc địa Pháp. Về mặt kinh tế, thì vùng cao nguyên hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong tương lai. Ở đó chắc chắn có nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhiều khoáng sản chưa được khám phá và khai thác, nhưng chúng ta cần phải bảo vệ cho Việt Nam.

Rồi còn vấn đề thể diện quốc gia, chủ quyền quốc gia nữa. Không thể bỗng dưng nhường cho Pháp một vùng đất quan trọng như thế, nằm ngay giữa lãnh thổ quốc gia, người Việt Nam nào muốn lên lại phải xin thông hành!

Tôi chợt nhớ đến một cuốn sách khảo luận về địa dư Đông Pháp, không nhớ rõ tác giả, và tôi đem những ý kiến được nêu lên trong tập sách này trình bày lại với cụ Diệm:

- Cụ nói đúng. Tôi có đọc một cuốn sách viết đại ý rằng Pháp muốn ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam về phía Tây, muốn để dân tộc Việt Nam dừng lại ở các miền duyên hải, còn Pháp thì phải giữ vững vùng cao nguyên Trường Sơn, vừa để ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam, vừa canh phòng phía Lào. Như vậy khi lập Hoàng Triều Cương Thổ, đặt trực thuộc Pháp, thì Pháp đã bắt đầu thi hành đúng cái chính sách đó rồi.

Cụ Diệm chậm rãi:

- Trong một vài trường hợp, mình có thể tính chuyện hợp tác với người Pháp

trên căn bản thoả hiệp vịnh Hạ Long, với một điều kiện: Bảo Đại không phải là Bảo Đại.

Cụ Diệm có vẻ khoái trá với câu nói ý nhị đó, hơi mỉm cười. Tôi hiểu ý cụ, cũng mỉm cười. Cụ Diệm lại tiếp:

- Nhưng chuyện đó không thể xảy ra được. Bảo Đại là Bảo Đại tức là một người, thì chúng ta có thể dùng thoả hiệp vịnh Hạ Long làm bàn đạp để tranh đấu từ ôn hoà đòi hỏi thêm những chủ quyền khác mà người Pháp chưa chịu trao trả. Với ai thì được, nhưng với Bảo Đại thì không thể được. Dù có thiện chí đến mấy cũng vô ích thôi. Bảo Đại chỉ thích nghỉ lễ, hình thức, bề ngoài lại ham săn bắn, ăn chơi, không có tinh thần trách nhiệm đối với sứ mạng lãnh đạo của ông.

Giả sử tôi ra lập nội các với Ngài thì sẽ xảy ra đổ vỡ rất mau. Và dĩ nhiên lúc này thì tôi là phải chịu ra đi, chịu thiệt thòi, vì Pháp còn coi nặng lá bài Bảo Đại lắm.

Tôi thán phục những nhận định sáng suốt, chính xác của ông Diệm, hỏi thêm:

- Thừa cụ, như vậy bây giờ cụ không ra lập nội các, thì theo cụ bao giờ mới có cơ hội tốt để đem ra một giải pháp hoàn toàn quốc gia?

Cụ Diệm nhìn tôi như trách rằng tôi cũng đã biết như cụ rồi mà còn hỏi làm chi:

- Bên Tàu đảng nào thì Mao Trạch Đông cũng thắng Tưởng Giới Thạch. Mỹ muốn cho họ Tưởng thoả hiệp chia đất hay chia quyền với Mao cho yên chuyện Trung Hoa lục địa. Quân cộng sản tàu thắng tiến đến biên giới Bắc Việt Nam, quân Việt Minh được sự giúp đỡ trực tiếp của quân cộng sản Tàu, sẽ mạnh lên, quân Pháp sẽ gặp khó khăn, lúc đó thì cả Pháp và Bảo Đại sẽ lạy lục người nào đưa ra được một giải pháp quốc gia chân chính. Lúc đó ra cũng chưa muộn.

Tôi đứng lên chào ông Diệm định ra về, chợt nhớ rằng đây là nhà của ông Nhu.

Tôi hỏi ông Nhu và được ông Diệm cho biết là ông Nhu đang ở phòng trong. Tôi tiến vào. Đây là một căn phòng rộng, giữa kê một chiếc bàn dài, có lẽ là

bàn ăn, một góc kê chiếc đàn dương cầm. Sát tường có bộ sa lông và mấy chiếc bàn nhỏ, thấp. Ông Nhu ngồi trên chiếc ghế sa lông đó. Ông Nhu mặc chiếc áo len dày cao cổ. Con gái đầu lòng của ông là Lệ Thủy đang ngồi trên chiếc bàn dài, học bài. Bà Nhu mặc áo dài màu xanh đậm đứng bên con gái la mắng Lệ Thủy vì Lệ Thủy làm bài không đúng ý bà.

Câu chuyện giữa tôi và ông Nhu cũng tương tự như câu chuyện với ông Diệm. Giọng nói ông Nhu chậm rãi, rần rỏi, đầy tin tưởng. Chợt giữa câu chuyện bà Nhu la lớn mắng Lệ Thủy. Tôi quên nói một điều là từ đầu tôi chỉ nghe bà Nhu nói tiếng Pháp thôi.

Ông Nhu cau mày:

- Mình làm gì thế, có cha Luận đến thăm đây này.

Ông Nhu nói với vợ bằng tiếng Việt. Bà Nhu không nghe, cứ tiếp tục mắng con, và bằng tiếng Pháp. Ông Nhu thở dài, lắc đầu khẽ:

- Thôi cha, chúng mình sang phòng bên cạnh nói chuyện bớt ồn ào hơn.

Tôi và ông Nhu bước sang phòng khác. Ông Nhu khép cửa lại, tuy vậy những tiếng la hét của bà Nhu bên phòng vẫn còn vọng sang được.

Câu chuyện tiếp tục, và ông Nhu cũng nhận định rằng lúc này ra chấp chánh chưa thuận lợi lắm, sẽ bị tràn ngập vì những khó khăn không giải quyết nổi. Tôi cũng góp ý đại để là nếu vì nóng lòng, vội vàng quá mà ra chấp chánh lúc chưa thuận tiện, thì chẳng những không được việc gì mà tiêu tan luôn cả vốn liếng danh dự và sự nghiệp chính trị tương lai của mình. Ông Nhu có vẻ thấm thía cái ý đó, gật gù. Tôi hẹn thế nào cũng đến thăm hai anh em ông lần khác.

Ông có vẻ mến tôi, và khi từ giã ra về, tôi bước qua phòng khách, ông Diệm vẫn đang ngồi ở đó đọc một tờ báo tiếng Pháp. Cả hai người cùng bắt tay tôi và đưa tôi ra cửa.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 22 -

Bảo Đại: Con người chán chường và thối mệ

Hôm sau tôi được Bửu Lộc cho người đến mời đi yết kiến hoàng đế Bảo Đại.

Biệt điện của Bảo Đại ở Đà Lạt nằm trên ngọn đồi thông. Phong cảnh thật đẹp, và dinh thự hết sức sang trọng. Lúc tôi được dẫn vào phòng khách, thì chỉ có một thư ký riêng ra tiếp, mời ngồi rồi vào trong trình lại với hoàng đế Bảo Đại. Lát sau, Bảo Đại ra, bước chậm chạp, dáng mệt nhọc. Ông bận âu phục xám, bước thẳng đến chỗ tôi đứng, bắt tay mời ngồi, lấy thuốc mời hút. Tôi nói mấy câu chúc mừng theo phép lịch sự, Bảo Đại chậm rãi nói, có vẻ phân trần:

- Sở dĩ tôi chấp nhận về nước làm việc cho quốc gia là vì thấy rằng nước Pháp đã chịu nhượng bộ khá nhiều. Thoả ước vịnh Hạ Long tuy không đem lại cho chúng ta tất cả những gì chúng ta đòi hỏi, nhưng chúng ta có thể dựa lên đó để tranh đấu thêm, đòi hỏi thêm. Tôi nghĩ rằng điều quan trọng bây giờ là tạo ra cái cơ, cái nơi, cái cơ hội để những người quốc gia chân chính qui tụ lại với nhau mà làm việc. Nhưng thật là khó khăn, người quốc gia thì ngờ vực nhiều quá, mà Pháp thì chỗ nào cũng chỉ muốn dùng những tay chân thân tín của họ mà thôi.

Tôi đoán chừng ý của Bảo Đại là muốn tôi nhắc đến tên một vài nhân vật quốc gia, chẳng hạn Ngô Đình Diệm. Tôi cũng đoán chừng rằng ông đã biết tôi vừa gặp ông Diệm hôm trước, và tôi quen biết những cộng sự viên thân tín của ông Diệm. Nhưng tôi thì không muốn nói đến tên ông Diệm trước. Tôi muốn chính Bảo Đại phải dứt khoát và nói ra ý nghĩ thành thật nhất của ông.

Nhưng câu chuyện vẫn trôi trên những đề tài chung, không nhắc đến tên tuổi một người nào. Có lúc Bảo Đại than phiền:

- Lúc mới về nước tôi đặt nhiều hy vọng vào sự hợp tác của các nhân vật quốc gia chân chính. Tôi có ngỏ ý mời họ nhưng phần đông đều từ chối hoặc đòi hỏi những điều kiện quá lý tưởng không thể nào tạo ra được trong hoàn cảnh này.

Câu chuyện kéo dài được vài phút thì Bảo Đại có vẻ mệt nhọc lắm, nằm chuôi dài người ra trên chiếc ghế bành. Tôi thấy kéo dài thêm chẳng ích lợi, đứng lên kiếu từ:

- Tôi xin cầu chúc Ngài thành công. Tôi là một tu sĩ, không biết làm gì để giúp, nhưng nếu có thể làm được việc hữu ích thì tôi xin sẵn lòng.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 23 -

Cha Houssa, người đưa ông Diệm vào chính trường Mỹ

Trong những ngày lưu tại Đà Lạt, tôi gặp thêm ông Diệm và ông Nhu mấy lần. Phan Xứng dành cho tôi một chiếc xe để đi lại. Và chiếc xe này một hôm đã gây ra một tai nạn tưởng đâu tôi thoát chết thì cũng bị thương nặng. Trời mưa lớn, chiếc xe đang xuống dốc thì gặp một xe ngựa đi lên nghênh ngang giữa đường. Tài xế vì tránh xe ngựa, lao xuống dốc. Tôi không biết gì nữa ngất xỉu đi. Lúc tỉnh lại thì thấy mình nằm trên đám cỏ chỉ bị ê ẩm mình mẩy, trầy trụa sơ sơ, phải vào nhà thương băng bó.

Tôi về Huế ở lại ít lâu, đến thăm ông Cẩn vài lần rồi cảm thấy tình thế không có nhiều biến chuyển, tôi ra lại Hướng Phương (Quảng Bình) giữ nhiệm vụ đi giảng tại các xứ đạo. Cũng như lần trước, tôi nhận thấy cái lối rào làng, dựa vào vài khẩu súng cũ kỹ của Pháp cho mà chống lại Việt Minh không thể thành công được. Quanh Hướng Phương, các làng lân cận đều theo Việt Minh, như Pháp Kệ, Trung Thuần. Người Pháp lại không thực tâm giúp đỡ dân chúng chống cộng.

Không có một sự phối hợp nào giữa quân Pháp và các làng tự vệ hay giữa các làng tự vệ với nhau. Nhìn tương lai, tôi thấy thật là đen tối. Trong một lần được cử đi gặp đại tá Pháp chỉ huy vùng Quảng Bình, tôi được ông nói thẳng là toàn tỉnh Quảng Bình Pháp chỉ có thể tuyển mộ và võ trang cho 2.000 lính bảo vệ. Tôi về trình bày với cha chính xứ là cha Khẩn. Vào khoảng mùa hè năm 1949, Hướng Phương lại gặp nạn đói, và bệnh dịch bắt đầu phát xuất.

Lúc này tôi cũng nhận được nhiều lá thư mời đi họp đầy những lời đe dọa, ký tên chủ tịch huyện Tuyên Hoá là Nguyễn Dân.

Tôi nghĩ rằng mình không thể bó tay ngồi chờ được nên xin với cha Khẩn cho vào Huế dạy học, ít ra tôi có thể kiếm được ít tiền bạc mua thuốc men giúp đỡ dân chúng hoặc là trình bày tình trạng vùng Quảng Bình với những

người có trách nhiệm ở Huế. Tôi rời Hương Phương vào Huế đầu niên học 1949 tức là khoảng tháng 9 hay tháng 10. Lớp triết đầu tiên vừa được mở tại trường Quốc học Huế.

Tôi phụ trách dạy Triết, và tôi còn nhớ người học trò chăm nhất là Âu Ngọc Hồ.

Ngoài việc tìm cách giúp đỡ giáo dân Hương Phương tôi viết sách, và liên lạc với Emmanuel Jacques Houssa người Bỉ, từng sống ở Phát Diệm từ 1939 đến 1945, tổ chức cho sinh viên Việt Nam du học nước ngoài. Sở dĩ tôi phải nhắc đến cha Houssa là vì hai lý do: thứ nhất ông là ân nhân của nhiều nhân tài Việt Nam, giúp đỡ cho nhiều sinh viên du học nên người, thứ hai chính ông đã giúp đỡ ông Diệm, và những sinh viên mà ông giúp học hành đỗ đạt về sau trở thành cán bộ của ông Diệm. Có thể nói rằng nếu không có cha Houssa thì số phận Việt Nam không chừng đã khác.

Tôi gặp cha Houssa ở Ba-Lê vào năm 1946. Ông bàn với tôi rằng vấn đề quan trọng nhất của Việt Nam là vấn đề cán bộ. Cán bộ hiểu theo nghĩa rộng là lớp người có trách nhiệm làm cho xã hội tiến bộ. Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh, xâu xé, nghèo đói chậm tiến, không thể đào tạo cán bộ ngay trong nước, vậy phải tìm cách gửi những thanh niên ưu tú đi du học.

Tôi hoàn toàn đồng ý và bàn với cha Houssa là khi về nước tôi sẽ tìm cách để đưa thanh niên Việt Nam ra khỏi nước, còn cha Houssa thì lo cho thanh niên Việt Nam ở ngoại quốc có thể ăn học. Cha Houssa cũng nói rằng nước Bỉ, quê hương của cha nhỏ bé, không tạo được ảnh hưởng gì lớn trên quốc tế, và dù có Hoa Kỳ là đủ sức giúp đỡ Việt Nam. Cha Houssa đã cho tôi biết ý định sang Mỹ của ông từ năm 1946.

Lúc tôi vào Huế dạy ở trường Quốc Học, năm 1949, tôi gửi thư liên lạc lại thường xuyên với cha Houssa lúc bấy giờ ở Mỹ. Ông cho tôi biết ông đã vận động để xin cho các thanh niên Việt Nam một số học bổng ở các đại học công giáo. Ngay năm 1950, nghĩa là khi lớp triết đầu tiên của trường Quốc Học thi xong, tôi chọn một vài thanh niên ưu tú như Âu Ngọc Hồ, Nguyễn Văn Mừng, Nguyễn Thị Quýt, Võ Thị Hồng Phúc, Phạm Đăng Tải, Phùng Viết Xuân gửi sang Mỹ gặp cha Houssa.

Ở Việt Nam thì nhờ bác sĩ Hồ Quang Phước giúp đỡ công việc xin thông hành xuất ngoại. Bên Mỹ thì tại Nữ Ước có ông Bùi Công Văn đón tiếp, hướng dẫn còn nếu sang ngã Thái Bình Dương, đến Saint Francisco thì có

ông bác sĩ Nguyễn Thành Nguyên giúp đỡ.

Cũng trong năm đó, ông Diệm lấy cơ đi dự năm Thánh để xuất ngoại.

Nhờ sự giới thiệu của cha Houssa, ông Diệm được tiếp đón tại dòng tu Maryknoll thuộc tiểu bang Maryland. Cũng qua sự giới thiệu của cha Houssa và các sinh viên Việt Nam đã sang Mỹ từ trước, ông Diệm lần lượt đi diễn thuyết tại các Đại Học lớn ở Mỹ, như đại học Cornell.

Tiếng tăm ông Diệm bắt đầu được chính giới người đế ý cũng nhờ đó, báo chí Mỹ thỉnh thoảng cũng phỏng vấn ông Diệm. Trong thời gian này, hai người giúp đỡ ông Diệm đắc lực nhất là ông Đỗ Vạn Lý, làm bộ Quốc phòng Mỹ tại Hoa Thịnh Đốn và ông Bùi Công Văn làm cho đài tiếng nói Hoa Kỳ ở Nữ Uớc.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 24 -

Ngô Đình Cẩn, người có trí nhớ phi thường

Lúc tôi vào Huế lần đầu tiên, từ Hà Nội theo ông Lý, tôi có được ông Cẩn cho người đến mời tôi sang nhà ông nói chuyện. Lần đó tôi đã đến gặp ông vài lần. Lần thứ hai vào Huế để đi Đà Lạt, tôi cũng ghé qua thăm hỏi ông Cẩn, và dĩ nhiên, lần này vào dạy học ở Huế, tôi hay đến nói chuyện với ông Cẩn. Về sau ông Cẩn xin phép Đức Giám Mục để tôi đến làm lễ tại nhà ông mỗi chủ nhật.

Những câu chuyện thay đổi giữa tôi và ông Cẩn gồm đủ các thứ chuyện, từ chuyện nuôi chim chuyện quá khứ đến chuyện chính trị. Ông Cẩn có lòng kính phục yêu mến ông Diệm hết mình nhưng hình như lại có vẻ không ưa bà Nhu và vì khi nhắc đến ông Nhu thì ông tỏ vẻ không thích thú lắm. Câu chuyện mà ông Cẩn hay nói nhất, là những giai thoại vui vui giữa ông Khôi, ông Diệm.

Lúc bấy giờ ông Khôi và con cả của ông bị Việt Minh giết, chưa tìm ra xác. Mỗi lần nhắc đến ông Khôi mặt ông Cẩn buồn buồn rồi đánh rần lại đầy cảm phần. Ý thức quốc gia dân tộc ở ông Cẩn mơ hồ, không rõ rệt, sáng sủa như

ông Diệm, ông Nhu, nhưng lòng căm thù cộng sản ở ông Cẩn lớn lắm có lẽ vì ông không quên được cái chết của cha con ông Ngô Đình Khôi, người anh cả mà ông tôn kính, thần phục.

Ông Cẩn dành nhiều thì giờ để hoạt động chính trị. Nhiều nhân vật quốc gia đón gió biết trước sau ông Diệm cũng được mời ra chấp chánh, mon men tìm đến ông Cẩn. Nhiều người biết Pháp Cẩn nể tôi đã nhờ tôi giới thiệu với ông Cẩn, trong đó có một thanh niên trẻ, học luật tên là LTQ.

Ông Cẩn bắt đầu thu phục một số cán bộ, dùng những buổi gặp gỡ, nói chuyện để học hỏi với nhau đọc những lá thư từ Mỹ của ông Diệm gửi về, hay một số tài liệu hiếm hoi do ông Diệm biên soạn. Về sau ông Nhu thường gửi các tài liệu chính trị ra cho các cán bộ ở Huế đọc.

Trong số những người hay qua lại nhà ông Cẩn khoảng 1949 trở đi, tôi thấy có Trần Điền, Nguyễn Trân, Đỗ Mậu, ông Vinh (Đại tá). Tôi cũng có làm quen với những người này.

Mỗi chủ nhật, tôi đến nhà ông Cẩn ngay dưới cái dốc đi lên nhà thờ Phú Cam làm lễ, trong một nhà nguyện nhỏ chung bày đơn sơ nhưng trang trọng. Bà cụ Khả có một bàn quỳ lót nệm. Ông Cẩn quỳ bên cạnh. Thỉnh thoảng bà Cả lễ, đưa con gái lớn của bà lúc bấy giờ khoảng 14 tuổi, những lúc nghỉ hè cũng theo mẹ đến dự lễ.

Xong lễ, ông Cẩn mời tôi ở lại nói chuyện khá lâu, nhiều hôm suốt cả buổi sáng. Ông cười nói rằng nếu tôi không ở lại ăn sáng với ông thì bà cụ (Khà) sẽ la ông. Bà cụ Khả rất mộ đạo, thường quỳ lạy cầu nguyện trong nhà thờ khá lâu. Có lúc tôi và ông Cẩn ngồi nói chuyện một lúc, bà mới ra khỏi nhà nguyện, đến thăm hỏi tôi. Bà sẵn sóc đến bữa ăn sáng của tôi, thường hỏi ông Cẩn hôm ni làm gì cho cha Luận ăn sáng. Cái món mà bà cụ muốn người nhà nấu cho tôi dùng, vì theo bà đó là món bổ nhất, ngon nhất, là cháo bồ câu. Nhà ông Cẩn rộng, nuôi được nhiều bồ câu. Bà Khả là người đàn bà Việt Nam gương mẫu, chỉ biết lo lắng cho con cái.

Cái chết của cha con ông Khôi làm cho bà đau khổ vô cùng, và từ đó bà ít khi vui cười được. Bà không bao giờ nói đến chuyện chính trị, bà chỉ cần biết đến sức khỏe của các con cháu bà mà thôi. Thường thì bà mặc áo bà ba trắng hay nâu. Ngày chủ nhật, bà mặc áo dài, thường bằng hàng gấm, đoạn, hay nhung. Bà nói ngày chủ nhật phải tỏ ra kính Chúa như vậy.

Ông Cẩn thường mặc áo màu đen, những lúc ông cho là làm tốt, thì ông mặc áo dài the hai lớp. Ông sống rất đơn giản, thanh bạch, ăn trầu hút thuốc lá vắn. Trong mọi việc ông Cẩn không bao giờ ghi chép cũng không dùng thư ký riêng để ghi chép bất cứ điều gì. Nhưng ông có trí nhớ kỳ lạ.

Tôi còn nhớ một câu chuyện nhỏ làm tôi phục cái trí nhớ phi thường của ông. Một hôm có một cậu thanh niên là LTQ đến nhờ tôi dẫn đến giới thiệu với ông Cẩn. Tôi thấy anh ta thông minh, mặt mũi sáng sủa, cũng có thiện cảm. Một hôm sau lễ chủ nhật, tôi nhắc đến tên anh ta với ông Cẩn, và xin ông hôm khác cho hắn lên trình diện ông Cẩn, xem ông dùng hắn được việc chi không.

Hai tháng sau, trong một buổi họp mặt khá đông người, bàn chuyện mở rộng hoạt động chính trị trong miền Trung, một người khác, tôi không nhớ là ai, lên tiếng giới thiệu anh LTQ lúc đó đứng trong đám đông vây quanh ông Cẩn.

Ông Cẩn nhìn anh ta:

- À chú là LTQ hả? Cách đây hai tháng, cha Luận có giới thiệu anh với tui. Chú muốn hoạt động hả. Được, để tui giúp cho.

Một lần khác, anh Lê Mộng Hoàng, một trong số sinh viên tôi giới thiệu đã đi du học ở Pháp về, cùng tôi đến gặp ông Cẩn, cũng với ý định giới thiệu Hoàng với ông Cẩn. Nghe nói đến Lê Mộng Hoàng, ông Cẩn sực nhớ ra điều gì, hỏi gốc gác, cha mẹ, rồi cười vui vẻ:

- Mình nhớ ra rồi. Bố chú mi trước làm tri huyện, nhà ở chợ Cống. Hồi nhỏ mình hay chạy sang phía đó bắt chim gặp bố mình hoài, nhưng lúc đó mình chưa sinh ra?

Một hôm khác, tôi nói chuyện với ông về việc trở lại đạo của em vợ Trần Điền. Ông Cẩn nhớ và nhắc ngay:

- Bố của cô ấy làm tri huyện Hương Thủy phải không? Hồi đó bố cô thua bạc hết cả tiền thuế, sợ bị tội, giả gây ra tai nạn ô tô ở Phú Bài để khai bậy chạy tội đó, chắc cô không biết mô.

Những mẩu chuyện này đủ chứng minh trí nhớ phi thường của ông Cẩn nhưng cũng vì trí nhớ đó cho nên ông thường nặng thành kiến, ân oán rất

phân minh. Ông đã không tin ai, thì khó có cách gì làm cho ông đổi ý kiến. Ông đã ghét ai, thì cũng không làm thế nào để ông có thể ngơ được.

Khoảng thời gian này, Phan Văn Giáo được Bảo Đại cho làm thủ hiến Trung Phần. Tôi chỉ thỉnh thoảng gặp trong các buổi lễ công cộng và không một lần nào tôi có ý định làm quen nhiều với ông Giáo, có lẽ vì tư cách của ông không làm cho tôi kính phục được chút nào. Những chuyện tốt xấu, và hình như xấu nhiều hơn tốt của ông Giáo làm trong thời kỳ làm thủ hiến Trung Phần, thì tôi cũng chỉ nghe dân chúng ta thán, đồn đại không để ý mấy. Mấy đứa học trò, hay mấy người quen có nhắc đến, thì tôi cũng chẳng để vào tai làm gì.

Theo chỗ tôi biết, giữa ông Cẩn và ông Giáo lúc bấy giờ đôi bên gờm nhau hơn là thân nhau. Một vài cán bộ của ông Cẩn tuy làm việc trong chính quyền tức là dưới quyền ông Giáo nhưng cũng không phục ông Giáo. Có lẽ biết chẳng có ai theo mình, kính phục mình, ông Giáo lo làm giàu, lo chơi hưởng thụ hơn là lo làm việc ích quốc lợi dân.

Nhưng ông có tài ăn nói trôi chảy. Phần nhiều những lần ra trước công chúng, ông thường ứng khẩu các diễn văn ngắn, có lúc ông nói hay đến nỗi nhiều người cảm động. Tôi nhớ một lần khánh thành quân y viện Mang Cá. Ông Giáo nói cách chi hay đến nỗi nhiều người sụt sùi khóc, thương cảm cho số phận các thương bệnh binh.

Trong thời gian này nhiều biến chuyển quan trọng xảy ra trong nước và ở ngoại quốc. Quân Cộng sản Trung Hoa đã chiếm trọn lục địa, đuổi Tưởng Giới Thạch ra Đài Loan, Đài Phát thanh Việt Minh loan báo Trung Cộng, rồi Nga Sô đã nhìn nhận chính phủ Việt Minh. Phái bộ đại diện của chính phủ Việt Minh tại Pháp do ông Trần Ngọc Danh cầm đầu rời Ba-Lê, huỷ bỏ phái bộ, và lên đường sang Tiệp Khắc.

Hành động này đánh dấu sự tan vỡ ngoại giao một cách chính thức giữa Pháp và Việt Minh. Mọi hy vọng thương thuyết với Việt Minh kể như tan vỡ hết.

Trên chiến trường quân Việt Minh lần lượt chiến thắng ở Cao Bằng, Lạng Sơn buộc quân Pháp rút khỏi hai tỉnh này, và biến trọn vùng cao nguyên Bắc Việt thành khu giải phóng dưới quyền chính phủ Việt Minh. Đài Hà Nội bắt đầu khoe khoang, sẽ ăn tết ở Hà Nội.

Chính quyền Bảo Đại, nhờ quân Pháp, và cũng nhờ bộ máy công an khá hữu hiệu trong tay Nguyễn Văn Tâm, đã tạo được một ảo tưởng an ninh tại các thành phố lớn. Nhưng dân chúng, nhất là các chính khách, các nhân sĩ vẫn giữ thái độ hoài nghi, bất hợp tác với Bảo Đại.

Lúc bấy giờ nhiều người đã tin chắc Việt Minh sẽ chiến thắng không lâu lắm... Nhưng rồi một biến cố quan trọng làm thay đổi lịch sử: Ngày 6 tháng 12-1950, tướng De Lattre De Tassigny, một tướng lĩnh tài giỏi của Pháp nắm quyền tư lệnh quân đội Pháp ở Việt Nam.

Thời gian này, một mặt tướng De Lattre cho tổ chức thêm các đơn vị võ trang Việt Nam, trao thêm quyền hành cho chính Bảo Đại, mặt khác chặn đứng cuộc tiến quân về vùng châu thổ sông Nhị Hà và Hà Nội của Việt Minh. Quân Việt Minh trên đường tiến về Hà Nội bị đánh tan ở Vĩnh Yên, Đông Triều, Sông Đáy vào tháng Giêng 1951.

Tại miền Trung, nhiều tiểu đoàn Bảo vệ quân được thành lập, với hạ sĩ quan và sĩ quan Việt Nam. Ông Giáo được Pháp tặng cho cái danh hàm tướng và ông hí hờ may một bộ quân phục cấp tướng đúng kiểu, cũng có những nhánh lá viền quanh cổ tay. Nghe một lần trong một cuộc lễ hỗn hợp Việt Pháp, ông Giáo đã mặc quân phục tứ tướng đến dự, làm nhiều tướng thật của Pháp che miệng cười. Sau đó người Pháp cố vấn cho ông Giáo đã khuyên ông không nên mặc quân phục nữa, sợ có lúc các tướng thiệt của Pháp thấy gai mắt sẽ sỉ nhục công khai thì phiền lắm. Quả thực sau mấy lần mặc áo tướng, ông Giáo chẳng hiểu vì lý do nào không còn dùng nữa.

Nhưng Bảo Đại không biết dụng thời cơ này để qui tụ người quốc gia thuần túy yêu nước. Ông ham sẵn bản chơi thuyền hơn là ham việc nước. Mọi công việc của chính phủ nằm trong tay thủ tướng Nguyễn Văn Tâm và Nguyễn Văn Hinh tư lệnh quân đội Việt Nam.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 25 -

Ông Cẩn nhờ tôi xuất ngoại gặp ông Diệm

Ở Huế, những thói nát của chính quyền Bảo Đại được phe Ngô Đình Cẩn coi

như cơ hội tốt nhất để chuẩn bị thời cơ. Bây giờ ông Diệm đã sang Mỹ, và tiếng tăm của ông bắt đầu nổi lên trong chính giới Mỹ. Người Mỹ đã bắt đầu nói đến một giải pháp Ngô Đình Diệm cho vấn đề Việt Nam. Ông Cẩn qui tụ được một số đông cán bộ, phần lớn những người công giáo đầy nhiệt huyết, hăng say.

Ông bàn với tôi là thời cơ có lẽ gần đến, và cần phải lưu ý ông Diệm về điều đó, để chuẩn bị trên mặt quốc tế. Ông Cẩn đề nghị tôi nên đi Pháp, đi Mỹ một chuyến để đích thân gặp ông Diệm. Chính quyền Nguyễn Văn Tâm khó mà cho ông Cẩn hay ông Nhu đi Mỹ. Những tay chân khác của ông Cẩn, thì theo lời ông Cẩn cũng khó ra đi khỏi Việt Nam được, và cũng không được ông Diệm tin lắm.

Tôi cũng muốn đi ngoại quốc, vì lúc bấy giờ tôi gửi ra ngoại quốc rất nhiều sinh viên. Ở Mỹ có một số nữ sinh viên làm tôi lo lắng cho sự ăn ở học hành của họ. Tôi biết rằng ở Mỹ, đời sống người con gái thật khó khăn, và vấn đề bảo tồn đức hạnh lại càng khó khăn hơn. Những gia đình có con gái được tôi giới thiệu đi du học cũng thúc giục tôi đi Mỹ xem tình hình của các sinh viên ra sao. Tôi nhận lời, và mùa hè năm 1953, tôi lo các giấy tờ để xuất ngoại. Tôi đích thân đi gặp Nguyễn Đệ, chánh văn phòng của Bảo Đại để nhờ giúp đỡ trong việc xin thông hành xuất ngoại.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 26 -

Gặp lại cụ Diệm ở Ba-Lê

Tháng sáu năm 1953, nhờ sự can thiệp của văn phòng Nguyễn Đệ, tôi thu xếp xong giấy tờ xuất ngoại và sửa soạn sang Pháp.

Vào thời gian này, tình thế đã gần như suy sụp hoàn toàn. Trong nước, Việt Minh được sự giúp đỡ ồ ạt của Trung Cộng đã bước sang giai đoạn tổng phản công. Trong khi ấy, chính phủ Nguyễn Văn Tâm càng lúc càng lộ rõ bộ mặt bè phái, vơ vét, bắt lức.

Trạng huống này làm những người quốc gia bất hợp tác với cả Cộng sản lẫn Bảo Đại càng thêm nóng lòng, và ông Ngô Đình Diệm, sau khi được chính

giới Mỹ hỗ trợ, trở thành giải pháp được trông đợi.

Một số trí thức Việt Nam ở Pháp, hồi ấy, như Trương Công Cừu, Trần Hữu Phương, Vũ Văn Thái, Nguyễn Văn Thoại, Ngô Đình Luyện v.v... quá nóng lòng với tình thế, đã tìm mọi cách đón được cụ Diệm từ Mỹ sang Ba-Lê để xúc tiến kế hoạch đưa cụ về nước nhưng hình như cụ Diệm vẫn còn ngần ngại.

Có lẽ thấu rõ thâm ý ông anh, trước ngày tôi rời Huế để sang Pháp, ông Ngô Đình Cẩn ngoài việc giao cho tôi một phong thư niêm kín, còn ân cần dặn dò:

- “Ông cụ” tính tình cẩn thận quá đáng lắm, dù bọn con có bảo đảm là mọi cơ sở trong nước đã chuẩn bị xong cũng chưa chắc ông cụ yên tâm. Vậy phải nhờ cha nói thêm vô. Có cha nói ông cụ mới tin. Cha cũng nên phân tích rõ cho ông cụ thấy là nước đã tới chân rồi, không thể chần chừ thêm nữa.

Tháng sáu, mùa xuân bên Tây bắt đầu đến lúc ảm áp nhất. Tin tôi sang Ba-Lê đã được bên nhà đánh điện báo trước bên Trương Công Cừu, Trần Hữu Phương đã chờ sẵn đón tôi ngoài phi trường. Vừa đặt xuống chưa kịp chào mừng nhau Trương Công Cừu đã báo ngay cho tôi biết là cụ Diệm hiện đang ở nhà Tôn Thất Cẩn ở ngoại ô Ba-Lê và cũng đang chờ gặp tôi. Cừu và Phương còn cho tôi biết thêm là Nguyễn Đệ đồng lý văn phòng của Bảo Đại cũng vừa sang Ba-Lê và dường như để mở cuộc thăm dò chọn người thay thế Nguyễn Văn Tâm. Các anh em cũng thúc giục tôi tương tự như ông Cẩn bên nhà:

- Cha phải can thiệp dùm vụ này, vì ông cụ vẫn chần chừ lắm. Một trở ngại khác là ông cụ vẫn tỏ vẻ không muốn nói chuyện với Nguyễn Đệ, đâu vì xích mích gì đó từ hồi ông cụ từ quan trong triều.

Lần này, tôi trọ trong nhà một người bạn Pháp là ông Auberty ở đường Saint Gormain, quận 5 Ba-Lê.

Sau một đêm nghỉ ngơi, ngay sáng sớm hôm sau, tôi đến nhà Tôn Thất Cẩn gặp cụ Diệm. Cẩn là con cụ Tôn Thất Hân, trước làm nhiếp chánh, hiện sống trong một biệt thự nhỏ ở ngoại ô Ba-Lê. Từ khi sang đây, cụ Diệm về ở luôn đây với Cẩn.

Ông Diệm tiếp tôi trong một gian phòng, chật hẹp. Mấy năm không gặp lại, ông Diệm trông có vẻ khỏe hơn so với buổi tôi năm nào tôi gặp ông ở Đà Lạt. Tuy gặp tôi, hỏi thăm được tin tức gia đình, ông có vẻ vui hơn, nhưng nét tư lự vẫn vương vất trên mặt.

Sau khi trao lá thư niêm kín của ông Cẩn gửi cho ông Diệm tôi nói với cụ:

- Thưa cụ, chuyên ni tôi đi ra ngoài là tính sang bên Mỹ coi chừng bọn sinh viên tôi gửi sang du học với cha Houssa bên nó, sợ dĩ tôi phải ghé Ba-Lê trước là vì ngoài việc theo lời yêu cầu của ông Cẩn, chính tôi cũng cần được gặp để trình với cụ là tình hình nước nhà lúc ni khẩn trương lắm rồi. Trong mấy năm ni, Cộng sản càng ngày càng mạnh hơn lên, mà các chính phủ do Bảo Đại lập nên chỉ bù nhìn hoàn toàn. Cứ tình thế ni, Cộng sản nhất định sẽ thắng và khi nó kéo lại e quá muộn.

Bên giòong lịch sử 1940 - 1965

- 27 -

Ông Diệm tâm sự: Tôi cũng mong về, nhưng Bảo Đại chưa nói chi, không lẽ mình năn nỉ

Ông Diệm nghe đến đây, liền nhớ lại câu chuyện chúng tôi đã trao đổi với nhau từ năm 1948 bên một lò sưởi ở Đà Lạt. Ông hỏi tôi:

- Bộ cha quên là tình thế ngày nay mình đã bàn với nhau trước hồi cha mới lên Đà Lạt sao?

Thấy ông Diệm có vẻ nhắc đến chuyện cũ, sẵn đà, tôi nói luôn:

- Thưa cụ, chính vì vẫn nhớ lời cụ hỏi trước nên tôi ghé đây để thưa với cụ: Lúc ni chính là lúc cụ phải về nước chấp chánh. Hồi trước, cụ đã tiên đoán giải pháp Bảo Đại sẽ thất bại hẳn rồi, chắc thế nào Hoa Kỳ cũng phải can thiệp. Mấy năm ni cụ đã tạo được uy tín với Mỹ. Tôi tưởng đây là lúc tình hình đã chín mùi rồi.

Ông Diệm hỏi lại tôi:

- Tôi không rõ những diễn biến bên nhà Illúc này ra sao. Nhưng theo cha, mình phải có trong tay những gì mới có thể về được?

Câu hỏi làm tôi đắn đo vài giây rồi mới trả lời được:

- Trong nước lúc nì, thoát nhìn, những cánh dựa vào thế Bảo Đại cánh nào cũng cố làm ra vẻ mạnh, nhưng thật ra ở cảnh phân hoá rồi rạc. Chính phủ Nguyễn Văn Tâm chỉ là bù nhìn. Tuy cha con ông vênh cáo nhờ nắm quân đội, nhưng thực chất quân đội cũng chỉ mới là một lực lượng ô hợp, vì Pháp e ngại nên không những không thực tình giúp mà còn cố chia rẽ bằng cách vũ trang cho Bình Xuyên và bọn cướp bóc trong Nam để phá thêm. Do đó, tôi thấy lúc nì mình cũng chưa nhất thiết phải nắm ngay quân đội mà chỉ cần nắm được công an cảnh sát trước đã. Được vậy, với sự hậu thuẫn của dân chúng, tưởng đã có thể làm việc được.

- Còn vấn đề Hoàng Triều Cương Thổ?

- Thừa cụ, Bảo Đại lúc này còn mải miết ăn chơi kể như đã hoàn toàn buông thả chỉ dựa vào thế Pháp mà có ảnh hưởng. Thế của Pháp thì đang suy sụp tròn thấy. Tôi tưởng mình cũng không nên đòi quá. Khi cụ về chấp chánh rồi, mình có thực lực, sẽ nương theo tình thế mà dành lại chủ quyền dân. Tôi tin chắc vấn đề Hoàng Triều Cương Thổ thế nào cũng giải quyết xong. Điều quan trọng không còn ở ngoài mà chỉ còn là việc cũ đã chấp thuận trở về hay chưa.

Nghe tôi trình bày, ông Diệm có vẻ trầm ngâm hơn. Lá thư của ông Cẩn tôi vừa đưa tới đang đặt trên chiếc bàn nhỏ, được ông cầm lên, rồi lại đặt xuống nhiều lần. Lát sau, ông mới nhỏ nhẹ nói:

- Cha đã nói vậy, tôi cũng xin thưa thật với cha. Khi nhận điện tín của bọn bên này (ý chỉ Trương Công Cừu, Ngô Đình Luyện) yêu cầu rời Hoa Kỳ, sang Pháp, tôi cũng đã đắn đo nhiều. Sau hai ba năm ở Hoa Kỳ, nì cũng đã gây được tiếng vang, lại thấy rõ là tình hình đang cấp bách, e để thì rồi ra chậm mất. Nhưng tôi sang Ba-Lê đã mấy tháng mà cũng chưa thấy Bảo Đại nói chi không lẽ lại phải đi năn nỉ cầu cạnh, nên đành phải chờ.

Tôi hỏi ông Diệm:

- Bữa qua tôi có nghe nói Nguyễn Độ cũng đã tới Ba-Lê mấy bữa rồi, không hiểu Độ đã tới thăm cụ chưa.

Nghe nhắc tới Nguyễn Đệ, ông Diệm nhú mày, lộ vẻ không vui ra mặt:

- Có, Nguyễn Đệ có tới nhưng cũng không nói chi, mà tôi cũng có lý chi mô mà phải đi nói với Đệ.

Thấy ông Diệm không muốn nhắc đến Nguyễn Đệ tôi đành chuyển câu chuyện sang phía khác. Sau khi kể một số hoạt động của ông ở Ba-Lê. Khi chia tay ông Diệm bảo tôi:

- Thôi thì cách chi mình cũng phải chờ coi. Vậy cha cứ sang Hoa Kỳ cái đã, sang bên ấy, cha liên lạc với bọn Bùi Công Vãn, Đỗ Vạn Lý coi tình hình ra sao.

Ông Diệm đưa tôi ra tận cổng rồi mới quay vào.

Tuy trong câu chuyện vừa rồi, tôi đã cố tránh nhắc lại tên Nguyễn Đệ với ông Diệm, nhưng khi chia tay ông Diệm rồi, tôi thấy rõ sự hiềm khích giữa ông Diệm với Đệ trở thành một vấn đề đáng kể. Viên chánh văn phòng này hiện đang lãnh sứ mạng của Bảo Đại mở các cuộc tiếp xúc tìm người về chấp chánh.

Vậy mà ông Diệm với Đệ lại không thể nói chuyện với nhau, như vậy làm sao để ông Diệm có thể vượt qua cửa ải này mà gặp Bảo Đại thu xếp việc nước.

Tôi quyết định phải đi tìm gặp ngay Nguyễn Đệ.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 28 -

Cuộc hội kiến với Nguyễn Đệ

Trở về nhà ông Auberty, tôi lo thu xếp ngay việc đi gặp Nguyễn Đệ. Theo các bạn cho tôi biết, Nguyễn Đệ và đoàn tùy tùng đang đóng đô tại một khách sạn lớn ở Ba-Lê.

Đệ với tôi cũng là chỗ quen biết, thời gian Hồ Chí Minh sang Ba-Lê, chúng

tôi lại có dịp gặp gỡ nhau nhiều lần.

Y vào sự quen biết này, tôi điện thoại thẳng cho Đệ và hẹn sáng mai sẽ đích thân lại thăm. Hôm sau, vừa gặp Đệ, không để Đệ kịp hỏi thăm gì, tôi hỏi ngay:

- Tôi lại thăm anh là vì chuyện ông Diệm. Tôi muốn biết ý anh với việc để ông Diệm về nước chấp chánh? Câu hỏi của tôi có vẻ sỗ sàng quá khiến Nguyễn Đệ lúng túng một giây, rồi mới trả lời:

- Cha hỏi đột ngột quá làm con chưa biết trả lời cha ra sao cho đúng ý. Nhưng hẳn cha cũng rõ, việc ông Diệm về nước hay không còn tùy thuộc nhiều yếu tố, phần ở quốc dân, phần ở Đức quốc Trưởng, phần ở chính ông Diệm...

Tôi nói thẳng với Đệ:

- Trước đây tôi nhờ anh em can thiệp giúp cho xuất ngoại, chỉ tính là để sang Mỹ coi chừng bọn sinh viên, nhưng khi tôi ghé lại Ba-Lê thì mục đích chính là để gặp ông Diệm và gặp anh. Tình hình trong nước lúc này chắc anh cũng rõ là tuyệt vọng lắm rồi. Mọi lá bài đều đã được dùng hết mà chẳng mang lại gì. Quốc dân lúc này không còn tin được vào ai nữa ngoài ông Diệm. Mới hôm qua đây tôi đã gặp ông Diệm để yêu cầu ông thu xếp về nước. Ông Diệm có nói là lúc này chính ông cũng mong trở về, nhưng ông sang Ba-Lê đã lâu mà vẫn không nghe thấy anh cũng như ngài Quốc Trưởng nói gì. Do đó tôi mới thấy cần biết ý kiến anh về vụ này.

Nguyễn Đệ yên lặng nghe tôi nói một hồi, rồi mới trả lời:

- Cha đã gặp ông Diệm và biết hết mọi chuyện rồi, thành thử con cũng xin thừa thật với cha: Đức Quốc Trưởng cũng như con đâu đã nghĩ tới ông Diệm, không phải bây giờ mà từ năm 1948, khi đón cha lên Đà Lạt. Nhưng kẹt cái là anh em họ Ngô xưa nay vốn kiêu ngạo quá lối. Dù con có muốn lo cho ông Diệm về đi nữa, thì chính ông cũng phải gặp Đức Quốc Trưởng mà trình bày với ngài. Không lẽ cha đòi con phải đưa Đức Quốc Trưởng tới lạy ông Diệm sao?

Nguyễn Đệ càng nói càng nóng, khiến tôi phải dẫu dụi:

- Vấn đề chỉ là ý kiến của anh ra sao đối với ông Diệm thôi, chứ đâu có gì

đến nỗi trầm trọng như vậy.

Nguyễn Độ vẫn còn có vẻ hậm hực:

- Con không biết ông Diệm đã kể với cha chưa, nhưng mới cách đây ít hôm, ngay khi vừa tới Ba-Lê, con đã lại thăm ông Diệm ngay. Thực sự ý con khi lại thăm là muốn mời ông Diệm gặp Đức Quốc Trưởng. Nhưng cha biết sao không? Thay vì phải nói chuyện công việc thì vừa gặp nhau, ông Diệm đã sa sả trách móc con về những chuyện xích mích riêng tư từ cả chục năm trước. Không những thế ông không thèm tiếp con một mình mà gọi cả lô người đâu đâu vào chật cả phòng. Con hỏi cha, ông ta đã cố chấp đến vậy, làm sao con có thể nói chuyện quốc sự với ông ấy được. Với lại, cha cũng biết con chỉ là người được Đức Quốc Trưởng uỷ cho thăm dò sơ bộ thôi chứ có quyền hạn gì đâu...

Câu chuyện, theo lời Nguyễn Độ, quả đã đến chỗ bế tắc. Tôi suy nghĩ một lát, rồi cố nói hết ý mình cho Độ nghe:

- Tôi cũng xin nói thật với anh, mình biết nhau đã lâu, thiết tưởng cũng chẳng cần quanh co úp mở làm gì. Dù ông Diệm về nước hay không đối với cá nhân tôi chẳng ăn thua gì, nhưng lúc này cả quốc dân trông vào ông, vì ngoài ông cụ ra, cũng chẳng còn ai cứu vãn nổi tình thế.

Tôi chẳng biết khi về nước, ông Diệm sẽ thành hay bại. Nhưng dù sao cũng phải để cho ông có cơ hội trở về. Anh nói không có quyền gì là nói không thật. Đứa con nít cũng rõ là lâu nay Bảo Đại chỉ biết có chơi bời, săn bắn, uỷ thác hết mọi việc cho anh. Như vậy, ông Diệm có về nước được hay không là hoàn toàn ở trong tay anh, anh phải lo liệu cho ông về. Nếu không anh sẽ là người có lỗi trước lịch sử.

Tôi còn nói nhiều lắm với Nguyễn Độ, để dòn Độ tới chỗ phải xoá mọi hiềm khích với ông Diệm mà lo cho ông về. Hình như tôi cũng thành công phần nào, vì cuối cùng, trước khi tôi ra về, Nguyễn Độ đã đành phải hứa:

- Thôi, cha yên tâm. Con xin hứa với cha nội trong mùa hè này, bằng mọi cách con sẽ thu xếp để đưa ông Diệm xuống Cannes gặp Đức Quốc Trưởng. Cha có gặp lại ông Diệm, xin cha nói rõ lòng con cho ông biết.

Thuyết phục được Nguyễn Độ nhận lời không cản trở ông Diệm về nước tôi

an tâm phần nào. Nhưng ngoài Đệ ra tại Ba-Lê, lúc ấy, vẫn còn không ít thế lực chống lại việc đưa ông Diệm về nước.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 29 -

Cuộc hội kiến với một lãnh tụ Cộng sản Nguyễn Khắc Viện

Trong những nhóm chống đối với việc trở về chấp chánh của ông Diệm, trước hết có nhóm trí thức thân Pháp như Nguyễn Đắc Khê, Nguyễn Quốc Định, Bửu Kính v.v... Họ muốn vận động cho một người trong nhóm họ là Bửu Lộc về lập chính phủ thay Nguyễn Văn Tâm nói là một chính phủ chuyển tiếp để chuẩn bị cho ông Diệm trở về sau này, chứ để cho ông Diệm trở về ngay lúc đó thì sẽ có nhiều va chạm và đổ vỡ. Nhưng nhóm chống đối mãnh liệt nhất là nhóm Việt kiều Cộng sản hay thân cộng mà lãnh tụ là Nguyễn Khắc Viện.

Viện là người Hà Tĩnh đồng quê với tôi, đã sang Pháp học Y Khoa vào khoảng 1936. Lúc tôi ở Pháp tôi đã quen thân với Viện nhiều. Vào khoảng 1942, Viện cùng với ba sinh viên khác, cũng người Hà Tĩnh là Lê Thiêm, Hoàng Xuân Nhĩ và Trần Du, vì tưởng rằng Đức Nhật sẽ thắng Pháp và Đồng minh, nên đã trốn sang Đức với mục đích nhờ Đức giúp thành lập một mặt trận chống Pháp dành lại độc lập cho Việt Nam. Nhưng khi Đức bại trận thì họ lại trở về Paris và khi cụ Hồ sang Pháp điều đình với Pháp thì họ đã nhập hàng ngũ Cộng sản ngay và từ đó Viện đã trở thành lãnh tụ hăng say và đắc lực của nhóm Việt kiều Cộng sản.

Khi nghe tôi trở lại Paris để vận động cho ông Diệm trở về nước chấp chánh, Viện đã tìm cách gặp tôi để khuyên tôi bỏ ý định ấy. Một ngày sau khi tôi đã gặp ông Diệm và Nguyễn Đệ, Viện đã điện thoại cho tôi và xin đến gặp tôi tại nhà ông Auberty vào 9g tối hôm ấy. Tôi trả lời bằng lòng tiếp, sau khi đã xin phép ông Auberty.

Nghe tôi báo tin sẽ tiếp một cán bộ Cộng sản cao cấp tại nhà, ông Auberty hoảng hồn, lo lắng ra mặt, nên mặc dù tôi đã giải thích kỹ với ông, ông vẫn quyết định hủy cuộc đi chơi tối nay, để:

- Tôi sẽ ngồi canh chừng ở phòng bên cạnh trong khi cha tiếp “tên Cộng

sản”.

Đúng giờ hẹn, Nguyễn Khắc Viện mang theo hai người tùy tùng đến và tôi tiếp bọn Viện ở phòng khách.

Viện sứ giả của cụ Hồ ở Ba-Lê tươi cười bắt tay tôi, tíu tít nhắc nhở một lô bạn bè cũ như Phạm Huy Thông, Hoàng Xuân Nhĩ, Lê Thiêm v.v... Nhưng rồi cuộc gặp gỡ cũng vô đến chuyện chính. Đúng như tôi đã tiên đoán phần nào, vấn đề khiến Viện phải đến gặp tôi vẫn chỉ là chuyện ông Diệm. Viện nói với tôi:

- Tôi nghe nói cha sang đây để vận động cho ông Diệm về nước chấp chánh?

Thấy câu chuyện đã vô đề, tôi vẫn tươi cười hỏi Viện:

- Chắc chỉ vì chuyện này mà anh đến thăm tôi phải không?

Viện thật thà đáp:

- Thừa cha đúng vậy, sở dĩ tôi phải xin gặp cha là vì nếu cha cố đưa ông Diệm về nước lúc này, tôi e hậu quả sẽ rất tai hại.

Tôi ôn tồn bảo với Viện:

- Anh đã tới thăm, chắc sẽ còn cho tôi nghe nhiều chuyện hay lắm, nhưng trước hết tôi thấy cần phải nói lại với anh, tôi đâu có quyền thế chi mà tính vận động cho ông Diệm về nước được. Tôi ghé Ba-Lê chỉ là để thăm ông và thăm bạn hữu mà thôi, còn việc ông có về hay không hẳn anh thấy rõ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác, nào Pháp, nào Bảo Đại...

Viện hơi cúi mặt xuống, cười có vẻ am hiểu:

- Tôi có nghe nói lại là cha đã gặp ông Diệm và sáng nay mới gặp Nguyễn Đệ?

Thấy Viện có vẻ biết hết đường đi nước bước của mình, tôi đành nói thẳng:

- Có, tôi có đến thăm ông Diệm và gặp Nguyễn Đệ thật. Anh đã biết vậy, tôi thấy cũng cần nói với anh. Tuy chẳng có quyền để vận động cho ông Diệm, nhưng tôi thật tình mong cho ông Diệm về nước. Tôi còn biết rõ là quốc dân

lúc này cũng rất cần ông về. Tôi không hiểu ý kiến anh ra sao về việc này?

- Như vậy chắc cha đã thấy rõ rằng ông Diệm lâu nay là lá bài được Mỹ ủng hộ. Nếu đưa ông Diệm về nước ắt có Mỹ theo sau. Nước ta đã kháng chiến chống Pháp, nay ông Diệm đưa Mỹ vào dựa vào thế lực Mỹ, e phải có nội chiến khốc hại hơn nữa.

Hai thanh niên tùy tùng của Viện từ lúc chào tôi xong, vẫn yên lặng ngồi không góp một lời nào. Chờ Viện nói xong, tôi lần lượt nhìn từng người trong bọn Viện, rồi mới chậm rãi nói:

- Việc “ông Diệm là lá bài của Mỹ” anh vừa nói, tôi chưa hiểu sao, nhưng nếu chỉ có nghĩa là ông Diệm được Mỹ ủng hộ, thì cũng không ảnh hưởng gì đến việc dân chúng ủng hộ ông, mong muốn ông về chấp chánh. Chắc anh còn biết rõ hơn tôi, rằng nước mình là nước nhỏ, cho tới nay thật sự chưa hề có phe phái nào không phải nhận một vài ảnh hưởng từ ngoài vào. Bảo Đại được Pháp ủng hộ, cụ Hồ thì được Nga và Trung cộng ủng hộ. Nếu phải so sánh chọn lựa giữa Tàu, Pháp, Mỹ, tôi thấy Mỹ còn chưa nguy hiểm bằng Tàu và Pháp.

Thấy Viện và hai viên tùy tùng chăm chú nghe, sẵn đà, tôi nói luôn một thôi dài:

- Các anh cũng đã thấy rõ những kinh nghiệm lịch sử. Với Mỹ, chế độ thực dân kiểu cũ đã cáo chung. Mỹ đã thắng Nhật, rồi lại giúp Nhật phục hưng kinh tế mạnh mẽ. Mỹ đã vào Âu Châu, rồi cũng lại giúp Âu Châu. Áp lực của Mỹ, nếu có theo chân ông Diệm dấn vào Việt Nam, cũng chỉ là một thứ áp lực kinh tế. Còn bên các anh, con đường nguy hiểm hơn nhiều vì sau lưng các anh là Trung cộng. Vì quyền lợi của Tàu, Mao Trạch Đông sẽ phải thôn tính Đông Nam Á.

Thấy tôi nhắc đến Mao một cách long trọng, Viện phản ứng ngay:

- Chuyện cha lo sợ không thể xảy ra được vì Mao chủ tịch là một người Cộng sản chân chính không thể đi ngược lại chủ nghĩa Mác-Lê được.

- Điều anh nói, tôi thấy cần phải xét lại. TiTô cũng từng được các anh gọi là Cộng sản chân chính, vậy mà tại sao bây giờ TiTô chống lại Nga, tại sao bây giờ Nga mạt sát TiTô. Ai cũng biết chỉ là vì quyền lợi quốc gia mà thôi. Nga dù là Cộng sản, vẫn không rũ bỏ cái quyền lợi mà họ mưu tính từ thời Nga

hoàng, là chiếm vùng Balkan. Và TiTô, vì chủ quyền Nam Tư phải chống lại sự xâm chiếm này. Có gì bảo đảm rằng sự chân chính của Mao với chủ nghĩa Chính sách hơn được TiTô và Sít-Ta-Lin đâu.

Tôi ngừng lại, có ý chờ phản ứng của Viện và đồng bọn, xem họ còn bào chữa cho Mao đến mức nào nhưng chỉ thấy hai tùy tùng nhìn Viện, nửa như thắc mắc mà Viện thì lúng túng ra mặt. Tôi lại nói tiếp:

- Các ích kỷ cá nhân, và quốc gia là thứ khó thể lẫn át nổi. Trước Cộng sản, cũng đã có Đạo Thiên chúa đem thuyết bác ái ra để nối liền các dân tộc với nhau mà rồi cũng vẫn không thống nhất nổi Âu Châu. Chẳng những thế, các anh còn thấy: tại sao lại có Chính thống giáo ở Hy Lạp? Chỉ vì Hy Lạp chống lại Giáo hội La Mã. Anh Viện là người đã từng nghiên cứu về tôn giáo tôi chắc anh cũng thừa rõ là các lãnh tụ Cộng sản, nếu có thần phục vào lý thuyết Mac-Lê, cũng chỉ đến như Âu Châu từng từng phục giáo lý Thiên Chúa giáo là cùng. Do đó, tôi đề nghị anh em nên xét lại cái giấc mơ thế giới đại đồng của anh em. Đừng để vì một giấc mơ mà quên đi cái thực tế của dân tộc.

Câu chuyện cứ như thế mà lan man kéo dài đến 12 giờ đêm. Khi ra về, nét mặt Viện dường như không còn vẻ quyết liệt tự tin như khi mới đến gặp tôi nữa, và đặc biệt là hai thanh niên tháp tùng Viện, khi mới đến gặp tôi chỉ gật đầu nhẹ mà khi ra về các anh em cúi đầu thấp hơn và bắt tay tôi dường như có vẻ chặt chẽ thân ái hơn.

Tôi không hiểu bọn Viện bây giờ ra sao, hai thanh niên theo Viện bây giờ ở đâu, nhưng từ nhiều năm qua, mỗi khi nhớ đến họ, tôi vẫn có một chút sung sướng ngầm, vì thấy mình tin vào sức mạnh của lẽ phải hơn một chút.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 30 -

Chuyến sang Mỹ đầu tiên

Sau cuộc gặp gỡ với Nguyễn Khắc Viện, tôi lại càng thấy rằng ông Diệm cần phải về nước chấp chánh lúc này, vì đây là cơ hội thuận tiện nhất. Việt Minh tuy thắng nhiều nơi sau khi tướng De Lattre mất và tướng Salan thay thế, nhưng vòng pháo đài kiên cố do tướng De Lattre xây cất ở châu thổ

sông Nhị Hà vẫn còn chặn được những cuộc tiến quân lớn của Việt Minh nhằm tràn xuống chiếm Hà Nội. Sự giúp đỡ của Trung Cộng và Nga sô tuy dồi dào, nhưng chưa đủ để Việt Minh đột giai đoạn tràn vào các thành phố lớn. Người Pháp dù không nói ra nhưng cũng muốn dựa vào một chính khách có tinh thần quốc gia thuần túy và thành tích chống cộng bảo đảm để làm mạnh mẽ đấu tranh chính trị. Từ ngày tướng De Lattre làm Tư lệnh quân Pháp tại Việt Nam, Pháp công khai chấp nhận nền độc lập và thống nhất ba vùng của Việt Nam.

Tôi gặp lại ông Diệm trước khi đi Mỹ, tức là vào khoảng cuối tháng 6. Tôi cũng thuật lại cho ông biết về những tiếp xúc của tôi và phân trần với ông về việc ông nên về chấp chánh vào lúc này.

Tôi cũng nói cảm tưởng của tôi là Nguyễn Đệ, chánh văn phòng của Bảo Đại có lẽ không còn chống lại việc mời ông ra làm Thủ tướng. Tôi nhắc lại với ông là ông nên xuống Cannes gặp Bảo Đại. Ông Diệm có vẻ chần chừ vì ông không phục Bảo Đại, và nhất là từ ngày Bảo Đại sang Cannes, tiếng đồn về những trò ăn chơi của Bảo Đại lại càng làm cho ông Diệm chán ngán. Ông Diệm vốn là người khắc khổ, sống rất đạm bạc, cho nên thấy ai phóng túng, hoang đàng thì ông ghét lắm. Nhưng cuối cùng ông cũng nhận lời sẽ đi Cannes gặp Bảo Đại một chuyến.

Trong lúc đó, chính phủ Pháp càng ngày càng lúng túng vì vấn đề Việt Nam. Thủ tướng René Mayer tìm một tướng lãnh thay thế tướng Salan. Thống chế Juin đề nghị tướng Navarre, lúc bấy giờ là Tham mưu trưởng quân đội Pháp dưới quyền tướng Juin. Vào giữa tháng năm, chính phủ Pháp chính thức loan báo việc thay thế tướng Salan bằng tướng Navarre. Biến chuyển này càng làm cho tôi nghĩ rằng nước Pháp không còn tin tưởng chút nào vào một viễn ảnh chiến thắng quân sự, và rất mong muốn có một giải pháp chính trị để giải quyết vấn đề Việt Nam và Đông Dương.

Nhiều tin đồn về những cuộc tiếp xúc mật với Việt Minh được tung ra ở Ba-Lê. Tôi nghĩ là ông Diệm phải về nước trước khi Pháp thương thuyết với Việt Minh, bởi vì nếu để cho Pháp thương thuyết thẳng với Việt Minh trong lúc phe quốc gia yêu nước không có một đại diện xứng đáng, thì về sau sẽ bị hai kẻ đối thoại gạt ra ngoài.

Bảo Đại không phải là kẻ đối thoại xứng đáng đó, cũng như Nguyễn Văn Tâm, hay bất cứ một ai khác. Lúc này chỉ mới có những trí thức in đồn về thương thuyết, còn kịp thì giờ để một chính phủ quốc gia chân chính củng cố

tư thế.

Tôi khuyên ông Diệm tiếp xúc rộng rãi hơn với các chính khách Pháp, vì dù sao nước Pháp cũng nắm vận mệnh Việt Nam trong tay họ.

Ông Diệm có tiếp xúc với một vài chính khách Pháp, phần lớn thuộc giới công giáo, và không có một cuộc tiếp xúc chính thức nào với các lãnh tụ chính phủ Pháp.

Vào cuối tháng sáu, tôi từ giã ông Diệm, các anh em trí thức và sinh viên Việt Nam ở Ba-Lê để đi Mỹ. Trước đó tôi có đánh điện tín cho cha Jacques Houssa vì đây là lần đầu tiên tôi sang Mỹ, lại không biết tiếng Mỹ.

Tôi đi từ Ba-Lê sang Nữ Ước, mất hai mươi bốn giờ. Thời bấy giờ chưa có phản lực cơ thương mại, và loại máy bay băng Đại Tây Dương tối tân nhất là loại DC6. Phi cơ ghé hai chặng Bublin thuộc Ai Nhĩ Lan và Terre Neuve, thuộc địa Anh trước khi đáp xuống Nữ Ước.

Vừa xuống khỏi máy bay, tôi thấy cha Houssa đã đứng chờ tôi. Chúng tôi vui mừng khi gặp lại nhau, sau hơn 7 năm xa cách.

Lúc đó khoảng 12 giờ trưa, và cha Houssa đề nghị đi ăn trước rồi về chỗ trọ sau. Lần đầu tiên tôi bước vào một tiệm ăn Mỹ, loại tự dọn lấy. Tôi lúng túng ngó cha Houssa, thú thật:

- Thưa cha, tôi chưa quen ăn các nhà hàng ăn kiểu tự dọn lấy như thế này, vậy cha làm sao thì tôi bắt chước theo vậy.

Cha Houssa cười:

- Thì cha cứ làm theo tôi là xong, không có khó khăn gì.

Cha Houssa đi lấy một cái khay trên một quầy hàng bày đầy khay, rồi bước đến ngăn để đĩa, dao lấy đủ. Tôi làm theo đúng hệt. Cha Houssa lại đến một quầy hàng bày những món ăn, và hễ cha lấy món nào thì tôi lấy món đó. Hai chúng tôi đến cô giữ két để tính tiền và trả tiền.

Xong bữa ăn trưa đạm bạc này, chúng tôi đi trả khay và đĩa muống ở một nơi khác, rồi cùng leo lên xe đi về New Jersey cách Nữ Ước mười dặm. Cha Houssa dẫn tôi vào một trường dòng do các bà phước trông nom, và

đem tôi lên phòng của cha tuyên úy trường.

Cha Houssa và các bà phước cho tôi biết rằng cha tuyên úy đi vắng, vì bây giờ đang là mùa nghỉ hè, tôi cứ tự tiện ở tạm trong nhà của ông. Sau khi sắp đặt chỗ ở cho tôi xong, cha Houssa đi Chicago, là nơi cha có nhiều công việc, và cũng là nơi có nhiều sinh viên Việt Nam du học.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 31 -

Bác sĩ Phan Quang Đán sẵn sàng hợp tác với cụ Diệm

Tôi không biết tiếng Mỹ nhiều, tuy đã có học sơ sơ. Câu nào không hiểu thì tôi viết lên giấy để nói chuyện với các bà phước. Tôi nhớ một mẩu chuyện buồn cười trong mấy ngày tôi trọ trong trường các bà phước. Trong phòng rửa mặt, có một tấm gương soi mặt. Tôi định nhìn tấm gương gắn chết vào tường, chẳng để ý gì cả. Sáng dậy đánh răng rửa mặt xong tôi để bàn chải, thuốc đánh răng trên lavabo rồi đi dùng bữa ăn sáng. Lúc trở lại, tôi không thấy đâu nữa, lại xuống phố mua thêm. Sang ngày thứ hai, những thức đánh răng của tôi lại biến mất.

Tôi lấy làm kỳ lạ mới hỏi các bà phước. Bà phước dọn phòng tôi mỗi buổi sáng cười chỉ cho tôi một nút bấm sát tấm gương. Bà ấn nhẹ ngón tay vào tấm gương thì tấm gương bật ra, và bên trong là cái tủ nhỏ nhiều ngăn, để hai bộ đồ đánh răng của tôi.

Tôi ở New Jersey vài ngày làm quen với một cha người Việt Nam là cha Kiệm, làm cha phó một họ đạo gần nơi tôi trú ngụ. Cha Kiệm dẫn tôi đi thăm thành phố Nữ Ước khi thì bằng xe hơi, khi thì bằng xuồng trên sông Hudson. Nhìn những tòa nhà chọc trời, những công trình kiến trúc đồ sộ, tôi có cảm tưởng con người như bị kỹ thuật máy móc đè nặng lên.

Trong mấy ngày này tôi gặp Bùi Công Văn và một số sinh viên Việt Nam du học gần vùng này, hay tin tôi đến Mỹ đến thăm hỏi tôi.

Sau mấy hôm tôi lên Hoa Thịnh Đốn, và tìm ngay đến nhà Đỗ Vạn Lý, ở đây tôi gặp Đỗ Trọng Chu, Trần Long. Thành phố Hoa Thịnh Đốn có lối kiến trúc hơi giống Ba-Lê, vì ngày xưa một kiến trúc sư người Pháp đã vẽ

họa đồ cho thành phố này lúc mới thành lập. Đỗ Vạn Lý và Trần Long dẫn tôi đi thăm các di tích lịch sử cũng như các thắng cảnh ở Hoa Thịnh Đốn. Trong câu chuyện, họ hỏi tôi về tình hình Việt Nam, về ông Diệm.

Tôi nói với họ những ý nghĩ thành thật của mình, và họ cũng cho rằng lúc này ông Diệm về nước thật là thuận tiện. Họ cũng cho tôi biết rằng dư luận Mỹ hiện nay không hoàn toàn ủng hộ Bảo Đại, mặc dầu là nước chính thức nhìn nhận Bảo Đại. báo chí thường chỉ trích chính phủ về việc giúp Pháp duy trì một chế độ bảo hộ trá hình dưới chiêu bài Bảo Đại. Trong những ngày ở Mỹ trước đây, ông Diệm gây được nhiều thiện cảm trong giới trí thức và chính trị Mỹ, cho nên theo nhận xét của Đỗ Vạn Lý và Trần Long thì việc ông Diệm về chấp chánh sẽ gặp phản ứng thuận lợi từ phía nước Mỹ.

Đỗ Vạn Lý, Trần Long cũng có vẻ sốt ruột mong ông Diệm về nước chấp chánh. Tôi kể cho họ nghe những cuộc tiếp xúc của tôi ở Ba-Lê. Trong thời gian ở Hoa Thịnh Đốn, tôi chỉ đóng vai một du khách, không nghĩ đến việc tiếp xúc với ai về vấn đề chính trị. Tôi chỉ lắng nghe Đỗ Vạn Lý và Trần Long, hay Đỗ Trọng Chu cho biết về dư luận Mỹ đối với ông Diệm.

Lúc bấy giờ quốc hội Mỹ, nhất là Thượng viện Mỹ đã chỉ trích việc Mỹ giúp Pháp khoảng 2 tỷ Mỹ kim trong vòng mấy năm từ 1950 trở đi. Thời bấy giờ Tổng thống Eisenhower và phó Tổng thống Nixon vừa lên tiếng trước quốc hội nói rằng nếu để cho Đông Dương rơi vào tay Cộng sản, thì sẽ nguy hại cho nền an ninh Đông Nam Á.

Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles bắt đầu giải thích cái gọi là thuyết domino. Các ông Đỗ Vạn Lý, Trần Long, Đỗ Trọng Chu cho tôi biết những điều đó, có ý nói rằng sự ủng hộ của Mỹ rất quan trọng, nay ông Diệm đã được Mỹ dành cho nhiều thiện cảm, và lá bài Bảo Đại đã được Mỹ coi như lỗi thời, vậy nếu ông Diệm về nước lúc này thì tốt nhất.

Tôi cũng nghĩ đến việc ông Diệm có thể dùng ảnh hưởng Mỹ để loại bỏ bớt, hay ít ra quân bình sự chi phối của Pháp.

Những sinh viên Việt Nam ở Mỹ lúc bấy giờ không đông đảo lắm, nhưng theo chỗ nhận xét của tôi thì đều phục ông Diệm, và do đó nếu ông Diệm về nước ông sẽ có sẵn một số chuyên viên trẻ tận tâm.

Ở Hoa Thịnh Đốn 5 ngày, tôi hay tin sắp có đại hội sinh viên Việt Nam du học ở Mỹ được tổ chức ở Chicago, tôi từ giã các anh em đi Chicago. Trước

khi tôi đi Chicago thì Phan Quang Đán, từ Seattle, lái xe đến Hoa Thịnh Đốn gặp tôi và cùng bàn với tôi rằng ông Diệm nên tìm cách về nước chấp chánh lúc này. Ông Đán tỏ ý muốn hợp tác với ông Diệm nếu được mời.

Ông Đán lúc bấy giờ cũng là một chính khách thuộc loại đang lên. Có lần ông được thăm dò để mời ra hợp tác với Bảo Đại nhưng từ chối. Trong câu chuyện, ông Đán ngụ ý muốn tôi nên khuyên ông Diệm về nước lúc này, và trong câu chuyện với ông Diệm về sau, nên nhắc đến ông. Tôi cũng mừng là phần lớn những trí thức Việt Nam ở nước ngoài đều ủng hộ ông Diệm. Người ở ngoài bao giờ cũng sáng suốt hơn. Như vậy tôi phải công nhận rằng ông Diệm đang được lòng dân, ít ra là trong thành phần trí thức, tức là thành phần có ảnh hưởng lớn nhất trong một xã hội.

Tôi đến Chicago gặp cha Houssa và các anh em sinh viên Việt Nam. Hầu hết các sinh viên đều nghèo, nhiều người vừa học vừa làm việc. Các sinh viên đã được cha Houssa lo cho chỗ ăn học, nhưng tiền tiêu phần đông đều thiếu thốn, do đó trong các kỳ nghỉ hè, anh em sinh viên thường về thành phố Chicago kiếm việc làm. Họ chịu khó và nhận làm bất cứ việc gì, như bồi bàn, rửa chén, lau xe. Tôi được cha Houssa đem đến tạm trú tại nhà xứ một họ đạo lớn, do cha chính là cha Ferring cai quản, với bốn cha phó.

Trong số các cha phó có hai cha từng học ở La Mã, và nói tiếng Pháp khá thạo. Nhờ đó những ngày ở lại Chicago, tôi có dịp tiếp xúc trực tiếp với người Mỹ. Hai cha phó biết tiếng Pháp hướng dẫn tôi đi thăm vài gia đình người Mỹ công giáo, tiếp xúc với một số người Mỹ biết tiếng Pháp. Tôi tự học thêm tiếng Anh, và nhờ các cha biết tiếng Pháp giúp đỡ. Tôi ở Chicago gần 50 hôm. Những ngày thường tôi học tiếng Anh, đọc báo, nói chuyện với vài người Mỹ biết tiếng Pháp do hai cha phó xứ giới thiệu.

Cuối tuần cha Houssa và các sinh viên Việt Nam đến hướng dẫn tôi đi thăm các vùng quanh thành phố và các đại học lân cận. Số sinh viên du học trong khu vực này lên khoảng 40 người. Lúc bấy giờ anh em sinh viên đã thành lập hội sinh viên công giáo du học ở Mỹ, do Âu Ngọc Hồ làm chủ tịch, và ông Diệm làm cố vấn danh dự. Hầu hết số sinh viên này đều tin tưởng ở ông Diệm và mong cho ông sớm về nước chấp chánh.

Trong câu chuyện với các anh em sinh viên, dĩ nhiên chuyện chiến tranh tại nước nhà và những mẫu chuyện quanh ông Diệm chiếm phần lớn.

Sau hai tháng cố gắng học thêm tiếng Mỹ, rồi hàng ngày phải tiếp xúc với

người Mỹ, tôi đã nói chuyện được với người Mỹ, hiểu được tiếng Mỹ, nhờ đó những ngày ở Chicago không đến nỗi buồn chán lắm.

Vào cuối tháng 8, anh em sinh viên tổ chức đại hội sinh viên công giáo Việt Nam du học ở Mỹ trong một hội trường nhà xứ, do cha Houssa đi mượn.

Ban tổ chức gồm các anh Âu Ngọc Hồ, Phùng Viết Xuân. Phần lớn các sinh viên theo học ở đại học khắp nước Mỹ đều tề tựu về Chicago. Họ là những học trò của tôi ở Huế, và một số nhỏ từ các nơi khác, nhưng qua thư từ của các học trò cũ, tôi đã nghe qua tên họ.

Gọi là đại hội cho long trọng vậy thôi, thực ra đây chỉ là một cuộc họp bạn giữa những người Việt Nam xa xứ. Tôi sung sướng được gặp lại các anh em, và các anh em sinh viên cũng tỏ ra vui mừng gặp lại tôi. Ngày xưa họ là học trò của tôi nhưng ngày nay tôi nhìn họ như những người em, những cán bộ tương lai của Việt Nam.

Ngoài chuyện học hành, sinh sống của các sinh viên, đại hội đề cập khá nhiều đến tình hình đất nước, và nhất định là không bỏ qua chuyện ông Diệm về chấp chánh. Tôi trình bày với các anh em sinh viên tình hình nước nhà, tường thuật sơ lược những cuộc tiếp xúc của tôi ở Ba-Lê. Anh em đều tỏ ra phấn khởi và tin tưởng ở tương lai tươi sáng hơn cho Việt Nam.

Lúc bấy giờ chưa ai nghĩ rằng Pháp sẽ bỏ rơi Việt Nam một cách dễ dàng, và đất nước Việt Nam sẽ bị phân chia. Mọi người hy vọng rằng với một giải pháp quốc gia chính đáng, thế cờ có thể thay đổi, dù không làm cho phe quốc gia chiến thắng, cũng có thể làm cho phe quốc gia đủ mạnh để tìm một giải pháp dung hòa nào. Nhiều người vẫn tin tưởng rằng cụ Hồ là một người yêu nước chỉ mượn sức mạnh cộng sản quốc tế để giải phóng quốc gia khỏi ách đô hộ của Pháp.

Tôi giải bày với các anh em đó rằng cộng sản là một tổ chức quốc tế chặt chẽ, cũng như lý thuyết cộng sản có một sức quyến rũ lớn, làm cho ai đã gia nhập khó mà thoát khỏi. Tôi vẫn thán phục cụ Hồ, nhưng không tin rằng cụ có thể coi cộng sản như một cơ hội, một sức mạnh vay mượn, và về sau xong việc có thể mang trả được. Tôi cũng cho các anh em biết rằng những cuộc thanh trừng các nhân vật chính trị quốc gia càng ngày càng diễn ta khốc liệt, tàn bạo trong các vùng giải phóng, như Thanh Nghệ Tĩnh Bình.

Hơn nữa tôi cũng đã biết cuộc cải cách ruộng đất của Việt Minh đã được

thực hiện trong các vùng giải phóng, và cuộc cải cách ruộng đất này đã đưa đến sự đầu tở, sát hại hàng vạn người, phần lớn là những kẻ vô tội, hay chỉ có cái tội duy nhất là có năm bảy mẫu ruộng.

Nếu người khác giải bày với các anh em sinh viên những điều này, thì có lẽ họ còn nghi ngờ, hay đòi hỏi những bằng chứng. Nhưng đối với tôi, anh em hết lòng tin tưởng, chỉ đau xót là ước mơ tha thiết nhất của anh em đã tan vỡ.

Chính tôi nhiều lúc cũng ước mơ cụ Hồ là một người ái quốc, chỉ mượn thế lực cộng sản để đánh đuổi Pháp, rồi sau đó trả lại cho Việt Nam tất cả những gì tinh túy của Việt Nam. Nhưng tôi biết ước mơ này là viễn vông phi lý.

Trong những ngày họp mặt, chúng tôi cũng thảo luận về dư luận Mỹ, khuynh hướng Mỹ đối với vấn đề Việt Nam, và ai cũng nhận thấy là thuận lợi cho ông Diệm nhiều. Ngoài những cuộc họp mặt gồm toàn sinh viên Việt Nam, anh em tổ chức vài buổi họp có một số sinh viên, giáo sư Mỹ có thiện cảm với các sinh viên Việt Nam.

Sau ngày đại hội anh em từ giã tôi trở về nơi trọ học. Bây giờ tôi đã hiểu tiếng Mỹ khá hơn, bắt đầu đi tiếp xúc với các sinh viên, giáo sư Mỹ, gặp các linh mục, giám mục và những nhà trí thức Mỹ. Điều đáng buồn là người Mỹ biết rất ít về Việt Nam. Họ nói đến chiến tranh Việt Nam như nói đến một câu chuyện ngàn lẻ một. Những tin về Việt Nam trên báo Mỹ rất ít và vắn tắt. Chỉ một số ít trí thức và chính khách lưu tâm đến vấn đề Việt Nam và Đông Dương, và số này đều chỉ trích chính phủ Eisenhower thời bấy giờ về chính sách ủng hộ nước Pháp tái lập chế độ bảo hộ trá hình Đông Dương.

Họ chủ trương Việt Nam cần phải có một chính quyền quốc gia chân chính, vừa chống Pháp giành độc lập, vừa chống cộng sản để xây dựng tự do dân chủ.

Giới công giáo người có vẻ lưu tâm nhiều đến vấn đề Việt Nam, và đến khía cạnh chống cộng trong chiến tranh Việt Nam. Về sau trong việc giúp đỡ đồng bào Bắc di cư, chính giới công giáo Mỹ này đã tỏ ra tích cực nhất. Một số các đại học công giáo có sinh viên Việt Nam du học đều đã có lần được ông Diệm đến diễn thuyết, nói chuyện cho nên đều tỏ ra sẵn sàng ủng hộ ông Diệm. Hầu hết dư luận đều coi Bảo Đại chỉ là một ông vua bù nhìn, chịu sự chi phối của người Pháp, còn cha con ông Tâm thì được coi như đại diện cho lớp địa chủ và quan lại thối nát ở miền Nam, sẽ không làm điều gì ích lợi

cho dân tộc Việt Nam.

Trong thời gian này tôi lại được tin tại nước nhà tướng Navarre bắt đầu một kế hoạch phản công mới. Hành quân Atlente được tung ra. Quân Pháp từ bốn mặt đánh vào mặt khu Việt Minh trong các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Tại Pháp thì thủ tướng Mayer vừa từ chức, và ông Joseph Laniel được mời lập chính phủ. Tất cả chiến lược của tướng Navarre là nhằm làm cách nào nhử cho đại quân Việt Minh xuất đầu lộ diện để quân Pháp có thể sử dụng phi pháo và các phương tiện chuyển vận cơ giới nhanh chóng mà tiêu diệt trọn một vài đơn vị lớn. Nằm trong chiến lược này, tướng Navarre đặt kế hoạch đổ quân xuống thung lũng Điện Biên Phủ, đồng thời triệt binh khỏi Na Sầm. Cuộc triệt binh này được báo chí Pháp coi như một thành công quân sự quan trọng, vì quân Pháp đã triệt quân an toàn khỏi Na Sầm. Cao ủy Pháp cũng vừa thay đổi, và bây giờ ông Maurice Dejean thay ông Jean Létournéau.

Việc thay đổi nội các Pháp kéo theo sự thay đổi Cao ủy Pháp tại Sài Gòn được mọi người coi như bằng chứng của sự lúng túng của Pháp trong vấn đề Việt Nam. Những việc này càng làm cho tôi lo lắng và hồi hộp thêm. Nhiều lần tôi tự hỏi bao giờ thì người Pháp chấp nhận một sự thật đơn giản: người Việt Nam đang đánh Pháp và làm cho nước Pháp với bao nhiêu binh hùng tướng mạnh phải rung động, người Việt Nam nếu chọn đúng người, đặt đúng chỗ, giao đúng việc cũng có thể giúp nước Pháp giải quyết chiến tranh Việt Nam, với những điều kiện căn bản tiên quyết, Pháp phải thành thực trao trả độc lập và chủ quyền cho một chính phủ Việt Nam gồm những chính khách quốc gia chân chính.

Càng thất bại, Pháp càng ay cú, càng vấp vào những sai lầm tai hại hơn. Pháp vẫn bám vào lá bài Bảo Đại, vẫn trọng dụng cha con Tâm Hình, vì lý do duy nhất là Bảo Đại không bao giờ phản đối việc làm của Pháp, còn cha con Tâm Hình thì tỏ ra trung thành với Pháp hơn với tổ quốc. Những người Việt Nam yêu nước có tài không còn ai nghĩ đến chuyện hợp tác với Pháp và Bảo Đại. Dư luận quốc tế, dư luận Mỹ càng ngày càng thất lợi cho Pháp. Các nước đồng minh của Pháp trong đó có Mỹ không còn tin tưởng Pháp có thể thắng trận ở Đông Dương và xem chừng cũng không mong cho Pháp thắng. Trong những ngày ở Ba-Lê, tôi đã thấy tâm lý quần chúng Pháp chán ngán chiến tranh đến mức nào.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

Từ Nữ Ước trở lại Ba-Lê

Sau đại hội sinh viên Việt Nam du học ở Mỹ được ít lâu tôi lên Nữ Ước cùng với cha Jacques Houssa, và vẫn trọ lại mấy hôm tại nhà dòng các bà phước ở New Jersey. Những người quen ở Nữ Ước đến thăm và tiễn biệt tôi, cha Houssa tiễn đưa tôi đến phi trường Nữ Ước và không quên căn dặn tôi tiếp tục lo cho sinh viên du học. Bây giờ cha ở Mỹ đã lâu, quen biết nhiều, cho nên có thể xin được nhiều học bổng cho sinh viên Việt Nam, hơn nữa dư luận Mỹ bắt đầu thiện cảm đối với Việt Nam nhiều hơn trước.

Tôi đến Ba-Lê thì có Trần Hữu Phương ra đón. Câu nói đầu tiên của ông Phương là một lời báo hung tin. Giọng Phương nghẹn ngào:

- Thừa cha, Cảnh mất rồi.

Tôi lặng người một lúc. Đặng Vũ Cảnh người Hà Nội, là một thanh niên thông minh, ưu tú, đầy hứa hẹn mà tôi coi như một đứa em thân thiết. Xác Cảnh đang quàng tại nhà thương. Tôi đến viếng xác ngay, và đứng chủ tang, làm lễ đưa xác cho Cảnh. Một số đồng anh em Việt kiều, sinh viên tại Pháp búi ngùi đi đưa đám Cảnh.

Cái chết là một chuyện thường tình, ai cũng biết là không thể tránh được, nhưng cái chết của một người trẻ tuổi đã có nỗi bi đát của nó. Cái chết của một người Việt Nam trẻ tuổi ở nước ngoài lại càng bi đát hơn. Nhân đám tang, một số Việt kiều và sinh viên đã gặp tôi, và không quên hỏi sơ qua về kết quả chuyến đi Mỹ của tôi.

Tôi tường thuật những hoạt động của các sinh viên ở Mỹ, chiều hướng dư luận Mỹ, và kết luận rằng phải cố gắng thuyết phục cụ Diệm nên về chấp chánh ngay trong lúc này.

Vài hôm sau, tôi đến gặp ông Diệm, lúc đó vẫn còn ở trong nhà Tôn Thất Cảnh. Ông Diệm cho tôi biết ông đã xuống Cannes gặp Bảo Đại. Ông Diệm có vẻ buồn, kể lại chuyện gặp gỡ Bảo Đại ở Cannes.

Bảo Đại ở biệt thự hè sang trọng, ngày thì trượt nước, đêm thì vào sông bạc, Nam Phương Hoàng Hậu không ở cùng với Bảo Đại mà chỉ có thứ phi

Mộng Điệp đi theo ông. Tôi có cảm tưởng rằng Nam Phương Hoàng Hậu là một người đàn bà đức hạnh đã không tán thành cuộc sống của Bảo Đại.

Trong thời gian Bảo Đại về nước, Nam Phương Hoàng Hậu cũng đã không theo về, và đó là một điều đã gây nên nhiều dị nghị không có lợi gì cho Bảo Đại. Lúc ở Đà Lạt Bảo Đại chỉ sống với Mộng Điệp một cách bán chính thức. Mộng Điệp có một biệt thự riêng gần Lycée Yersin, tức là cuối thành phố Đà Lạt, còn Bảo Đại thì vẫn ở đầu kia thành phố.

Lúc thì Bảo Đại đến Mộng Điệp, khi thì Mộng Điệp đến biệt điện gặp Bảo Đại. Nhưng ở Cannes hai người sống hẳn với nhau trong biệt thự hè.

Ông Diệm mô tả con người Bảo Đại lúc này với một câu nói vắn tắt: uể oải mệt mỏi. Tôi lại nhớ đến dáng điệu Bảo Đại lần gặp ở Đà Lạt, và tôi mừng tượng như thấy Bảo Đại lúc tiếp ông Diệm cũng choài người ra trên ghế bành, như người không xương sống.

Lắm lúc chỉ một lời nói, một cử chỉ vụng về mà mối giao tình giữa quân vương và thần tử có thể tan vỡ. Tôi nhớ những câu chuyện xưa, lúc một ông vua tiếp một khanh sĩ, đang ăn nhỗ cơm, đang rửa chân chải đầu thì quên xỏ dép chải tóc, để ra tận cửa đón khanh sĩ.

Chắc chắn là Bảo Đại không bao giờ có được phong độ đài hiên tiếp sĩ như vậy, thành ra không lạ gì khi quanh Bảo Đại không có hiền thần lương tướng.

Ông Diệm cho tôi biết rằng trong câu chuyện, Bảo Đại có đề cập sơ sơ, một cách chiếu lệ về cái ý mời ông về chấp chánh. Bảo Đại không hề chính thức mời cũng không tỏ ra vẻ gì tha thiết ân cần đối với việc ông Diệm về chấp chánh.

Ông Diệm cho như thế là chưa được thuận tiện. Tôi hiểu ý ông là Bảo Đại và người Pháp chưa đủ tin ông để giao cho ông nhiều quyền hành. Quanh ông Diệm và quanh Cao ủy Pháp vẫn còn một số người Việt Nam mà ông Diệm cho là không tốt, không hợp với ông vẫn được trọng dụng.

Lúc này hình như Bảo Đại đã nghĩ đến việc đem Bửu Lộc ra lập chính phủ thay thế chính phủ Nguyễn Văn Tâm, một phần để làm hài lòng người Pháp, một phần để thỏa mãn những đòi hỏi âm thầm của dân chúng Việt Nam. Người Pháp tuy hài lòng về sự trung thành và ngoan ngoãn của cha con

Nguyễn Văn Tâm và thuộc hạ, nhưng vẫn muốn có một chính phủ có cái dáng nhân dân một chút. Những ông công dân Tây, mang tên Tây chắc là không tạo được cái dáng nhân dân cho một chính phủ. Bửu Lộc ít ra có thể làm hài lòng nhóm hoàng phái và một số trí thức.

Ông Diệm kết luận rằng ông không thể về chấp chánh được, vì những điều kiện ông đưa ra bị Bảo Đại để ngoài tai. Thực tình thì Bảo Đại chẳng đủ can đảm để từ chối bất cứ điều gì, nhưng ngược lại ông không đủ cứng rắn quyết tâm để quyết liệt làm một cái gì. Những điều kiện của ông Diệm rất giản dị: được toàn quyền điều hành chính phủ Việt Nam, đối phó trực tiếp với người Pháp dĩ nhiên vẫn nhân danh Bảo Đại. Ý ông Diệm là muốn Bảo Đại đừng có trực tiếp hay gián tiếp (qua Nguyễn Độ) xen lấn gì vào nội bộ chính quyền Việt Nam.

Ông Diệm thấy cần phải cải tổ hoàn toàn bộ máy hành chánh và quân đội, làm cho quyền hành Việt Nam mạnh thêm thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào quân đội và Phủ Cao ủy Pháp. Ông Diệm cũng mong Bảo Đại đặt một số điều kiện cứng rắn dứt khoát với người Pháp trước khi ông về chấp chánh. Dĩ nhiên là Bảo Đại không muốn mệt đến người, cho rằng những điều mà ông Diệm coi như cần thiết chẳng quan trọng chi cả.

Ông Diệm đã từ chối. Ông đưa cho tôi một bức thư theo mật mã, gửi ông Nhu.

Ông nói sơ lược cho tôi biết nội dung bức thư căn dặn ông Nhu và ông Cẩn bên nước nhà hãy tiếp tục tăng cường các hoạt động chính trị, củng cố tổ chức đảng, thu phục thêm đảng viên, lôi cuốn thêm nhân tài, chuẩn bị không khí chính trị. Ông nói là tuy lúc này ông chưa thể về chấp chánh trong những điều kiện chưa thuận tiện; nhưng nếu bên nước nhà có một phong trào nhân dân mạnh mẽ đòi hỏi ông Diệm về chấp chánh, thì Bảo Đại và Pháp phải chấp nhận những điều kiện của ông Diệm.

Nếu phong trào nhân dân sớm phát khởi cùng với tình hình quân sự càng ngày thất lợi cho Pháp, thì chỉ trong vòng vài tháng nữa ông Diệm có thể được long trọng về nước.

Ông cho biết trong lúc chờ đợi cơ hội thuận tiện, ông sẽ đi tĩnh tâm ở một nhà dòng Benedictin bên Bỉ.

Tôi về Sài Gòn bằng máy bay, đến gặp ông Nhu ngay, lúc này đang ở Sài

Gòn, và bắt đầu xuất bản một tờ tạp chí chính trị: tờ Xã Hội. Ghé Sài Gòn vài hôm tôi ra Huế ngay. Trong câu chuyện với ông Nhu tôi cũng chỉ nói qua về những nhận xét và cảm tưởng của tôi.

Ông Nhu giọng đầy tin tưởng cho tôi hay rằng càng ngày dân chúng càng bất mãn với người Pháp, với Bảo Đại và thêm nhiều thiện cảm với ông Diệm. Theo lời ông Nhu thì đa số những trí thức trẻ, có tinh thần yêu nước đều hướng về ông Diệm. Tuy nhiên tại miền Nam, ngoài khu vực Vĩnh Long thì sự ủng hộ của quần chúng chưa được mạnh lắm.

Ông Nhu không chính thức lập đảng vào lúc bấy giờ, nhưng bên trong hình thức một đảng chính trị, với đầy đủ các chi bộ, phân bộ, lý thuyết. Tài liệu học tập huấn luyện đã thành hình rõ rệt rồi.

Tôi về Huế, cũng đến thăm ông Cẩn. Ông Cẩn nôn nóng nghe tôi kể những cuộc tiếp xúc giữa tôi và ông Diệm, than phiền vì ông Diệm quá dè dặt không về nước lúc này.

Ông Cẩn đã quy tụ một số đông cán bộ, phần lớn là những người hăng say, cuồng nhiệt, có thể nói là hơi quá khích. Ông Cẩn chịu ảnh hưởng tinh thần của các thuộc hạ, muốn rằng ông Diệm về nước ngay lúc này rồi những điều kiện chưa thuận tiện thì sẽ tạo lấy sau.

Tôi có phần đồng ý với ông Cẩn, vì tôi sợ rằng đến một lúc nào đó tình hình chiến sự quá bất lợi cho Pháp, sẽ làm cho người Pháp nghĩ đến việc thanh toán chiến tranh bằng mọi giá mà không nghĩ gì đến một giải pháp quốc gia để đối đầu với Việt Minh.

Thời gian chưa chắc gì đã có lợi cho ông Diệm. Và lại làm chính trị mà cứ đòi cho được tất cả những điều kiện thuận lợi nhất được hội đủ mới nhập cuộc, thì khó mà làm được vì chẳng mấy khi có những điều kiện lý tưởng như thế.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 33 -

Ông Diệm trở về nước lập chính phủ: 7-7-1954

Tôi lại tiếp tục dạy học.

Cuối năm 1953, đầu 1954 tại miền Trung, Pháp tung ra cuộc hành quân Atlante từ bốn mặt đánh vào chiến khu 5, tức vùng Nam Ngãi Bình Phú. Tết năm đó một bộ lạc Batna trong vùng rừng núi Quảng Ngãi nổi loạn tàn sát một đơn vị Việt Minh đang dưỡng quân. Xác chết lính Việt Minh theo dòng sông trôi ra tận biển. Cuộc nổi loạn do gia đình họ Đinh khởi xướng, và hình như được phòng Nhì xúi giục, để tạo ra hỗn loạn bên trong.

Từ ngoài một cánh quân từ Nha Trang kéo ra, một cánh quân khác từ Lào tràn xuống, còn phía biển và Đà Nẵng cũng có một cánh quân đánh thốc lên. Quân Việt Minh trong trận này bị thiệt hại nhiều. Tướng Navarre coi chiến thắng này tương tự chiến thắng vùng châu thổ sông Hồng của De Lattre năm 1950-51. Ông thêm tự tin và tung ra hành quân Castor, đổ quân nhảy dù và quân bộ xuống thung lũng Điện Biên Phủ, ngày 20-11-1953, Điện Biên Phủ được tướng Navarre coi như một tiền đồn chiến lược chặn ngang đường tiếp tế và chuyển quân Việt Minh từ Lào về, từ Trung Cộng xuống.

Điện Biên Phủ có hai mục đích chiến lược là chặn đường tiếp tế và chuyển quân của Việt Minh đồng thời các đơn vị xung kích từ đó tỏa ra quanh vùng rừng núi Việt Bắc, thọc vào lòng địch. Lịch sử đã cho biết những tính toán của tướng Navarre đã sai lầm như thế nào tôi tưởng không cần nói nhiều làm gì.

Vào đầu năm 1954 lúc tình hình chiến sự biến chuyển mạnh, và thời gian đầu có vẻ thuận lợi cho Pháp thì về phía chính trị, Bửu Lộc được trao nhiệm vụ thành lập một chính phủ liên hiệp chuyển tiếp nhưng tính cách liên hiệp chỉ có danh vô thực.

Ông Bửu Lộc đem theo những bạn thân du học với ông ở Pháp cũng là những người tôi có quen biết như Nguyễn Đắc Khê, Nguyễn Quốc Định. Tôi không thấy có một nhân vật quốc gia tiếng tăm nào tham gia vào chính phủ Bửu Lộc. Nguyễn Văn Tâm không còn làm thủ tướng nữa, nhưng Nguyễn Văn Hình vẫn nắm quân đội và công an nghĩa là nắm hết thực quyền.

Tình hình biến chuyển nhanh chóng. Ngày 29-11-53 tướng Castries được chỉ định làm chỉ huy trưởng Điện Biên Phủ.

Ngày 14-12, cụ Hồ lên tiếng trên đài phát thanh bí mật của Việt Minh đề

ng nghị thương thuyết, Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm bác bỏ. Ngày 3-2-1954, cũng nhằm ngày Tết âm lịch trận đánh Điện Biên Phủ mở màn. Việt Minh bắn trên 100 đạn đại bác 75 ly xuống Điện Biên Phủ trong vòng không đầy 1 giờ. Từ ngày đó trận đánh càng ngày càng khốc liệt, càng thất thế đối với Pháp. Nhưng trận đánh lớn chỉ thực sự bắt đầu từ ngày 11-3.

Lúc đầu Việt Minh chính thức đọc lời hiệu triệu của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp gửi chiến sĩ và nhân dân toàn quốc. Ngày 12-3, nửa đêm, phi trường chính của Điện Biên Phủ bị quân Việt Minh đánh tràn vào, đặt mìn phá phi đạo, để lại những truyền đơn cảnh cáo, Điện Biên Phủ sẽ là mồ chôn quân Pháp, và đế quốc Pháp. Đêm 13, đồn Beatrice thất thủ, đại tá Gauchet, chỉ huy trưởng pháo binh Pháp tại Điện Biên Phủ bị đạn pháo binh Việt Minh bắn bị thương cụt cả hai tay, hai chân, và chết ít phút sau đó. Đêm 15, đồn Gabriëlle Anne Marie thất thủ. Sáng 7-5 Điện Biên Phủ đầu hàng 10.000 quân Pháp bị bắt làm tù binh.

Những chi tiết lịch sử này, tôi chỉ nhắc lại để làm hậu cảnh cho câu chuyện nhỏ tôi đang kể mà thôi, 25 tháng tư, một ngày thứ hai, hội nghị Genève khai mạc trước đó, qua trung gian Nga nhiều cuộc thăm dò giữa Pháp và Việt Minh đã được mở ra. Trong phiên họp sáng hôm sau ngày Điện Biên Phủ thất thủ, ngoại trưởng Pháp Georges Bidault đưa đề người ghi ngưng bắn có giám sát quốc tế. Trong hành lang, vĩ tuyến 18, tức Đèo Ngang trong vùng Quảng Bình, hay sông Gianh ranh chia phân Nam Bắc thời Trịnh Nguyễn được phe Đồng minh nhắc đến, phía Cộng sản thì hình như chọn vĩ tuyến 16, ngang đèo Hải Vân. Việt Minh muốn chiếm Huế, vì đối với dân Việt Nam, Huế vốn là kinh đô, có Huế tức là còn giữ được kinh đô.

Trong tình trạng suy sụp của phe Pháp, Bảo Đại đã nằm lì ở Cannes, và tên ông Diệm càng lúc càng được nhắc đến. Một đại diện của Bảo Đại đến gặp ông Diệm ở Pháp, và chính thức yêu cầu ông về lập nội các. Những cuộc tiếp xúc và thăm dò kéo dài đến tháng 7, và ngày 7-7-1954, ông Diệm về nước làm thủ tướng.

Những chuyện này thuộc lịch sử, tôi không muốn nói đến nhiều.

Theo những nhận định của người am hiểu thời bấy giờ thì tình hình đen tối đến cái độ không một phép lạ nào có thể cứu vãn được, và ông Diệm về nước khó mà thành công, trái lại rất dễ tiêu tan uy tín và sự nghiệp chính trị. Có thể trong thâm ý của Bảo Đại và người Pháp việc đưa ông Diệm về là để đốt cháy tương lai chính trị của ông mà thôi.

Ngày 26 tháng 4, nghĩa là mấy hôm sau khi hội nghị Genève đã chính thức khai mạc, thứ trưởng ngoại giao Pháp đặc trách vấn đề Đông Dương là ông Marc Jacquet đến Cannes viếng thăm Bảo Đại và thông tri cho Bảo Đại rõ ý định của các quốc gia Đồng minh muốn chính phủ quốc gia Việt Nam cử một phái đoàn đại diện tham dự hội nghị Genève với tư cách quan sát viên. Vào ngày 30 Bảo Đại nhận được một văn thư chính thức của các ngoại trưởng Pháp, Anh, Mỹ bày tỏ ý muốn tham khảo về vấn đề Việt Nam với một đại diện của Bảo Đại. Báo Pháp tố cáo rằng sở dĩ Việt Minh chần chừ trong việc thỏa thuận cho phép di tản thương binh khỏi Điện Biên Phủ là vì sự do dự của Bảo Đại trong việc tham dự hội nghị Genève, làm cho phe Đồng minh gặp khó khăn, mất chính nghĩa.

Trước áp lực của Pháp, của dư luận Pháp và quốc tế, Bảo Đại chấp nhận cử một phái đoàn quan sát do Nguyễn Quốc Định cầm đầu tham dự hội nghị Genève. Phái đoàn này không có tính cách độc lập, mà chỉ là một phái đoàn nằm trong bộ phận thương thuyết của Pháp, nó cũng chẳng có quyền hành gì và chỉ là một phái đoàn quan sát và cố vấn cạnh phái đoàn Pháp.

Lúc bấy giờ hình như Bảo Đại tin tưởng rằng nhờ áp lực của Đồng minh, nhất là của Mỹ, một giải pháp cho Việt Nam sẽ không hoàn toàn thất lợi cho phe quốc gia.

Nguyễn Quốc Định trong thời gian làm trưởng phái đoàn Việt Nam tỏ ra khôn khéo, cứng rắn đúng mức, không đến nỗi làm nhục quốc thể. Ông đồng ý việc phái đoàn Việt Minh tham dự hội nghị Genève cạnh một phái đoàn quốc gia, nhưng trong các lời tuyên bố và diễn văn ông luôn nhấn mạnh rằng sự đồng ý này không có nghĩa là thừa nhận chính phủ Việt Minh là chính phủ hợp pháp.

Sáng ngày 3-5, một văn thư mời chính thức được gửi đến Bảo Đại và chính phủ Việt Nam. Ngày 9-5 phiên họp có thể coi là khoáng đại và chính thức của hội nghị Genève khai mạc. Như chúng ta biết, ngày 8-5 là ngày Điện Biên Phủ thất thủ, 10.000 quân Pháp bị bắt làm tù binh. Báo chí, dư luận Pháp đòi hỏi chính phủ phải làm mọi cách để thanh toán vấn đề Đông Dương. Phía Việt Minh, Phạm Văn Đồng cầm đầu phái đoàn Cộng sản. Mỹ không chính thức tham gia hội nghị mặc dù Pháp khẩn khoản yêu cầu Mỹ nên cử một ngoại trưởng tham dự, để làm mạnh thế phe Đồng minh.

Lúc bấy giờ ngoại trưởng Mỹ là ông Foster Dulles đã được ngoại trưởng

Pháp là ông Bidault và Anh là Anthony Eden tiếp xúc nhiều lần, nhưng ông Dulles từ chối. Cuối cùng Mỹ chỉ cử một thứ trưởng ngoại giao là ông Bedell Smith cầm đầu phái đoàn Mỹ. Lúc bấy giờ Mỹ cũng đã đưa ra đề nghị chấm dứt các cuộc đàm phán riêng và cạnh hội nghị Genève, nhưng Anh và Pháp cho rằng nhờ các cuộc đàm phán riêng và mật mà hội nghị mới có được những kết quả khả quan. Điểm đáng lưu ý là trong các phiên họp khoáng đại phái đoàn Nga tỏ ra cứng rắn bao nhiêu, thì trong các phiên họp riêng, họ lại tỏ ra mềm dẻo và nhượng bộ bấy nhiêu.

Phái đoàn Việt Minh đòi hỏi cho hai phái đoàn Lào Cộng và Miên Cộng tham dự hội nghị với tư cách đại diện thẩm quyền cho dân tộc Lào và Cam-Bốt. Phe Đồng minh bác bỏ. Nga đưa giải pháp dung hòa là hai phái đoàn Lào và Miên được tham dự với tư cách quan sát viên mà thôi. Cũng trong các phiên họp kín này hai phe đã đồng ý về việc ấn định các thể thức ngưng bắn giữa Pháp và Việt Minh bằng các phiên họp riêng của hai bộ phận quân sự Pháp và Việt Minh, cạnh hội nghị Genève.

Ngày 10-6 trong một phiên họp khác, Tạ Quang Bửu, bộ trưởng quốc phòng Việt Minh đề nghị một giải pháp ngưng bắn và tập kết lấy vĩ tuyến 16 làm ranh phân chia. Hội nghị Genève kéo dài không kết quả, chính phủ Pháp càng bị dư luận dân chúng và quốc hội chỉ trích nặng nề. Ngày 13-6 quốc hội biểu quyết bất tín nhiệm chính phủ Laniel và theo hiến pháp phe đối lập do Mendes France cầm đầu được đề cử thành lập tân nội các. Ngày 17-6 nội các Mendes France được tấn phong. Ông Mendes France hứa sẽ giải quyết vấn đề Đông Dương nội trong vòng một tháng.

Chính lời hứa này của ông đã làm cho chính phủ ông phải thất thế nhượng bộ nhiều, và khi đó nếu Cộng sản không lo sợ Mỹ can thiệp trực tiếp vào Việt Nam thì Việt Minh có thể được thỏa mãn trong yêu sách phân chia từ vĩ tuyến 16. Vào cuối tháng 6, Thủ tướng Anh Winston Churchill và ngoại trưởng Anthony Eden đi Mỹ, với mục đích thuyết phục Mỹ về phe Anh Pháp một cách rõ rệt và công khai hơn. Lúc bấy giờ ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles trong chính quyền Eisenhower có vẻ sẵn sàng chấp nhận giải pháp chia đôi Việt Nam thành hai vùng, với điều kiện là vùng thuộc phe Đồng minh sẽ thực sự được độc lập, và Pháp từ bỏ những nỗ lực khống chế chính trị và kinh tế tại vùng quốc gia. Vấn đề còn lại chỉ còn là chọn một ranh phân chia, và lập những thủ tục rút quân.

Vào giai đoạn cuối của hội nghị Genève, phái đoàn Mỹ không có một nhân vật thượng hạng nào cầm đầu. Ngoại trưởng Dulles hay thứ trưởng Smith

đều không tham dự, vì ý Mỹ muốn đứng ngoài, không trực tiếp chịu trách nhiệm phê chuẩn hiệp ước.

Pháp muốn kéo Mỹ vào phe họ, nghĩ ra một cách là mời ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles viếng thăm Ba-Lê ngày 12 tháng bảy, và họp hội nghị tay ba Pháp Anh Mỹ tại đây. Thủ tướng Mendes France cam kết rằng Pháp sẽ từ bỏ mọi hành động khống chế và chi phối chính trị kinh tế tại vùng phía Nam ranh phân chia và trao trả độc lập thực sự cho phần đất quốc gia này. Cái vẻ đoàn kết của ba cường quốc Đồng minh đã làm cho tư thế của Pháp khá hơn đôi chút tại hội nghị Genève. Phe Cộng sản lo sợ rằng nếu họ gắng quá có thể đẩy phe Đồng minh đến cái thế phải can thiệp bằng quân sự trở lại ở Đông Dương dưới một danh nghĩa quốc tế, như họ đã làm ở Cao Ly.

Lúc này ông Diệm đã bổ nhiệm ngoại trưởng Trần Văn Đỗ trong chính phủ ông thay thế Nguyễn Quốc Định cầm đầu phái đoàn Việt Nam. Trần Văn Đỗ từng quen biết với Phạm Văn Đồng, ngay sau lúc đến Genève tìm cách gặp riêng Đồng, nhưng Đồng đã chấp nhận việc phân chia Việt Nam làm hai miền, không đề cập đến một giải pháp nào khác, và chỉ nói những câu chuyện đại cương trong cuộc gặp gỡ riêng giữa hai người bạn cũ theo hai phe thù nghịch này.

Trần Văn Đỗ phản kháng chính phủ Pháp đã có những hành động nguy hại cho sự tồn vong của Việt Nam mà không hề tham khảo với chính phủ Việt Nam. Sự cứng rắn của ông Đỗ đã làm cho Pháp lúng túng, ông Đỗ cũng tố cáo rằng Pháp đã chấp nhận vĩ tuyến 18 tức là đèo Ngang làm ranh phân chia. Pháp lại phải nhờ Anh và Mỹ trấn an Việt Nam.

Ngày 18-7 trong một phiên họp khoáng đại, ông Đỗ theo lệnh ông Diệm đọc diễn văn từ khước ký kết vào bất cứ thỏa ước ngưng bắn nào được ký đến giữa Pháp và Việt Minh.

Chính phủ Mendes France đã đạt cái thời hạn hứa hẹn với quốc hội là giải quyết vấn đề Đông Dương nội trong một tháng. Quốc hội Pháp rục rịch biểu quyết bất tín nhiệm chính phủ Mendes France.

Quá nửa đêm ngày 20-7 vào những giờ đầu ngày 21-7 thỏa ước ngưng bắn được ký kết giữa từng phe liên hệ, như thỏa ước ngưng bắn tại Việt Nam được ký kết giữa tướng Pháp Déteille thay mặt tham mưu trưởng là tướng Ely và Tạ Quang Bửu, bộ trưởng quốc phòng Việt Minh. Chiều ngày 21-7 một phiên họp khoáng đại được triệu tập, và các trưởng phái đoàn tham dự của 9

quốc gia chấp nhận bằng lời bản Tuyên Bố Chung Kết của hội nghị Genève.

Trong lúc đó, tại Việt Nam, ông Diệm cố gắng cải tổ guồng máy chính quyền, tập trung quyền hành vào tay ông nhưng gặp sự chống đối mạnh mẽ của phe Nguyễn Văn Hinh và Bình Xuyên. Sau khi về nước được vài hôm, vào giữa tháng bảy ông Diệm ra Huế. Lúc bấy giờ Phan Văn Giáo vẫn còn làm thủ hiến Trung Việt, ý chừng muốn được ông Diệm thu dụng, đã tổ chức một cuộc đón tiếp linh đình từ sân bay Phú Bài về đến Phú Vân Lâu. Tại đây dân chúng tụ tập hàng vạn người, đã hân hoan chào mừng ông Diệm. Ông Diệm lên đọc diễn thuyết nói quyết tâm của ông muốn dành lại độc lập thực sự và hoàn toàn cho Việt Nam, kêu gọi đoàn kết.

Tôi có ghé qua cuộc mít tinh tại Phú Vân Lâu, và tôi nhận thấy cảm tình của dân chúng miền Trung đối với ông Diệm thật là chân thành và nồng nhiệt. Ngay sau đó ông Diệm về ở lại trong nhà ông Cần, và tôi gặp ông ở đây. Ông Diệm niềm nở chào tôi, lúc đó nét mặt ông có vẻ lo lắng, tư lự, nhưng cố gắng tươi cười với tôi. Tôi chào mừng ông và trong câu chuyện riêng chỉ có ông Diệm, ông Cần, và tôi, tôi nói cảm nghĩ của tôi về việc ông về nước.

- Thừa cụ, tôi sợ rằng người Pháp và Bảo Đại đã không thành thực khi mời cụ về chấp chánh lúc này. Tình thế khó khăn lắm ngoại trừ một phép lạ khó có thể thành công được. Tôi lo rằng nếu thất bại cụ sẽ khó có cơ hội thứ hai.

Ông Diệm gật gù:

- Cha nói đúng. Nhiều người bạn ở Pháp cũng nói như vậy. Tôi cũng biết điều đó, nhưng tôi cho rằng lúc này không thể chờ đợi lâu hơn được nữa, vì theo tôi đây là cơ hội cuối cùng, không còn cơ hội thứ hai nào khác nữa. Nếu bây giờ tôi không về vì ngại khó khăn và thất bại thì không bao giờ về được nữa. Thành công hay thất bại tôi cũng phải về. Tôi lo cho số phận Giáo hội Công giáo, và phe quốc gia Việt Nam nên tôi phải cố gắng cứu vãn những gì còn hy vọng cứu vãn được. Tôi tin rằng chúng ta sẽ thành công.

Tôi đành đồng ý với ông Diệm về cái lý luận đường cùng này và xoay qua câu chuyện khác:

- Thừa cụ, những anh em trí thức ở ngoại quốc có những ai về hợp tác với cụ?

Mặt ông Diệm có vẻ tươi vui hơn đôi chút:

- Hầu hết người anh em trí thức mà cha đã biết đều về hợp tác với tôi như các anh Nguyễn Văn Thoại, Trần Hữu Phương, Trương Công Cửu ở Pháp. Những anh em ở Mỹ thì có các anh Đỗ Vạn Lý, Đỗ Trọng Chu, Bùi Kiến Thành v.v...

Tôi nhớ đến Bửu Hội, một người trong Hoàng phái nhưng không hợp tác với Bảo Đại:

- Cụ có mời giáo sư Bửu Hội không?

Ông Diệm cau mày, ngập ngừng một lúc, rồi nói:

- Tôi chưa biết lập trường, thái độ của ông Bửu Hội như thế nào nên chưa tiện mời, nhưng có lẽ sau này tôi sẽ cho người tiếp xúc và mời ông về.

Ông Diệm ở Huế vài hôm rồi vào lại Sài Gòn. Trước khi ông đi, tôi có đến gặp ông thêm một lần tại nhà ông Cần. Câu chuyện trao đổi lần này không có gì đặc biệt. Tôi đến gặp ông chỉ để bày tỏ thiện cảm của tôi đối với ông và mong ông nỗ lực, chúc ông thành công.

Thời gian từ ngày về nước đến ngày ký kết hiệp định Genève là những ngày dài nhất, đau khổ nhất của ông Diệm. Ông theo dõi từng ngày các báo cáo của ngoại trưởng Trần Văn Đỗ từ Genève gửi về. Ngày 20-7, hiệp định đình chiến được ký kết, và ngày 21 những bản phụ đính hội nghị Genève được các phe tham dự đồng ý chấp thuận bằng miệng.

Có lẽ lúc đó ông Diệm thấy nhẹ người hơn, vì dù sao hiệp định Genève cũng không hoàn toàn thất lợi cho phe quốc gia. Ranh phân chia được ấn định là vĩ tuyến 17, dọc theo sông Bến Hải. Như vậy miền Nam còn giữ được Cao nguyên và đồng bằng Cửu Long. Huế tuy không quan trọng về phương diện kinh tế, chiến lược, nhưng lại quan trọng về phương diện lịch sử và uy tín. Miền Nam giữ được Huế thì cũng coi như giữ được kinh đô.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 34 -

Công đầu của Tổng thống Diệm: Định cư 1.000.000 người

Ngay sau khi hiệp định Genève được ký kết, các đoàn người di cư từ Bắc và Trung vào bằng đường Hàng không, đường thủy và đường bộ bắt đầu lục tục kéo vào các tỉnh miền Trung và Sài Gòn. Cảnh những dân di cư lếch thếch trên đường chạy trốn Cộng sản thật là thương tâm. Tôi theo dõi từng ngày, và hễ mỗi khi có đoàn di cư nào từ Nghệ Tĩnh Bình vào, thì tôi lại tìm cách đến thăm viếng, an ủi, và thúc giục chính quyền địa phương tìm mọi cách giúp đỡ họ. Lúc bấy giờ chưa có một tổ chức nào chịu trách nhiệm về dân di cư.

Vào cuối năm 1954 Phủ đặc ủy di cư mới được thành lập. Nhưng nhờ thiện chí của chính quyền địa phương, sự quan tâm đặc biệt của ông Diệm đối với dân di cư, cho nên các chính quyền địa phương đã cố gắng hết sức giải quyết vấn đề di cư.

Vào khoảng tháng 10, bà Nhu tổ chức một cuộc biểu tình lớn để ủng hộ ông Diệm, đã đảo Pháp. Đoàn biểu tình bị công an xung phong Bình Xuyên chặn ngay bùng binh chợ Bến Thành bắn chết 6 người, làm bị thương hàng chục người. Cảnh hỗn loạn diễn ra nhiều nơi trên các đường phố lớn ở Sài Gòn. Ông Diệm chán nản mất tin tưởng, vì từ ngày về nước đến nay, ông đã cố gắng nhiều nhưng vẫn không nắm được công an và quân đội. Công an thì trong tay Bình Xuyên, quân đội thì trong tay Nguyễn Văn Hinh. Vài giờ sau khi tin này được loan đi thì ông Cần cho người tìm tôi tin cho tôi biết rằng ông Diệm đã thất vọng và chán nản cực độ, có ý định bỏ nước ra đi, ông Cần không khuyên tôi làm điều gì nhưng tôi đã hiểu ý ông khi ông báo tin này cho tôi biết. Tôi lập tức lấy máy bay vào Sài Gòn. Tôn Thất Trạch, chánh văn phòng ông Diệm đón tôi ở phi trường Tân Sơn Nhất và trên đường vào Sài Gòn ông Trạch cho tôi biết rằng cụ Diệm đang sửa soạn va li để rời Việt Nam trong vài ngày tới đây.

Tôi không kịp thay áo, vào ngay dinh thủ tướng lúc đó vẫn còn được gọi là dinh Norodom. Lúc đó khoảng 6 giờ chiều. Tôi vào ngay văn phòng ông Diệm và thấy đức cha Ngô Đình Thục và ông Ngô Đình Nhu đang ngồi với ông Diệm. Ba người im lặng trong cái không khí buồn thảm của một nhà có tang. Văn phòng của ông Diệm vẫn tranh sáng tranh tối.

Ngoài trời vẫn còn tỏ, nhưng trong nhà ánh sáng đã mờ. Đèn chưa được bật lên. Đức Cha Thục và ông Nhu thấy tôi vào lặng lẽ đi sang phòng bên cạnh. Khi cửa phòng đó hé mở, tôi thoáng thấy bóng vài người như là các ông Trần Chánh Thành, Trần Văn Lắm, Trần Trung Dung. Đức Cha Thục và ông

Nhu không nhìn tôi, không chào hỏi cúi đầu bước qua cửa phòng bên cạnh.

Ông Diệm ngồi trong ghế bành lớn, thấy tôi vào, vẫn ngồi yên, chậm chạp đưa tay sửa lại hai cái đai quần rồi cầm chiếc áo vét măng ở lưng ghế khoác vào người. Nét mặt ông Diệm trông thật buồn thảm thiếu náo, như một người đã hết sinh lực, mất chí phấn đấu. Tôi cúi đầu chào ông Diệm.

Ông chẳng nói gì, chỉ chiếc ghế đối diện ra hiệu mời tôi ngồi. Tôi ngồi xuống chờ đợi ông lên tiếng trước. Một chập sau, ông Diệm mới cất tiếng, giọng đều đều, chán nản:

- Thừa cha, tình hình này, tôi không thể ở lại được nữa. Tôi ở nán thêm chẳng ích lợi gì mà còn gây hỗn loạn và đổ máu cho đất nước mình thôi.

Người Pháp không thành thực. Họ vẫn dựa vào bọn Bình Xuyên và Tâm Hinh mà phá tôi. Cha không thể tưởng tượng được các khó khăn mà người Pháp và bọn đó gây ra cho tôi. Tôi không thể làm được một việc gì hết, vì mọi mấu chốt quyền hành đều nằm trong bọn này hết. Tình thế này tôi không thể ở lại được!

Tôi im lặng một lúc, rồi nhìn thẳng vào mắt ông Diệm:

- Thừa cụ, cách đây vài tháng, tôi đã thưa với cụ là cụ không nên về, vì về trong tình thế này không thể thành công được, nhưng cụ đã hăng hái nói rằng cụ tin tưởng ở một phép lạ của Chúa. Thừa cụ, tuy tôi là linh mục, nhưng tôi không chờ đợi ở phép lạ mà chỉ trông vào cố gắng của mình trước. Cụ đã nhận lời về nước, cụ chịu trách nhiệm không phải là Bảo Đại, người Pháp hay với bọn Bình Xuyên, bọn Tâm Hinh, mà với quốc gia Việt Nam, dân tộc Việt Nam và bây giờ đặc biệt cụ phải nhận trách nhiệm với hàng trăm ngàn dân di cư đã tin tưởng nơi cụ mà kéo vào đây. Dù Chúa không ban phép lạ cụ cũng không có quyền đào ngũ lúc này. Vả lại phép lạ của Chúa chỉ xảy ra khi con người đã làm hết sức mình. Cụ thử xét lại xem cụ và những người quanh cụ đã làm hết sức mình để đối phó với tình thế chưa? Đồng bào di cư Bắc và Nghệ Tĩnh Bình là một gánh nặng, nhưng cũng có thể là một sức mạnh, cụ đã nghĩ đến chuyện nhờ đến sức mạnh đó chưa? Những đồng bào di cư hiện đang sống khốn khổ, bấp bênh trong các trại tạm cư chen chúc nhau hàng chục người trong một căn phòng vài thước vuông vức, cụ có thể nở lòng bỏ họ trong tình trạng đó sao?

Ngoài cụ không có ai nghĩ đến chuyện lo cho đồng bào di cư cả. Cụ ra đi lúc

này, họ sẽ chết, vì về Bắc thì không thể được nữa rồi mà ở lại không có người lãnh đạo giúp đỡ thì làm sao sống được nơi đất lạ? Mọi người đều biết không phải Bảo Đại hay Nguyễn Văn Hình muốn và có thể giúp đỡ dân di cư được.

Ông Diệm im lặng và chăm chú nghe tôi càng lúc mặt ông cụ càng có vẻ quyết liệt hơn. Tôi nói tiếp:

- Cụ nên ở lại rhêm vài tháng nữa, hãy cố gắng hết sức mình. Thành công thì khó chớ dọn va li ra đi khi nào cũng được. Cụ nên cố gắng thêm vài tháng rồi lúc đó nếu hết cách thì dọn va li cũng chưa muộn gì. Cụ nên tập trung mọi phương diện, mọi nỗ lực giải quyết vấn đề đồng bào di cư trước. Một khi cụ định cư họ được thì chính họ sẽ là lực lượng hậu thuẫn nòng cốt cho cụ.

Cụ Diệm vẫn còn phân vân:

- Nếu bây giờ tôi ở lại, thì cha thấy rằng thái độ của quốc dân sẽ ra sao?

Tôi trả lời ông không chút do dự:

- Trừ một số nhỏ theo Tây, theo Bình Xuyên, toàn dân vẫn tin tưởng nơi cụ. Phần lớn các tỉnh trưởng nhất là ở miền Trung, đều ủng hộ cụ. Vả lại họ là những kẻ thuộc cấp, họ chỉ tuân lệnh, những kẻ có danh nghĩa, danh nghĩa ở nơi cụ. Cụ là thủ tướng chính phủ, Bảo Đại thì ở Cannes, vậy chỉ có cụ có tư cách ra lệnh và lệnh của cụ chắc chắn sẽ được tuân hành. Cụ có thể ra chỉ thị cho họ tổ chức những cuộc biểu tình khắp nơi trên toàn quốc, lần lượt, và cuối cùng phối hợp thành một ngày tổng biểu tình. Sự biểu dương lực lượng quần chúng này chắc chắn sẽ làm cho Pháp và bọn Bình Xuyên, Tâm Hình phải nể nang mà không dám lộng hành nữa.

Hơn nữa cụ đi lúc này tức là mắc mưu người Pháp, Bảo Đại, bọn Tâm Hình họ muốn cụ về để tự đốt cháy uy tín và sự nghiệp chính trị. Cụ đi thì khác nào thú nhận sự bất lực với họ, chịu thua họ.

Ông Diệm vui nét mặt, đứng thẳng người:

- Cha nói đúng. Nếu tôi đi lúc này thì đúng là mắc mưu người Pháp. Họ đem tôi về rồi làm mọi cách để cho tôi thất bại, để cho tôi phải tự ý bỏ đi. Vậy bây giờ theo ý cha, tôi quyết ở lại, không phải vài tháng mà cho đến bao giờ

hoàn tất sứ mạng.

Có điều lạ là những người quanh tôi không một ai khuyên tôi ở lại. Họ đều đồng ý rằng ở lại không thể làm gì được và tôi nên ra đi để tránh cảnh hỗn loạn đổ máu cho đất nước. Tôi sẽ nghe lời cha, dồn mọi nỗ lực vào việc giúp dân di cư, không phải mai sau, mà ngay bây giờ. Tôi đã nghĩ ra một cách để đối phó với bọn Bình Xuyên, Tâm Hình.

Ông Diệm ngắt lời, và không nói gì thêm. Tôi yên tâm ra về ngày hôm sau trở lại Huế. Vài hôm sau tôi hiểu ra cái cách ông Diệm nói úp mở trong đoạn cuối câu chuyện là cách gì. Cụ dùng mọi cách chuyển các tiểu đoàn Bảo Chính Đoàn, Bảo An Đoàn, các lực lượng quân sự Việt Nam từ Bắc và Trung vào Sài Gòn bằng những phương tiện nhanh nhất.

Mặt khác ông Diệm cho thay thế một số chỉ huy trưởng, đơn vị trưởng mà không qua hệ thống của Nguyễn Văn Hinh, cũng không tham khảo với người Pháp. Mặt khác có lẽ ông đã chỉ thị mật cho các tỉnh quận trưởng khắp nơi, cho nên lục tục có những cuộc biểu tình nổi lên khắp nơi ủng hộ ông. Những khẩu hiệu đả đảo Bảo Đại bắt đầu được tung ra.

Ông Diệm cũng thành lập một hệ thống công an cảnh sát riêng không nằm trong tay Bình Xuyên. Hình như ông Mai Hữu Xuân cầm đầu hệ thống này. Tại Huế, Sài Gòn, Nha Trang nhiều cuộc biểu tình lớn được tổ chức liên tiếp, và lần này công an xung phong Bình Xuyên đã không ngăn trở gì có lẽ vì họ thấy phong trào ủng hộ ông Diệm quá mạnh.

Ông Diệm cũng khéo léo điều đình với các giáo phái và cả Bình Xuyên để họ ở yên cho ông củng cố quyền hành và xây dựng lực lượng.

Số người di cư càng ngày càng đông, và đúng như tôi đã nói với ông Diệm, chính họ, hay con cái họ trong các lực lượng quân sự, đã hậu thuẫn mạnh mẽ cho ông Diệm, giúp ông thành công.

Tôi về Huế ngày hôm sau, nghĩa là tôi chỉ ở lại Sài Gòn một đêm mà thôi. Tình hình ở Sài Gòn lúc bấy giờ hết sức căng thẳng. Bảy Viễn và Nguyễn Văn Hinh đã tỏ ra quá kiêu căng vì tự tin, và đó là lỗi lầm lớn nhất của họ. Lỗi lầm thứ hai, là họ chỉ có một số thuộc hạ tuy khá đông, nhưng không được cảm tình và sự ủng hộ của quần chúng.

Quan niệm chính trị của bọn này là cái quan niệm chính trị hẹp hòi, tưởng

rằng nắm được những mấu chốt triều đình hay thâm cung là nắm được hết, tưởng rằng được quan thầy Pháp và Bảo Đại thương là đủ. Họ không ý thức được sức mạnh của quần chúng, chỉ biết sức mạnh của võ lực, súng đạn.

Lúc bấy giờ quần chúng Việt Nam có nhiều thiện cảm với ông Diệm. Cả những người không phục ông Diệm khi so sánh ông Diệm với bọn Tâm Hinh, Bảy Viễn thì cũng phải chấp nhận ông Diệm. Thực ra thì tôi chẳng đóng góp được gì nhiều vào các quyết định, mưu kế, chính sách của ông Diệm, trong thời kỳ này, hay về sau, nhưng tôi đã gợi ý cho ông Diệm nhớ đến một sức mạnh chưa được sử dụng, hàng chục vạn dân di cư và gia đình họ. Số người đông đảo này đang ở trong một thế kẹt, đang bị dồn vào đường cùng, và sẵn sàng liều mạng để chiếm một đất sống.

Tôi về Huế, ngoài việc dạy học, rảnh rỗi lúc nào là tôi đi thăm các trại tạm cư của đồng bào di cư Nghệ Tĩnh Bình ở Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng. Các tỉnh trưởng biết tôi quen thân gia đình ông Diệm, và lại những đề nghị của tôi hoàn toàn vô tư và vô vị lợi, nên nhiều người nghe lời tôi nói mà đặc biệt chú ý đến dân di cư.

Các trường học được dành làm nơi tạm trú cho dân di cư. Mọi phương tiện địa phương được đề ra để giúp đỡ dân di cư. Con số dân di cư càng ngày càng đông, có những gia đình chỉ trốn vào được với một tay nải, tiền bạc không có bao nhiêu, nhưng nhờ sự giúp đỡ tận tình và mau chóng của chính quyền địa phương nên không xảy ra một trường hợp nào dân di cư phải chết đói.

Những nhà hảo tâm nhiều người cũng hết lòng giúp đỡ một cách thực tế. Tôi nghĩ rằng chính số người di cư lúc bấy giờ đã làm sống bừng dậy tinh thần dân tộc, lòng thương yêu rộng lớn, tình đoàn kết chân thật, và tạo được một khối quần chúng thuần nhất ủng hộ ông Diệm.

Trong thời gian này, có lẽ nhớ lại vài lời nói của tôi, ông Diệm tìm mọi cách đem vào Sài Gòn và Nam phần nhiều tiểu đoàn quân Việt Nam từ phía Bắc vĩ tuyến 17. Trước hết một đơn vị thiện chiến và trung thành được thành lập để bảo vệ phủ Thủ tướng, sau này thành Liên Binh phòng vệ phủ Tổng thống. Phần lớn binh sĩ và sĩ quan trong đơn vị này đều là người Thanh Nghệ Tĩnh Bình, và lính Bắc phần. Nguyễn Văn Hinh, với chức vị tư lệnh quân đội Việt Nam, lại được người Pháp ủng hộ, tưởng rằng nắm được mọi sức mạnh quân sự, nhưng thực tế đã ngược lại.

Hình chỉ nắm được một vài đơn vị nhỏ, một vài cấp chỉ huy do cha con Tâm Hình đặt để, nhưng số người này, cũng như chính cá nhân của tướng Hình, không được các binh sĩ kính phục thật tình, cho nên không chắc họ đã mù quáng tuân lệnh Hình để đàn áp dân chúng hay chống lại ông Diệm.

Suốt thời gian cuối năm 1954, tôi vào Sài Gòn vài lần khi thì tự ý tôi bay vào, khi thì chính ông Diệm cho mời vào. Mỗi lần làm được một việc gì vừa ý, nhất là trong địa hạt giúp đỡ dân di cư, ông Diệm lại đem kể với tôi, như để khoe, như để phân bua.

Ông Diệm có thiện cảm nhiều với dân di cư Thanh Nghệ Tĩnh Bình. Có lần ông nói với tôi:

- Giả sử tôi đem vào Nam được vài chục ngàn dân Nghệ Tĩnh Bình và có mười cán bộ giỏi như cha thì mọi việc chắc chắn sẽ thành công.

Tôi cười trả lời:

- Hiện nay cụ đang có một con số dân di cư Nghệ Tĩnh Bình đông đảo hơn con số mà cụ vừa nói ra. Cũng xin cụ lưu ý rằng tất cả dân di cư bất cứ vùng nào đến cũng đang ở trong một ngõ cụt, và chỉ có lối thoát duy nhất là theo cụ chiến thắng mọi trở ngại, mọi lực lượng phản dân phản nước.

Ông Diệm cũng cho tôi biết đã đem vào Sài Gòn và Nam phần một số đơn vị quân đội từ ngoài vĩ tuyến 17 vào. Ông cũng cho tôi biết khái niệm của ông về các định cư. Ông chú ý đặc biệt đến giá trị chiến lược và kinh tế của vùng cao nguyên, và đặt kế hoạch định cư đồng bào di cư Nghệ Tĩnh Bình tại các vùng Ban Mê Thuột, Tuyên Đức, Đà Lạt. Số người di cư này được định cư khá sớm tại các trại như Hà Lan A, và B, Đức Lập, Bình Giả, Phan Thiết, Tân Bình (Khánh Hòa, Cam Ranh). Tôi có nghĩ đến cách hòa đồng dân di cư vào dân địa phương nhưng không có dịp nói ra, và tôi cũng nhận thấy sự khó khăn quá lớn trong việc đó. Mọi việc là phải chạy đua với thời gian. Dân di cư lại không chịu rời nhau, đến đâu cũng muốn tập trung vào một vùng, do đó lắm lúc đã tạo ra một tình trạng biệt lập, kỳ thị.

Một mặt giải quyết vấn đề di cư, củng cố lực lượng tổ chức bộ máy chính quyền, mặt khác ông Diệm và các cán bộ của ông bắt đầu phát động phong trào chống Pháp và chống Bảo Đại. Thời gian cuối năm 1954 là thời gian thanh toán bọn Bảy Viễn và Tâm Hình.

Thoạt đầu ông Diệm cố gắng tiến hành công việc theo các cách thức hợp pháp, ôn hòa bằng cách cử người thay thế những thuộc hạ của Tâm Hình trong các cơ quan hành chánh cũng như quân sự. Tại miền Trung ông Diệm đã thành công dễ dàng, không gây nên sự xáo trộn nào nhưng tại Nam phần nhiều trường hợp các lệnh của ông Diệm đã không được tuân theo. Nhiều sĩ quan được ông Diệm bổ nhậm đã không thể tiếp nhận chức vụ mới được.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 35 -

Ông Diệm đối với Bình Xuyên và các đảng phái chính trị

Tại Nam phần, có mấy lực lượng được coi như không theo ông Diệm, đó là một số đơn vị quân đội dưới quyền chỉ huy trực tiếp của tướng Hình và các thuộc hạ thân tín, các quân đội giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo và quân đội Bình Xuyên.

Ông Diệm và ông Nhu khôn khéo tách rời các lực lượng này ra, trước hết ông tìm cách làm cho hai lực lượng Giáo phái là Cao Đài và Hòa Hảo trở thành trung lập trong cuộc tranh chấp quyền hành giữa ông và Tâm Hình. Tôi không rõ nhờ may mắn hay nhờ tài giỏi, ông Diệm đã lôi cuốn được một thành phần quân đội Cao Đài dưới quyền Trịnh Minh Thế. Việc đó được coi như một thành công lớn của ông. Ông yên tâm hơn, dựa vào những đơn vị quân đội trung thành với ông thanh toán Nguyễn Văn Hinh, Bình Xuyên và Lữ đoàn Ngự lâm quân.

Về mặt chính trị, ông Diệm cho thành lập tại các tỉnh những ủy ban nhân dân cách mạng, và tại trung ương phong trào Cách mạng Quốc gia ra đời. Nhiệm vụ của tổ chức này là ủng hộ ông Diệm và hạ bệ Bảo Đại cùng bọn Tâm, Hình.

Nhờ có tổ chức và được sự ủng hộ của quần chúng, trong thời gian từ 1955 đến 1956, ông Diệm có thể nói đã nắm được quần chúng trong lúc những kẻ thù ông dần bị cô lập và vì làm tay sai cho Pháp một cách quá trắng tráo đã mất hết chính nghĩa, không có một hậu thuẫn quần chúng nào. Những chuyện đảng sau vụ truất phế Bảo Đại, đánh đuổi người Pháp, tôi không dám biết đến, và xin nhường cho các nhà chính trị nghiên cứu và phê phán.

Và lại lúc bấy giờ tôi chỉ chú ý đến một vấn đề di cư. Tôi cũng nghe nói đến sự giúp đỡ của Mỹ đối với ông Diệm trong thời gian này, không những chỉ về phương diện xã hội, như các khoản trợ giúp dân di cư mà thôi, mà còn nhiều về phương diện chính trị, ngoại giao quân sự nữa. Có một điều làm tôi ngạc nhiên là quân đội Pháp lúc bấy giờ đã phản ứng yếu ớt chiều lệ đối với việc truất phế Bảo Đại và đuổi họ ra khỏi Việt Nam. Trong cuộc xung đột giữa ông Diệm và Tâm Hinh và Bình Xuyên, một cách có chừng vậy thôi, không lay gì làm tích cực cho lắm. Tôi tin rằng đằng sau việc đó, tại những kinh đô lớn của các cường quốc, đã có một sự dàn xếp nào đó, hoặc là Pháp đã quá chán ngán chiến tranh Việt Nam và bây giờ không tha thiết đến việc bảo vệ địa vị của nước Pháp ở phần đất Việt Nam còn lại nữa.

Nếu lúc bấy giờ quân đội Pháp chống ông Diệm ra mặt, không biết chuyện gì sẽ xảy ra, và dù ông Diệm có thắng cũng còn nhiều khó khăn, và còn đổ máu nhiều hơn nữa. Sau khi quân đội Pháp chấp nhận tập trung vào một vài vùng phái bộ quân sự Pháp rút lui thì người ta thấy Mỹ tăng cường phái bộ của họ: do tướng Harkins cầm đầu. Vai trò của phái bộ Mỹ càng ngày càng lớn, hoàn toàn thay thế phái bộ Pháp trong các công tác huấn luyện, cố vấn.

Tôi phải công nhận rằng ông Diệm là một người có óc độc tôn, nếu chưa phải là độc tài. Ngay từ đầu ông đã cho rằng chỉ nên có một đảng duy nhất. Có lẽ ông cho rằng để chống lại cộng sản, thì phe quốc gia không thể rơi vào những hỗn loạn chính trị do chế độ đa đảng gây ra, cho nên ông không muốn tại miền Nam có trên hai đảng. Về mặt nổi, ông thành lập phong trào Cách mạng Quốc gia, và trong bề sâu của sinh hoạt chính trị ông dựng đảng Cần Lao Nhân Vị.

Cái tinh thần độc tôn này được biểu lộ rõ rệt trong cách đối phó với các đảng phái quốc gia, tuy không hoàn toàn ủng hộ ông Diệm và chịu sát nhập vào phong trào Cách mạng Quốc gia của ông. Tôi còn nhớ một hôm tôi đang ở trong dinh, hình như khoảng đầu năm 1955 thì có một đoàn biểu tình kéo đến trước dinh. Đoàn biểu tình này do các cán bộ một đảng khá quan trọng lúc bấy giờ tổ chức, đó là phong trào Tranh Thủ Tự Do của các ông Vũ Quốc Thúc, Bùi Văn Thịnh.

Tôi tưởng rằng thế nào ông Diệm cũng ra trước dinh tiếp đại diện của đoàn biểu tình, nhưng chuyện xảy ra trái với ý nghĩ của tôi. Ông Diệm đã ra lệnh đơn vị phòng vệ phủ Thủ tướng canh gác nghiêm mật rồi ông vẫn bình tĩnh ở trong dinh, cho đến lúc đoàn biểu tình chán nản tự giải tán. Sau đó ít lâu,

Bùi Văn Thịnh đang làm bộ trưởng Tư pháp được cho đi làm đại sứ tại Nhật Bản.

Cũng trong thời gian này, phía bên Công giáo có một lực lượng chính trị khá quan trọng, là Tập đoàn công dân tôn giáo. Ông Diệm và ông Nhu không bằng lòng cho lực lượng này hoạt động, nhưng cũng hơi kệt. Ông không muốn dùng các phương thức áp lực hay đàn áp. Một hôm ông Diệm nói chuyện với tôi:

- Nước mình đang có quá nhiều mầm mống hỗn loạn. Theo ý tôi chỉ nên có một phong trào Cách mạng Quốc gia, và một đảng chính trị duy nhất là Cần Lao. Bây giờ có phong trào Tập Đoàn Công Dân do Đức cha Phạm Ngọc Chi lãnh đạo, tôi sợ rằng như thế không ích lợi gì. Tôi muốn nhờ cha nói với Đức cha Chi cho Tập đoàn công dân sát nhập vào phong trào Cách mạng Quốc gia, cha nghĩ sao?

Tôi nhần ngại, thưa ông:

- Tôi không biết chắc Tập Đoàn Công Dân có thực sự do Đức cha Chi lãnh đạo hay không, bởi vì về mặt công khai chúng ta không thể nói chắc Đức cha Chi lãnh đạo Tập Đoàn Công Dân. Trên danh nghĩa, Đức cha Chi không có chức vụ quan trọng gì trong tổ chức này cả. Hơn nữa tôi là một linh mục, lãnh việc đi thu xếp chuyện đảng phái cho cụ e không tiện. Chi bằng nhân dịp nào đó, cụ gặp Đức cha Chi thử nói chuyện này với ngài xem sao? Tôi nghĩ rằng nếu Đức cha Chi nhận thấy tình hình chính trị nước ta không nên có nhiều đảng, thì có thể ngài bằng lòng.

Tôi được biết ít lâu sau, ông Nhu mới Đức cha Chi vào trong dinh nói chuyện, nhân một dịp Đức cha Chi vào Sài Gòn. Phong trào Tập Đoàn Công Dân bị giải tán và người ta thấy phần lớn các cán bộ cao cấp và các tổ chức hạ tầng của phong trào này gia nhập vào phong trào Cách mạng Quốc gia và đảng Cần Lao.

Vì các đảng phái có thể trở thành đối lập bị thanh toán ngay từ đầu, và lại bị thanh toán bằng sức mạnh của chính quyền, chớ không bằng một cuộc đấu tranh chính trị nào, cho nên phong trào Cách mạng Quốc gia và đảng Cần Lao không có cơ hội thử thách để trưởng thành và trở thành một đảng chính trị đúng nghĩa của nó. Hai tổ chức này, xét kỹ chỉ là một bộ phận lệ thuộc của chính quyền ông Diệm. Nếu ông Diệm được coi là lãnh tụ đảng thì cũng chỉ vì ông đang là lãnh tụ quốc gia, chớ không phải vì ông được đảng bầu

lân. Lễ lối sinh hoạt đảng cũng được đồng hóa vào lễ lối sinh hoạt của guồng máy chính quyền. Những cơ sở huấn luyện đảng, là những cơ sở chính quyền. Trong hầu hết các trường hợp, viên chức cao cấp nhất của chính quyền, tại một địa phương, hay một cơ quan nào đồng thời cũng là lãnh tụ địa phương của đảng. Như thế tổ chức đảng trở thành thừa và vô ích, cùng lắm nó chỉ có cáo ịch lợi là nắm chắc được guồng máy chính quyền, đặt để hay ép buộc những người của chính quyền và của ông Diệm vào các địa vị then chốt trong quốc gia mà không gây được cơ sở hạ tầng vững mạnh bền bỉ trong quần chúng.

Theo lễ lối tổ chức và sinh hoạt như thế, bao giờ ông Diệm còn nắm chính quyền, thì đảng của ông có vẻ mạnh, nhưng chỉ là cái sức mạnh bề ngoài, sức mạnh lờ được kẻ non dạ, mù quáng, mà không bịp ai được. Lý thuyết nhân vị được dùng làm nền móng tinh thần cho Đảng và Phong Trào cũng vấp vào nhiều khuyết điểm không có sức sinh động mạnh để thu hút quần chúng, những căn bản triết lý của nó cũng còn quá mập mờ, vá vúi, và không bắt nguồn từ những truyền thống sâu xa của dân tộc Việt Nam. Tôi không dám nói nhiều về chuyện này, và ngay lúc bấy giờ tôi cũng đã không có ý kiến gì về cái lý thuyết nhân vị, mặc dù khi du học tôi đã chọn ban triết và cũng đã nghiên cứu đôi chút về triết học. Đôi lúc ông Nhu có đề cập đến cái lý thuyết nhân vị với tôi, nhưng tôi cố tránh để khỏi có ý kiến. Riêng ông Diệm thì tôi thấy ông không quan tâm nhiều đến phần lý thuyết chính trị. Tôi cũng không được nghe ông bàn với tôi một lần nào về lý thuyết nhân vị. Ông chỉ nói đến những việc làm, những thực hiện cụ thể. Có một điều mà tôi có thể đồng ý, là một phong trào chính trị muốn vững bền cần phải có một nền móng tinh thần, và nền móng tinh thần đó nếu được đúc kết lại mạch lạc có thể thành một lý thuyết chính trị. Cho nên trong lúc tôi không thấy có gì hơn, tôi nghĩ rằng cái lý thuyết nhân vị, dù sao thì có vẫn hơn không. Ít ra nó giúp cho người hành động một vài tiêu chuẩn hướng dẫn và một vài cách thức biện hộ. Tôi cố tránh bình luận, chỉ trích là vì nghĩ như thế.

Tôi muốn nhắc đến một trường hợp điển hình thứ hai chứng minh tính cách độc tôn của ông Diệm trong việc dàn xếp với các đảng phái, hoặc trong quan niệm của ông về sinh hoạt chính trị dân chủ. Trong khoảng thời gian sau 1954, tại Huế nhóm Lê Trọng Quát muốn thành lập một đảng chính trị lấy tên là đảng Cộng Hòa Xã Hội. Lê Trọng Quát có nói chuyện với tôi. Chủ ý của Quát là muốn đem đến sinh hoạt chính trị một sự hào hứng phấn khởi bằng cách tạo ra thể lưỡng đảng và như thế trong lúc đảng Cần Lao và phong trào Cách mạng Quốc gia đóng vai đảng nắm quyền thì đảng Cộng Hòa Xã Hội của Quát đóng vai đảng đối lập.

Tôi nhận thấy chủ trương như vậy chẳng những rất hay mà còn cần thiết để xây dựng những lề lối và truyền thống dân chủ trong sinh hoạt chính trị quốc gia, cho nên tôi thấy có thiện cảm với chủ trương đó. Khi Quát trình bày với tôi, và nhờ tôi nói với ông Cần và ông Diệm cho phép Quát lập đảng và hoạt động công khai, mặc dù tôi ngại sẽ không được ông Cần, ông Diệm đồng ý, nhưng tôi cũng đến trình bày ý định của Quát cho ông Cần trước.

Ông Cần chăm chú nghe, rồi cho tôi biết rằng về vấn đề này, ông Diệm và ông Nhu đã ra chỉ thị rõ ràng không cho phép bất cứ ai lập thêm đảng phái chính trị.

Ông Cần cũng giải thích rằng chẳng phải là gia đình họ Ngô chủ trương độc tài chuyên chế, nhưng vì nhận thấy quan niệm đối lập của người Việt Nam mình thật là thô sơ và sai lạc, khi nói đến đối lập họ chỉ nghĩ đến việc cướp chính quyền bằng mọi cách, bất chấp hiến pháp luật lệ và những thủ tục dân chủ hợp pháp. Ông Cần đơn cử những trường hợp hoạt động đối lập của Đại Việt, Quốc Dân Đảng. Hai tổ chức này đã có lúc chống đối bằng vũ lực, gây khó khăn cho chính quyền, chẳng ích lợi gì cho quốc gia dân tộc.

Lúc bấy giờ tôi nhận thấy những lời giải thích này có phần đúng, vì trình độ ý thức chính trị của người Việt Nam còn thiếu sót nhiều lắm, các tổ chức chính trị lại đã quen hoạt động bí mật dưới thời chống Pháp, nên về chủ trương, đường lối cơ cấu tổ chức đều không thích ứng được với sinh hoạt chính trị công khai. Ông Diệm cũng còn nghĩ rằng lúc đó phải đối phó với cộng sản là một kẻ thù mạnh và nguy hiểm, ông không thể nào chịu thêm những hỗn loạn và xáo trộn chính trị trong nội bộ quốc gia.

Ông Cần có nói với tôi về dùng lời khéo léo trình bày cho Quát, và khuyến khích các anh em đó nếu muốn tham dự vào sinh hoạt chính trị thì hãy gia nhập đảng Cần Lao và phong trào Cách mạng Quốc gia. Về sau hình như một số các anh em trong nhóm này đã theo lời khuyên đó.

Những gì đúng cho lúc này không hẳn đúng vĩnh viễn. Cái chủ trương độc đảng của ông Diệm trong giai đoạn đầu có thể chấp nhận được, nhưng về sau khi đã củng cố được quyền hành tôi mong ông Diệm mềm dẻo hơn đối với các tổ chức chính trị, cho phép hoạt động đối lập chính trị công khai và hợp pháp, nhưng đã không có dịp nào đề cập đến vấn đề này với ông Diệm. Và lại càng về sau thì quyền hành thực sự của ông Nhu càng lớn lên mà ông

Diệm thì ít chú ý đến, chỉ lưu tâm đến các vấn đề thiết thực, và một trong vấn đề thiết thực đó là vấn đề văn hóa, giáo dục.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 36 -

Thời thịnh đạt nhất của chế độ Diệm

Trong năm 1956, lúc tình hình chính trị tương đối ổn định và công cuộc định cư đã tiến hành đều đặn, tốt đẹp, tôi thu xếp công việc dạy học để đi Mỹ. Trước lúc đi tôi có vào gặp ông Diệm. Lúc này ông Diệm rất vui vẻ vì mọi việc thành công ngoài hy vọng của ông. Pháp và Bảo Đại cùng bọn Tâm Hinh, Bình Xuyên và các giáo phái vừa bị dẹp xong một cách dễ dàng.

Các đảng phái cũng đã thuận phục hay rút vào bóng tôi, và trước mặt ông Diệm tưởng như không còn một trở ngại nào.

Ông Diệm dặn dò tôi:

- Qua các nơi, cha nhớ coi các tòa đại sứ mình làm việc ra sao. Nhân tiện cha dò xem phản ứng của các nước đối với nước mình như thế nào?

Chuyến đi này tôi không có mục đích nào nhất định và rõ rệt ngoài việc thăm viếng các sinh viên mà tôi gửi đi du học. Tôi cũng có ý định tìm hiểu dư luận các quốc gia đối với Việt Nam bây giờ như thế nào, và nếu có thể được, thì vận động các nước giúp đỡ công cuộc định cư được thuận tiện hơn.

Ở Mỹ, dư luận quần chúng, cũng như nhận định của chính giới rất thuận lợi cho Việt Nam và Tổng thống Diệm.

Ông Diệm được coi là một lãnh tụ tài giỏi bậc nhất ở Đôn Nam Á, và tình hình Việt Nam được coi như sáng sủa nhất từ trước đến nay. Quốc hội Mỹ sẵn sàng phê chuẩn những yêu cầu của chính phủ nhằm giúp đỡ Việt Nam, cũng như vì dư luận Mỹ thiện cảm nhiều với Việt Nam và ông Diệm, báo chí Mỹ không chỉ trích chế độ ông Diệm, hay bôi đen tình hình chính trị Việt Nam như chúng ta thấy những lúc sau này.

Nguyên nhân của sự kiện này, không phải nhờ ở hoạt động thông tin quốc ngoại hay nhờ ở Tòa Đại sứ Việt Nam ở Mỹ mà phần lớn nhờ phong trào di cư. Phong trào di cư làm xúc động quần chúng và dư luận Mỹ. Lúc bấy giờ tinh thần chống cộng ở Mỹ lên cao và tôi nhớ hình như đang có một phong trào tố cáo một dân biểu cộng sản, hay thân cộng sản.

Những phái đoàn báo chí, tôn giáo, chuyên viên Mỹ sang Việt Nam giúp đỡ phong trào di cư, lúc trở về đã tường thuật những nỗ lực lớn lao của ông Diệm và chính phủ để định cư hàng triệu đồng bào di cư, làm cho người Mỹ hết sức thán phục và thiện cảm.

Nhắc đến tòa Đại sứ Việt Nam ở Mỹ, tôi phải buồn lòng mà nói rằng ở đây họ không có một hoạt động nào xứng đáng với sự mong đợi của ông Diệm. Họ chỉ làm những công việc giấy tờ nghi lễ và cũng không có một hoạt động nào gọi là thông tin quốc ngoại cả.

Sau khi đi một vòng nhiều quốc gia trở về, tôi được nhân viên phủ Thủ Tướng đón tiếp tại Tân Sơn Nhất, và hẹn vào gặp ông Diệm ngay. Tôi chỉ kịp ghé nơi trọ một lúc rồi theo xe của phủ Thủ tướng đã đón sẵn, vào gặp ông Diệm. Ông Diệm có vẻ nóng nảy muốn biết những nhận xét của tôi về dư luận các nước và về hoạt động của các tòa Đại sứ Việt Nam tại các nước.

Tôi trình bàyb những nhận xét của tôi về dư luận các nước tôi ghé qua, và ông Diệm có vẻ vui mừng khi nghe tôi nói rằng dư luận Mỹ và các nước đều hết sức thuận lợi cho Việt Nam. Nhưng khi tôi nói đến những nhận xét của tôi về toàn Đại sứ Việt Nam, thì ông Diệm từ từ cau mày. Tôi thưa:

- Thưa cụ, các tòa Đại sứ Việt Nam tại các nước chẳng có nơi nào làm việc như ý cụ mong muốn. Nơi nào cũng chỉ làm việc một cách uể oải lầy lệ. Tôi cho rằng sở dĩ có tình trạng đó là vì hai lẽ. Thứ nhất đa số nhân viên các sứ quán Việt Nam đều là người của thời Bảo Đại còn lại, họ chẳng có tinh thần làm việc, cũng không thông hiểu đường lối của cụ và của chính phủ. Họ không phải là những cán bộ ngoại giao mà là những công chức ngoại giao. Họ không hiểu gì về ngoại giao cả. Thứ hai là cách bổ nhiệm đại sứ của cụ làm cho những kẻ đi làm ngoại giao trở thành những kẻ bất mãn, chống lại cụ một cách tiêu cực.

Ông Diệm có vẻ không hiểu cái lý do thứ hai, cau mày hỏi lại:

- Tại làm sao?

- Thưa cụ, cụ đã cử một số người đi làm đại sứ, sau khi cụ không còn dùng họ làm bộ trưởng nữa. Cụ xem trường hợp của hai ông Bùi Văn Thịnh và Nguyễn Đôn Duyệt, mà suy ra thì cụ có thể hiểu ngay. Ông Thịnh trước được cụ cho làm bộ trưởng bộ Tư pháp, đến lúc cụ cất chức bộ trưởng Tư pháp của ông rồi, cho ông đi làm đại sứ Tokyo thì chắc chắn là ông ta buồn lắm. Coi như ông ta bị mất súng ái, bị đi đày vậy, làm sao ông có thể hăng hái làm việc được. Lại như ông Duyệt, trước làm thủ hiến Trung Việt, rồi cụ lại cất chức thủ hiến Trung Việt mà cho đi làm đại sứ Vạn Tượng, thì ông ta cũng nghĩ là ông bị giáng cấp, bị dùng vào một chỗ không xứng tài ông ta, như vậy chắc chắn ông không cách chi làm hết trách nhiệm đại sứ.

Ông Diệm hình như vẫn chưa chịu hiểu:

- Như ông Thịnh, chỉ là một thẩm phán, nay được làm đại sứ thì cũng là làm to lắm rồi còn bất mãn cái nỗi gì?

- Thưa cụ, trước kia ông làm thẩm phán, nhưng chính cụ cất lên làm bộ trưởng Tư pháp. Người ta thường chỉ nhớ đến cái địa vị cao nhất, mới nhất mà quên ngày xưa mình chỉ là bạch diện thư sinh, hay chỉ là thẩm phán.

Lúc bấy giờ ông Diệm mới có vẻ hơi đồng ý với tôi, gật gù:

- Như vậy cha tính sao?

Tôi cũng trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Thưa cụ, hiện nay nước mình chỉ liên quan nhiều đến một số quốc gia. Tại những nơi đó, cụ cần phải chọn lựa được những cán bộ ngoại giao xứng đáng thông hiểu tinh thần và đường lối của cụ, đồng thời có tài năng, giỏi tháo vát, hăng say làm việc. Những nơi đó, theo ý tôi, gần thì có Thái Lan, Cao Miên, Lào. Đó là những nơi số Việt kiều rất đông, từ vài trăm ngàn ở Lào và Thái Lan, đến gần nửa triệu ở Cao Miên. Các đại sứ ở ba quốc gia này phải kiêm nhiệm cả công việc tuyên truyền, tổ chức Việt kiều để lôi cuốn số Việt kiều đông đảo này về với chính phủ mình, và đừng để cho họ chạy theo cộng sản.

Còn ở một vài nước xa hiện đang chú ý đến nước mình và có khả năng giúp đỡ nước mình như Mỹ, Pháp, Anh, Gia Nã Đại, Tây Đức, thì cụ cần phải chọn những đại sứ và các nhân viên thật giỏi trong việc vận động dư luận để

các nước này có thiện cảm với nước mình mà sẵn lòng giúp đỡ mình.

Tôi tin rằng ông Diệm rất lưu tâm đến vấn đề ngoại giao, nhưng về sau tôi đi ngoại quốc không thấy có thay đổi gì nhiều, có lẽ ông không chọn ra người tài, hoặc là vì cái tinh thần chọn người của ông không được đúng cách.

Về sau tôi vẫn thấy nhiều người làm bộ trưởng hay làm tướng, làm đại diện chính phủ Miền rồi khi thôi làm thì lại được ông Diệm cho đi làm đại sứ. Do đó dân chúng lúc bấy giờ đã có câu: được làm vua thua làm đại sứ.

Trong mấy năm sau 1956, thỉnh thoảng tôi vô dinh, nhiều khi làm lễ trong dinh, dùng sáng với ông Diệm, soạn hoặc sửa các diễn văn cho ông Diệm. Có khi ông Diệm trao cho tôi một diễn văn bằng tiếng Pháp do ông Nhu soạn rồi nhờ tôi dịch ra tiếng Việt.

Tôi còn nhớ một chi tiết quanh một diễn văn của ông Diệm. Nhân dịp lễ Trung Thu năm 1956, tôi vào dinh một hai hôm trước. Ông Diệm đang cầm trên tay một diễn văn đã đánh máy, trao cho tôi đọc, cầu nhàu:

- Cha coi, cái diễn văn này 15 thẳng làm mà không ra gì cả.

Võ Văn Hải lúc đó đứng khúm núm bên cạnh, có vẻ lo sợ lắm.

Ông Diệm gọi Võ Văn Hải:

- Nè, mình lại lấy cha Luận đi, rồi nhờ ngài sửa cho.

Quay qua tôi, ông Diệm nói:

- Nhờ cha qua bên phòng Võ Văn Hải, đọc lại cái diễn văn này, thấy có gì đáng sửa, đáng thêm bớt thì cha sửa và thêm bớt giúp.

Tôi sang phòng Võ Văn Hải, đọc lại diễn văn Trung Thu, thấy cũng chẳng đến nỗi tệ gì lắm. Tuy nhiên tôi có sửa đổi vài ba câu, thêm bớt mấy chỗ rồi giao cho Võ Văn Hải cho người đánh máy lại. Ông Diệm chỉ liếc sơ rồi hôm sau lên đọc.

Trong thời gian này, tôi không nhớ rõ vào lúc nào bà Nhu có đưa ra dự luật gia đình, và sắp vận động quốc hội biểu quyết.

Điều chính yếu trong dự luật này là luật một vợ một chồng cấm ly dị. Tôi nhân có dịp gặp ông Diệm trước khi dự luật được biểu quyết, có thưa với ông Diệm.

- Thưa cụ tôi thiết nghĩ là cụ không nên đề bà Nhu đưa ra quốc hội cái dự luật gia đình đó, vì nước mình không cần phải làm luật cấm đa thê và cấm ly dị. Những biến chuyển kinh tế, văn hóa dần dà sẽ dẫn xã hội đến tình trạng một vợ một chồng chứ mình không cần làm luật cấm đoán người ta làm gì, vả chăng luật lệ chỉ hợp pháp hóa phong tục trong xã hội, mà không tạo ra phong tục. Còn về cái điều cấm ly dị thì tôi cũng cho rằng không ích lợi gì mà có thể tạo nên nhiều phản ứng chống đối bất lợi cho chính phủ. Khi vợ chồng thương yêu nhau thì bắt buộc họ cũng không ly dị, còn khi họ ghét nhau thì dù luật pháp có bắt buộc họ sống chung cũng chẳng được. Hơn nữa nước Việt Nam là một nước đa số theo Thiên chúa giáo, cho nên luật cấm đa thê và cấm ly dị không thích hợp lắm. Các nước Tây phương, trừ nước Ý dù đa số theo Thiên chúa giáo vẫn cho phép ly dị. Cụ còn nắm quyền thì luật này còn giá trị, nhưng về sau họ không thích thì họ lại thay đổi ngay.

Ông Diệm có vẻ đã nuôi sẵn nhiều định kiến về vấn đề này, nên không đề ý đến những lập luận của tôi, ông giải thích:

- Nước Việt Nam mình phải đóng vai lãnh tụ Á đông, nhưng lại không thể, hay chưa thể làm lãnh tụ về các phương diện quân sự, kinh tế, khoa học kỹ nghệ được, vậy thì phải đóng vai lãnh tụ trong địa hạt gia đình, vì như thế mình chứng minh và nêu gương tinh thần đạo đức của Việt Nam đối với thế giới Á đông.

Tôi hoàn toàn không đồng ý về cái cách làm lãnh tụ Á đông của ông Diệm. Tôi biện bác:

- Thưa cụ, nói đến Á đông thì rộng quá, nhưng nói đến Đông Nam Á thì Việt Nam có thể đóng vai lãnh tụ đúng như ý cụ muốn. Nhưng có điều là luật gia đình không thể giúp Việt Nam làm việc đó được, cấm đa thê và cả, ly dị đối với xã hội Á đông không phải là một điểm đạo đức lớn, và vi phạm các luật cấm đó không phải là những tội nặng đối với phong tục và luật pháp các quốc gia Á đông. Việt Nam mình có thể làm lãnh tụ Đông Nam Á ở địa hạt khác, chẳng hạn địa hạt văn hóa, giáo dục.

Lúc bấy giờ tôi đã lưu tâm đến các công cuộc phát triển văn hóa giáo dục, và nuôi trong đầu óc một vài ý kiến, nhưng chưa được rõ ràng, nên chưa thể

trình bày với ông Diệm. Đại khái ý kiến của tôi là mở rộng Viện Đại học Sài Gòn, lập thêm một vài Đại học khác ở những nơi đông dân cư như Huế, Đà Lạt v.v...

Tôi cũng đã nghĩ đến việc trao đổi văn hóa, trao đổi các sinh viên với các quốc gia Đông Nam Á, cách riêng đối với Cao Miên và Lào, vì tôi nghĩ đến Việt Nam cấp cho họ một số học bổng chắc chắn là họ sẽ vui mừng mà nhận. Tôi định trình bày nhiều hơn với ông Diệm về vấn đề này trong một dịp khác, nhưng lúc này thấy ông Diệm đã có chủ trương cứng rắn đối với luật gia đình, tôi nghĩ dù có nói gì cũng chẳng ích lợi chi nữa nên thôi.

Ít lâu sau, luật gia đình của bà Nhu được đưa ra trước quốc hội, được biểu quyết nguyên văn, và được ban hành. Ông Diệm, bà Nhu coi luật này như một tiến bộ lớn về mặt đạo đức. Trong dân chúng, nhất là ở Huế, tôi nghe được nhiều nguồn dư luận bất mãn chống đối luật gia đình, nhưng vì mọi người sợ ông Diệm nên chẳng ai dám nói ra, và lại trên thực tế luật này chỉ ảnh hưởng đến một thiểu số giàu sang, phong kiến, còn đa số dân chúng thì chẳng chịu ảnh hưởng gì nhiều.

Bên giòong lịch sử 1940 - 1965

- 37 -

Ông Diệm và văn hóa giáo dục

Từ một quốc gia vừa thoát cảnh chiến tranh, các trường trung tiểu học còn thiếu thốn, ông Diệm đã nỗ lực giải quyết vấn đề giáo dục, và trong thời gian từ 1955 đến 1958 người ta thấy các trường trung tiểu học công tư mọc lên khắp nơi. Đại học Sài Gòn phát triển mạnh mẽ, và đặc biệt ông Diệm đã hoàn toàn đồng ý và tích cực nhúng tay vào việc thành lập Đại học Huế.

Tại Sài Gòn, ngay từ đầu, nghĩa là từ 1959, khi đã ổn định tình hình chính trị, ông Diệm đã nghĩ đến việc đưa Đại học Sài Gòn lên khu Đại học Thủ Đức. Ông cũng nghĩ đến việc thành lập Đại học Huế, và trong những câu chuyện giữa ông Diệm và tôi nhiều lúc ông có nhắc đến dự cần thiết phải thành lập một Đại học Huế.

Vào ngày mùng 3 Tết năm 1957, hình như cuối tháng giêng năm 1957, theo

thường lệ ông Diệm ra Huế dự lễ giỗ cụ Khả. Tôi đến chào ông tại nhà ông Cần, và ngay đầu câu chuyện ông Diệm nói:

- Nay cha, tôi thấy cần phải thành lập tại Huế một viện Đại học lớn, vì hai lý do chính. Thứ nhất là Huế từ trước đã là một trung tâm văn hóa của nước ta. Ở Huế đã có những truyền thống văn hóa sâu đậm, có những cơ sở văn hóa lâu đời, như trường Quốc Tử Giám, các cuộc thi cử Hán học. Dân miền Trung lại hiếu học mà nghèo, có bao nhiêu thanh niên ưu tú muốn lên Đại học mà không thể vào Sài Gòn học tiếp. Thứ hai là hiện nay dân chúng xôn xao đồn đại rằng chính phủ một ngày nào đó có thể bỏ Huế, vì hiện nay Huế không quan trọng lắm về phương diện chính trị, kinh tế. Vậy lập Viện Đại học Huế là chứng minh cách cụ thể với dân chúng, với quốc tế cũng như với bên kia rằng chính phủ nhất định bảo vệ Huế. Huế chỉ cách vĩ tuyến 17 khoảng 100 cây số, lập ở đây một Đại học lớn chẳng khác nào thách đố với bọn cộng sản. Nếu bây giờ tôi quyết định lập Đại học Huế, cha có bằng lòng giúp tôi không?

Tôi vui mừng thật tình. Tôi cũng đã từng nghĩ như ông Diệm, nhưng tôi lưu ý đến vấn đề văn hóa và tình trạng của dân miền Trung hơn là về các lý do chính trị.

- Thừa cụ, nếu tôi có thể làm được việc gì để góp công vào việc thành lập một Đại học ở Huế, thì cụ có thể tin rằng tôi không ngần ngại chút nào.

Ông Diệm thấy tôi nhận lời thì có vẻ mừng, gật gù:

- Vậy thì ít hôm nữa tôi sẽ sai một phái đoàn ra đây để gặp cha, để thảo luận và nghiên cứu các chi tiết cụ thể. Hôm đó câu chuyện tại nhà ông Cần xoay quanh việc thành lập Đại học Huế. Trước mặt ông Diệm những người có mặt tỏ vẻ đồng ý phải thành lập gấp một Đại học tại Huế.

Tin này đồn ra ngoài, nhất là trong giới học sinh trung học các năm cuối và giới trí thức, chính trị ở Huế. Ai cũng tỏ vẻ hân hoan chờ đợi. Nhiều người đến gặp tôi và thúc giục tôi xúc tiến việc đó nhanh chóng để làm sao cho đầu niên khóa tới con em họ có thể vào Đại học ngay tại Huế. Tôi cũng bị lôi cuốn trong bầu không khí phấn khởi đó.

Khoảng một tháng sau, hình như vào cuối tháng giêng, một phái đoàn từ Sài Gòn ra gặp tôi có các ông Ngô Đình Nhu, Bộ trưởng giáo dục Nguyễn Dương Đôn, Viện trưởng Đại học Sài Gòn Nguyễn Quang Trình và những

giáo sư, chuyên viên khác.

Một cuộc họp được tổ chức tại tòa tỉnh Thừa Thiên có tỉnh trưởng và một số trí thức thân hào nhân sĩ địa phương tham dự. Tôi trình bày với mọi người những lý do mà ông Diệm đã đưa ra kèm thêm những lý do thực tế của tôi. Hội nghị thảo luận và đi đến quyết định là vì những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn trong ngành giáo dục, chưa nên làm việc vội vàng hấp tấp quá. Họ nói rằng ở Huế chỉ nên lập một chi nhánh của Viện Đại học Sài Gòn tùy thuộc hoàn cảnh vào Viện Đại học Sài Gòn và Bộ Quốc gia giáo dục. Như vậy Đại học Huế sẽ không thành một đơn vị độc lập mà chỉ là một số các phân khoa đặt dưới quyền Viện Đại học Sài Gòn mà thôi. Tôi được cử làm đại diện cho ông Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn Nguyễn Quang Trình để tổ chức. Tôi không đồng ý nhưng đành khuất phục trước quyết định của đa số.

Mấy hôm lưu lại Huế, phái đoàn đi xem những cơ sở đất đai có thể dùng làm Đại học Huế, như tòa Đại biểu chính phủ, khách sạn Morin, ngân hàng Đông dương vừa được chính phủ mua lại. Phái đoàn về Sài Gòn được mấy hôm thì có nghị định thành lập Đại học Huế, nhưng với các điều khoản đặt Đại học Huế lệ thuộc Viện Đại học Sài Gòn.

Sau hai tháng hoạt động mỗi ngày tôi thấy thêm nhiều khó khăn chỉ vì Huế thì xa Sài Gòn, tôi lại không có đủ thẩm quyền quyết định bất cứ việc gì mà phải phúc trình về Viện trưởng Đại học Sài Gòn, về Bộ Quốc gia giáo dục, rồi lên ông Nhu, ông Diệm. Các thủ tục đó làm cho công việc chậm trễ, làm cả tôi và những người góp sức lúc đầu chán nản dần. Tôi vào Sài Gòn trình bày các khó khăn đó thẳng cho ông Diệm. Tôi nói với ông Diệm rằng ý kiến đầu của ông Diệm là muốn có một Đại học Huế độc lập, lớn, quan trọng để thành một chứng minh và thách đố với thế giới và bên kia, nếu cứ phải chạy quần trong những thủ tục giấy tờ rắc rối và những hành lang của giới giáo dục Sài Gòn, thì không thể đi đến kết quả tốt được. Tôi yêu cầu ông Diệm cho Đại học Huế qui chế riêng biệt và độc lập, và tôi có quyền quyết định mọi việc trong phạm vi ích lợi cho Đại học Huế. Tôi ngỏ ý nếu không được như vậy thì xin ông Diệm chọn người khác, và tôi nhận thấy không thể làm việc trong các điều kiện quá rắc rối như vậy được. Tôi không phải là người có thể đi vòng vo qua bao nhiêu hành lang các bộ sở được mãi.

Ông Diệm đồng ý:

- Cha yên tâm. Tôi đồng ý với cha về những điều đó, và sẽ có nghị định

thành lập Viện Đại học Huế tự trị ngay cho cha, và tôi xin mời cha làm Viện trưởng đầu tiên Viện Đại học Huế.

Tôi trở về Huế ít hôm thì có nghị định thành lập Viện Đại học Huế, đồng thời với sắc lệnh cử tôi làm Viện trưởng.

Bấy giờ tôi xúc tiến nhanh việc tìm trụ sở, lớp học, địa điểm, đồng thời mời các giáo sư ở Huế, Sài Gòn và ngoại quốc về hợp tác. Trong giai đoạn đầu ban giáo sư gồm có mấy người tôi còn nhớ là Lê Tuyên, Lê Khắc Phò, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Trường. Vài tháng sau thêm Lê Thanh Minh Châu và vợ là Tăng Thị Thành Trai.

Ngay niên khóa 1957, Đại học Huế mở các chứng chỉ dự bị như Năng lực Luật khoa, Văn khoa, Khoa học. Ngoài ra nhận thấy việc đào tạo giáo sư trung học và giáo viên tiểu học rất cần thiết cho tình trạng phát triển giáo dục mạnh mẽ hiện nay và tương lai, tôi chú trọng đặc biệt vào Đại học Sư phạm.

Thấy công việc tạm yên, sau khi các lớp đầu mở được một vài tháng cuối năm 1957, tôi và Lê Thanh Minh Châu đi ngoại quốc, với chủ ý nghiên cứu cách thức tổ chức Đại học đồng thời vận động sự giúp đỡ của các quốc gia Đồng minh. Trước hết tôi đến Âu châu, rồi sang Mỹ và Gia Nã Đại.

Tại Mỹ tôi nhận được nhiều sự giúp đỡ thiết thực và tích cực của một vài tổ chức. Tổ chức IRC (Intellectual Rescue Community) giúp đỡ đầu tiên và nhiều nhất bằng cách cấp cho Đại học Huế một khoảng tiền mặt đủ để tăng thêm lương cho mỗi giáo sư 5.000 đồng mỗi tháng. Nhờ đó công việc mời giáo sư giảng dạy tại Đại học Huế được dễ dàng hơn. Tôi đánh điện về nước báo tin vui, và nói với các anh em ở nhà dựa theo tiêu chuẩn lương bổng mới mà mời thêm giáo sư.

Cơ quan thứ hai giúp đỡ quan trọng cho Đại học Huế là Asia Foundation.

Ngoài những ngân khoản dùng để xây cất cư xá sinh viên, tổ chức thể thao, cơ quan này còn cấp nhiều học bổng cho các sinh viên Đại học Huế, và nhờ đó khuyến khích các sinh viên cũng như tăng uy tín cho Đại học Huế.

Một tổ chức thứ ba tuy nhỏ nhưng tích cực giúp đỡ Viện Đại học Huế, là tổ chức New Land Foundation, do giáo sư Burtinguer làm chủ tịch. Ngay trong lần gặp gỡ đầu, giáo sư đã tỏ ra sốt sắng giúp đỡ, và hứa giúp mỗi năm 5.000

Mỹ kim tiền mặt, và sau hai năm tổ chức này tăng lên 7.000 Mỹ kim mỗi năm.

Tôi cũng đến thăm vài Viện Đại học Hoa Kỳ và ở đây tôi cũng nhận được những sự khuyến khích nồng hậu của họ. Hầu hết đều hứa hẹn dành cho Đại học Huế một vài học bổng, và nếu cần gì trong khả năng và quyền hạn của họ thì tôi cứ liên lạc sau, họ sẽ cố gắng giúp đỡ.

Tôi trở về Sài Gòn và vào gặp Tổng thống Diệm trình bày kết quả chuyến đi. Tổng thống rất lưu ý đến Đại học Huế cho nên khi hay tin thêm nhiều tổ chức có thiện cảm và giúp đỡ cụ thể Đại học Huế ông mừng lắm. Riêng ông rất tích cực trong việc mở mang Đại học Huế.

Cần đến điều gì, tôi thường vào Sài Gòn trình bày thẳng với ông và trong hầu hết các trường hợp đều được ông chấp thuận, đôi khi quá mức hy vọng của tôi. Lúc đầu một vài người đưa ý kiến tìm một khu đất rộng ở ngoại ô để lập một khu Đại học Huế thật rộng rãi xứng đáng. Tôi thấy ý kiến này có điều hay, nhưng chỉ ngại tình hình an ninh không được bảo đảm, sẽ làm hỏng tất cả mọi việc, nên đề nghị chọn một vài khu đất rộng còn trống trong thành phố thì hơn. Do đó các cơ sở mới của Đại học Huế được xây cất trên khu đất trống của tòa Khâm sứ cũ, hoặc trên đất Hồ Đắc Trung trước tòa Đại biểu cũ.

Các họa đồ đều do Ngô Viết Thu vẽ rồi trình thẳng lên ông Diệm duyệt. Tôi nhớ một hôm tôi về Sài Gòn, ông Diệm đưa tôi xem họa đồ khu cư xá giáo sư do Ngô Viết Thu vẽ vừa đưa lên. Ngô Viết Thu khi đó cũng có mặt trong phòng. Ông Diệm chăm chú nhìn vào họa đồ, rồi hỏi Ngô Viết Thu:

- Phải có chỗ để phơi quần áo chớ. Chẳng lẽ bắt người ta phơi quần áo đầu giường sao?

Tôi và Ngô Viết Thu đều có vẻ ngạc nhiên, vì không nghĩ ra ông Diệm có thể chú ý đến những việc nhỏ bé như vậy. Điều này chứng tỏ ông Diệm lưu tâm đến đại học Huế chừng nào, và cũng chứng tỏ rằng trong nhiều vấn đề, ông Diệm rất hết sức tỉ mỉ, không hàm hồ như nhiều người chê trách sau này. Ngô Viết Thu phải sửa sơ lại họa đồ, và thêm phòng phơi quần áo cho cư xá giáo sư.

Mỗi lần ra Huế, ông Diệm đều đến thăm đại học Huế, và bàn thêm với tôi về những cách thức củng cố và mở mang đại học Huế. Điều này có lúc gây

ra đòi chút đồ ký từ giới Đại học và giáo dục ở Sài Gòn thời bấy giờ, mà tôi sẽ trình bày trong việc thành lập đại học Y khoa Huế.

Hết năm 1958, Viện đại học Huế có thể gọi là đã trưởng thành về mọi mặt. Các phân khoa hoạt động đều đặn. Bấy giờ tôi bắt đầu nghĩ đến việc mở thêm đại học Y khoa, tôi cho rằng đại học Huế có Y khoa thì mới gọi là đầy đủ được. Tôi từng đọc những bản thống kê về con số bác sĩ trên thế giới, thì thấy rằng tính theo dân số, tỉ lệ các bác sĩ Việt Nam còn kém hơn Phi châu. Ở Việt Nam cứ 30.000 người dân một bác sĩ, trong lúc ở Phi châu, chỉ trên 20.000 dân đã có một bác sĩ.

Một tình trạng khan hiếm bác sĩ trong một quốc gia đang mở mang tai hại đến nhiều thế hệ về sau. Tại nông thôn tình trạng khan hiếm bác sĩ càng rõ rệt. Ở Huế những quận lớn và đông dân cư như Hương Thủy, Cầu Hai không có được một bác sĩ dân sự nào, mặc dầu có những người địa phương tốt nghiệp bác sĩ. Các bác sĩ quy tụ cả vào Sài Gòn và những thành phố lớn. Riêng trong thành phố Huế, con số bác sĩ dân y và những bác sĩ quân y mở phòng mạch riêng ngoài phố cũng không đủ so với dân số Huế.

Tôi đã lưu tâm đến vấn đề khan hiếm bác sĩ, cán sự y tế từ khi về nước. Tôi còn nhớ lúc làm cha xứ Đan Sa ở Quảng Bình tôi đã chứng kiến sự khốn khổ của người dân thiếu hiểu biết y tế, thiếu bác sĩ là như thế nào, vì đó ngay từ khi mới mở Đại học Huế, tôi đã cố gắng thêm những khóa cán sự điều dưỡng và nữ hộ sinh quốc gia.

Nhưng không ai có thể thay thế được những bác sĩ có khả năng, giàu lương tâm chức nghiệp.

Với tất cả những ưu tư đó, vào cuối năm 1958, tôi vào Sài Gòn gặp ông Diệm để trình bày về sự cần thiết phải mở đại học Y khoa Huế. Tôi đưa ra mọi lý lẽ để thuyết phục ông Diệm.

- Thừa cụ, giữa thời đại văn minh này, nhiều làng mạc, thôn xóm Việt Nam, nhiều người Việt Nam vẫn chữa bệnh theo lối đồng bóng phù thủy, cầu thánh. Người ta đã chỉ trích cái tinh thần mê tín dị đoan của dân Việt Nam, nhưng không ai chịu búng cái gốc của sự mê tín dị đoan đó, là vì Việt Nam thiếu hiểu biết về vệ sinh y tế, và thiếu bác sĩ ở nông thôn. Miền Trung vừa nghèo vừa đông dân cư, tình trạng thiếu bác sĩ càng trầm trọng hơn bất cứ nơi nào khác. Tôi thấy cần phải mở đại học Y khoa Huế để đào tạo những sinh viên Huế có khả năng và ham thích Y khoa trở thành những bác sĩ. Hẳn

cụ cũng biết hằng năm đại học Y khoa Sài Gòn chỉ đào tạo được vài chục bác sĩ, trong số đó một phần đã phải vào ngành quân y. Hằng năm có đến hàng ngàn sinh viên thi vào Y khoa, nhưng đều bị loại không phải vì họ thiếu khả năng, không đúng tiêu chuẩn nhưng chỉ vì mức thu nhận của đại học Y khoa Sài Gòn quá ít ỏi. Bây giờ dù có mở thêm đại học Y khoa Huế chúng ta cũng không sợ thiếu sinh viên, hay ứ đọng bác sĩ...

Cụ Diệm có vẻ hết sức lưu tâm đến vấn đề. Cụ đồng ý với những lập luận của tôi, gật gù hứa hẹn:

- Cha nói đúng. Nước mình thiếu bác sĩ một cách trầm trọng. Tôi đã lưu ý đến tình trạng này từ lâu, nhưng vấn đề hết sức quan trọng, lại nặng tính cách chuyên môn quá nhiều nên tôi không thể đơn phương quyết định được. Tôi hứa với cha sẽ đưa vấn đề ra thảo luận trong một hội đồng nội các gần nhất. Riêng tôi, hoàn toàn ủng hộ đề nghị của cha.

Tôi ra về, có vài phần tin tưởng.

Ba tuần sau chẳng thấy tin tức gì, tôi lại vào Sài Gòn và đến gặp Tổng thống. Tổng thống cho biết rằng vấn đề đã được đưa ra một hội đồng nội các cách đây 10 hôm, nhưng các ông bộ trưởng đều bác bỏ, sau khi tham khảo giới đại học Y khoa Sài Gòn.

- Thưa cụ, họ viện ra những lý do gì để bác bỏ?

- Tôi cũng thấy những lý do họ đưa ra không vững vàng chi lắm, nhưng nó chứng tỏ rằng họ không muốn có thêm một đại học Y khoa. Họ nói rằng cả nước Việt Nam chỉ cần có một đại học Y khoa là đủ lắm rồi.

Tôi bực tức hết sức:

- Thế nào gọi là đủ được, thưa cụ. Phi châu cứ 20.000 dân đã có một bác sĩ, trong lúc Việt Nam tự hào có bốn ngàn năm văn hiến, cụ lại đương có dự tính làm cho nước Việt Nam đóng vai lãnh tụ Đông Nam Á mà trên 30.000 dân mới có được một bác sĩ, thì gọi là đủ làm sao được. Hơn nữa như cụ hiểu hơn ai hết, các bác sĩ phần lớn đều quy tụ vào các thành phố lớn, còn ở nông thôn có khi cách hàng chục cây số chưa tìm ra được một bác sĩ. Ngày xưa dân chúng còn chữa trị bằng thuốc bắc, thuốc nam được là nhờ các cụ đồ nho tham khảo sách Tàu được, nay lớp người đó đã quy tiên, lớp trẻ lớn lên không hiểu chữ Nho, những thầy thuốc Bắc ngày nay càng ngày càng

suy đồi về nghề nghiệp, chỉ còn giữ được vài phương thuốc gia truyền. Nhiều khi họ chữa trị bậy bạ, làm hại cho sức khỏe của dân chúng hơn là làm lợi.

Ông Diệm có vẻ thông cảm với sự bức tức của tôi, bình tĩnh giải thích:

- Ngoài lý do trên đây, họ còn viện lẽ rằng hiện nay số bác sĩ giảng viên Y khoa của Việt Nam rất thiếu, may lắm vừa đủ cung ứng cho đại học Y khoa Sài Gòn, mà không thể nào cung ứng thêm cho một đại học Y khoa thứ hai nào khác. Nếu mở đại học Y khoa Huế, chả lấy đâu ra bác sĩ giáo sư.

- Thừa cụ, tôi đồng ý là chúng ta thiếu giáo sư, không những về Y khoa, mà về mọi ngành đại học khác. Nhưng không lẽ vì thấy thiếu rồi chúng ta không làm gì cả, không mở đại học kỹ thuật, đại học khoa học v.v...? Chúng ta phải tìm cách để giải quyết những khó khăn đó. Chẳng hạn chúng ta có thể yêu cầu những quốc gia Đồng minh giúp cho chúng ta một số giáo sư Y khoa...

Ông Diệm có vẻ đồng ý hơn với tôi:

- Cha ngồi chờ một lát tôi gọi ông Bộ trưởng Quốc gia giáo dục và hỏi qua ý kiến một chút.

Ông Diệm nhắc điện thoại gọi ông Trần Hữu Thế, lúc bấy giờ vừa thay Nguyễn Dương Đôn làm Bộ trưởng giáo dục. Chỉ vài phút sau thì ông Thế vào.

Ông Thế không có thêm ý kiến mới lạ nào, ngoài những điều đã đưa ra trong hội đồng nội các mười hôm trước nhằm bác bỏ việc thành lập đại học Y khoa Huế. Ông Diệm nói:

- Sau khi bàn với cha Luận, tôi thấy có thể mở đại học Y khoa Huế, và đã quyết định thành lập đại học Y khoa. Ông Bộ trưởng cho thảo sắc lệnh mai đem lên tôi ký.

Ba người ngồi lại thảo luận thêm một chút. Ông Diệm hỏi tôi:

- Bây giờ cha đã có sắc lệnh rồi, cha làm cách nào mở được đại học Y khoa Huế?

Ông Thế có vẻ cũng muốn hiểu điều đó. Tôi đã có chủ ý rồi.

- Thừa cụ, hôm nay có sắc lệnh, không phải là ngày mai có liền một đại học Y khoa. Nhưng sắc lệnh đó cho tôi một căn bản để hoạt động, kêu gọi các tòa Đại sứ, các nước Đồng minh, các Viện đại học Y khoa lớn trên thế giới giúp đỡ mình, cũng như để có căn bản mời những bác sĩ giáo sư Việt Nam ở ngoại quốc về nước. Có thể là hôm nay có sắc lệnh, nhưng năm sau hay lâu hơn nữa mới có thể mở được. Nhưng nếu hôm nay không có sắc lệnh còn nói chi đến chuyện có một Viện đại học Y khoa Huế.

Ông Diệm và Trần Hữu Thế có vẻ đồng ý điều đó. Ông Diệm gật đầu:

- Được rồi ngày mai cha sẽ có sắc lệnh.

Quả thực ngày mai vào phòng ông Diệm, tôi đã thấy sắc lệnh thành lập đại học Y khoa Huế để trên bàn làm việc của ông Diệm. Ông Diệm trình trọng cầm sắc lệnh trao cho tôi, nhìn tôi một lúc lâu:

- Tôi đặt hết tin tưởng vào nơi cha, nhưng tôi lo sợ cha làm không thành thì bọn trí thức Sài Gòn, nhất là giới Y khoa ở đây, chẳng những cười cha mà còn chê tôi nữa. Cầu chúc cha thành công.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức mình, và tin rằng sẽ thành công, nhưng mọi việc còn nhờ cụ nhiều lắm.

Tiến tôi ra cửa, ông Diệm còn căn dặn:

Những gì trong phạm vi khả năng của tôi, chắc chắn là tôi không từ chối đâu, nhưng tôi thấy công việc thật là khó khăn.

Đã có sắc lệnh trong tay, tôi đi gặp các tòa Đại sứ, phần nhiều được các tham vụ văn hóa các tòa Đại sứ này đón tiếp nồng hậu, ghi nhận sự thông báo và yêu cầu của tôi, và nơi nào cũng hứa sẽ nghiên cứu rồi tìm cách giúp đỡ sau. Người thứ nhất mà tôi đến tìm gặp là ông Costler, Phó Giám đốc cơ quan Viện trợ Hoa Kỳ. Ông tỏ vẻ hiểu biết, cho tôi biết rằng Hoa Kỳ có thể giúp đỡ Việt Nam rất nhiều về mặt khoa học kỹ thuật nhưng không thể giúp gì cho Y khoa được. Từ ba năm nay Hoa Kỳ cũng rất muốn giúp đỡ Y khoa Việt Nam phát triển nhưng vì sự cạnh tranh giữa hai khuynh hướng Pháp và Mỹ nên đành bó tay.

Tôi hứa với ông là trong đại học Y khoa Huế tương lai vấn đề cạnh tranh ảnh hưởng giữa Pháp và Mỹ sẽ không được đặt thành. Ông hứa sẽ nghiên cứu sự yêu cầu giúp đỡ của tôi và sẽ thông báo kết quả cho tôi sau.

Nơi thứ hai mà tôi tìm đến là tòa Đại sứ Pháp.

Ông tham vụ văn hóa tòa Đại sứ Pháp trả lời cho tôi biết rằng Pháp hiện đã dốc các nỗ lực giúp cho đại học Y khoa Sài Gòn, và thấy khó có thể giúp thêm cho đại học Y khoa Huế, vì vậy không thể hứa điều gì ngay lúc này, nhưng sẽ nghiên cứu và cho biết sau.

Tôi đến tòa Đại sứ Tây Đức, và được ông Đại sứ là ông Von Wenland tiếp cách nồng hậu, niềm nở. Ông Đại sứ cho biết rằng vấn đề khó khăn, tế nhị vì ở Đức quyền các tiểu bang khá lớn, và quy chế tự trị đại học có tính cách gần như tuyệt đối. Chính phủ liên bang dù muốn làm việc gì cũng phải được sự đồng ý của tiểu bang và của các Đại học.

Tuy nhiên ông hứa sẽ tìm mọi cách giúp đỡ tôi trong việc thành lập đại học Y khoa Huế. Ông cho biết tuần sau ông sẽ cử một cố vấn văn hóa ra Huế xem xét và nghiên cứu.

Tôi về Huế được một tuần thì ông bác sĩ Jacob cố vấn văn hóa tòa Đại sứ Đức ra thăm tôi và thảo luận về những chi tiết thành lập đại học Y khoa. Ngoài ra tôi cũng dẫn ông đến quan sát bệnh viện trung ương Huế.

Lúc tôi trở vào Sài Gòn, ông hỏi tôi:

- Tôi rất thiện cảm với chương trình của cha nhưng xin cha cho biết việc đầu tiên mà nước tôi có thể giúp cha là việc gì?

- Tôi đã có sắc lệnh, nhưng chính tôi cũng chưa biết phải làm gì, bắt đầu từ chỗ nào. Vậy việc đầu tiên và dễ dàng mà tôi yêu cầu tòa Đại sứ Đức giúp cho là phái sang đây một giáo sư đứng tuổi, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và tổ chức đại học Y khoa. Ông sẽ sống ở đây với tôi vài tháng, để quan sát và nghiên cứu rồi phúc trình về tòa Đại sứ và về nước Đức, đồng thời ông có thể làm cố vấn cho tôi.

Bác sĩ Jacob đồng ý, và cho rằng việc đó có lẽ không khó khăn lắm và sẽ được chấp thuận dễ dàng.

Hai tháng sau, bác sĩ Krainick, giáo sư thạc sĩ đứng tuổi, từng giảng dạy tại đại học đường Y khoa Freiburg, được chính phủ và Bộ ngoại giao Đức phái đến Huế. Ông lưu lại Huế 2 tháng hơn, làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế và nhận định rằng bệnh viện này đủ điều kiện cung cấp những phương tiện nghiên cứu cho một đại học Y khoa.

Ông làm phúc trình lên tòa Đại sứ Đức, với đề nghị là Đức nên giúp đỡ Việt Nam thành lập đại học Y khoa Huế. Các nhận định của ông trong bản phúc trình hết sức thuận lợi. Ông đề nghị với tôi là sau khi ông về nước Đức vài tháng, tôi nên sang Đức, đi vận động các tiểu bang và các Đại học, vì ông cho tôi biết như Đại sứ Đức đã nói, quyền các tiểu bang và các đại học ở Đức rất lớn.

Tôi vào Sài Gòn trình bày những kết quả và đề nghị là có thể xúc tiến ngay công việc xây cất trường sở. Tôi xin một ngân khoản 5, hay 6 triệu đồng để mở những cơ sở đầu tiên, chuẩn bị mở lớp thứ nhất vào năm học tới. Ông Diệm đồng ý nhưng nói rằng hiện nay không còn một ngân khoản nào có thể rút ra được để bỏ vào đại học Y khoa Huế. Tôi đề nghị cho tôi lấy tiền lời xổ số kiến thiết liên tiếp 8 kỳ. Ông Diệm đồng ý và số lời 8 kỳ xổ số kiến thiết được khoảng 6 triệu. Tôi có thể bắt đầu xây cất những cơ sở đầu tiên ngay.

Công việc được giao cho nhà thầu, xây theo họa đồ của Ngô Viết Thu. Tôi và Lê Khắc Quyến đi Đức rồi sang Ba-Lê sau. Đại sứ Việt Nam tại Bonn là Hà Vĩnh Phương hết sức hăng hái giúp đỡ tôi, đích thân trông nom việc tổ chức thăm viếng các nơi. Trước hết tôi đến gặp ông Giám đốc viện trợ hải ngoại, nằm trong Bộ ngoại giao Đức. Bộ này phụ trách mọi công việc viện trợ ngoại quốc. Ông này cho biết Bộ ngoại giao và chính phủ Đức đã nhận được phúc trình của giáo sư Krainick, và hết sức sẵn lòng giúp đỡ tôi trong việc thành lập đại học Y khoa Huế, nhưng cho tôi biết rằng chính phủ liên bang không thể bổ nhiệm các giáo sư y khoa, vì các giáo sư Y khoa nằm trong quyền điều động của các đại học tự trị. Ông khuyên tôi đến thăm các đại học lớn ở Đức, và thuyết phục các đại học này bảo trợ cho đại học Y khoa Huế. Ông còn cho biết rằng bất cứ giáo sư Y khoa nào đồng ý sang giảng dạy ở Huế, sẽ được chính phủ trung ương đài thọ lương bổng và mọi đề nghị của họ về việc trang bị dụng cụ y khoa sẽ được chính phủ thỏa mãn.

Trước hết tôi đi thăm Cologne và đại học Y khoa ở đó. Tôi được Viện trưởng tiếp đãi niềm nở, nhưng cho biết rằng đại học Cologne nhỏ bé, lại đã bảo trợ cho một đại học ở Phi châu, vì nơi đó là cựu thuộc địa của Đức, nên chỉ có thể giúp đỡ một cách khiêm tốn là cấp học bổng cho các bác sĩ Việt

Nam nào muốn làm giáo sư.

Tôi sang thăm đại học Tự Do Bá Linh ở Tây Bá Linh, gặp Viện trưởng và Khoa trưởng Y khoa, nhưng ở đây họ cũng trình bày các lý do tương tự như ở Cologne và cũng đề nghị cách giúp đỡ tương tự. Tại Heidenburg, Stugrat người ta cũng nói tương tự như vậy. Tôi chỉ còn trông cậy vào đại học Freiburg, là nơi giáo sư Krainick làm giáo sư.

Ở đây tôi được đón tiếp đặc biệt, vì đã được giáo sư Krainick về trước mấy tháng vận động cho. Tôi được hướng dẫn đến gặp Thủ tướng tiểu ban là ông Keisinger (sau này làm Thủ tướng Tây Đức). Freiburg thuộc tiểu bang Baden Baden. Ông Keisinger hứa sẽ giúp đỡ Đại học Y khoa Huế.

Có một chi tiết đáng nhớ là trong cuộc tiếp xúc chúng tôi nói chuyện qua một thông ngôn, nhưng sau, trong một buổi tiệc, ông Keisinger nói chuyện bằng tiếng Pháp và nói rất giỏi. Tôi hỏi lý do thì được biết rằng sở dĩ trong cuộc tiếp xúc chính thức, ông sử dụng thông ngôn là vì vấn đề nghi lễ, thủ tục.

Tôi đến gặp Tổng Giám Mục Freiburg, vì biết rằng ở đây Đức Tổng Giám Mục có ảnh hưởng lớn trong giới đại học. Tại đại học đường Freiburg có phân khoa thần học, đều do các linh mục dạy và các linh mục này đều được Tổng Giám Mục đề cử. Viện trưởng vừa từ chức là một linh mục, và hiện vẫn còn có nhiều ảnh hưởng trong giới đại học.

Đức Tổng Giám Mục rất thiện cảm với những nỗ lực của tôi và hứa sẽ hết sức giúp đỡ trong phạm vi khả năng và ảnh hưởng của ngài.

Riêng đại học Y khoa Freiburg thì Viện trưởng và Khoa trưởng đồng ý để đại học Y khoa Freiburg bảo trợ cho đại học Y khoa Huế, trong năm đầu sẽ cung cấp 3 giáo sư, và để khích lệ giáo sư, những năm giảng dạy ở Huế cũng vẫn được tính vào thâm niên công vụ như là dạy ở Freiburg vậy. Ngoài ra đại học Freiburg sẵn sàng huấn luyện cho các bác sĩ trở thành giáo sư Y khoa.

Tôi có ghé Thụy Sĩ và thăm đại học Công giáo nhưng không được sự giúp đỡ nào đáng kể.

Như thế chuyến thăm Đức của tôi có thể coi như thành công. Tôi đi Ba-Lê với ý định tìm một bác sĩ giáo sư người Việt Nam có tiếng, có tài để về làm

khoa trưởng Y khoa đầu tiên của đại học Y khoa Huế. Tôi có biết bác sĩ Lê Tấn Vĩnh, một giáo sư thạc sĩ nổi tiếng hiện làm trong phòng nghiên cứu của giáo sư Lelong tại đại học Y khoa Ba-Lê. Tôi trình bày với ông mọi dự tính của tôi và cố gắng thuyết phục ông. Ông Vĩnh đồng ý nhưng cho biết rằng ông bận những công việc nghiên cứu quan trọng ở Pháp và không thể mất cơ hội hiện có này, nên chỉ có thể về Việt Nam mỗi năm 6 tháng mà thôi.

Ông Vĩnh nói rằng muốn cho ông có thể về nước được thì tôi phải gặp và thuyết phục giáo sư Lelong.

Tôi đến gặp giáo sư Lelong, trình bày mọi việc khẩn khoản mời giáo sư Vĩnh, ông Lelong tỏ ra hết sức quý mến ông Vĩnh, và cho tôi biết rằng Việt Nam có một người như ông Vĩnh, nhưng nếu ông Vĩnh từ bỏ những công cuộc nghiên cứu hiện ông đang theo đuổi thì chẳng những thiệt hại cho Việt Nam mà thiệt hại cả cho thế giới. Tuy nhiên ông cũng đồng ý để cho ông Vĩnh về Việt Nam mỗi năm sáu tháng.

Tôi về Việt Nam, và vẫn tiếp tục liên lạc thường xuyên với đại học Freiburg và bác sĩ Lê Tấn Vĩnh. Vài tháng sau bác sĩ Vĩnh về Huế và giữ chức khoa trưởng Y khoa đầu tiên. Ngày nay sở dĩ ít ai nhớ đến ông Vĩnh là vì ông làm khoa trưởng Y khoa được vài tháng thì bị bệnh, phải trở sang Pháp để chữa trị. Thực ra bên trong còn nhiều uẩn khúc, mà tôi ngần ngại không muốn nói ra, sợ làm mất lòng một số người. Nhưng tôi thiết nghĩ cần phải nói lên, để lưu ý những người có trách nhiệm về sau. Quả thực ông Vĩnh bị bệnh, nhưng đó không phải là nguyên nhân chính buộc ông từ bỏ đại học Y khoa Huế vĩnh viễn.

Sau mấy tháng làm khoa trưởng, ông Vĩnh cố gắng hết sức, nhưng gặp phải sự đố kỵ của giới Y khoa Sài Gòn, làm cho ông buồn bực, chán nản. Ông tưởng rằng về nước với tất cả thiện chí, ông có thể giúp ích cho nước nhà, và ít nhất cũng được các đồng nghiệp hiểu cho điều đó, không ngờ chỉ gặp sự đố kỵ, ghen ghét, tị hiềm. Tính ông không muốn rơi vào những mưu mô, những vận động đen tối, nên nhân có bệnh, ông rời Huế và về sau báo tin cho tôi biết ông quyết định từ chức, yêu cầu tôi chọn người thay thế.

Niên khóa 1959 lớp dự bị Y khoa đầu tiên của đại học Y khoa Huế khai giảng. Các giáo sư đã tạm đủ để phụ trách lớp này nhưng trường sở còn thiếu nhiều lắm. 6 triệu tiền lời xổ số kiến thiết chưa đủ vào đâu. Tôi vào Sài Gòn trình bày cho ông Diệm, và được cấp thêm 10 triệu, nhưng khi tính vào các khoản vẫn thấy thiếu.

Tôi đến gặp ông Seabern, đại sứ trưởng phái bộ Gia Nã Đại trong Ủy hội kiểm soát đình chiến. Ông Seabern mừng rỡ cho tôi biết rằng tôi đến thật đúng dịp may, Gia Nã Đại vừa cấp 30 triệu đồng Việt Nam trong khoản thặng dư tiền bán lúa mỳ năm nay nhưng chưa sử dụng vào việc gì. Ông cho biết thêm rằng Đức cha Ngô Đình Thục có xin được cấp ngân khoản đó để dùng vào đại học Đà Lạt, nhưng chính phủ Gia Nã Đại cho rằng đại học Đà Lạt là một đại học tư thục Công giáo, nước ông lại là nước vừa Công giáo, vừa Tin lành, cho nên chính phủ không muốn mắc tiếng là thiên vị tôn giáo nào. Ông sẵn sàng cấp 25 triệu cho đại học Y khoa Huế và 6 triệu cho đại học Khoa học để xây một giảng đường lớn. Tôi cũng muốn nhắc lại là mặc dù từ lúc đầu phái bộ viện trợ Mỹ hứa giúp đỡ, nhưng trên thực tế mãi hai năm sau khi đại học Y khoa hoạt động, Mỹ mới bắt đầu giúp đỡ, trang bị các phòng thí nghiệm và cấp 60 triệu xây cất thêm trường đại học Sư phạm và trường trung học kiểu mẫu.

Kết thúc phần trình bày sự thành lập đại học Huế tôi nhận định rằng trong những năm 1957-1962, đại học Huế đã phát triển mạnh và ổn định chính trị ở Việt Nam làm cho các nước Đồng minh tin tưởng vào tương lai Việt Nam, nên sẵn sàng giúp đỡ cho Việt Nam mà không sợ phí.

Yếu tố thứ hai, là ông Diệm đặc biệt chú ý đến việc thành lập củng cố và phát triển đại học Huế. Trong phạm vi phương tiện và khả năng của ông, tôi nhận thấy ông Diệm đã không ngần ngại một việc gì để giúp cho đại học Huế lớn mạnh. Ông có thể sai lầm về chính trị, nhưng những nỗ lực phát triển văn hóa, điển hình là thành lập và mở mang đại học Huế, thì tôi thấy cần phải công tâm và nhận định rằng ông Diệm đã có công đáng kể. Biết bao nhiêu người quyền hành trong tay đã không làm được như ông Diệm.

Những năm 1956-1961 là những năm cực thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Lúc bấy giờ Việt cộng chỉ bắt đầu khuấy phá một vài nơi, và phần lớn chỉ là những sự phá hoại, giật mình, đánh lén những đồn bót hẻo lánh. Tuy nhiên lúc này ông Diệm đã chú ý đến mối đe dọa của cộng sản, cho nên một mặt ông tung ra phong trào tố cộng, mặt khác bắt đầu thực hiện kế hoạch áp chiến lược.

Uy quyền ông Diệm quá lớn nhưng thuộc hạ chẳng mấy ai là người tài giỏi hay có tư cách vững chãi, cho nên mọi quyết định ông Diệm đưa ra chẳng bao giờ có ai cản trở hay can gián.

Chung quanh chiến dịch tố cộng thời bấy giờ, tôi nhận thấy nhiều lạm dụng, lạm quyền, vu khống, oan ức.

Nhưng bởi vì tôi không nắm đầy đủ mọi sự kiện, lại không có thẩm quyền gì, nên không thể đưa ra ý kiến trái ngược nào với ông Diệm hoặc ông Nhu. Tôi nghe nói lại một vài nơi ở thôn quê, cách thức tố cộng đã học đòi lối tố khổ, đấu tố của cộng sản.

Các giáo sư trong Viện đại học Huế, cũng được phân phát những tài liệu học tập tố cộng, nhưng vì tôi không đặc biệt quan tâm, cho nên họ cũng hội họp bàn bạc lấy lệ, không có tính cách bắt buộc ai cả.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 38 -

Chế độ bắt đầu nứt rạn

Vào năm 1961 tôi bắt đầu nghe những luồng dư luận bất mãn đối với Tổng thống Diệm trong nhiều thành phần dân chúng.

Ít ai dám chỉ trích lớn tiếng, nhưng nhiều lúc tôi nhận thấy nhiều người khi phải nghe ca tụng suy tôn đã lấy làm ngượng ngập, khó chịu.

Sự bất mãn đó đã có cơ hội xuất hiện trong biến cố 1-1-1961. Vụ đảo chánh hụt năm đó không phải chỉ lôi cuốn được một số sĩ quan bất mãn mà thôi, mà còn kéo theo nhiều nhà trí thức, và giả sử trong thời gian cô lập được dinh Độc Lập, sử dụng được đài phát thanh, họ chỉ cần biết dùng đài này để đưa ra một vài đường lối xã hội thật táo bạo, thì tình thế đã có thể thay đổi ngay lúc bấy giờ không cần chờ đến 1963. Nhóm đảo chánh cũng không chú trọng đến công việc xáo động quần chúng.

Xáo động quần chúng là một việc làm dễ nếu biết và dám làm, nhưng rất khó nếu không hiểu tâm lý và những phản ứng quần chúng. Hơn nữa thời bấy giờ dân chúng đang sống yên ổn, thịnh vượng cho nên ít ai muốn xáo trộn. Sự bất mãn chỉ mới bắt đầu trong số trí thức không được trọng dụng, hay trong một số người sáng suốt nhận thấy trước con đường cụt mà chế độ đang đi dần vào.

Tôi đã thấy buồn cười khi nghe những hô hào hiệu triệu ngậy ngô trên đài phát thanh. Tôi không nhớ rõ vì một công việc gì liên quan đến đại học Huế tôi có việc vào Sài Gòn trước ngày 1-11-1961 vài hôm và đêm đó tôi đang ở tại một nhà gần dinh Tổng thống Diệm và ông Nhu không có vẻ lo sợ gì cho lắm.

Các đơn vị Liên binh phòng vệ phủ Tổng thống tuy chỉ được võ trang bằng những loại vũ khí nhẹ, nhưng rất trung thành không một nhóm nào bị lung lạc. Quân đội nói chung đã không có đơn vị lớn nào ngã về phe đảo chánh. Ngay sáng hôm sau những điện tín bày tỏ sự trung thành được tập nập gửi đến ông Diệm, sáng ngày 2-11 tôi làm lễ tạ ơn trong dinh. Ông Diệm, ông bà Nhu và đầy đủ những người thân cận tham dự buổi lễ đó. Ông Diệm cũng tin tưởng ở cái thiên mệnh mà ông coi như được chúa giao phó cho ông.

Biên cố này không thay đổi tình thế bề ngoài nhưng đã làm cho ông Diệm, ông Nhu bà Nhu và nhiều thuộc hạ thân tín trở nên độc đoán hơn. Những vụ thanh trừng, bắt bớ tiếp theo sau hẳn là đã có tác dụng dâng cao thêm sự bất mãn trong nhiều thành phần dân chúng.

Đặc biệt, nó làm cho nhiều người thấy rằng chế độ ông Diệm không phải là một chế độ không thể lật đổ được, và điều đó có lẽ làm cho nhiều người nghĩ đến câu tục ngữ: thua keo này bày keo khác.

Sáng hôm sau, dân chúng, nhiều đoàn thể, nhiều đại diện các cơ quan vội vàng kéo vào dinh hoan hô và bày tỏ sự ủng hộ đối với ông Diệm. Tôi vì tò mò đứng núp sau một chiếc cột trước dinh nhìn đám đông đang kéo vào chật sân trước dinh. Tôi thoáng thấy ông bà Nhu cũng nấp sau một chiếc cột khác ở góc dinh nhìn ra. Ông Diệm từ trong phòng bước ra đón nhận những lời hoan hô. Mặt ông hớn hờ, kiêu hãnh. Khi đi ngang chỗ tôi đứng nấp, ông cau mày hỏi: - Sao cha lại ra đây? Ý ông hình như muốn trách tôi tại sao tôi lại ra đây để đón nhận và hưởng những sự hoan hô, ủng hộ đáng lẽ chỉ dành riêng cho ông. Tôi khó chịu và bỏ vào trong lập tức. Tôi hiểu thêm một khía cạnh của con người ông Diệm: tự kiêu, độc đoán, khó dùng ai được. Sự kiện nhỏ mọn này bắt đầu làm cho tôi suy nghĩ nhiều hơn và từ đó về sau, trước mọi việc làm của ông Diệm, tôi suy nghĩ đắn đo, và thường tìm ra hai lối giải thích, một lối không lợi gì cho ông.

Cũng từ đây, tôi bớt thân với ông Diệm. Mặt khác những công việc quanh đại học Huế đã ổn định, điều hòa, tôi ít cần phải vào dinh để yêu cầu ông Diệm trực tiếp giúp đỡ hay giải quyết một vấn đề gì quan trọng. Cũng từ đây

tôi chỉ chú ý đến những công việc của đại học Huế, nó đã vững, tôi cố làm cho nó mạnh.

Có lẽ vì tâm trạng đặc biệt mà những biến cố dồn dập năm 1963 làm cho tôi hơi ngỡ ngàng. Năm đó, Đức cha Ngô Đình Thục đã được giữ chức Tổng Giám Mục địa phận Huế, và nghe nhiều tin đồn nói rằng có những cuộc vận động để đưa Đức cha Thục lên làm Hồng Y đầu tiên của Việt Nam. Tôi cũng chẳng quan tâm nhiều đến việc này.

Vào khoảng tháng ba 1963 nhiều ông Dân biểu, Tổng trưởng và những người tai mắt trong chính quyền thời đó đã tổ chức một Ủy ban mừng lễ Ngân khánh (25 năm thụ phong Giám mục) của Đức cha Thục. Ủy ban này bắt đầu quyên tiền khắp nước. Tôi nghĩ là ngoài số người muốn tìm cơ hội để xu nịnh, lợi dụng cơ hội tăng công với họ Ngô, cũng có một số người công giáo thành tâm muốn bày tỏ lòng kính mến khâm phục đối với Đức cha.

Khi còn làm Giám mục địa phận Vĩnh Long, Đức cha Thục đã làm được nhiều việc hữu ích cho địa phận và cho dân chúng trong vùng. Sự kính mến khâm phục thành thật đối với Đức cha Thục không phải là không có và số người thành thật không phải là ít.

Trong việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh Đức cha Thục (nhằm ngày 29-6-1963) có vài chi tiết làm tôi chú ý.

Một buổi sáng cuối tháng ba, vào khoảng 7 giờ, Đức cha Thục đến gặp tôi tại nhà riêng, và nói thẳng với tôi:

- Cha Luận à, bây giờ các anh em ở Sài Gòn có lập một Ủy ban tổ chức mừng lễ Ngân khánh của tôi, do ông Chủ tịch quốc hội đứng đầu, gồm cả ông Bộ trưởng giáo dục Nguyễn Quang Trinh và Viện trưởng đại học Sài Gòn Lê Văn Thới với vài ông Bộ trưởng nữa. Cha là Viện trưởng đại học Huế, cha nên vào trong Ủy ban đó.

Ngay lúc này, tôi cho rằng mình đứng vào ban tổ chức mừng lễ Ngân khánh Đức cha Thục cũng là một việc tự nhiên. Tôi chỉ hơi ngạc nhiên về cái việc là đích thân Đức cha lại đến gặp tôi nói chuyện đó. Tôi nghĩ là đáng lý một người nào đó trong Ủy ban tổ chức sơ khởi bàn với tôi việc đó thì đúng hơn.

Tôi im lặng một lúc rồi thưa: - Thưa Đức cha, cố nhiên con có bồn phận

giúp vào việc tổ chức lễ Ngân khánh của Đức cha. Trước đây khi chưa nghe nói đến Ủy ban, con đã có ý định làm vài công việc nhỏ để mừng lễ Ngân khánh của Đức cha.

Đức cha Thục lần đó chỉ nói với tôi thế thôi, rồi ra về. Tôi nhân danh Viện trưởng viện đại học Huế viết thư cho ông Chủ tịch quốc hội (Trương Vĩnh Lễ) hỏi về Ủy ban tổ chức mừng lễ Ngân khánh Đức cha Thục và tỏ ý sẵn sàng gia nhập Ủy ban này. Tôi thông báo cho ông biết rằng vì Huế xa xôi tôi lại bận bịu nên cử một đại diện vào hợp tác trực tiếp với Ủy ban là ông Nguyễn Hạnh.

Tôi cho Nguyễn Hạnh tới tiếp xúc với Ủy ban. Ông Hạnh có viết thư về cho tôi biết là Ủy ban có tổ chức một bữa tiệc với điều kiện là mỗi người 5000 đồng. Ông Hạnh được giao cho 20 phần ăn, và chỉ tìm được 10 người (những thương gia ở Chợ Lớn) đóng tiền dự tiệc, còn 10 phần ăn còn lại thì ông phải nhận hết và đóng tiền.

Vào tháng tư tôi nhận thấy những công việc chuẩn bị mừng lễ Ngân khánh của Đức cha Thục tiến đến một qui mô quá rộng lớn có hy vọng thành một quốc lễ chính thức. Các tỉnh cũng lập một tiểu ban tổ chức mừng lễ Ngân khánh và dĩ nhiên do ông Tỉnh trưởng đứng đầu, cũng có những trò đi quyên góp tiền bạc, và tất nhiên là xảy ra nhiều trường hợp cưỡng bách, hay ít ra áp lực đóng tiền cho tiểu ban.

Dư luận dân chúng bắt đầu xôn xao bàn tán chế nhạo. Tôi thấy điều này không có lợi gì cho quốc gia và giáo hội, trái lại có thể làm cho giáo hội mang tiếng và làm cho chế độ bị chỉ trích nặng nề và có cơ. Tôi nghĩ rằng chỉ nên tổ chức mừng lễ Ngân khánh của Đức cha Thục trong phạm vi địa phận hay giáo hội mà thôi. Tôi băn khoăn và đến gặp ông Cẩn. Lúc bấy giờ mọi người quanh ông đều gọi ông là cậu, cậu Cẩn. Tôi cũng không làm cách gì khác hơn.

- Thưa cậu, lễ Ngân khánh 25 năm làm Giám mục của Đức cha là một ngày đáng ghi nhớ đối với người thân cũng như đối với giáo hội. Đức cha lại đang là niên trưởng các Giám mục Việt Nam. Tôi nghĩ là nên tổ chức mừng lễ Ngân khánh của ngài một cách trọng thể, nhưng chỉ nên tổ chức trong phạm vi giáo hội và địa phận mà thôi, chớ không nên tổ chức trong phạm vi quốc gia theo một thứ quốc lễ. Vậy cậu nên tìm cách nói với Đức cha nên tổ chức lễ Ngân khánh của ngài một cách vừa phải thôi.

Ông Cần gật đầu đồng ý:

- Con đồng ý với cha hoàn toàn. Con cũng thấy trong tình thế hiện tại, nhiều người bất mãn với chúng ta, đang bới móc tìm cơ chỉ trích và gây hiềm khích với chính phủ. Làm như vậy thực ra không có lợi chi cả. Nhưng cha biết đó, từ khi Đức cha về Huế, con chẳng còn quyền hành gì nữa. Mọi việc Đức cha bao biện hết.

Thậm chí những anh em thân tín cũ ra vào gặp con còn bị người của Đức cha theo dõi và báo cáo cho Đức cha. Gia đình chúng con sau khi anh Khôi mất, thì Đức cha là kẻ quyền huynh thế phụ, lớn tuổi hơn con nhiều và nghiêm khắc lắm, con không nói gì với Đức cha cả. Hay nhất là cha nên vào gặp Tổng thống, xin Tổng thống nói lại với Đức cha, thì may ra Đức cha còn nghe theo mà không giận.

Vì việc đó tôi vào Sài Gòn xin gặp ông Nhu trước. Tôi định trình bày với ông Nhu những điều đã bàn với ông Cần, nhưng sợ đường đột nên tôi mở đầu bằng một vấn đề khác:

- Thưa ông cố vấn, tôi xin gặp ông cố vấn để được biết đại cương về quốc sách ấp chiến lược. Đại học Huế nhận được thông tri kêu gọi các giáo sư đi dự khóa huấn luyện về ấp chiến lược tại suối Lồ Ô. Tôi muốn cho họ hăng hái đi dự khóa huấn luyện đó nên muốn hiểu rõ hơn mà về giải thích cho họ rõ.

Ông Nhu say mê nói về những cái hay cái tốt của ấp chiến lược sẽ đạt được hai mục đích lớn: bảo vệ an ninh nông thôn và thực hiện công cuộc cách mạng nông thôn. Ông Nhu nói liên miên về ấp chiến lược hơn một giờ đồng hồ. Lúc nghe ông thuyết xong tôi vào vấn đề.

- Thưa ông cố vấn, nhân dịp này tôi muốn trình bày với ông cố vấn một việc. Lễ Ngân khánh của Đức cha nhằm vào cuối tháng sáu. Bây giờ đã có một Ủy ban tổ chức lễ đó, gồm ông Chủ tịch quốc hội và nhiều Bộ trưởng. Theo lệ lối hoạt động của Ủy ban thì tôi xem chừng họ muốn tổ chức lễ Ngân khánh hết sức trọng thể, không thua gì một quốc lễ. Trong tình thế hiện tại, tôi và ông Cần đã có bàn bạc với nhau nếu tổ chức trọng thể quá sẽ bất lợi cho chính thể cũng như cho giáo hội.

Ông Nhu cũng trả lời như ông Cần:

- Tôi cũng hoàn toàn đồng ý với nhận định của cha. Tôi và anh tôi đôi khi buồn Đức cha vì ngài lầm lẫn phạm vi tôn giáo với phạm vi quốc gia. Khi ở Vĩnh Long, tôi cũng đã không biết làm sao khi thấy từng đoàn từng lũ dân biểu, tỉnh trưởng, bộ trưởng nườm nượp kéo đến châu Đức cha. Tôi tưởng rằng Đức cha ra Huế xa xôi một chút sẽ bớt được cái nạn đó, không ngờ họ lại viện cớ lễ Ngân khánh của ngài để làm ồn ào hơn. Nhưng cha cũng biết, gia đình chúng tôi anh cả mất sớm, Đức cha tuy là anh lớn trong gia đình, nhưng đối với chúng tôi chẳng khác gì bậc cha. Riêng tôi thì biết là không có cách gì, mà cũng không dám nói thẳng với Đức cha. Chỉ còn Tổng thống may ra có thể can gián được Đức cha vài phần, để rồi tôi liệu nói với Tổng thống khuyên can Đức cha bớt đi đôi chút, nhưng tôi sợ cũng không được.

Tôi về Huế lại với tâm trạng buồn rầu, chán nản khó chịu và lo lắng. Dựng được một uy quyền, thế lực như ông Diệm không phải là chuyện dễ, nhưng làm suy giảm uy quyền thế lực đó thì dễ lắm. Tôi không hy vọng có ai tài giỏi hơn thay thế được ông Diệm. Cho nên chẳng những vì cảm tình và sự tin tưởng nơi ông Diệm mà tôi lo lắng cho tương lai của chính phủ ông Diệm, mà cũng vì số phận quốc gia mà tôi lo lắng.

Nhưng tôi không có tư cách hay thẩm quyền gì đáng kể để chen lấn vào những việc làm của chính ông Diệm. Hình như độ sau này chẳng hiểu vì lý do nào, gia đình ông Diệm có vẻ bớt tin cậy nơi tôi mặc dầu sự giao thiệp vẫn bình thường, thân thiết.

Những nỗi lo lắng của tôi quả thực chẳng sai chút nào.

Ngày 7-5 Đức cha đi viếng La Vang trở về Huế dọc đường nơi nào còn Phật giáo cũng tung bay. Điều này chẳng có chi lạ. Dân Huế 90 phần trăm theo đạo Phật và tại đây từ ngày tôi có mặt (1949) Phật giáo hoạt động rất mạnh, có tổ chức qui củ. Ở Huế nơi nào cũng có chùa chiền, sư tăng. Đức cha Thực có vẻ không bằng lòng, và ngay chiều đó, cho mời đại biểu chính phủ là ông Hồ Đắc Khương vào tòa Tổng Giám Mục Huế khiển trách tại sao đã có sắc lệnh cấm treo cờ tôn giáo hay đảng phái bên ngoài trụ sở hoặc khuôn viên mà nay Phật giáo lại treo cờ đầy đường như vậy.

Ông đại biểu chính phủ Hồ Đắc Khương không biết quyết định thế nào, vì ông cũng dư biết rằng nhắc lại nghị định cấm treo cờ Phật giáo ngay lúc này thật là không thích hợp, có thể bị hiểu lầm là cố tình làm nhục Phật giáo, cho nên ông đánh điện vào dinh Độc Lập xin chỉ thị. Không rõ điện văn của ông đại biểu chính phủ có đến Tổng thống hoặc ông cố vấn hay không nhưng có

điện văn trả lời từ văn phòng phủ Tổng thống đánh ra Huế xác nhận rằng nghị định cấm treo cờ tôn giáo hay đảng phái bên ngoài khuôn viên và trụ sở vẫn có giá trị.

Ông đại biểu chính phủ ra lệnh cho chính quyền địa phương tại miền Trung phải triệt hạ cờ Phật giáo. Ông tỉnh trưởng Thừa Thiên là ông Nguyễn Văn Đăng bị đặt trong một tình thế hết sức khó xử và khẩn cấp, ông xin vào gặp ông Cẩn để giải bày và xin bỏ qua việc triệt hạ cờ Phật giáo, ít ra cho hết ngày lễ Phật Đản năm nay. Ông Cẩn tỏ ra hiểu biết ra lệnh cho tỉnh trưởng rằng người ta (Phật tử) đã lỡ treo thì cứ để treo hết ngày lễ, sau sẽ liệu.

Ông Cẩn còn cho tỉnh trưởng Thừa Thiên đánh điện tín đi tất cả các tỉnh miền Trung chỉ thị mật không được hạ cờ Phật giáo. Tưởng vụ này tạm yên được, và cách giải quyết đó có thể trì hoãn được. Nhưng tới hôm 7 tháng 5 có nhà sư thuyết pháp ở chùa lớn ở Huế như Từ Đàm, Báo Quốc, Diệu Đế v.v... Quần chúng địa phương đến tham dự đông đảo. Nhiều bài thuyết pháp đã lên tiếng đả kích chính quyền một cách nặng nề, tố cáo chính quyền có chủ trương đàn áp Phật giáo và nêu lệnh cấm treo cờ tôn giáo như nhắm riêng vào Phật giáo. Các nhà sư cũng nhắc đến những vụ lễ lạc của công giáo trước đây ít lâu, lúc đó cờ công giáo đã được treo khắp đường phố, sao lại không cấm, mà nhằm ngày lễ Phật Đản rồi cấm.

Các tổ chức Phật tử ở Huế yêu cầu phát thanh trực tiếp các cuộc thuyết pháp và các buổi lễ Phật Đản của chùa Từ Đàm. Vì có nhiều bài thuyết pháp đả kích chính quyền, tòa tỉnh và tòa đại biểu miền Trung ngần ngại không phát thanh. Một đám Phật tử đông đảo kéo đến đài phát thanh biểu tình đòi phải phát thanh trực tiếp và trọn vẹn các bài thuyết pháp và các cuộc lễ Phật giáo.

Trong lúc các nhà chức trách tìm cách dàn xếp, thì một trái lựu đạn không biết từ đâu đã nổ ngay giữa đám Phật tử biểu tình làm nhiều người chết và bị thương. Cuộc tranh đấu của Phật giáo chính thức bùng nổ từ ngày đó.

Có vài giả thuyết được nêu lên về xuất xứ của trái lựu đạn.

Giả thuyết thứ nhất, và khó tin nhất cho rằng một cán bộ chính quyền hoặc là binh sĩ hay cảnh sát bảo vệ đài phát thanh đã ném trái lựu đạn đó. Một giả thuyết thứ hai đổ cho mật vụ Mỹ là tác giả trong vụ này. Giả thuyết thứ ba thì cho rằng chính phe đấu tranh, tôi xin nói là phe đấu tranh trong đó còn nhiều thành phần khác ngoài Phật giáo đã thâm độc cho ném trái lựu đạn gây nên cảnh đổ máu để tạo cảm phẫn trong quần chúng Phật tử hầu kích động

mạnh hơn cuộc đấu tranh và dồn hai bên đến cái thế một sống một chết với nhau.

Tôi chỉ nêu lên những giả thuyết được bàn tán lúc bấy giờ, mà không nghiêng theo giả thuyết nào.

Tôi thấy tình hình gay cấn, và không lối thoát. Chiều hướng của cuộc đấu tranh và tương lai chế độ rõ rệt lắm rồi. Tôi lo sợ bị lôi cuốn vào một tình trạng khó xử. Ở cương vị một Viện trưởng đại học, với truyền thống tự trị của đại học mà tôi đã thâm nhiễm từ Pháp, tôi không thể nào đi ngược lại các phong trào sinh viên mà tôi biết chắc trước sau cũng bùng lên.

Thực tình tôi không chủ trương lánh mặt hay chạy trốn, nhưng biết mình bất lực trong các cuộc hỗn loạn sắp tới nên chỉ mong thoát ra ngoài. Tôi đi Mỹ, và sáng ngày 9-5 tôi vào chào Đức cha Thục để từ giã sào Sài Gòn thu xếp lên đường.

Tôi thưa với Đức cha:

- Thưa Đức cha, những sự việc vừa xảy ra mấy hôm nay làm cho con lo ngại lắm. Thủ phạm không rõ là ai, nhưng đã có chuyện đổ máu, con sợ sự chống đối sẽ lan rộng và nổ mạnh. Con nghĩ chính quyền nên mềm dẻo, khéo léo hơn một chút.

Đức cha Thục có vẻ coi thường:

- Cha cứ yên tâm ra đi đừng lo chi cả, các phong trào chống đối của quần chúng bất quá chỉ như ngọn lửa rơm, bùng lên một chốc rồi tắt ngay, có chi phải sợ.

- Đức cha nhận định như thế thật đúng nếu bên trong có những nguyên nhân sâu kín và mạnh mẽ. Nhưng xin Đức cha nhìn vào những nguyên nhân bên trong. Công giáo trước ngày di cư, ở miền Nam chỉ có vài trăm ngàn người. Sau di cư nhờ gần 1 triệu dân công giáo từ Bắc vào, con số đông hơn trước nhưng tỉ lệ cũng vẫn chỉ là 10 phần trăm hay kém hơn trong dân số Việt Nam, vậy mà hiện nay mọi chức vụ lãnh đạo quốc gia đều trong tay người công giáo.

Chỉ riêng điều này cũng có thể gây những bất mãn và chống đối trầm trọng, chưa nói chi đến những lầm lỗi không thể tránh được của bất cứ chính quyền

nào.

Đức cha Thục xem chừng không muốn nghe và cũng chẳng để ý chỉ đến những điều tôi nêu lên. Đức cha trao cho tôi một số thư từ gửi tay cho các cha bên Mỹ.

Tôi vào Sài Gòn được mấy hôm thì có giấy mời đi dự lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất đại học Sư phạm Thủ Đức ngày 14-5. Sau lễ Tổng thống và quan khách gồm đủ ngoại giao đoàn đi xem xét sơ đồ và khu đất xây trường. Lúc bấy giờ đại sứ Nolting đến gần tôi hỏi về tình hình ở Huế.

- Theo ý cha thì chính phủ có lỗi gì trong vụ đài phát thanh Huế vừa rồi không?

Tôi ngập ngừng một lúc, rồi thành thật trả lời:

- Bàn chuyện lỗi phải của ai, thì hơi khó, nhưng tôi cho rằng chính phủ phải chịu trách nhiệm một phần, vì đã cố tình nhắc lại nghị định cấm treo cờ đúng vào ngày lễ Phật Đản. Tôi cho hành động này không đúng lúc, không thích hợp, dù nghị định có đúng đắn, hữu lý. Cách đây chỉ ít tháng có nhiều cuộc lễ bên công giáo, như lễ tựu chức các Giám mục, và các cuộc rước kiệu, bên công giáo đã treo cờ khắp nơi bên ngoài khuôn viên nhà thờ, sao lúc ấy không có lệnh cấm, và không thi hành lệnh cấm một cách nghiêm chỉnh?

Bây giờ nhằm vào lúc Phật giáo mừng Lễ Phật Đản mà nhắc lại lệnh cấm treo cờ thì có thể hiểu là cố tình nhằm vào Phật giáo, nhục mạ và đàn áp Phật giáo. Vả lại khi ra lệnh cấm treo cờ đã không có một sự giải thích nào cho dân chúng hiểu rằng lệnh này áp dụng cho mọi tôn giáo, và chỉ có mục đích tránh sự lạm dụng treo cờ.

Tôi không hiểu trong thâm tâm ông Nolting nghĩ gì chỉ thấy lúc đó ông gật gù.

- Cha nói có lý.

Sau đó câu chuyện không có gì đặc biệt.

Ngày 15-5 tôi vào dinh Độc Lập gặp ông Diệm để chào ông đi Mỹ, ông Diệm trách tôi:

- Sao hôm qua cha chỉ trích chính phủ trước một đại sứ ngoại quốc như vậy? Tôi thật tình thưa lại:

- Thưa Tổng thống tôi không dám chỉ trích chính phủ trong câu chuyện tôi chỉ đưa ra một vài giải thích sau khi tường thuật cho ông đại sứ Mỹ nghe những biến cố xảy ra ở Huế. Tôi thiết tưởng trong một quốc gia tự do mọi người đã được biết những chuyện đó, và cũng có quyền phê phán. Nhưng thực tình tôi không phê phán điều gì đáng coi là bất lợi cho chính quyền. Tôi chỉ nói rằng đáng tiếc là khi ra lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài khuôn viên chùa hay nhà thờ, cán bộ thông tin đã không giải thích rõ điều đó là có mục đích để làm cho cờ quốc gia trở nên có giá trị hơn, thành ra gây sự hiểu lầm cho một số người, và gây cớ cho họ bắt mẫn và chỉ trích.

Ông Diệm im lặng, nhưng vẫn có vẻ không bằng lòng. Tôi tiếp:

- Thưa cụ, nhân dịp này, tôi xin thưa dài dòng hơn đôi chút. Nếu cụ muốn hiểu tâm trạng những Phật tử Việt Nam cụ nên đặt mình vào địa vị của họ. Trước khi cụ về, số giáo dân chỉ vài trăm ngàn, nhờ phong trào di cư, có thêm gần một triệu giáo dân từ Bắc vào. Tỷ lệ công giáo trong toàn quốc vẫn là thiểu số, mà nay Tổng thống và các chức vụ lớn trong chính quyền đều do người công giáo đảm trách. Dù không có sự thiên vị nào, mà chỉ dựa theo tài năng mà chọn người, thì bên ngoài người ta cũng có thể hiểu rằng cụ thiên vị bên công giáo mà bạc đãi các tôn giáo khác. Mặt khác, ai cũng thấy từ khi cụ cầm quyền, thì nhà thờ mọc lên khắp nơi, các nhà thờ bị phá hủy trong chiến tranh đều đã được tái thiết gần hết, cả những nơi không có bao nhiêu giáo dân cũng có nhà thờ đồ sộ. Số người theo đạo mới cũng tăng lên mau chóng. Những sự kiện này làm cho Phật giáo có mặc cảm bị chèn ép, bị bạc đãi, bị bỏ rơi, hay là bị lép vế. Cụ nên hiểu tâm lý đó của họ mà đối xử cho tế nhị hơn mới có thể dàn xếp dễ dàng được.

Ông Diệm cau mày:

- Cha có thể thấy là nếu đôi lúc tôi tin người công giáo cũng chỉ vì nghĩ rằng người công giáo ít có ai theo cộng sản dễ dàng. Hơn nữa nhiều người không công giáo vẫn được tôi tin cậy và trọng dụng. Tôi cũng đã giúp cho nhiều chùa chiền. Tôi cho chùa Xá Lợi 500.000đ để xây cất. Tôi cũng giúp cho các chùa Từ Đàm, Diệu Đế để trùng tu. Tại các tỉnh tôi có nhắc các tỉnh trưởng giúp đỡ trùng tu các chùa chiền.

Bây giờ cụ nói ra tôi mới biết. Đáng lý cụ nên nói rõ điều đó cho toàn dân

biết để họ khỏi hiểu lầm, và đặt những công việc đó vào một chính sách chung đối với mọi tôn giáo. Tôi vẫn biết nhiều công cuộc kiến thiết của công giáo do sự đóng góp của giáo dân và các tổ chức công giáo ngoại quốc, nhưng dân chúng bên ngoài không hiểu nguồn gốc những khoản tiền lớn lao đó, nghĩ rằng chỉ có chính quyền giúp tiền cho công giáo. Nhiều cha còn quá nhiệt thành đến thẳng tỉnh trưởng, các bộ trưởng xin giúp đỡ, và có nhiều trường hợp, hoặc là tỉnh bộ trưởng có đạo nên hăng hái giúp đỡ, hoặc là họ nể cụ là người công giáo, nên cũng tìm cách giúp đỡ, tưởng làm như thế được lòng cụ. Những điều đó tạo nên dư luận chỉ trích chính quyền của cụ thiên vị bên công giáo.

Ông Diệm làm thỉnh không nói gì. Tôi già từ ông ra về.

Hôm sau tôi đi Mỹ với Âu Ngọc Hồ, mục đích là vận động sự giúp đỡ ở Mỹ để mở một trung tâm kỹ thuật ở Huế, đồng thời cũng muốn tìm hiểu dư luận ngoại quốc đối với chính quyền ông Diệm trong lúc này.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 39 -

Chế độ bị dư luận và Chính quyền Mỹ chống đối

Những biến cố ở Huế đã gây xúc động mạnh tại Sài Gòn đối với giới Phật tử cũng như toàn thể dân chúng. Những ngày cuối cùng tôi lưu lại Sài Gòn trước khi đi Mỹ, nhiều người đã đến tìm tôi hỏi han về những chuyện xảy ra ở Huế. Với những người thân thiết hoặc thành thật tôi biết sao kể lại vậy. Đối với những người đến hỏi tôi với mục đích dò xét, thì tôi cũng kể sự thật nhưng là những sự thật dưới mắt mọi người, làm hài lòng mọi người.

Nếu tôi nhớ không lầm thì hôm tôi vào Sài Gòn được một ngày tức vào sáng ngày 10-5-1963 một phái đoàn đại diện Phật giáo gồm các tăng ni đến yết kiến Tổng thống Diệm để bày tỏ các nguyện vọng. Những nguyện vọng của họ thì ai cũng biết, chẳng có gì quá đáng. Ít ra là lúc bấy giờ, đại để là hủy bỏ nghị định cấm treo cờ Phật giáo, trừng phạt thủ phạm gây ra cảnh đổ máu ở đài phát thanh, chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo nếu quả thực chính quyền có chủ trương đó.

Theo chỗ tôi biết, thì ông Diệm đã tiếp đón phái đoàn Phật giáo một cách cởi mở, ghi nhận và hứa thoả mãn phần lớn những nguyện vọng của họ. Ông Diệm giải thích rằng nghị định cấm treo cờ tôn giáo ngoài khuôn viên chùa chiền hay nhà thờ áp dụng chung cho mọi tôn giáo, không phân biệt Công giáo hay Phật giáo, và không nhằm hạ nhục gì Phật giáo cả. Còn đối với vụ đổ máu ở đài phát thanh Huế, thì ông Diệm hứa sẽ đem ra xét xử và trừng trị những thủ phạm sau khi có cuộc điều tra kỹ lưỡng.

Cuộc hội kiến gay go, kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ, từ hơn 10 giờ sáng đến 1 giờ trưa. Sở dĩ tôi biết được việc này là tôi mấy lần gọi điện thoại vào chánh văn phòng phủ Tổng thống để xin giờ gặp ông Diệm, và được người trong văn phòng cho biết giờ giấc trong ngày của ông Diệm.

Cũng trong ngày 10-5 có lẽ để tránh những hiểu lầm và lạm dụng, Đức cha Nguyễn Văn Bình ra thông cáo nhắc nhở giáo dân về việc treo cờ toà thánh đúng theo nghị định của chính phủ, là chỉ được treo trong nhà thờ, và phạm vi các cơ sở giáo hội mà thôi.

Như tôi đã kể đoạn trước, chiều 15-5 tôi vào gặp ông Diệm để sáng hôm sau lên đường sớm. Tôi được biết rằng sáng hôm sau, tức là ngày 16-5 sẽ có một cuộc họp báo của phái đoàn Phật giáo tại chùa Xá Lợi, có sự tham dự của Bộ trưởng công dân vụ Ngô Trọng Hiếu, để trình bày kết quả cuộc tiếp xúc ngày 15-5 với Tổng thống. Những lời lẽ trong cuộc họp báo thì ai cũng biết rồi.

Ngày 16-5 tôi lên máy bay đi Mỹ với Âu Ngọc Hồ đến San Francisco. Một trong những mục đích của chuyến đi này là vận động sự giúp đỡ của các giới ở Mỹ trong việc thành lập một trung tâm kỹ thuật tại Huế, trong khu vực đồng An Cựu. Mục đích thứ hai dự định là qua Ba-Lê, gặp các giáo sư Đức, và sẽ cùng họ sang Tây Đức vận động thêm những sự giúp đỡ cho đại học Y khoa Huế.

Nhưng một mục đích khác của tôi là muốn tìm hiểu dư luận Mỹ và thế giới đối với tình hình Việt Nam, chính phủ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ. Tôi vẫn hiểu rằng vai trò của Mỹ trong việc tồn tại của chính quyền Ngô Đình Diệm rất quan trọng, sự giúp đỡ của họ rất cần thiết, và sự lạnh nhạt của họ rất nguy hiểm.

Tôi đã được nghe những dư luận Mỹ từ ít lâu nay và phần lớn những dư luận đó không có lợi cho chế độ ông Diệm. Tôi muốn tìm hiểu sự thật, để may ra

còn kịp thì giờ cảnh giác những người có trách nhiệm trong chế độ.

Lúc tôi đến San Francisco thì ông Chủ tịch tổ chức Asi Foundation đang có mặt tại nơi này. Ông Chủ tịch tiếp đón hết sức niềm nở, mời tôi ăn cơm thân mật với ông một bữa. Tôi trình bày dự án thành lập viện kỹ thuật Huế và yêu cầu ông giúp đỡ. Ông hứa sẽ giúp đỡ tùy phương tiện và khả năng của tổ chức, tuy nhiên ông cho biết rằng tổ chức không được dồi dào lắm, cho nên sự giúp đỡ nếu có cũng không quan trọng lắm.

Từ San Francisco tôi đến Hoa Thịnh Đốn. Lúc này ông Trần Văn Chương, nhạc phụ ông Ngô Đình Nhu làm đại sứ ở đây, đã biết trước chương trình thăm viếng Mỹ của tôi, ra tận phi trường đón tôi và hướng dẫn về toà đại sứ. Do sự sắp xếp của ông Chương tôi gặp nhiều chính khách và nhân vật chính phủ Mỹ thời đó.

Đầu tiên tôi gặp Thượng nghị sĩ (TNS) Mike Mansfield, thuộc đảng Dân chủ đang nắm quyền đơn vị trách nhiệm của ông là tiểu bang Montana, vốn là nơi Âu Ngọc Hồ theo học trước đây và do đó hiểu biết về tiểu bang này rất nhiều. Nhờ đó câu chuyện giữa chúng tôi rất cởi mở vui vẻ. Câu chuyện kéo dài suốt một buổi chiều.

Ông Mansfield có vẻ lưu tâm nhiều đến tình hình chính trị Việt Nam, lo lắng cho chế độ ông Diệm khó qua được cơn sóng gió. Ông trình bày sự đổi hướng của dư luận Mỹ, những năm trước 1960 thì hết sức thiện cảm với ông Diệm, và ủng hộ ông tích cực, nhiệt thành, nhưng sau cuộc bầu cử Tổng thống ngày 9-4-1961 báo chí Mỹ bắt đầu chỉ trích chế độ ông Diệm là một chế độ độc tài, và cuộc bầu cử lần thứ hai này có nhiều trò gian dối, đôi lúc không cần thiết vì lúc đó uy tín của ông Diệm trong nước còn khá lớn, đủ để ông đắc cử dễ dàng.

TNS Mansfield cho tôi biết rằng hiện nay chẳng những dư luận báo chí Mỹ mà phần lớn các nhân vật chính phủ Mỹ đều cho rằng chế độ ông Diệm là một chế độ độc tài, gia đình trị, công giáo trị, không đoàn kết được toàn dân, đẩy những kẻ đối lập quốc gia đến bước đường cùng phải chống đối bằng bạo động, do đó không thể thắng được cộng sản. Chính phủ Mỹ cũng như dân chúng Mỹ hết sức lo lắng và thất vọng. Ông khuyên tôi nên trình bày lại với ông Diệm hiểu chiều hướng của dư luận Mỹ, và nếu có thể nên giúp ông Diệm thay đổi đường lối, nhân sự thì mới được sự ủng hộ của Mỹ, bằng không rất có thể Mỹ sẽ bỏ rơi ông Diệm, nếu không phải là bỏ rơi Việt Nam.

Tôi cố gắng biện hộ cho ông Diệm, trả lời rằng theo chỗ tôi thấy thì không có nạn cuồng tín tôn giáo tại Việt Nam lúc này, và cũng không có sự xung đột tôn giáo nào giữa Phật giáo và Công giáo. Có thể có những mâu thuẫn hiềm khích giữa chính quyền và Phật giáo.

Ông Diệm không mấy tin tưởng Phật giáo và Phật tử tích cực chống cộng cho nên dè dặt đối với Phật giáo. Tôi cũng trình bày về chuyện cấm treo cờ, biển cổ ở Huế, vừa đưa ra lời giải thích cùng quan điểm của tôi. Những giải thích và biện hộ của tôi xem chừng không đủ sức thuyết phục được TNS Mansfield.

Trước khi chia tay, TNS Mansfield nhắc nhở lần nữa rằng nếu ông Diệm không có những thay đổi chính trị sâu rộng, nhằm đưa ra một chế độ dân chủ thật sự kết hợp nhiều thành phần chính trị dị biệt, thì chính phủ Mỹ cũng như dân chúng Mỹ không thể tiếp tục ủng hộ ông Diệm lâu hơn được nữa.

Lúc bấy giờ đảng Dân chủ của Tổng thống Kennedy đang nắm quyền nhiệm kỳ một và ông Mansfield là một lãnh tụ nhiều uy tín của đảng này. Lập trường cũng như ý kiến của ông có thể được coi như lập trường không chính thức của đảng và chính phủ Dân chủ.

Do đó những lời ông Mansfield nói ra làm tôi lo lắng nhiều lắm. Tôi có cảm tưởng là người Mỹ đã hết tin ở ông Diệm và đang nghĩ đến một thay đổi lớn lao không phải chỉ là thay đổi nhân sự hay chính sách.

Tôi muốn biết thêm quan điểm của đảng Cộng hoà đối lập, do đó tôi thu xếp gặp TNS Dirksen, một lãnh tụ Cộng hoà lão thành. Ông Dirksen cũng cho tôi biết những ý kiến tương tự như ông Mansfield, nói rằng dân chúng Mỹ, các chính khách Mỹ không phân biệt Cộng hoà hay Dân chủ đều tỏ ý thất vọng với chế độ ông Diệm, và coi như sự ủng hộ của Mỹ đối với ông Diệm nên được chấm dứt càng sớm càng tốt.

Báo chí Mỹ có vẻ đã thổi phồng những xung đột giữa chính phủ ông Diệm và Phật giáo với một dụng ý nào đó tôi không hiểu rõ lúc bấy giờ.

Trong lúc tôi đang ở Hoa Thịnh Đốn thì có tin về những cuộc lễ cầu siêu cho các nạn nhân vụ đổ máu tại đài phát thanh Huế và lễ cầu siêu đã biến thành biểu tình ở Huế và Sài Gòn, ngày 30-5 báo chí Mỹ đăng những tin tức về những hành động đàn áp Phật giáo, như quân đội hay các lực lượng an ninh canh gác các chùa ở Huế, cúp điện nước trong khu chùa Từ Đàm.

Trong thời gian này, tôi gặp ông Robert Kennedy, bào đệ TT Kennedy, hiện là Bộ trưởng tư pháp. Ông Kennedy chỉ trích mạnh mẽ những hành động độc tài và đàn áp đối lập, kỳ thị tôn giáo của ông Diệm. Ông nói rằng nếu tình trạng này không thay đổi thì chính phủ Mỹ không thể tiếp tục ủng hộ ông Diệm được nữa, vì dư luận dân chúng và quốc hội Mỹ sẽ áp lực buộc chính phủ Mỹ bỏ rơi ông Diệm hoặc là bỏ rơi hẳn Việt Nam.

Trong cuộc họp báo ngày 22-5 về Việt Nam, TT Kennedy đã có những lời lẽ chỉ trích chính phủ ông Diệm, và một câu nói của ông như một lời giận dữ: Mỹ sẽ rút hết quân đội và chấm dứt viện trợ cho Việt Nam bất cứ lúc nào chính phủ Việt Nam yêu cầu. Trả lời báo chí, ông ngụ ý là Việt Nam muốn chiến thắng cộng sản, cần phải có những thay đổi chính trị sâu rộng, từ căn bản.

Trong cuộc gặp gỡ với Bộ trưởng tư pháp Mỹ Robert Kennedy tôi được nghe ông nhắc lại những luận điệu này, và ông nói rõ hơn là ông Diệm phải mở rộng chính phủ, lập thủ tướng, tăng quyền cho các Bộ trưởng, kêu gọi các thành phần chính trị đối lập tham gia tân chính phủ, chấm dứt những sự bất bớ đàn áp vì lý do chính trị hay tôn giáo.

Giọng ông có vẻ gay gắt khi nhắc đến những tin tức quanh việc đàn áp Phật giáo. Ông châm biếm rằng không nên vì cái chuyện cờ quạt mà làm mất lòng 80 phần trăm dân chúng Việt Nam. Ông đề cập đến ông bà Nhu và tuy ông không nói rõ, nhưng ngụ ý rằng cách hay nhất để xoa dịu dư luận Việt Nam cũng như Mỹ, là ông Diệm nên cho các ông Nhu, ông Cẩn và bà Nhu rời khỏi chính trường trong ít lâu, hay đi du lịch thế giới với tư cách cá nhân. Đến đây thì tôi không thể nghi ngờ gì được nữa. Tôi hiểu ảnh hưởng của ông Robert Kennedy đối với TT Kennedy, vậy quan điểm của ông em cũng có thể coi như quan điểm của ông anh.

Mặc dầu ông Robert Kennedy không nói rõ ra, nhưng tôi hiểu ý muốn dành cho ông Diệm một cơ hội cuối cùng, muốn tôi khuyên ông Diệm nên cải tổ chính trị sâu rộng để tránh khỏi bị Mỹ bỏ rơi.

Đến nơi nào tôi cũng được nghe những dư luận tương tự. Những sinh viên Việt Nam mà tôi gặp ở các nơi cũng tỏ vẻ bất mãn với ông Diệm, có lẽ vì bị ảnh hưởng của dư luận Mỹ nhiều hơn là do chính kiến của họ. Dĩ nhiên là tôi cố gắng bênh vực ông Diệm, nhưng tôi chẳng thuyết phục được ai cả.

Ở lại Hoa Thịnh Đốn hơn một tuần thì có máy bay của đại học Chio, tỉnh Athenes lên đón tôi về thăm đại học này. Một khoa trưởng và một giáo sư đại học lên theo máy bay hướng dẫn tôi. Từ nhiều năm, đại học Chio đã bảo trợ và giúp đỡ đại học Sư phạm Huế, và hằng năm tôi gửi sang nhiều sinh viên du học, đồng thời Chio cũng đã gửi sang nhiều giáo sư giảng dạy tại đại học Sư phạm Huế.

Tại đại học đường Chio, tôi được tiếp đãi nồng hậu, tham dự nhiều cuộc tiếp tân, thuyết trình liên hoan. Đại học đường Chio cấp cho tôi một bằng danh dự. Sau mấy ngày thăm viếng các cơ sở của Đại học, đàm luận với các viện trưởng, khoa trưởng, giáo sư, sinh viên, tôi lại được Đại học dùng máy bay riêng chở đến Chicago để gặp một số sinh viên Việt Nam du học tại đây.

Hầu hết các sinh viên đều bất mãn với ông Diệm, nhất là ông Nhu, bà Nhu, và chỉ trích các hành động đàn áp chính trị và tôn giáo.

Một số ký giả Mỹ đến gặp tôi. Tôi không có ý định họp báo, hay dành cho họ một cuộc phỏng vấn nào. Nhưng khi tiếp họ, dĩ nhiên tôi phải trao đổi với họ nhiều câu chuyện quanh những đề tài thời sự Việt Nam. Tôi cố tránh không nêu lên quan điểm của tôi, chỉ giải thích các sự kiện theo hiểu biết của mình. Trong câu chuyện, tôi được biết rằng báo chí Mỹ hầu hết bây giờ quay qua chỉ trích ông Diệm, bênh vực Phật giáo.

Vài hôm sau tôi lên Nữ Ước, và tại đây tôi gặp một chuyện bất ngờ đau lòng: người từng giúp đỡ cho văn hoá Việt Nam, cho đại học Huế tích cực nhiều nhất, là giáo sư Buttinger, trước là chủ tịch hội New Land Foundation và bây giờ là chủ tịch hội “Những người Mỹ bạn Việt Nam” tỏ ra chán nản thất vọng về Việt Nam, về ông Diệm và không còn sốt sắng giúp đỡ cho Việt Nam như trước nữa. Tôi định gặp ông để ngỏ lời cảm ơn về những sự giúp đỡ của ông đối với đại học Huế, và đề cập đến dự án lập trường Kỹ thuật Huế, nhưng khi thấy thái độ của ông như vậy tôi không còn nghĩ đến việc xin ông giúp đỡ nữa. Những chỉ trích của giáo sư Buttinger cũng tương tự như của các ông Mansfield, Kennedy, Dirksen.

Giáo sư Buttinger còn nói rõ hơn, là nếu ông Diệm không kịp thời thay đổi sâu rộng, thì Mỹ sẽ bỏ rơi ông.

Ông khuyên tôi nên làm cách gì cho ông Diệm hiểu mà thay đổi chính phủ cải tổ nội các, bớt quyền Tổng thống, lập thủ tướng tổng trưởng có thực quyền gồm những chính khách có uy tín, và tốt nhất nên mời một số chính

khách đối lập tham gia tân chính phủ, bàn về những biến cố thời sự. Giáo sư Buttinger cho rằng ông Diệm cần phải giải quyết cấp thời vấn đề Phật giáo, chấm dứt mọi hành động có tính cách đàn áp hay kỳ thị.

Hôm sau tôi gặp một ông giáo sư khác, ông Fishell từng là bạn thân của ông Diệm từ khi ông còn lưu vong ở Mỹ. Về sau tôi biết rằng ông Fishell là một nhân viên Trung ương tình báo Mỹ, thuộc hàng cao cấp.

Ông đã từ Michigan lên Nữ Ước tìm gặp tôi. Tôi nói chuyện với ông Fishell từ chiều đến 12 giờ khuya và câu chuyện vẫn quanh những đề tài chính trị Việt Nam. Những nhận định và chỉ trích mà ông Fishell nêu lên tương tự như các nhận định và chỉ trích của những nhân vật Mỹ tôi đã từng gặp trước, nhưng ông Fishell nhấn mạnh hơn. Một lúc, không hiểu vô tình hay cố ý để cảnh cáo, nhắc nhở, ông Fishell nói rõ rằng nếu ông Diệm không thay đổi sâu rộng đường lối chính trị của ông thì nội trong năm 1963, Mỹ phải tìm cách loại bỏ ông Diệm khỏi sân khấu chính trị Việt Nam và biện pháp thủ tiêu có thể được xét tới. Dĩ nhiên là ông Fishell lúc bấy giờ chỉ nói điều này ra như một lời nhận định về kế hoạch trong tương lai gần của chính phủ Mỹ.

Ở Nữ Ước được vài ngày thì tôi nhận được điện tín tại toà đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn cho biết Tổng thống gọi tôi về nước gấp. Tôi để Âu Ngọc Hồ ở lại Mỹ tiếp tục công cuộc vận động sự giúp đỡ cho Viện Kỹ thuật Huế, còn tôi rời Mỹ trở về, qua ngã Ba-Lê.

Tôi hẹn gặp các giáo sư Đức tại đây, và dự định sẽ cùng họ sang thăm viếng Đức. Bây giờ vì lệnh triệu hồi khẩn cấp của Tổng thống Diệm tôi đành huỷ bỏ chuyến tham viếng Tây Đức. Tôi dùng cơm trưa với các giáo sư Đức, trình bày tình hình có vẻ khản trương ở Việt Nam, xin lỗi họ và ngày hôm sau tôi về thẳng Sài Gòn.

Tôi nhớ thì hình như tôi đến Sài Gòn vào khoảng đầu tháng sáu. Tôi vào ngay dinh Độc Lập gặp ông Diệm. Chính ông cho tôi biết rằng: Các sinh viên và nhiều giáo sư đại học Huế đã biểu tình ủng hộ Phật giáo. Ý ông Diệm định cách chức một số khoa trưởng, giáo sư, vì họ không kiểm soát được sinh viên. Tôi chưa hiểu gì, xin ông Diệm cho tôi một thời gian.

- Xin cụ khoan đưa ra những biện pháp mạnh lúc này. Cụ cho phép tôi ra Huế cố gắng dàn xếp nếu không xong, sau đó cụ muốn có biện pháp nào tùy ý cụ.

Tôi đã được biết đại biểu chính phủ miền Trung là ông Hồ Đắc Khương bị thay thế, tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đăng và phó tỉnh trưởng Đặng Sỹ bị triệu hồi về Bộ nội vụ. Nhiều cuộc biểu tình có bạo động xảy ra tại Huế, các châu bên kia sông Phú Cam bị phong tỏa, và ngày nào cũng có những cuộc tiếp xúc giữa Ủy ban liên phái Phật giáo và Ủy ban liên bộ của chính phủ, nhưng không giải quyết được tình trạng căng thẳng khắp toàn quốc.

Tình hình tại Huế rất lộn xộn. Nhiều cuộc biểu tình đã liên tiếp diễn ra mấy hôm nay, mà theo lời ông thì thành phần tham dự đông đảo là học sinh sinh viên Phật tử.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 40 -

Lần gặp gỡ cuối cùng với Tổng thống Diệm

Tôi cho rằng tình hình đã đi quá đà, nay dù ở trung ương có những nỗ lực dàn xếp thì các địa phương một số người quá khích của bên chính phủ, hoặc bên Phật giáo vẫn cứ gây ra những hành động nguy hiểm, khiêu khích.

Tôi trở về Huế giữa lúc tình hình tại đây hết sức căng thẳng. Các sinh viên hay tin tôi đã trở về, kéo vào gặp tôi rất đông. Một đại diện sinh viên trình bày các biến chuyển vừa qua, cho biết một số sinh viên bị bắt giam, tra tấn và một số khá bị đe dọa. Họ đòi hỏi chính phủ phải trả tự do cho tất cả những kẻ bị bắt và chấm dứt những hành động áp bức đối với những sinh viên Phật tử.

Tôi hứa sẽ can thiệp với nhà chức trách để yêu cầu trả tự do cho những người bị bắt, kêu gọi các sinh viên bình tĩnh. Nhân danh một linh mục, tôi xác nhận với anh em sinh viên Phật tử rằng không hề có chuyện công giáo bách hại, hay đàn áp Phật giáo mà chỉ có thể có chuyện một chính phủ có những hành động có thể không đúng đối với Phật giáo. Tôi cam kết với các sinh viên rằng nếu quả thực chính phủ có chủ trương đàn áp Phật giáo thì chính tôi với tư cách linh mục và viện trưởng sẽ đứng về phía các anh em sinh viên.

Trong lúc số sinh viên đang tụ tập trong và ngoài phòng tôi, tôi gọi điện thoại ngay cho đại biểu chính phủ miền Trung, lúc đó là ông Nguyễn Xuân Khương vừa được bổ nhiệm thay thế ông Hồ Đắc Khương được triệu hồi về. Tôi yêu cầu ông đại biểu chính phủ trả tự do mau chóng cho những sinh viên bị bắt. Ông Khương hứa giải quyết ngay.

Các sinh viên còn cho tôi biết rằng nếu vụ Phật giáo không dàn xếp yên được ngay, thì sẽ có nhiều vị sư sãi ở chùa Từ Đàm tự thiêu, nhiều sinh viên cũng sẽ tự thiêu, và nhiều cuộc biểu tình sẽ diễn ra khắp thành phố Huế.

Tôi chỉ khuyên các sinh viên bình tĩnh, đừng làm lẫn phạm vi chính trị với tôn giáo, còn những hoạt động của anh em sinh viên thì tùy theo lương tâm, mọi người tự do tham dự vào các hoạt động họ thấy là chính đáng.

Ngày hôm sau ông đại biểu chính phủ và toà tỉnh Thừa Thiên trả tự do cho một số sinh viên bị bắt giam mấy hôm trước. Các sinh viên tuy chưa được thỏa mãn hoàn toàn, nhưng có vẻ hoà hoãn hơn đôi chút.

Hôm sau tôi vào gặp ông Cần, mặc dù là người ít học, nhưng ông Cần, theo nhận xét của tôi không hẹp hòi thiển cận như nhiều người lầm tưởng.

Khi nghe tôi trình bày về dư luận quần chúng cả các chính khách ở Mỹ đối với chế độ và vụ Phật giáo, ông Cần đã đặc biệt lưu tâm, tỏ ra hết sức lo lắng khuyên tôi nên vào gặp thẳng ông Diệm để trình bày sự thật đầy đủ, may ra còn cảnh tỉnh chăng:

- Cha cần phải về Sài Gòn nói rõ mọi chuyện cho “cụ” biết (ông Cần gọi Diệm bằng tiếng cụ). Con hiểu nhưng không biết làm cách nào giúp cho cụ hiểu được. Cha biết là con khó mà nói gì cụ tin. Con có ý thưa với cha, là chẳng những cha nói miệng, mà cha nên ghi lại trên giấy những điều cha định nói với cụ, rồi lúc cha ra về cha để lại tấm giấy đó cho cụ, để cụ có dịp đọc lại mà suy nghĩ kỹ hơn. Cha làm như thế có thể cụ sẽ đưa cho ông Nhu và Đức cha đọc.

Lúc này quyền hành của ông Cần trên thực tế chẳng có gì. Những ảnh hưởng đối với các nhà chức trách thì đã lọt vào tay Đức cha Thực, cho nên dù ông Cần hết sức hoà dịu, cố gắng dàn xếp, nhưng vì thiếu quyền hành, ảnh hưởng nên khó làm được việc gì ích lợi quan trọng để ổn định tình hình.

Trong lúc đó, tình hình biến chuyển mau chóng, trưa 11-6 Thượng toạ Thích Quảng Đức tự thiêu, báo chí quốc tế, các hãng truyền hình lớn đã chụp hình, quay phim và tường thuật vụ này, làm cả thế giới lên án chế độ ông Diệm. Ông Diệm hiệu triệu quốc dân, và ý ông muốn kêu gọi dân chúng bình tĩnh, tin tưởng vào thiện chí dàn xếp của ông, nhưng câu nói cuối cùng của ông có thể bị hiểu lầm là một câu nói đầy kiêu căng, khinh miệt: “Sau lưng Phật giáo trong nước hãy còn có hiến pháp nghĩa là có tôi!”.

Ngày 16-6 các tăng ni biểu tình trước toà đại sứ Mỹ đồng thời tại chùa Giác Minh hàng ngàn Phật tử tụ tập dự tang lễ Thượng Toạ Quảng Đức. Cuộc tụ tập biểu tình, có xô xát với cảnh sát, làm cho nhiều người bị thương, hàng trăm bị bắt. Tại Huế, không khí thật ngột ngạt, làm tôi có cảm tưởng như không khí một buổi chiều sắp dông bão lớn.

Ngày 23-6 tôi vào Sài Gòn và sáng hôm sau ngày 24-6, lễ Thánh Gioan Baptista, quan thầy của Tổng thống, tôi đã vào dinh để chúc mừng ông. Theo lời khuyên của ông Cần tôi đã viết sẵn lên giấy những điều sắp nói cầm theo vào phòng làm việc của ông Diệm.

Tôi vào đề ngay:

- Thừa cù vừa đi Mỹ về tôi được lệnh cù phải ra Huế giải quyết vụ sinh viên ngay chưa có dịp nào thừa chuyện với cù về dư luận Mỹ đối với Việt Nam. Nay nhân dịp vào mừng lễ bốn mạng cù, tôi muốn thừa với cù những khuynh hướng chính trong dư luận Mỹ đối với tình thế hiện nay. Khuynh hướng thứ nhất của một nhóm chủ chiến thiểu số do một tướng lãnh chủ trương muốn đánh mạnh để thắng mau.

Khuynh hướng này không được chính phủ, quốc hội và dân chúng ủng hộ. Khuynh hướng thứ hai chủ hoà, chấp nhận một giải pháp trung lập. Khuynh hướng này do các chính khách Dân chủ như Harriman, Hillman chủ xướng. Khuynh hướng này tuy được quần chúng và giới trẻ ở Mỹ ủng hộ rầm rộ, nhưng không được chính phủ Mỹ nghe theo hoàn toàn.

Một khuynh hướng có vẻ ôn hoà trung dung muốn rằng chính phủ Kennedy vẫn tiếp tục ủng hộ Việt Nam với một số những điều kiện đặc biệt nào đó. Khuynh hướng này được chính phủ Kennedy lưu ý đặc biệt. Theo khuynh hướng này thì một trong những điều kiện mà Mỹ đòi hỏi ở Việt Nam là cù phải có những thay đổi chính trị sâu rộng, lập Thủ tướng và các tổng trưởng có thực quyền, chọn những người không có liên hệ gia đình, và nếu thấy ai

có tài năng thì dù họ thuộc một đảng phái đối lập cũng nên dùng họ. Các bộ trưởng nên được nâng lên hàng tổng trưởng để tăng thêm uy tín và quyền hành. Tại Quốc hội cũng phải cố gắng lập khối đối lập thực sự. Nếu cụ có những thay đổi chính trị như vậy thì Mỹ có thể tiếp tục ủng hộ Việt Nam để chiến thắng cộng sản, nếu không nội cuối năm 1963 Mỹ sẽ dùng Phật giáo làm cái cớ để lật đổ chế độ của cụ, vì Tổng thống Kennedy sắp phải ra tranh cử nhiệm kỳ 2, cần gây uy tín để đắc cử. Đối với cử tri Mỹ trong mùa vận động tuyển cử này, thì xem chừng lật cụ là việc làm ăn khách nhất.

Ông Diệm có vẻ trầm ngâm, nhưng là cái trầm ngâm của một người không muốn biết một sự thật không vừa ý, hơn là sự trầm ngâm của một người muốn tìm một con đường mới. Ông chống chế:

- Những thay đổi ở thượng tầng kiến thiết quốc gia không cần thiết lắm. Những người nào có chút khả năng thì như cha biết tôi đã dùng hết rồi, và có mấy ai ra gì đâu. Cha thử nghĩ xem, nếu đặt Thủ tướng thì lấy ai xứng đáng bây giờ? Nhóm Caravelle thì cha đều biết qua cả có ai xứng đáng giữ chức Thủ tướng đâu? Điều quan trọng là tổ chức hạ tầng kiến thiết tức là áp chiến lược.

Tôi cố gắng thêm lần cuối để thuyết phục ông Diệm chấp nhận những thay đổi cần thiết trên thượng tầng:

- Thừa cụ, nói rằng thượng tầng cơ sở không quan trọng thì e không đúng lắm. Cụ chẳng đang ở vị thế cao nhất trong thượng tầng cơ sở, và giữ một trách nhiệm quan trọng nhất, nặng nề nhất đó sao. Chẳng những cụ cần những người thuộc hạ trung thành ở thượng tầng cơ sở, mà cụ còn cần những cộng tác viên tài năng can đảm, liêm sỉ, nhiều sáng kiến. Có thể lúc này cụ không tìm ra những người như thế để xây dựng thượng tầng, nhưng với sự nói rộng sẽ khích lệ những kẻ tài năng đến với cụ nhiều hơn, tạo cơ hội cho những nhân tài kiêu căng hoặc e thẹn đến hợp tác với chế độ. Đó là nói về những lợi ích trong nước, trong nội bộ. Bây giờ, thừa cụ chúng ta cần người Mỹ, lệ thuộc nhiều vào người Mỹ, chịu ảnh hưởng nặng nề vì sự thương hay ghét của họ. Nếu không vì những lợi ích thiết thực mà phải cải tổ chính phủ, thì cũng nên vì để làm hài lòng người Mỹ mà cải tổ, để họ khỏi phá hoại. Cụ cũng đã hiểu câu châm ngôn “ai chi tiền thì kẻ đó cai trị”. Hiện nay người Mỹ đang chi tiền. Nếu cụ cứng rắn quá sẽ bị bẻ gãy.

Ông Diệm có dáng suy nghĩ, lo lắng, chú ý hơn lúc đầu một chút:

- Nếu bây giờ chúng ta nhượng bộ một bước thì Mỹ sẽ lại đòi thêm, biết nhượng bộ đến bao giờ cho vừa lòng họ? Tôi muốn võ trang đầy đủ cho Bảo an, Dân vệ, thanh niên chiến đấu. Mỹ không chịu. Tôi muốn tăng cường quân đội, Mỹ từ chối không cấp vũ khí và phương tiện, Mỹ chỉ muốn đưa quân qua Việt Nam mà thôi.

Ông Diệm ngưng một lúc, nhìn mơ màng lên trời rồi bắt đầu thuyết về áp chiến lược. Ông cho rằng áp chiến lược là giải pháp hay nhất để đánh bại cộng sản ở nông thôn, thực hiện những cải cách cần thiết cho nông dân. Tôi đã được nghe ông Nhu nói về áp chiến lược một cách say sưa. Những lý lẽ ông Diệm đưa ra quanh vấn đề áp chiến lược cũng không khác gì luận điệu của ông Nhu. Tôi tán đồng chủ trương đó, chỉ tiếc rằng đã không được thực hiện từ khi mọi cơ hội còn thuận tiện, ngày tháng còn dài, chờ đến bây giờ thì e muộn quá rồi.

- Thừa cụ, tôi xin đồng ý với cụ là quốc sách áp chiến lược hay lắm, nhưng chúng ta cần có thì giờ và phương tiện để thực hiện. Nếu làm cho người Mỹ bức tức, họ không ủng hộ ta, thì lấy đâu phương tiện mà thực hiện. Hơn nữa người Mỹ có thể không cho chúng ta có thì giờ để thực hiện đủ với phương tiện riêng của chúng ta.

Ông Diệm im lặng, có vẻ không muốn nghe tôi nói thêm. Tôi biết ý ông nên kiêu từ ra về. Thấy không lung lạc được ông Diệm tôi cảm thấy gần như tuyệt vọng, nhìn thấy trước những viễn ảnh đen tối cho chế độ và cho quốc gia. Hơn nữa những hỗn loạn quanh vụ Phật giáo càng ngày càng lớn thêm. Không cần Mỹ phải trực tiếp nhúng tay vào, chỉ cần một lực lượng chính trị hay quân sự nào đủ gan liều một chút, biết khai thác đúng cách và đúng lúc những xáo trộn chính trị và tôn giáo hiện nay cũng có thể lật đổ được chế độ ông Diệm. Dù kính mến ông Diệm vì những thân tình cá nhân, những liên hệ bằng hữu, tôi nghĩ rằng, nếu có một lãnh tụ nào tài đức hơn ông Diệm đứng lên làm công việc đó, thì vì quyền lợi quốc gia dân tộc, tôi sẽ chấp nhận.

Nhưng trước mắt tôi, đếm kỹ những nhân vật tên tuổi trong danh sách những chính khách Việt Nam, tôi không nhìn thấy một ai đủ khả năng thay thế ông Diệm để lãnh đạo quốc gia. Vì những ý nghĩ đó, hơn là vì cảm tình riêng của tôi đối với ông Diệm và gia đình ông, tôi cố gắng tìm mọi cách để cứu vãn chế độ ông Diệm, mặc dầu tôi linh cảm mọi nỗ lực của tôi đều vô ích, vô vọng.

Tôi nghĩ rằng ông Diệm rất mộ đạo, kính nể những bậc lãnh đạo tôn giáo,

nên tôi đến gặp Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình ngay sau khi rời văn phòng ông Diệm. Tôi lại trình bày những điều tôi vừa trình bày với ông Diệm:

- Thừa Đức cha, con đi Mỹ về, nhận thấy dư luận Mỹ đã hết thiện cảm với chế độ này và chính phủ Mỹ vì áp lực của dư luận quần chúng và quốc hội, chỉ có thể tiếp tục ủng hộ chế độ nếu có những cải tổ chính trị sâu rộng ở thượng tầng, bằng không Mỹ có thể tính cách triệt hạ chế độ và lật đổ ông Diệm. Như Đức cha biết, một sự hỗn loạn chính trị lúc này có thể đưa quốc gia chúng ta đến nguy vong. Con đã cố gắng trình bày những nhận định của con với Tổng thống nhưng cụ không nghe, con chỉ là một linh mục, dù cụ có lúc coi con như bạn, nhưng không thể gây ảnh hưởng gì quan trọng đối với cụ. Con nghĩ rằng nếu bây giờ các Đức cha trên toàn quốc gửi cho cụ một văn thư khuyến cáo cụ thay đổi chính sách và cải tổ nội các, thì có lẽ cụ sẽ nghe theo.

Đức cha Bình gật gù:

- Tôi cũng nhận thấy tình thế lúc này thật khó khăn, phức tạp. Tôi chấp nhận ý kiến của cha và sẽ bàn sau với các Đức cha khác để thảo văn thư và gửi Tổng thống.

Tôi không rõ về sau Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình và các Đức cha có gặp gỡ nhau thảo văn thư khuyến cáo ông Diệm thay đổi chính sách và cải tổ chính phủ hay không, nhưng tôi không còn được nghe tin gì.

Cũng ngày hôm đó tôi đến gặp Đức khâm sứ toà thánh là Đức cha Asto khoảng 5 giờ chiều. Đức khâm sứ mới được cử sang Việt Nam ít lâu. Tôi trình bày mọi việc, từ những nhận xét về dư luận Mỹ, đến hai cuộc gặp gỡ ông Diệm và Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, cùng mọi ý kiến riêng của tôi. Đức khâm sứ cũng đồng ý với những nhận định của tôi, tỏ ra lo lắng về những diễn biến dồn dập của tình thế. Ngài có ý dịch bản điều trần của tôi gửi về Toà thánh và xin Đức giáo hoàng khuyến cáo ông Diệm, hy vọng làm như thế thì với tư cách một tín đồ Công giáo ông sẽ chịu nghe dễ dàng hơn. Lúc bấy giờ Đức Giáo hoàng Gioan XXIII vừa băng hà ngày 4-6, và Đức Hồng y Gio-Vanni Battista Montini vừa được bầu lên ngôi giáo hoàng, lấy hiệu là Giáo hoàng Phao Lô VI hôm 21-6.

Tôi thưa với Đức khâm sứ rằng tôi chỉ viết tay một bản mà thôi nên nay không thể nào có bản thứ hai y hệt như bản điều trần để lại trên bàn ông

Diệm. Đức khâm sứ ngỏ ý muốn tôi ngồi lại, viết thật giống như bản điều trần đã đưa ông Diệm, rồi trao cho ngài để ngài cho dịch ra. Tôi thưa rằng bây giờ tôi không có thì giờ, vì lát nữa, lúc 7 giờ tối, tôi phải dự một bữa cơm chiều với một số trí thức, nhân sĩ, và 8 giờ sáng thì tôi đã phải lên máy bay về Huế. Đức Khâm sứ nhất định buộc tôi phải cố nhớ mà viết lại bản điều trần, ngài nói:

- Cha đi ăn về trễ lắm thì cũng đến 10 giờ là cùng. Cha nên chịu khó thức khuya một chút viết lại bản điều trần bằng tiếng Pháp, càng giống càng tốt, rồi bất cứ giờ nào viết xong thì đưa lên cho tôi, để gửi sang Toà thánh Vatican.

Tôi đi dùng cơm tối với một số trí thức như Tôn Thất Thạch, Đại tá Tung, Nguyễn Trân v.v... Sau đó tôi vội về nhà trọ, cố nhớ lại, viết lại bản điều trần bằng tiếng Pháp, 5 giờ sáng tôi lên gặp Đức khâm sứ toà thánh, và ngài yêu cầu tôi ký tên dưới bản điều trần. Tôi cười:

- Thưa Đức khâm sứ, bên La Mã ai biết đến tên tuổi con mà ký làm gì?

- Cha làm đó, bên La Mã người ta biết đến cha lắm chứ. Tôi hy vọng Đức thánh cha sẽ có thư khuyến cáo ông Diệm và ông sẽ nghe mà sửa đổi.

Tôi nói chuyện với Đức khâm sứ một chút rồi ra phi trường về Huế.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 41 -

Cơn hấp hối của chế độ

Trong những ngày cuối tháng bảy tôi theo dõi tin tức thấy rằng những cuộc dàn xếp giữa Ủy ban liên phái Phật giáo và uỷ ban liên bộ vẫn chưa đi đến một kết quả dứt khoát nào.

Bên Phật giáo vẫn còn tố cáo chính phủ không thi hành đúng đắn thông cáo chung ba điểm được thoả thuận giữa đôi bên ngày 16-5. Ở Huế trong lúc đó tình hình có vẻ yên tĩnh nhưng vẫn căng thẳng, sự căng thẳng trước một cơn giông bão. Ngày 5-7 Toà án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn xử vụ đảo chánh hụt

ngày 1-11-60.

Vụ án này diễn ra lúc này chẵn chẵn không có lợi gì cho chế độ, trái lại càng làm cho lòng người thêm bất mãn với chế độ. Tiếp đến để phản đối vụ xử án này, nhà văn và nhà cách mạng Nhất Linh uống thuốc ngủ tự tử được đem vào bệnh viện Grall, nhưng không cứu được.

Bức thư tuyệt mệnh của ông lên tiếng phản đối vụ xử án các nhân sĩ liên can vụ đảo chánh hụt, chính sách đàn áp chính trị và tôn giáo của ông Diệm, đây là một đòn nặng đập vào chế độ vì nhà văn Nhất Linh có nhiều uy tín trong quần chúng, sinh viên, chính khách.

Từ ngày vào Nam ông gần như không còn hoạt động chính trị nữa, và những tác phẩm văn chương của ông sau này, như Gòong Sông Thanh Thuỷ v.v... không được nổi tiếng như những tác phẩm tiền chiến.

Tuy vậy ông là một người được nhiều giới kính mến vì quá trình cách mạng và văn chương của ông. Cái chết của ông gây xúc động mạnh trong quần chúng toàn chúng. Ông cũng có tên trong danh sách 14 nhân sĩ bị xét xử trước toà án quân sự, và đến ngày 11-7 toà tuyên án, ông được tha bổng. Dù tha bổng nhà văn Nhất Linh, vụ án này vẫn gây cảm phần cho mọi người. Đám tang nhà văn Nhất Linh ngày 13-7 tưởng đã thành một vụ biểu tình hỗn loạn lớn. Các giới sinh viên, Phật giáo hình như cũng đã có ý định biến đám tang thành cuộc biểu tình.

Nhưng sau vì những biện pháp phòng ngừa quá nghiêm ngặt của chính quyền, nên đám tang chỉ là đám tang. Ngay trong ngày đó, toà án quân sự lại xử vụ 19 nhân sĩ họp ở khách sạn Caravelle, được gọi là nhóm Caravelle đòi hỏi cải cách chính trị. Tất cả 19 bị can được tha bổng.

Đến hôm sau, 16-7 nhiều cuộc biểu tình của tăng ni Phật tử diễn ra nhiều nơi tại Sài Gòn như trước toà đại sứ Mỹ, chợ Bến Thành. Nhiều nhà sư lên tiếng đòi tự thiêu để phản đối hành động đàn áp Phật giáo, trong đó có sư bà Diệu Huệ, thân mẫu giáo sư Bửu Hội hiện là đại sứ.

Như đổ thêm dầu vào lửa chính phủ lại tổ chức một cuộc biểu tình trước chùa Xá Lợi, gồm toàn những dân vệ và thanh niên Cộng hoà, cùng một số thương phế cựu chiến binh. Phật giáo lại lên tiếng tố cáo hành động này, coi đó như một hành động phá hoại những cuộc điều đình giữa Phật giáo và chính quyền, có mục đích kích động phá hoại. Để trấn an, chính quyền cách

chức ông Thanh tra dân vệ đoàn, nhưng xem chừng vẫn không làm dịu được tình hình.

Tình hình ở Huế thoạt nhìn không có gì đặc biệt, có thể cho như yên tĩnh nhưng bên trong dân chúng đa số Phật giáo coi như sớm muộn cũng phải đi đến một hành động quyết liệt, một mất một còn với chế độ ông Diệm. Không có một cuộc biểu tình lớn nào diễn ra tại Huế nhưng những tin đồn từ chùa, các đoàn thể Phật tử được loan truyền về những người bị bắt, mất tích và về những hành động tàn bạo, bí mật của chế độ. Chính vì sự yên tĩnh bề mặt đó, có người đã hiểu lầm là tình hình đã ổn định. Vào đầu tháng 8 Trần Quang Ngọc ra gặp tôi:

- Thừa cha, Đức cha (Ngô Đình Thục) sai con ra gặp cha, nói rằng cha không chịu hợp các giáo sư, sinh viên để giải thích về đường lối của chính phủ đối với Phật giáo, nên Đức cha thấy cần phải đích thân tụ họp giáo sư, sinh viên để Đức cha đích thân nói chuyện với họ. Vậy cha tụ họp các giáo sư và sinh viên tại giảng đường để nghe Đức cha nói chuyện.

Tôi không dám chắc làm như vậy có lợi hay có hại, điều đó còn tùy thuộc những điều Đức cha Thục sẽ nói. Nhưng tôi không thể đưa ý kiến gì trái ngược vì đây là một mệnh lệnh.

Và lại lúc này tôi có tâm trạng một người vượt biển gặp giông tố lớn biết thuyền sắp chìm, sức người không thể cứu vãn được nữa, chỉ còn trông vào phép lạ, mà phép lạ thì ít khi xảy ra lắm, nhất là với những người không cầu xin. Tôi ngại là giảng đường thì quá rộng mà số giáo sư hay sinh viên đến tham dự thì thưa thớt quá, sẽ làm buồn lòng Đức cha và gây cho ngài nhiều phản ứng không có lợi gì cho việc hoà giải, nên tôi đưa ra một yêu cầu nhỏ:

- Hay lắm, nếu Đức cha muốn nói chuyện với sinh viên, giáo sư thì cũng là một điểm tốt. Nhưng lúc này vào kỳ nghỉ hè, không thể nào cưỡng bách sinh viên hay giáo sư đến dự đông đảo. Để phòng trống nhiều quá khó coi, vậy yêu cầu ông mời các học sinh trung học đệ nhị cấp một vài trường và thanh niên Cộng hoà của ông đến cho đông cho chật giảng đường.

Mọi việc được thu xếp đúng như đề nghị của tôi, nên mặc dù dưới mắt tôi số người tham dự buổi nói chuyện của Đức cha Ngô Đình Thục tại đại giảng đường viện đại học Huế phần lớn không phải là sinh viên giáo sư, nhưng dưới mắt bất cứ ai khác thì có thể coi như giảng đường đã chật ních sinh viên, giáo sư cũng được. Đức cha cố gắng giải thích và biện hộ cho việc cấm

treo cờ và ngỏ ý tiếc về vụ đổ máu ở đài phát thanh Huế ngày 8-5.

Đức cha cho biết rằng chính phủ sẵn sàng điều tra trừng phạt thủ phạm và bồi thường thích đáng cho gia đình các nạn nhân bị thương tích hoặc thiệt mạng. Đức cha tha thiết kêu gọi sinh viên đoàn kết để đối phó với nguy cơ cộng sản.

Đã có những sự dàn xếp trước, nên sau mỗi đoạn và cuối bài nói chuyện, mọi người vỗ tay hoan hô rầm rộ, làm cho Đức cha có vẻ hài lòng lắm. Lúc bước xuống khỏi khán đài, tôi thấy nét mặt Đức cha rất tươi tỉnh, vui vẻ.

Ngài nhìn tôi mỉm cười, vừa như tỏ dấu hài lòng, vừa như ngụ ý khoe: thu phục đám sinh viên giáo sư này có khó chi đâu. Tôi cũng mỉm cười với ngài, nhưng với ý khác hẳn: đã chắc gì?

Đức cha không hề hay biết, những người nghe Đức cha nói chuyện phần đông không phải là sinh viên giáo sư đại học Huế mà là những thanh niên cộng hoà Phú Cam, học sinh các trường trung học tư thực công giáo như Thiên Hựu.

Đức cha lại có ý muốn nói chuyện với sinh viên học sinh một lần thứ hai, sau đó độ một tuần lễ.

Trong thời gian này tại Sài Gòn trong một buổi lễ của Phụ nữ bán quân sự, bà Ngô Đình Nhu đã lên tiếng gay gắt chỉ trích cuộc tranh đấu của Phật giáo, có những lời lẽ chế giễu nhục mạ các nhà sư, và tỏ ra không tôn kính những vị sư tự thiêu.

Ngày lễ Phụ nữ bán qsvào ngày 3-8 và sáng hôm sau 4-8 tại Phan Thiết một nhà sư tự thiêu.

Từ Hoa Thịnh Đốn, trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo chí Mỹ, đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ bà Nhu, nhắc phụ ông Nhu dĩ nhiên chỉ trích bà Nhu đã ăn nói kém lễ độ đối với các tăng ni và Phật giáo. Mấy hôm sau, bà Nhu bằng giọng gay gắt và chế giễu cho rằng dù bà có thiếu lễ độ đối với Phật giáo chẳng nữa, thì có lúc cần phải thiếu lễ độ, nếu điều đó nói ra có một ích lợi và một tầm quan trọng lớn. Đối với người Việt Nam dù ai trái ai phải cái việc cha con chỉ trích nhau công khai đều được coi chẳng tốt đẹp gì, do đó dân chúng vốn đã ít cảm tình với bà Nhu, sau vụ cãi vã công khai giữa cha con này, lại càng mất hết những cảm tình còn lại đối với bà Nhu. Cùng

lúc những tin đồn về đức hạnh của bà Nhu được tung ra, bằng những câu chuyện mập mờ chuyển từ miệng người này sang tai người khác. Tôi không biết sự thật như thế nào, nhưng tôi nhận thấy có một chiến dịch được điều khiển nhằm hạ uy tín gia đình ông Diệm, bắt đầu bằng cách hạ phẩm cách, đức hạnh của bà Nhu. Như cái việc bà Nhu mặc áo hở cổ, thực ra chẳng có gì quan trọng lắm, vậy mà cũng thành đề tài để chế giễu, chê bai bà Nhu.

Áo hở cổ của đàn bà Việt Nam cũng chẳng phải là một thời trang hoàn toàn mới lạ, và nhìn từ một khía cạnh khác thì đó là một đóng góp cho thẩm mỹ y phục của phụ nữ Việt Nam, nhưng vào lúc này mọi hành động của bà Nhu đều bị nhìn bằng con mắt chê bai có thành kiến xấu.

Có lẽ mất bình tĩnh vì bị chỉ trích và vì không khí thù nghịch chung quanh hoặc quá tự kiêu, bà Nhu lại tuyên bố với báo chí Mỹ rằng cần phải cứng rắn, thẳng tay, quyết liệt với phong trào đấu tranh của Phật giáo.

Hình như bà Nhu có đề cập đến vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, và đã có những lời lẽ khiếm nhã trong lúc toàn dân, toàn thế giới đều xúc động vì vụ đó. Mấy hôm sau ngày 12-5, sau lễ cầu siêu cho một vị sư tự thiêu tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An đã tự nguyện chặt bàn tay để tỏ ý phản đối những hành động đàn áp Phật giáo, và những lời lẽ khiếm nhã của bà Nhu đối với các nhà tu Phật giáo. Ngày 13-8 tại Huế trước chùa Phước Duyên, quận Hương Trà, Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu. Dân chúng, sinh viên Phật tử biểu tình ở khắp mọi đường phố ở Huế, ở các quận.

Vài cuộc xung đột và bạo động xảy ra một vài nơi. Chính quyền địa phương lo ngại, ban hành tình trạng giới nghiêm trong thành phố Huế và khắp tỉnh Thừa Thiên.

Càng ngày tình hình càng đen tối thêm, vậy mà có người vẫn không chịu nhìn thấy sự thật. Khoảng giữa tháng 8, Đức cha Ngô Đình Thục vào Sài Gòn đề nghị với ông Diệm bãi chức Viện trưởng đại học của tôi và bổ nhiệm Viện trưởng mới. Đức cha có lẽ đã nghĩ rằng tôi không tích cực trong việc vận động sinh viên Phật tử, hoặc ít ra im lặng để cho sinh viên Phật tử tham gia các cuộc đấu tranh Phật giáo.

Ngài còn nghĩ rằng sau hai lần nói chuyện với sinh viên giáo sư mà ngài cho như thành công lớn, ngài đã có uy tín với sinh viên giáo sư Huế và vai trò của tôi không cần thiết để trấn an sinh viên nữa. Trong lúc ở Sài Gòn Đức cha gặp Trần Hữu Thế nguyên Bộ trưởng quốc gia giáo dục lúc đó đang làm

đại sứ tại Phi Luật tân vừa về Sài Gòn, và ngài đề nghị lên ông Diệm cho ông Thế làm Viện trưởng đại học Huế thay tôi. Ông Diệm bằng lòng ngay, và ngày 14-5, Đức cha cùng với Bộ trưởng quốc gia giáo dục Nguyễn Quang Trình và ông Thế ra Huế.

Chiều ngày 15-8, lúc năm giờ, một nhân viên của Viện đại học Huế đến cho tôi hay rằng có ông Bộ trưởng quốc gia giáo dục Nguyễn Quang Trình có mặt tại Toà đại biểu chính phủ muốn gặp tôi có việc cần gấp. Tôi lên và gặp ông ngay. Ông Trình có vẻ lúng túng:

- Thưa cha, tôi có một tin buồn muốn báo cho cha biết.

Tôi đã đoán được vài phần cái tin buồn này:

- Tin chi mà buồn?

- Thưa cha, Tổng thống muốn cho cha nghỉ, và đã quyết định đưa ông Trần Hữu Thế ra thay thế cha giữ chức viện trưởng. Sáng mai lúc tám giờ yêu cầu cha làm lễ bàn giao.

Thú thực là khi nghe tin này một cách chính thức tôi cảm thấy nhẹ nhàng trong người. Trong bụng tôi muốn reo lên:

- Tôi tưởng có chuyện gì khác, chứ chuyện đó có chi mà buồn. Tôi đã đoán trước được sự việc này rồi. Tôi là bạn của ông Diệm và gia đình ông, khi lên làm Viện trưởng đại học Huế, cố gắng phát triển đại học Huế này, một phần vì muốn giúp ích cho đất nước, một phần cũng muốn giúp cho họ Ngô. Nay gặp tình thế gay cán này, Tổng thống không muốn tôi giúp cho ông nữa, không có gì là buồn mà lại vui là đằng khác. Thưa ông Bộ trưởng, ông là bạn của tôi, cũng là người đồng hương với tôi, tôi xin nói thật để ông biết trước, chế độ này đã đến thời mạt rồi, tôi đã khuyến cáo Tổng thống, nài xin ông sửa đổi mà ông không chịu, lẽ ra tôi đã tự ý xin thôi; nhưng làm như thế tỏ ra là thiếu trung thành với một người mà mình đã phục vụ mấy năm nay, nên tôi đã bỏ ý định từ chức, nay Tổng thống cho thôi, thì thật là may mắn cho tôi, ra đi mà khỏi mang tiếng là phản bội.

Ông Nguyễn Quang Trình có vẻ lúng túng không nói gì thêm về tương lai chế độ mà chỉ nói:

- Thôi đêm nay chúc cha ngủ yên giấc và cũng xin cha đừng để lộ tin này ra

ngoài cho các giáo sư hay sinh viên nào biết, sáng mai đúng tám giờ cha đến làm lễ bàn giao một cách kín đáo với ông Thế.

- Được, tôi sẽ cho mời các khoa trưởng và vài giáo sư đến dự, nhưng không nói lý do.

Đêm đó thú thực tôi không chợp mắt được. Tôi ôn lại những việc mình đã làm từ chín năm nay, nhớ đến mối giao tình thân thiết với ông Diệm, những lần gặp gỡ thân mật. Tôi vẫn cầu mong cho ông Diệm sớm tỉnh ngộ để kịp thoát khỏi nguy cơ lần này, nhưng tôi rất ít hy vọng. Tôi cũng nhắm trong đầu óc những điều sẽ nói trong lễ bàn giao.

Sáng hôm sau, trước 7 giờ, tôi đã cho các tùy phái đi mời các khoa trưởng và một số giáo sư đến văn phòng Viện đại học Huế.

Không có một sinh viên nào hay biết đến dự. Đúng 8 giờ sáng, ông Nguyễn Quang Trình, Trần Hữu Thế đã có mặt. Ông Bộ trưởng tuyên bố lý do: Tôi được bãi chức và ông Trần Hữu Thế lên thay tôi làm Viện trưởng Viện đại học Huế. Tôi ứng khẩu một diễn văn ngắn đại ý nói rằng tôi xin cảm ơn ông Bộ trưởng quốc gia giáo dục Nguyễn Quang Trình đã dời gót ra chứng kiến lễ bàn giao, và xin ông Bộ trưởng chuyển lời lên cảm ơn Tổng thống Ngô Đình Diệm đã cất cho tôi cái gánh nặng làm Viện trưởng Viện đại học Huế trong giai đoạn khó khăn và nhiều trách nhiệm này.

Tôi nhắc lại những nỗ lực của tôi và những khoa trưởng giáo sư đã cộng tác với tôi dựng lên đại học Huế và tạo cho nó bộ mặt hôm nay. Ngày nay tình thế đã thay đổi sợ tôi không đủ khả năng gánh vác trách nhiệm nặng nề đối phó với những khó khăn, nên Tổng thống đã cho tôi được trở lại đời sống tu hành, tôi hết lòng cảm ơn.

Tôi ra đi không buồn phiền chi cả, mà mừng vì ngọn đuốc văn hoá mà tôi và các cộng sự viên đã cố gắng nhóm lên ở Huế, nay được trao cho một bàn tay khác hy vọng đủ khả năng tiếp tục làm bùng sáng lên vì ông tân Viện trưởng kế tiếp nhiệm vụ của tôi là một nhà ngoại giao, chính trị và trí thức tài ba.

Như tên ông đã tiên định ông là người “có thể”, ông được lòng tin của Tổng thống và Đức Tổng Giám Mục, ắt sẽ làm tròn nhiệm vụ một cách dễ dàng.

Tôi kêu gọi các khoa trưởng giáo sư trước đã hợp tác với tôi, hãy tiếp tục hợp tác với ông tân Viện trưởng và đừng buồn vì chuyện ra đi của tôi, vì ai

cũng cần phải tâm niệm rằng chẳng có nhân vật nào là không thể thay thế. Những người mà người ta tưởng không thể thay thế ngày nay đã nằm chặt nghĩa địa, như lời nói của một văn hào quốc tế. Có tôi, hay không, thì Viện đại học vẫn tiếp tục bình thường.

Tôi dút lời. Toàn thể giáo sư, khoa trưởng ngơ ngác chưa hiểu được biến cố nhỏ vừa xảy ra vì việc bất ngờ. Họ nhìn tôi, nhìn ông Trình, nhìn ông Thế với những đôi mắt ngơ ngác, nhiều người cúi đầu. Rồi một phản ứng mà tôi đã đoán trước bột phát trong đám khoa trưởng và vài giáo sư. Nhiều người lên tiếng phản đối việc thay thế tôi giữa lúc này và tuyên bố không công nhận lễ bàn giao. Nhiều người bỏ đi ra ngoài một cách lặng lẽ, âm thầm. Ông Trình và ông Thế có vẻ lúng túng. Nhưng rồi lễ bàn giao cũng chấm dứt theo đúng nghi lễ.

Khoảng chín giờ, sau lễ bàn giao, vừa về đến nhà tôi lấy làm ngạc nhiên, thấy ngoài đường, trong sân, trên thềm chật đầy những sinh viên. Tôi đoán chừng ngay sau khi ông Trình tuyên bố quyết định của Tổng thống, một vài giáo sư bất mãn đã bỏ ra về và báo tin cho sinh viên biết.

Thấy tôi, các sinh viên reo hò vỗ tay:

- Cha không thể đi được.
- Cha không thể bỏ chúng con lúc này.
- Cha hãy ở lại với chúng con.
- Trần Hữu Thế cút đi.
- ...

Vài sinh viên lớn tuổi và có vẻ đầu đàn trong bọn xúm lại gần tôi, nắm tay tôi dẫn lên thềm, rồi đưa hai tay tôi giơ lên cao hô to:

- Hoan hô Viện trưởng Cao Văn Luận.

Cả bọn lặp lại nhiều lần, và càng lúc số sinh viên kéo đến ngoài đường càng đông thêm.

Tôi lo sợ nếu cứ như thế này thì chẳng mấy lúc số sinh viên tụ tập ở

đẩy lên đến hàng ngàn, và từ bất mãn này cộng thêm bất mãn khác, họ có thể biến cuộc tụ họp ôn hoà này thành một cuộc biểu tình mà hậu quả chưa biết ra sao.

Tôi cũng lo sợ trong đám sinh viên thực tình thương mến tôi, có một số trong phong trào tranh đấu muốn lợi dụng sự bất mãn của các sinh viên gây thơ nhẹ dạ để lôi cuốn họ vào những hành động chống đối.

Tôi vẫy tay chào và ra hiệu cho đám sinh viên yên lặng:

- Các anh chị về đi, cha chưa đi ngay đâu mà sợ. Nếu cha có đi thì ít ra cũng phải đến mai.

Đám sinh viên dùng dằng chưa muốn giải tán ngay. Tôi nói những anh đứng gần nhất:

- Các anh nên nói với anh chị em giải tán đi thôi, kéo người ta hiểu lầm là cha xách động các anh chị.

Tôi nói câu này như một lời nói đùa mà thôi.

Đám sinh viên từ từ giải tán, từng tùm năm ba người kéo ra về, bàn tán xôn xao về việc giải nhiệm chức Viện trưởng của tôi.

Tôi vào nhà gọi người nhà dọn cơm sớm. Thu xếp một ít quần áo rồi lúc hơn 12 giờ trưa mượn chiếc xe hơi riêng của ông Vũ Đình Chính vô Đà Nẵng ngay. Tôi đến cha Ngô Đình Phú cho ông biết chỗ ở, và nhờ giữ kín.

Về sau tôi được biết, lúc 3 giờ chiều hàng ngàn sinh viên kéo đến trước nhà tôi khiêng theo một chiếc kiệu, dự định rước tôi lên Viện đại học, biểu tình đòi ông Thế phải từ chức và yêu cầu Tổng thống huỷ bỏ quyết định giải nhiệm tôi. Các khoa trưởng giáo sư phản đối ôn hoà hơn, nhưng ngay trong ngày đó họ cũng làm kiến nghị, gửi lên Bộ giáo dục và phủ Tổng thống yêu cầu trả chức Viện trưởng lại cho tôi.

Các sinh viên tìm không thấy tôi, hay tin tôi đã bỏ đi lại càng tỏ ra bất mãn hơn, khiêng kiệu trống kéo xuống đường tiến về phía Viện đại học.

Lúc đầu đám sinh viên có lẽ không đông lắm nhưng dọc đường có thêm nhiều sinh viên và học sinh trung học gia nhập làm cho đám biểu tình lên

đến hàng ngàn người đến Viện đại học. Trần Hữu Thế không dám ra tiếp họ. Các giáo sư khoa trường phần lớn đều tán đồng cuộc biểu tình này nên chẳng có ai ra can thiệp để yêu cầu sinh viên giải tán, vì thế mà càng về chiều thì cuộc biểu tình càng đông đảo và ồn ào. Ông Cẩn, Đức cha Thục bây giờ thấy hậu quả nguy hiểm của việc giải nhiệm tôi, lo lắng lắm, và Đức cha Thục cho hai cha là cha Phát, Tổng đại diện toà giám mục Huế và cha Bình vào Đà Nẵng tìm tôi, trao cho tôi một lá thư yêu cầu tôi trở lại dàn xếp ổn thoả vụ biểu tình của sinh viên vì sợ sinh viên sẽ làm loạn và tạo nên tình hình gay cấn thêm.

Trong bức thư Đức cha Thục kêu gọi tinh thần hiểu biết và bác ái của một vị linh mục nơi tôi hãy giúp Đức cha trấn an các sinh viên trong ít lâu. Đức cha cũng giải thích việc giải nhiệm tôi và nói rằng Tổng thống nhận thấy lúc này vì tình thế quá khó khăn, phức tạp, sợ một vị linh mục giữ chức vụ Viện trưởng viện đại học Huế sẽ gặp tình cảnh khó xử, nên Tổng thống mới cho một người đời thay thế chứ thực tâm Tổng thống không có ý gì là buồn lòng hoặc hết tin cậy tôi cả.

Tổng thống cũng đã có ý định cho tôi thôi chức Viện trưởng để cử tôi làm đại diện VNCH tại cơ quan văn hoá Liên hiệp quốc (UNESCO).

Tôi đọc thư Đức cha Thục trong lúc cha Phát và cha Bình ngồi chờ. Tôi nhờ hai cha thưa lại với Đức cha rằng tôi không hề buồn phiền gì cả đối với Tổng thống và Đức cha về việc cho tôi thôi làm Viện trưởng, trái lại tôi vui mừng và cảm ơn vì hai vị đã gỡ cho tôi một gánh nặng lớn lao.

Tôi cũng sẵn sàng làm mọi việc để giúp Đức cha giải quyết vấn đề sinh viên, nhưng việc tôi trở ra Huế lúc này quả thực không thể làm sao để cho vụ sinh viên yên được. Tôi ra Huế lúc này chẳng những không giúp làm ổn định tình hình, mà trái lại có thể gây nên những phản ứng bất ngờ và tai hại nơi sinh viên.

Tôi nêu lên trường hợp nếu bây giờ tôi trở ra Huế sinh viên quyết liệt đòi tôi làm Viện trưởng trở lại, và đòi huỷ chức ông Thế, thì Đức cha và Tổng thống sẽ xử cách nào?

Tôi, Đức cha và Tổng thống vì danh dự và tự ái mỗi người không thể thay đổi quyết định được. Như thế sinh viên lại càng bất mãn, và vụ lộn xộn càng nổ lớn thêm.

Vậy tôi nhờ hai cha về thưa lại với Đức cha điều đó và xin phép Đức cha cho tôi được nghỉ ở Đà Nẵng mấy hôm rồi vô Sài Gòn, còn về cái chức đại diện chính phủ VNCH tại UNESCO thì tôi xin cảm ơn Đức cha và Tổng thống, nhưng không dám nhận, vì sau bảy năm làm Viện trưởng tôi đã ngao ngán và lo sợ trách nhiệm lắm rồi, nay chỉ muốn được yên ổn để lo việc đạo mà thôi.

Tôi ở Đà Nẵng được hai hôm nữa thì ông Cần sai Phan Quang Đông vào tìm gặp tôi và cho tôi biết rằng ông Nhu đánh điện ra cho ông Cần nói phải tìm mọi cách mời tôi ra Huế. Phan Quang Đông cũng cho tôi biết trong mấy ngày qua, phong trào sinh viên trở nên gay gắt, lộn xộn hơn, tuy chưa có đám biểu tình nào thật lớn, nhưng mầm chống đối trong dân chúng nay lại được các sinh viên tham dự gần như đồng loạt, cùng dâng cao hơn. Mọi nhà Phật tử đều đóng cửa cầu siêu cho Đại đức Tiêu Diêu tự thiêu ngày 18-8, tức là cùng ngày tôi ra đi khỏi Huế.

Tôi cũng trả lời tương tự như đã trả lời với Đức cha Thực.

Đêm 20-8 tại Đà Nẵng có cuộc biểu tình lớn của Phật tử. Cuộc biểu tình lan khắp các đường phố lớn. Nhiều vụ xô xát với cảnh sát xảy ra làm cho nhiều người bị thương ở cả hai phía Phật giáo và cảnh sát. Lệnh giới nghiêm được áp dụng tại Đà Nẵng. Cũng trong đêm này Cảnh sát chiến đấu đến bao vây lục soát chùa Xá Lợi lúc bấy giờ là trụ sở của Ủy ban liên phái Phật giáo. Những Phật tử tụ tập ở đây đã chống lại cảnh sát và gây ra nhiều cuộc xô xát.

Cảnh sát nổ súng làm nhiều người bị thương, và một số tăng ni, Phật tử bị bắt. Hoà thượng Thích Tịnh Khiết bị cảnh sát xô ngã bị thương ở mắt. Các chùa khác ở Sài Gòn như chùa Ấn Quang, Kỳ Viên Tự cũng bị lục soát. Gần sáng ông Diệm triệu tập hội đồng nội các, tuyên bố cần phải quyết liệt và cứng rắn đối với Phật giáo, vì có tin Việt cộng sắp lợi dụng các vụ lộn xộn này để gây loạn ở Thủ đô. Sáng hôm đó, ông Diệm ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn quốc, tuyên bố tình trạng khẩn trương, và giao trách nhiệm bảo vệ an ninh cho quân đội.

Hôm sau 21-8 tôi hay tin ông Vũ Văn Mẫu xuống tóc để phản đối sự đàn áp Phật giáo. Ngày 21-8 tôi vào Sài Gòn ở tại nhà ông Nguyễn Hạnh đường Hiền Vương. Tôi lại được tin Đại sứ Trần Văn Chương tại Hoa Thịnh Đốn được chấm dứt nhiệm vụ. Bà Ngô Đình Nhu lúc đó đi vòng quanh thế giới, đến đâu cũng tuyên bố những lời lẽ có luận điệu đả kích, thoả mạ Phật giáo

và để cho cộng sản xách động các vụ tranh đấu của Phật giáo. Dư luận Mỹ và quốc tế lúc bấy giờ như tôi đã trình bày trước, hoàn toàn chống lại ông Diệm, và nhất là bà Nhu, cho nên những lời lẽ của bà Nhu, cũng như sự xuất hiện của bà càng làm cho dư luận quốc tế phản ứng bất lợi đối với chính phủ.

Tôi nhận được một điện tín của ông Trần Văn Chương báo tin cho tôi biết ông cũng bị giải nhiệm và chúc mừng tôi đã thoát khỏi cái “nợ”.

Thời gian mấy tháng ở Sài Gòn, tôi gần như bị canh chừng và bao vây. Lúc nào trước cửa nhà ông Hạnh cũng có một vài cảnh sát chìm và cảnh sát đồng phục lảng vảng. Tôi biết vậy nên chẳng đi đâu cũng không gặp ai. Chẳng phải tôi lo cho bản thân mà sợ phiền lụy đến những người tôi gặp gỡ. Từ Đà Nẵng vào vài hôm, tôi đến gặp Đức khâm sứ của toà thánh.

Ngài cho biết rằng có lẽ nhờ sự can thiệp của Đức giáo hoàng nên có một lúc Tổng thống đã quyết định cho ông bà Nhu đi Pháp trong ít lâu, và thay đổi thành phần nội các, bãi bỏ những biện pháp cứng rắn đối với Phật giáo, nhưng sau một phiên họp hội đồng gia tộc thu hẹp, không có bà Nhu, ông Cần, chỉ có ba người là ông Diệm, ông Nhu và Đức cha Thục, Tổng thống đã quyết định dùng các biện pháp cứng rắn như đã ban hành ngày 21-8. Đức khâm sứ lấy làm tiếc về việc tôi bị giải chức. Nhưng ngài tỏ ra lo lắng hơn vì tình hình đất nước Việt Nam.

Đức khâm sứ toà thánh cho tôi biết rằng, theo nhận định của ngài thì chế độ họ Ngô khó thoát khỏi cơn thử thách định mệnh này, và để tránh những hậu quả tai hại cho đạo Công giáo, Đức khâm sứ đã mời Đức cha Thục đi La Mã sớm để dự cộng đồng Vatican mặc dù cộng đồng chưa khai mạc. Ngài cho tôi hay rằng trong trường hợp các cuộc hỗn loạn xảy ra Đức cha Thục khó có thể tránh được những tai hoạ khó lường, và trong trường hợp đó Toà thánh phải can thiệp. Nếu thành công Toà thánh cũng mang tiếng là dùng áp lực, nếu thất bại thì mất uy tín giáo hội.

Đức cha Thục được mời đi dự cộng đồng Vatican và ngài lên đường vào tháng 9, sang Roma rồi qua Nữ Ước phát một thông cáo biện hộ cho các biện pháp cứng rắn của chính phủ, nhưng dư luận Mỹ bấy giờ đã có thành kiến với ông Diệm cho nên chẳng có lời biện hộ nào thay đổi được chiều hướng dư luận. Đức Hồng Y Spellman ngày trước rất thân thiết với gia đình ông Diệm, và quen Đức cha Thục, cũng không tiếp. Trong thời gian này, tôi hay tin ông Đại sứ Henry Cabot Lodge để nsg làm đại sứ, thay thế Đại sứ

Nolting bị triệu hồi về nước và hình như bị khiển trách là đã báo cáo sai lạc về chế độ ông Diệm.

Tất cả các trường học bị đóng cửa vô hạn định. Cũng trong thời gian này, tôi nằm nhà đọc sách, ngóng tin tức, và ngày nào cũng có nghe tin biểu tình lớn của sinh viên, Phật tử tăng ni trước chợ Bến Thành. Hơn ngàn người phản lớn các tăng ni trẻ bị bắt và đem giam tại trại huấn luyện Quang Trung.

Vấn đề Pháp tại Việt Nam được đưa ra trước Liên hiệp quốc và Đại sứ Bửu Hội đề nghị Liên hiệp quốc cử phái đoàn sang Việt Nam điều tra. Tình thế càng ngày càng gay gắt, và đến cuối tháng mười tất cả bảy vụ tự thiêu trên toàn quốc.

Thời gian này tôi không tiếp xúc với ai nhiều, nhưng vẫn để ý theo dõi tình hình và dư luận trong ngoài nước. Nếu tôi nhớ không lầm thì ngày 25-8 trong chương trình phát thanh của Đài tiếng nói Hoa Kỳ, Tổng thống Kennedy họp báo tuyên bố rằng muốn công cuộc ngăn chặn cộng sản tại Việt Nam hữu hiệu cần phải thay đổi chính sách, và không chùng, thay đổi hệ thống nhân sự lãnh đạo tại Sài Gòn. Cũng khoảng thời gian này, bà Ngô Đình Nhu họp báo tại Los Angeles tuyên bố rằng Mỹ đang dự định tổ chức một cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Bà tố cáo rằng hiện thời ở Việt Nam bất cứ một cuộc đảo chánh nào cũng không thể thành công được trừ khi được Mỹ xúi giục và hậu thuẫn.

Những tờ báo Mỹ như News eek, Business week, Washington Fost đề cập đến một cuộc đảo chánh do các tướng lãnh Việt Nam chủ mưu, hay thực hiện, có sự đồng tình của Bộ ngoại giao Mỹ. Tờ News week viết rằng không có gì bảo đảm, nếu Mỹ chủ mưu một cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm hiện nay thì công cuộc chống cộng sẽ hữu hiệu hơn. Tạp chí Business week thì viết với tựa đề Mỹ sắp đào hố dưới chân chế độ ông Diệm, rằng có thể chúng ta (Mỹ) sẽ phải hậu thuẫn cho một cuộc đảo chánh bằng lực lượng quân sự. Hoa Thịnh Đốn đã ngỏ ý cách khác rõ ràng cho mọi người đủ hiểu rằng nơi này không còn ủng hộ ông Diệm nữa, bất cứ hành động nào âm mưu lật đổ chế độ Diệm đều được cứu xét với chiều hướng thiện cảm.

Tôi được nghe những tin đồn nói rằng Bộ ngoại giao Mỹ họp với một vài dân biểu và Thượng nghị sĩ Mỹ. Mỹ đang gây áp lực mạnh mẽ đối với Tổng thống Kennedy để xúi ông này bật đèn xanh cho phép nhóm Á Châu. Sự vụ tại Bộ ngoại giao công khai hậu thuẫn một cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm.

Sự thành công của nhóm này được chứng minh bằng sự triệu hồi Đại sứ Nolting, giám đốc cơ quan Trung ương tình báo Mỹ CIA tại VN là ông Richardsson về Hoa Thịnh Đốn, và thay thế bằng Đại sứ Lodge. Nhóm chủ trương loại trừ ông Diệm tại Bộ ngoại giao do các ông Roger Hilsman, Averell Harriman, Paul Mỹ Kattenburg. Đặc biệt ông Kattenburg, giám đốc Việt Nam Vụ tại Bộ ngoại giao Mỹ, trước đây từng là sĩ quan tình báo trong cơ quan tình báo quân đội OSS tại Á Châu vào năm 1955, đã chủ trương lật đổ ông Diệm một lần.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 42 -

Cuộc đảo chánh và cái chết của Tổng thống Diệm

Theo một tài liệu được tiết lộ tại Quốc hội, thì từ khi trở lại chức vụ giám đốc Việt Nam vụ, ông Kettenburg chủ xướng một phong trào chống ông Diệm, gây ác cảm với ông Diệm trong hàng ngũ chính khách và Bộ ngoại giao Mỹ. Ông đã thành công ngoài sức tưởng tượng, nhờ những sự vụng về của ông Diệm trong vụ Phật giáo. Báo chí Mỹ khi nghe nói đến đàn áp tôn giáo thì lập tức có thiện cảm với kẻ bị đàn áp và chống lại chính quyền chủ trương đàn áp.

Một bằng chứng khác về thái độ ác cảm của Mỹ lúc bấy giờ đối với ông Diệm, là trước ngày đảo chánh vài tháng Mỹ ngưng tài trợ cho LLDB, do đại tá Lê Quang Tung chỉ huy, chỉ vì một lý do duy nhất là đơn vị thiện chiến này ủng hộ ông Diệm.

Mặc khác, Mỹ cũng ngưng viện trợ mười hai triệu Mỹ kim cho Việt Nam để mua thực phẩm và máy móc. Những hành động có tính cách áp lực của Mỹ lập tức gây ra những hậu quả trông thấy. Trước hết một số tướng lãnh, quân nhân cao cấp nhận thấy Mỹ đã bật đèn xanh cho họ tổ chức đảo chánh. Ngoài dân chúng, vật giá vọt tăng lên gây bất mãn nặng nề đối với chế độ hiện thời. Giá Mỹ kim đang ở khoảng 75\$ Việt Nam tăng vọt giá gấp đôi, một Mỹ kim đổi được một trăm bảy mươi đồng Việt Nam.

Ông Diệm và ông Nhu biết những tin đồn về một cuộc đảo chánh, nhưng

vẫn không tin rằng Mỹ chủ động.

Tuy nhiên hai ông cũng biết rằng ông đại sứ Henre Cabot Lodge lúc mới đến Sài Gòn, trước khi vào trình uỷ nhiệm thư đã tiếp xúc với các nhà lãnh đạo phong trào Phật giáo đấu tranh chống ông Diệm. Trong một cuộc tiếp xúc với ông Lodge, ông Diệm nêu lên những tin đồn về một cuộc đảo chánh và hỏi thái độ của Mỹ, của Toà đại sứ Mỹ trong trường hợp đó như thế nào. Ông Lodge đã trả lời cách mỉa mai rằng Toà đại sứ Mỹ lúc nào cũng sẵn sàng giúp ông bảo toàn tánh mạng và ra khỏi nước yên lành.

Đêm hai mươi bốn tháng tám, một điện tín khẩn của Bộ ngoại giao Mỹ theo lối ám hiệu phổ biến trên đài tiếng nói Hoa Kỳ: Nhờ bạn mua dùm một chai huyết-ki tại P.X, đó là ám hiệu nói rằng ngày giờ hành động (đảo chánh) đã rất gần, hãy chuẩn bị gấp. Cũng trong chương trình phát thanh đó, đài tiếng nói Hoa Kỳ công khai xúi giục các đơn vị quân đội chống lại ông Diệm.

Hôm sau, ông Diệm điện mật cho các chỉ huy trưởng gửi kiến nghị và điện văn để chống lại lời xúi giục của Mỹ và lên tiếng ủng hộ ông.

Tôi vừa buồn phiền, vừa lo lắng khi nghe những tin tức trên đây, và mong muốn được hiểu rõ tình trạng trong nước hơn, nhưng như đã nói lúc này ông Diệm cho người canh chừng tôi, báo cáo lên ông Nhu và ông Diệm mọi sự đi lại của tôi nên tôi không thể đến gặp bất cứ ai, nhiều khi tôi muốn viết một bản điều trần thứ hai, cảnh giác ông Diệm một lần chót.

Nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã làm hết sức mình. Ông Diệm đã nghe ý kiến tôi, bây giờ có nhắc lại những khuyến cáo chân thành trước, thì chỉ làm cho ông Diệm khó chịu mà chẳng ích lợi gì. Tôi cũng hết sức thất vọng từ khi nghe Đức khâm sứ nói chuyện với tôi và cho biết ông Diệm đã có thái độ và đường lối chủ trương cứng rắn, sau cuộc họp Hội đồng gia tộc thu hẹp.

Tôi chẳng còn biết làm gì hơn là ngồi nhà mở radio nghe đủ các đài và càng nhận thấy rõ ràng hơn là người Mỹ đã thực hiện lời đe dọa trước đây, nhấn nhĩ qua tôi: cuối năm 1963 phải thanh toán ông Diệm thực sự.

Một sự nhầm lẫn tai hại khác của ông Diệm là đã chọn một vị tướng lãnh làm Tổng trấn Sài Gòn, lúc bấy giờ, vì tin tưởng vị tướng ấy trung thành tuyệt đối với ông, với chế độ. Quả thực lúc đầu tướng Đ. lên nắm quyền Tổng trấn chưa có ý nghĩ lật đổ ông Diệm.

Nhưng vào giữa tháng 10 khi tướng Đ. tìm cách đưa các đơn vị LLDB của đại tá Lê Quang Tung đi xa Sài Gòn lấy cớ rằng các mặt trận khác cần đến LLDB hơn là Sài Gòn vì tại Sài Gòn, ông đủ quân số thiện chiến và trung thành phòng ngừa mọi bất trắc, thì người ta thấy ngay sự thay đổi lập trường của tướng Đ.

Tôi nghe một nhà báo Mỹ nói rằng Mỹ và những kẻ chủ mưu đã tốn rất nhiều công khó và cơ mưu để thu phục tướng Đ về phe đảo chánh.

Tôi nghe một nhà báo Mỹ nói rằng, Mỹ và những kẻ chủ mưu một nhân viên C.I.A Mỹ đã tiếp xúc với một thầy tướng số mà tướng Đ rất tin nghe để ông thầy tướng này dùng tướng số bói toán lung lạc lập trường của tướng Đ. Người Mỹ đã nghiên cứu kỹ tính tình, tâm lý và gần như là một cuộc phân tâm học kỹ lưỡng cho tất cả các tướng lãnh Việt Nam có chức quyền thời bấy giờ, và đã dựa vào những hiểu biết tâm lý đó để xúi giục họ chống lại ông Diệm. Đại loại thì lúc bấy giờ ông tướng này cũng thấy mình nhỏ bé trước mặt ông Diệm, Đức cha Thục và cả bà Nhu và họ đã dùng những người thân cận để nịnh bợ, đề cao, xúi giục.

Một người Mỹ, sau ngày đảo chánh đã kể lại rằng những tướng lãnh Việt Nam rất tin tướng số. Người Mỹ biết điều đó đã khổ công mua chuộc các thầy tướng số được các tướng lãnh tin nghe để các ông thầy tướngn ỏi cho họ rằng còn ông Diệm thì sự nghiệp quân sự và chính trị của họ khó mà thành công được.

Các thầy tướng tương thạo chữ nho, dùng lối chiết tự tên tuổi của các tướng lãnh, nói tên của những người trong gia đình họ Ngô, để chứng minh rằng trên cuộc đời của họ có một chương ngại vật to lớn mà theo lối chiết tự, thì chương ngại vật đó không ai khác hơn anh em ông Diệm. Từ chỗ đó gợi cho họ có ý phải loại trừ ông Diệm, quả thật chẳng khó khăn chi lắm. Người Mỹ cũng đã hết ủng hộ ông Diệm và bất cứ hành động chống đối ông Diệm nào cũng được Mỹ thuận tình.

Sau ngày Quốc khánh năm 63, tức là ngày 26-10, những tin đồn về các cuộc đảo chánh lại càng được loan truyền khắp nơi. Tôi chẳng đi đâu cũng được nghe đầy đủ những tin đồn đó. Hình như ngày 30 hay 31-10 tôi được một người quen cho biết các đơn vị LLDB của đại tá Tung đã được lệnh của Tổng thống rời Sài Gòn gấp. Ngày 31-10 ông Diệm tuyên bố trả tự do cho tất cả những tăng ni Phật tử bị bắt trong các cuộc biểu tình và khám xét chùa chiền trước đây.

Điều kỳ cục là chính tin này đã làm cho cuộc đảo chánh xảy ra ngày hôm sau, 1-1. Điều đó nghĩ lại cũng dễ hiểu. Phe chủ trương đảo chánh có một số người Mỹ trong đó, lo sợ biện pháp hoà dịu của ông Diệm sẽ làm cho Phật giáo hết chống đối chế độ, và như thế đã gỡ được một cái ngòi chống đối, cho nên họ phải hành động gấp trước khi những kẻ bị bắt giam thật sự được phóng thích. Trước hành động này của ông Diệm hình như một số người Mỹ trong đó có đại sứ Lodge có vẻ bất quyết liệt trong chủ mưu hạ ông Diệm.

Trong cuộc tiếp xúc cùng ngày 1-11-1963 giữa ông Diệm và ông Lodge và Đô đốc marry Felt, tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Viễn đông ở dinh Gia Long, ông Lodge đã nói rằng ông hy vọng tình hình chính trị sẽ được cải thiện. Đô đốc Felt rời Sài Gòn ngay sáng hôm đó, và hình như những người Mỹ tổ chức chương trình thăm viếng Đô đốc Felt muốn tránh cho ông trường hợp khó xử trên nếu ông ở lại thêm vài giờ. Điều này đủ chứng tỏ người Mỹ biết rõ cuộc đảo chánh sắp xảy ra trong ngày này.

Cuộc đảo chánh đã được quyết định vào ngày 1-11, thứ sáu nhằm lễ các Thánh giờ khởi sự định vào lúc 1 giờ 30 chiều. Trong sáng thứ sáu 1-11, dân chúng thấy nhiều đoàn xe nhà binh chở đầy lính tráng có súng ống chạy qua lại nhiều đường phố Sài Gòn.

Những việc tôi kể sau đây, đúc kết những tin tức, hiểu biết thu lượm về sau, về sự chính xác khó được hoàn toàn. Sáng 1-11, khoảng chín giờ, Đô đốc Hồ Tấn Quyền, Tư lệnh hải quân Việt Nam tiếp hai sĩ quan thân cận đến chúc mừng ngày sinh nhật của ông.

Mở đầu câu chuyện hai người này yêu cầu ông Quyền theo phe Cách mạng, nhưng ông Quyền từ chối và đã bị bắt lên xe hơi đem ra ngoại ô thủ tiêu ngay lập tức. Tuy vậy Hải quân vẫn trung thành với ông Diệm.

Vào trưa ngày thứ sáu, các đơn vị tham gia cuộc đảo chánh đã chiếm giữ các vị trí then chốt trong và quanh đô thành bao vây dinh Gia Long, thành Cộng Hoà, tức là căn cứ của Liên binh phòng vệ phủ Tổng thống, tiếng súng đầu tiên nổ khoảng 1 giờ 30. Chỉ có hai nơi chống trả thật sự là Bộ Tư lệnh hải quân ở bến Bạch Đằng và thành Cộng Hoà.

Vào lúc gần 5 giờ chiều, đài phát thanh Sài Gòn loan tin cuộc đảo chánh và đọc đi đọc lại nhiều lần tuyên ngôn của phe đảo chánh. Lúc đó ông Diệm điện thoại cho đại sứ Lodge báo tin rằng một vài đơn vị quân đội nổi loạn và

hỏi thăm thái độ của Mỹ đối với vụ này ra sao. Ông Lodge trả lời lạnh lùng rằng: ông đang nghe một vài tiếng súng ngoài đường phố, và nếu ông Diệm cần được bảo đảm sự an toàn sinh mạng thì ông có thể cho một trực thăng đến chở hai anh em ông đến Tòa đại sứ, lên Tân Sơn Nhất đi ngoại quốc. Nghe đâu ông Diệm và ông Nhu đã giận dữ nói rằng: ông sẽ dẹp tan đám quân nổi loạn hôm nay như đã làm lần trước 11-11-1960. Ông Lodge nhắc lại rằng nếu ông Diệm và ông Nhu cần giúp đỡ để bảo vệ sinh mạng và ra ngoại quốc thì lúc nào ông cũng sẵn sàng.

Vào sáng tối khoảng 8 giờ chiều anh em ông Diệm thoát ra ngõ sau dinh Gia Long, nghe nói theo một đường hầm từ dinh trở ra một căn nhà ở đường Lê Thánh Tôn, rồi dùng xe hơi mang bằng số đến nhà Mã Tuyên. Tại đây ông Diệm và ông Nhu vẫn chưa hiểu rõ tình hình, tin tưởng rằng tướng Đ. vẫn còn trung thành và gọi điện thoại cho tướng Đ. nhiều lần.

Lần cuối tướng Đ. đã xẵng giọng trả lời ông đã cứu thoát ông Diệm nhiều lần, nhưng lần này thì không thể được. Có lẽ chính những lần gọi điện thoại đã giúp cho phe đảo chánh biết được nơi ẩn nấp của ông Diệm và ông Nhu. Sáng ngày thứ bảy 2-11, ông Diệm và ông Nhu vừa từ nhà Mã Tuyên đến nhà thờ Thánh Phan-Xi-Cô Xa Vi Ê còn được gọi là nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn được vài phút thì ba xe thiết giáp đến bao vây nhà thờ.

Tướng Mai Hữu Xuân đích thân chỉ huy cánh quân này cùng với thiếu tá Nguyễn Văn Nhung, tùy viên của tướng Dương Văn Minh.

Quân đảo chánh ập vào nhà thờ, bắt trói anh em ông Diệm kéo lên xe thiết giáp. Những chuyện xảy ra sau đó được kể lại tùy theo từng nhân chứng, có nhiều chi tiết mâu thuẫn.

Trong ngày thứ bảy 2-11, đài phát thanh loan tin anh em ông Diệm tự tử sau khi bị bắt. Sau đó lại có bản tin nói rằng ông Nhu đã chống cự, xỉ vả quân cách mạng gây một cuộc xô xát nên bị bắn chết và cái chết xảy ra như một tai nạn vô tình.

Khi xác chết anh em ông Diệm được đưa vào nhà thương Saint-Paul thì dây trói quặt cánh khuỷu hai người vẫn còn nguyên.

Trên ngực ông Nhu có nhiều vết thương sâu do dao đâm vào và một vết đạn súng lục trên đầu. Trên thân thể ông Diệm, chỉ có một vết thương ở đầu.

Một người lính thiết giáp kể rằng ông Nhung (thiếu tá) vốn có một người bà con theo đảng Đại Việt bị bắt và xử tử hay thủ tiêu trong thời kỳ cực thịnh của chế độ họ Ngô, đã cãi vả mắng chửi ông Nhu.

Ông Nhu nhìn ông Nhung cách lạnh lùng, khinh bỉ, và nói vài tiếng tỏ ý khinh miệt.

Ông Nhung đã giật súng có gắn lưỡi lê của một người lính thiết giáp đâm ông Nhu nhiều lát sau lưng, rồi ông Nhu ngã gục nhưng vẫn chưa chết ngay, thì ông Nhung bắn một phát đạn súng lục vào đầu. Các cuộc khám nghiệm sau đó và các phóng ảnh cho thấy ông Nhu bị nhiều vết thương do vật bén nhọn đâm từ lưng trở ra bụng, và một vết đạn ở đầu.

Sau khi ông Nhu bị đâm nhiều lát, ông Nhung đã bắn một phát súng lục vào đầu ông Diệm, và phát đạn này kết liễu cuộc đời ông Diệm ngay lập tức.

Một người khác kể thêm rằng, khi bắt được hai anh em ông Diệm trôi quạt cánh khuấy, dẫn từ trong nhà thờ ra xe thiết giáp, tướng Mai Hữu Xuân đã đánh điện về các tướng lãnh tại Bộ Tổng tham mưu chỉ huy cuộc đảo chánh xin chỉ thị, sau một lúc bàn cãi, các tướng lãnh đã bỏ phiếu với đa số quyết định phải thủ tiêu ông Diệm gấp, vì lo sợ nếu để ông Diệm sống sót, thì một số đơn vị quân đội có thể ủng hộ ông chống lại phe đảo chánh.

Hiện nay về cái chết của anh em ông Diệm, nhiều người trong cuộc biết rõ, nhưng phần lớn đang sống nên không ai chịu nói ra, vì vậy nhiều bí mật vẫn còn bao trùm xung quanh. Một điều làm tôi chưa xót là chuyện ông Cần.

Ông Cần khi hay tin hai ông Diệm và Nhu bị giết, đã liên lạc với Toà lãnh sự Mỹ tại Huế xin được tị nạn trong Toà lãnh sự Mỹ nhưng đã bị từ chối và hình như chỉ thị từ chối từ Toà Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi ra.

Lúc bấy giờ ông Cần đã đến ẩn núp tại dòng Chúa cứu thế ở Huế, và các Cha dòng Chúa cứu thế muốn cho ông Cần được an toàn tính mạng đã xin cho ông Cần được tị nạn trong Toà lãnh sự Mỹ.

Toà lãnh sự Mỹ điện cho Toà Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, và một máy bay Mỹ ra Huế chở ông Cần vô Sài Gòn tưởng là để cho ông Cần tị nạn tại Toà Đại sứ, chờ cơ hội ra khỏi nước nhưng sự kiện đau đớn là Toà Đại sứ Mỹ đã giao ông Cần cho phe đảo chánh. Về trách nhiệm của Mỹ trong vụ đảo chánh này tôi xin ghi lại một đoạn trong những lời tiết lộ của ông Nhu với nữ ký giả

Sugan Lebin:

“Ông Lodge luôn luôn hành động chống lại chúng tôi, với một thành kiến bất di bất dịch mà quan thái thú tại một xứ bảo hộ có thể có được, trước đây ba mươi năm đối với một xứ bảo hộ. Mặc dù Tổng thống Ngô Đình Diệm cố gắng hết sức để chứng minh rằng mỗi cái trò chơi của ông Lodge chắc chỉ có thể làm lợi cho Cộng sản, và đang rơi vào bẫy của Cộng sản nhưng càng cố gắng chứng minh sự thật, thì ông Lodge lại càng hiểu ngược ý chúng tôi.

Ông Lodge đã có gan buộc tôi và vợ tôi rời khỏi Việt Nam. Cô thư tướng tượng nếu Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đôn lên tiếng buộc Tổng thống Kennedy phải ra lệnh cho bào đệ của ông là TNS Robert Kennedy và em dâu phải rời Mỹ, thì phản ứng của gia đình Kennedy sẽ như thế nào?

Theo những gì chúng tôi được nghe, được thấy, thì ông Đại sứ Lodge không hề làm phận sự một Đại sứ tại quốc gia độc lập đồng minh, là nâng cao tinh thần chiến đấu và hợp tác của quân đội Mỹ được gửi đến đây giúp chúng tôi chống Cộng sản mà ông ta chỉ lo việc âm mưu chống lại chính phủ hợp pháp mà ông đã đến trình uỷ nhiệm thơ...”

Nhìn lại tấn tuồng đảo chánh những việc trước và sau đó chúng ta không khỏi bùi ngùi cho số phận một dân tộc nhược tiểu, mang tiếng độc lập, nhưng mỗi dây cai trị đều trong tay một thế lực ngoại quốc.

Sau ngày lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, những xáo trộn và hỗn loạn chính trị, xã hội đã xảy ra đúng như sự lo sợ của tôi. Một vài người biết sự bạc đãi của ông Diệm đối với tôi trong ngày cùng của chế độ, đã đến gặp tôi gần như để chia mừng. Có người nói với tôi: Những điều Cha cảnh cáo cụ Ngô bây giờ xảy ra đúng như tiên tri, có lẽ Cha hài lòng lắm. Tôi đã cau mặt xin người đó đừng nói vậy, vì dù sao thì ông Diệm đối với Tôi cũng có mối tình tri ngộ, tình bằng hữu.

Tôi không hề mong cho ông Diệm và các chế độ của ông sụp đổ mà chỉ mong sao cho ông và chế độ của ông tránh được những lầm lỗi để tồn tại, hướng dẫn dân tộc Việt Nam qua đại nạn. Tôi đau xót nhiều hơn là hài lòng vì mình biết rằng những điều phải xảy ra.

Vài ngày sau khi hay tin ông Diệm mất, tôi được biết những đứa con của ông Nhu còn được phe cách mạng giam giữ.

Chính thức tôi không có tư cách gì để can thiệp nhưng tôi đã tiếp xúc với các nhà lãnh đạo Công giáo trong đó có Đức Khâm sứ Toà thánh, đề nghị ý nhờ ngài can thiệp cho những đứa con của ông Nhu được gửi sang La Mã gặp bà Nhu. Hình như lúc bấy giờ phe cách mạng đang gặp những phản ứng bất lợi của giới ngoại giao tại Sài Gòn, và dư luận thế giới cho nên muốn có cơ hội xoa dịu sự phẫn nộ của giới ngoại giao và dư luận thế giới bằng hành động nhân đạo.

Việc cho phép các con ông Nhu đi ngoại quốc đã được coi như cơ hội chuộc tội và phe cách mạng đã cho các con ông Nhu ra ngoại quốc một cách dễ dàng.

Những ngày đầu tháng 11 thỉnh thoảng tôi ra đường nhìn cảnh tượng sinh viên dân chúng hân hoan chào mừng những đơn vị tham dự đảo chánh, hò reo ủng hộ các tướng lãnh đảo chánh, tôi thấy lo hơn mừng. tôi biết phản ứng của đám đông, nhiều khi chân thành nhưng sai lầm, thiếu thận trọng và dẫn đo. Sự bùng bột của đám đông là sức mạnh lớn, đáng sợ nhưng khó bền bỉ nếu không được nuôi dưỡng và sẽ rất nguy hiểm, nếu bị hướng dẫn sai lầm. Tôi lo sợ những phản ứng quá khích của dân chúng và phe cách mạng sẽ đập đổ mọi công trình xây dựng của ông Diệm, kể cả những việc làm chính đáng hữu ích cho dân tộc.

Tôi nghe kể những màn cướp giật, hôi của dinh Gia Long, những cảnh đốt phá đối với vài cơ sở được coi là của chế độ cũ hay thân chế độ cũ mà ngao ngán.

Tôi lại nghe một tướng lãnh cầm đầu phe cách mạng tuyên bố rằng áp chiến lược không cần thiết, không ích lợi, những hàng rào quanh áp chiến lược là hàng rào nhà tù.

Không cần ông phải ký sắc lệnh cho phép dân chúng phá các hàng rào áp chiến lược thì các cán bộ nằm vùng của Cộng sản cũng dựa lời tuyên bố vội vàng hớ hênh đó, giải thích sai lạc thêm lời tuyên bố đó, để mở ra một phong trào phá bỏ áp chiến lược, gỡ rào, san bằng hào lũy giải giới thanh niên chiến đấu. Nhiều áp chiến lược trước đây lập được những thành tích ngăn chặn Cộng sản hữu hiệu, nay thanh niên chiến đấu và cán bộ công dân lo sợ bị tân chế độ đàn áp bắt bớ, vứt súng bỏ trốn, bỏ ngỏ các áp chiến lược lại cho du kích Việt cộng và các cán bộ nằm vùng. Việt cộng xúi dân nổi lên phá hàng rào, san lũy, giải giới thanh niên chiến đấu, mở ngỏ đón bọn Cộng sản nằm vùng. Nhiều áp chiến lược kiểu mẫu, qui tụ phần lớn giáo dân trở

thành nạn nhân đầu tiên của phong trào sai lầm này.

Tại thành phố Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế một vài hành động kỳ thị tôn giáo được khai thác, thổi phồng. Những đám đông Phật giáo quá khích suy luận sai lầm, qui tội lỗi cho Công giáo rục rịch kéo đến xóm đạo mở đầu những cảnh đốt phá hành hạ đàn áp giáo dân.

Rất may uy tín và uy quyền của Mỹ tại Việt Nam còn rất mạnh, và các tướng lãnh thuộc phe đảo chánh cũng rất sợ dư luận Mỹ cho nên đã kịp thời ngăn chặn những vụ kỳ thị tôn giáo vừa phát khởi, như vụ lộn xộn ở khu trường Nguyễn Bá Tòng, Thanh Bồ, Đức Lợi. Tuy vậy một bàn tay bí mật nào đó có thể là Cộng sản đã cố tình thổi phồng sự kỳ thị tôn giáo, gây thêm hiềm khích và chia rẽ giữa người Công giáo Việt Nam và dân chúng Việt Nam không Công giáo.

Cũng rất may các lãnh tụ Phật giáo nhiều lần chính thức lên tiếng khuyên ngăn những vụ kỳ thị do các đám đông quá khích gây ra ở một vài nơi. Nhờ những điều đó mà nạn kỳ thị tôn giáo, bắt bớ người công giáo đã không xảy ra quy mô và toàn diện như lo sợ của tôi.

Cũng vài hôm sau tôi hay tin ông Cần trước trốn vào dòng Chúa cứu thế rồi đến tị nạn tại Toà lãnh sự Mỹ tại Huế và được một máy bay riêng của Toà đại sứ Mỹ tại Sài Gòn ra đón vào Sài Gòn.

Tôi đã biết vị Đức Khâm mạng Toà thánh can thiệp với ông Đại sứ Mỹ, xin cho ông Cần thoát chết, và được ông Lodge cam đoan sẽ bảo đảm sinh mạng cho ông Cần, nên tôi định ninh ông Cần vào Sài Gòn rồi sẽ được giam trong ít lâu và sẽ được phép lưu vong.

Vì nhân đạo cũng như vì thân thiện giữa tôi và ông Cần, tôi rất lo lắng cho tánh mạng của ông. Nhưng lúc này tôi không biết làm cách nào để giúp đỡ ông. Tôi chỉ còn biết tìm gặp một vài người trong tân chế độ trình bày cho họ hiểu ông Cần không có tội lỗi và trách nhiệm gì lớn lao nào trong vụ đàn áp Phật giáo miền Trung, trái lại như tôi đã trình bày trước, ông Cần đã hết sức can thiệp với chánh quyền địa phương cũng như Đức cha Thục để ngăn ngừa những hành động sai lầm của chánh quyền địa phương và Trung ương đối với Phật giáo.

Tôi nhận thấy ông Cần là một người không đến nỗi xấu xa gìh ơn ai, và dù sao thì với hai cái chết của ông Diệm và ông Nhu, những người của tân chế

độ không nên mang thêm một cái chết thứ ba của ông Cẩn vào lương tâm. Tôi trình bày những sự lợi hại đó với một vài người của tân chế độ để yêu cầu họ suy xét kỹ lưỡng trước khi có quyết định nào đối với tánh mạng ông Cẩn.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 43 -

Tôi trở lại Huế

Sự việc đang ở chỗ đó thì tôi được tin một Ủy ban đại diện các sinh viên và giáo sư Đại học Huế vào Sài Gòn gặp tôi. Trước hết họ trình bày sự kính mến của họ đối với tôi, và yêu cầu tôi trở lại giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Huế.

Tôi cũng hơi vui mừng vì nhận thấy những việc làm của mình suốt thời gian làm Viện trưởng Đại học Huế ít ra còn để lại một số tình cảm tốt đẹp cho sinh viên và giáo sư Huế.

Nhưng thật tình tôi đã mệt mỏi lắm, và cũng không muốn mang tiếng là một người phục vụ chế độ ông Diệm, nay ông Diệm mới khuất, chế độ mới đổ mà tôi đã vội vàng nhận sự ưu đãi của tân chế độ, của những người lật đổ ông Diệm.

Dĩ nhiên là những ưu tư này tôi không thể trình bày thẳng với phái đoàn đại diện Viện Đại học Huế được, tôi tìm cách từ chối khéo và nói với họ:

-Các anh em có lòng tốt tưởng nhớ đến tôi, làm tôi rất cảm động và ghi nhớ tấm lòng đó của anh em. Nhưng quyền làm Viện trưởng hay không, thì không ở trong tay tôi. Tôi là một công dân Việt Nam. Trước đây ông Diệm với tư cách Tổng thống Việt Nam yêu cầu tôi giữ chức Viện trưởng thì tôi nhận và hết lòng làm việc cho Viện Đại học Huế lớn mạnh. Nay quốc gia chúng ta có một chính quyền mới, thì sự quyết định cử tôi làm Viện trưởng hay cử ai khác thay thế ông Viện trưởng Trần Hữu Thế là quyền của chính quyền đó. Anh em đến thăm tôi thì tôi xin cảm ơn và gửi lời cảm ơn tất cả anh em sinh viên, khoa trưởng, giáo sư Viện Đại học Huế, nhưng việc nhận chức Viện trưởng như lời yêu cầu anh em thì không thuộc quyền tôi, vậy các anh em nên nói với những người hữu trách trong tân chế độ thì hơn.

Tôi hiểu một vài người bạn, hoặc quen biết nghĩ rằng tôi đã được ông Diệm tin dùng thì nên giữ tiết tháo, đóng cửa nằm nhà đọc sách lo việc đạo thì hơn là trở ra làm việc với chính quyền mới. Một vài người theo quan niệm ấy đã gửi nhắn lời đến can gián tôi, khi hay tin có một phái đoàn đại diện Đại học Huế vào tiếp xúc với tôi. Những lời can gián đó cũng làm tôi suy nghĩ khá nhiều và quả thực tôi do dự. Nhưng tôi định ninh rằng tân chính phủ không hề nghĩ đến việc cử tôi làm Viện trưởng Viện Đại học Huế lần thứ hai.

Tuy nhiên tôi cũng lo lắng đến những xáo trộn ở Huế, những kỳ thị tôn giáo có thể xảy ra ở vùng miền Trung nơi mà tâm lý dân chúng có những phản ứng quá khích. Tôi nghĩ rằng nếu trở lại chức vụ Viện trưởng Đại học tôi có thể chứng minh được rằng trước cũng như bây giờ, đạo công giáo không hề có chủ trương kỳ thị tôn giáo.

Tôi cũng hy vọng với những cảm tình mà sinh viên Đại học Huế dành cho tôi, tôi có thể ngăn chặn được phần nào cái hoạ kỳ thị tôn giáo. Tôi biết ở Huế sinh viên đóng vai trò hết sức quan trọng trong sinh hoạt xã hội và chính trị, cho nên nếu sinh viên Huế không gia nhập vào các hoạt động kỳ thị tôn giáo thì quần chúng Huế sẽ khó gây ra những vụ kỳ thị đáng kể nào.

Những điều này tôi chưa nói ra, mặc dầu đến nay vẫn còn nhiều người trách tôi đã nhận chức Viện trưởng Viện Đại học Huế lần thứ hai, do chính quyền cách mạng bỏ nhiệm. Bây giờ chúng tôi nói ra không phải để biện hộ cho mình, nhưng chỉ để nói lên một nỗi ưu tư của tôi.

Sau khi nghe tôi trình bày như vậy, phái đoàn Đại học Viện Đại học Huế lên gặp các tướng lĩnh phe cách mạng và tân Thủ tướng Nguyễn Ngọc Thơ. Ít hôm sau tôi được ông Nguyễn Ngọc Thơ mời lên gặp và chính thức yêu cầu tôi trở ra Huế giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Huế.

Trong những câu chuyện ông Thơ cũng tỏ ý lo lắng rằng, nếu sinh viên Huế không có một vị Viện trưởng có uy tín hướng dẫn, thì có thể tham gia vào những phong trào kỳ thị tôn giáo gây ra không biết bao nhiêu tang thương cho đất nước và khó khăn cho chính phủ. Đại tướng Dương Văn Minh cũng mời tôi vào gặp riêng và ông cũng tỏ ý lo sợ tương tự như ông Thơ. Những lời nói của hai vị này làm tôi suy nghĩ thêm và ảnh hưởng đến quyết định và nhận lời yêu cầu của họ.

Tôi chưa ra Huế liền, mặc dầu ít hôm sau khi tiếp xúc với ông Thơ và tướng

Minh đã có sắc lệnh bổ nhiệm tôi làm Viện trưởng Viện Đại học Huế. Tôi đi gặp các Đại sứ ngoại quốc tại Sài Gòn và ông Giám đốc phái bộ viện trợ Mỹ.

Trước hết tôi đến gặp Đại sứ Đức là ông Von Wenland. Ông này phàn nàn về cái chết của ông Diệm và ông Nhu. Tuy nhiên ông biết ông Diệm và chế độ của ông không tránh khỏi một vài tiếng khiếm khuyết nhưng không ai có thể phủ nhận những thiện chí của ông Diệm đối với quốc gia.

Cái chết của ông Diệm làm cho tương lai Việt Nam trở nên đen tối hơn. Tôi còn nhớ một đoạn trong câu chuyện của ông Đại sứ Đức:

- Tôi không theo tôn giáo nào cả, nhưng tôi tin rằng giờ đây linh hồn ông Diệm sẽ phảng phất nơi đây và sẽ gieo nhiều tai họa cho xứ sở mình. Mặt ông đượm buồn và giọng ông hết sức chua chát. Ông cho biết ông đã đệ đơn từ chức và sẽ rời Việt Nam trong ít lâu. Nghe vậy tôi không còn đề cập đến việc yêu cầu nước Đức giúp đỡ cho Viện Đại học Huế nữa.

Người thứ hai mà tôi gặp là Giám đốc viện trợ Hoa Kỳ. Ông hỏi tôi về cảm tưởng đối với cuộc cách mạng vừa qua, và những nhận định của tôi đối với tương lai đất nước tôi. Lúc bấy giờ báo chí Mỹ bắt đầu phân chia làm hai khuynh hướng chứ không thuần nhất một chiều chỉ trích ông Diệm như trước. Cái chết của ông Diệm và ông Nhu đã làm cho một số người Mỹ xúc động và quay trở lại có cảm tình với ông Diệm hơn trước. Bộ mặt của những người thay thế ông Diệm cũng dần dần hiện rõ và người Mỹ thấy bộ mặt thật đó chẳng đẹp đẽ gì hơn.

Những người Mỹ trong đó có cựu Đại sứ Nolting, tướng Harkine, ông Richardson giám đốc Trung ương tình báo Mỹ (CIA) tại Việt Nam lên tiếng cảnh cáo rằng cuộc cách mạng 1-11 chẳng những sẽ không cải thiện được tình hình quân sự và chính trị tại Việt Nam như nhiều người Mỹ mong cầu, mà trái lại sẽ làm cho tình hình chung tồi tệ hơn. Những hỗn loạn chính trị đã bắt đầu diễn ra và về mặt quân sự Quân đội Việt Nam mãi lo canh gác Sài Gòn và các đô thị lớn để đề phòng phe ông Diệm đã gần như bỏ trống các vùng nông thôn cho Việt cộng.

Lúc bấy giờ có thể nói rằng chính quyền Việt Nam chỉ kiểm soát được vài thành phố lớn. Và cũng chỉ kiểm soát được một cách lỏng lẻo. Các đảng phái vận động tìm chỗ đứng trong tân chế độ và chỉ vận động bằng cách liên kết với các tướng lãnh cách mạng mà không nghĩ đến việc tổ chức quân chủng.

Sau cuộc cách mạng, Phật giáo bắt đầu bất mãn vì nghĩ rằng họ có công nhiều mà không được trọng vọng xứng đáng. Tổ chức Phật giáo còn quá mới mẻ, thời kỳ tranh đấu quá ngắn ngủi chưa kịp ra ánh sáng, chưa có một số lãnh tụ chính trị đáng giá nào cho nên giả sử lúc bấy giờ chính quyền được giao cho Phật giáo thì tình hình Việt Nam, có lẽ còn bi đát gấp mấy lần giao cho tướng lãnh.

Dựa trên những điều quan sát được kể đó, các chính khách Mỹ và dư luận báo chí Mỹ đã bắt đầu hỏi hận đã hạ bệ ông Diệm. Ít lâu sau cách mạng Đại sứ Nolting có trả lời một cuộc phỏng vấn và viết một tờ báo nhận định rằng rồi đây sẽ không có một nhân vật chính trị nào có khả năng thay ông Diệm để lãnh đạo dân tộc Việt Nam trong công cuộc chống Cộng.

Ông nhận định rằng người Mỹ đã phạm vào một lầm lỗi rất nặng khi hạ bệ ông Diệm, hoặc ít ra để cho chuyện hạ bệ này xảy ra trước mắt mình, và nhìn hành động này với đôi mắt đồng lõa.

Những báo chí Mỹ trước đây chỉ trích ông Diệm nặng lời bao nhiêu bấy giờ sự thật đã hiện rõ cũng bắt đầu chỉ trích tân chế độ bấy nhiêu. Lúc ông Giám đốc viện trợ Mỹ hỏi tôi về cuộc cách mạng ông đã biểu lộ sự lúng túng, lo sợ của số người Mỹ trước những bất ngờ sắp đến.

Tôi hỏi lại ông, thế thì người Mỹ nghĩ như thế nào, tiên liệu như thế nào, dự đoán như thế nào. Nhưng tôi biết có hỏi cũng vô ích, vì ông sẽ trả lời mập mờ, nước đôi, đưa ra những nhận định tổng quát của báo chí Mỹ.

Điều đó, như tôi đã trình bày trên, chia làm hai khuynh hướng, một khuynh hướng đông đảo tỏ ra hối hận vì đã xảy ra cuộc cách mạng, và một khuynh hướng khác tiếp tục ca tụng cách mạng một cách dè dặt, ngượng ngùng, gượng gạo.

Nghe ông hỏi tôi về cảm tưởng nhận định của tôi đối với cuộc cách mạng tôi mỉm cười chua chát:

- Tôi không có cảm tưởng gì đặc biệt, hay nhận định gì lạ lùng hết, vì tôi đã đoán trước những gì xảy ra và cũng đoán được những thế lực nào ở đằng sau gây ra. Tôi cũng làm hết mọi cách để ngăn chặn những tai nạn cho ông Diệm, đưa những đề nghị chân thành lên ông Diệm nhưng tất cả nỗ lực của tôi vô ích. Ngày xưa, lúc mới về nước, ông Diệm tin cậy và sáng suốt nghe lời khuyên của tôi bao nhiêu, thì về sau này có vẻ không muốn nghe lời

khuyến của tôi bấy nhiêu. Tôi sợ rằng chỉ trong một tương lai gần tình hình Việt Nam sẽ hỗn loạn. Dân chúng sau thời gian ngắn say sưa vì thành công, náo nức vì mới lạ, hứng khởi vì hy vọng, sẽ bắt đầu thất vọng, quay lại khiển trách tân chế độ và tiếc đã mất ông Diệm. Hẳn là ông nhớ câu chuyện cổ Hy Lạp: Một người dân dưới một chế độ độc tài vào đền thờ thần Jupiter cầu nguyện cho nhà độc tài sống lâu, làm một triết gia ngạc nhiên hỏi lý do. Người dân trả lời: tôi đã lớn tuổi, và đã sống dưới quyền ba nhà độc tài liên tiếp. Kinh nghiệm cho tôi biết kể đến sau bao giờ cũng bạo ngược hơn người trước, cho nên tôi lo sợ nếu nhà độc tài ngày nay mà chết thì kẻ thay thế ông ta sẽ còn độc tài hơn ông này vài phần, và khi đó không ai sống nổi với ông. Vì đó trí thức không mong ông chết để có ông mới...

Hai chúng tôi nhìn nhau chua chát. Tôi nói tiếp:

- Tôi quan niệm quốc gia Việt Nam chúng tôi như một cơ thể, hay ít ra chính quyền Việt Nam này như một cơ thể, mà ông Diệm là cái đầu, những kẻ phụ tá ông là những tay chân, những bộ phận trong cơ thể, và một chứng bệnh kỳ quái nào đó, những tay chân và những bộ phận trong cơ thể nổi loạn chặt cái đầu đi, thì dĩ nhiên là tay chân và các bộ phận khác không còn người chỉ huy, sẽ hành động rối loạn đâm đá lẫn nhau. Rồi các ông sẽ thấy, những tướng lãnh, những chính khách cầm quyền thay ông Diệm sẽ nghi kỵ lẫn nhau, thanh toán nhau, tranh giành nhau và gây thêm nhiều xáo trộn chính trị mới, nhiều hỗn loạn xã hội mới. Tôi là kẻ tin vào những uy lực thiêng liêng, nên tôi cho rằng không một việc làm nào dựa trên cái chết của kẻ khác, nhất là cái chết của chủ mình, thầy mình mà có thể tốt đẹp được. Dân chúng Việt Nam lên án nặng nề những kẻ phản vua phản thầy. Hay những kẻ dự phần vào cuộc đảo chánh cũng sẽ mang nặng cái mặc cảm đó, và sẽ lúng túng trong những nỗ lực để chạy tội mà không làm được gì khá. Họ sẽ mất tự tin, bị dẫn dắt bởi những hối hận, những mặc cảm tội lỗi vì hầu hết họ đều được ông Diệm đào tạo nên, đưa từ chỗ tối tăm lên địa vị cao sang, cho nên cái bóng lớn của ông Diệm không thể nào phai nhoà trong tâm trí họ được, dù thân xác ông Diệm đã tan rã. Lãnh đạo mà thiếu tự tin thì làm sao gây tin tưởng cho dân chúng được?

Người Mỹ đối diện với tôi gật gù có vẻ đồng ý. Tôi trầm ngâm một lúc rồi tiếp:

- Những việc vừa xảy ra được đặt tên là một cuộc cách mạng, nhưng như ông thấy và mọi người Việt Nam chúng ta đều thấy không có gì đáng được gọi là một cuộc cách mạng hết. Những căn bản xã hội không thay đổi.

Những tệ đoan xã hội không bị bãi bỏ, trái lại sẽ trầm trọng hơn, những bất công và chênh lệch xã hội sẽ nặng nề hơn. Tục ngữ Việt Nam chúng tôi có câu: Đục nước béo cò. Những hỗn loạn sắp tới sẽ làm cho tình hình trong nước chúng tôi chẳng khác nào một vũng nước đục, làm cho những con cá nhỏ, những người dân nghèo đói thiệt thòi hơn và đó là cơ hội tốt nhất để bọn hoạt động chính trị, bọn con buôn chiến tranh lợi dụng làm giàu, bóc lột. Những kẻ thay thế ông Diệm ngày nay không có tư tưởng, chính sách, sáng kiến gì khác hơn ông Diệm, trái lại những việc làm của họ chỉ là những học hỏi từ ông Diệm, và học hỏi không thuộc kỹ, áp dụng sai lầm. Dân chúng nhìn vào những người đó chẳng hạn ông Nguyễn Ngọc Thơ, Thủ tướng hiện nay, đã là một Phó Tổng thống vô quyền dưới thời ông Diệm và sẽ không thấy có gì mới lạ, gây được phấn khởi, hào hứng. Dân chúng sẽ nghĩ rằng đây là cái phần xấu, coi phần tệ của ông Diệm được dịp đem ra chưng bày, và tai hại hơn nữa, không còn ông Diệm để lãnh đạo và dạy bảo họ. Những thành phần chính phủ là những chuyên viên hạng hai nếu không nói là còn tệ hơn thế. Trước đây họ giữ chức giám đốc trong một chế độ trung ương tập quyền, nghĩa là họ không hề có dịp đưa ra sáng kiến, mà chỉ ngoan ngoãn thi hành lệnh. Nay họ làm bộ trưởng làm sao để một sớm một chiều họ có thể có khả năng đảm trách chức vụ mới? Dân chúng Việt Nam nhìn vào họ làm sao có thể tin tưởng họ làm được gì khác hơn chế độ cũ. Vì những lý lẽ trình bày trên, tôi tin chắc rằng chế độ gọi là cách mạng này sẽ không làm được gì tốt, và tình hình chung sẽ không sáng sủa hơn chút nào. Những mong ước mà dư luận và báo chí Mỹ đặt vào cuộc đảo chánh sẽ không thành tựu được. Người Mỹ rồi sẽ còn hối hận và tiếc đã mất ông Diệm hơn dân chúng Việt Nam nhiều.

Ông Giám đốc viện trợ Mỹ nghe tôi nói vậy có vẻ suy nghĩ lắm, một lúc sau ông gọi điện thoại cho ông Đại sứ Henry Cabot Lodge, và dứt cuộc điện đàm ông cho tôi biết rằng Đại sứ Lodge rất muốn gặp tôi. Tôi về nhà được mấy tiếng đồng hồ, chỉ chiều đó có người đại diện của Tòa đại sứ Mỹ đến nói là ông Lodge muốn gặp tôi ngay và xe đã chờ sẵn.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp ông Lodge, Nét mặt, dáng điệu của ông làm cho tôi nhớ đến hình ảnh một “Businessman” thành công đầy tự tin khinh bạc và kiêu ngạo, tuy nhiên bề ngoài và trong lời ông hết sức niềm nở, cởi mở, vui vẻ. Câu chuyện giữa tôi và ông Lodge cũng bắt đầu như câu chuyện với ông Giám đốc viện trợ Mỹ, nhưng tôi trình bày các nhận định của tôi cặn kẽ hơn.

Cuối cùng ông Lodge có vẻ thành khẩn tha thiết hỏi tôi:

- Theo ý cha thì bây giờ chúng ta phải làm cách nào để thành công, để thoát qua những khó khăn mà cha nêu lên?

Tôi mỉm cười:

- Đáng lý các ông đã tính đến chuyện này trước khi có cuộc đảo chánh mới phải chứ, tôi không phải là một chính trị gia, cũng không tham dự gì vào những biến động vừa qua, cho nên tôi không thể đưa ra một giải pháp nào toàn vẹn, nhưng tôi nghĩ rằng nếu muốn thành công phải làm cách nào để gây được và nuôi dưỡng được niềm phấn khởi, hào hứng, tin tưởng trong dân chúng. Sự thay đổi chính trị này đem lại một yếu tố thuận là đem lại cho dân chúng nhất là phía những người không thích ông Diệm một niềm hy vọng tương lai sẽ khá hơn. Nhưng nếu không hành động gấp thì chỉ ít lâu là dân chúng sẽ thất vọng chán chường và hết tin tưởng nổi vào chế độ mới. Mặt khác không phải tất cả chế độ ông Diệm đều sai lầm, vậy thì phải cố gắng duy trì những thành công tốt của ông Diệm. Tôi đang nghe người ta đồn rằng ấp chiến lược bị phá bỏ, các cán bộ ấp và thanh niên chiến đấu đang bị giải giới. Hẳn là ông hiểu cái gì sẽ xảy ra ở nông thôn sau đó, và ai sẽ được lợi, ai chịu thiệt hại.

Một việc phải làm khác là tránh thanh toán người của chế độ cũ, và làm sao kết hợp các đảng phái, các phần tử đối lập thành hai ba lực lượng chính trị mạnh, có thực lực, có quần chúng. Nếu không thể làm được việc này thì tôi thấy chỉ có một cách, giao quyền hành cho quân đội. Ít ra trật tự còn được duy trì.

Câu chuyện giữa tôi và ông Lodge chấm dứt ở đây. Khi đề cập đến việc nên tránh những vụ thanh toán, trả thù người chế độ cũ, tôi đã nghĩ đến trường hợp ông Cẩn và những người của chế độ hiện đang trốn tránh hay bị giam cầm. Trong đó dĩ nhiên có một vài người có tội, nhưng số đông chỉ là những kẻ hành động theo lệnh, và do đó thực tình họ chẳng có tội lỗi gì.

Nếu chỉ vì theo chế độ cũ mà trừng phạt thì cả những tướng lãnh và những nhân vật đang ở trong tân chế độ cũng đáng trừng phạt lắm, vì chính họ đã từng là người của chế độ cũ.

Những chuyện thanh toán và trừng phạt những người chế độ cũ đang xảy ra, nhưng theo tôi thấy thì không đến nỗi qui mô và tàn bạo như tôi lo sợ. Không có những cuộc đàn áp, bắt bớ, xử bắn tập thể. Cũng không nghe nói đến những vụ thủ tiêu rừng rợn, ngoại trừ một vài trường hợp lẻ loi và như

tôi có lần trình bày, những kỳ thị tôn giáo và chính trị ngấn tuy có nhưng không lấy gì làm trầm trọng lắm.

Chỉ có điều đáng ngại, là sau ngày đảo chánh, giá sinh hoạt vọt lên cao, vật giá đắt đỏ chưa từng thấy, dân chúng đang cơn say sưa chính trị ngấn ngủi bắt đầu nghĩ đến chuyện thực tế, và ca thán khắp nơi về nạn vật giá leo thang. Những con đường tiếp tế bị cắt đứt, những hệ thống phân phối bị tắt nghẽn, và nhiều vùng thiếu thốn các nhu yếu phẩm.

Vào khoảng cuối tháng mười một, tôi ra Huế. Máy bay đang lượn trên sân bay Phú Bài, tôi đã nhìn thấy nhiều đám đông tụ họp trên bãi đất trống trước phòng khách sân bay này. Hàng đoàn xe gắn máy và xe lam, xe hơi đậu dài trên đường từ sân bay Phú Bài hướng về thành phố Huế. Một vài biểu ngữ đã được căng ra.

Tôi vừa bước xuống khỏi máy bay, lập tức một đám sinh viên học sinh nhào đến, dành nhau trèo lên thang máy bay, và tôi chưa kịp làm một cử chỉ gì hay nói một lời nào thì các sinh viên đã công kênh tôi lên vai đến trước đám đông sinh viên đang tụ họp. Tiếng reo hò ầm ĩ, tôi không còn nghe rõ tiếng nào thành tiếng nào.

Sau một vài phút lộn xộn, những sinh viên công kênh tôi dừng lại trước đám đông sinh viên. Tôi nhận ra những khuôn mặt quen thuộc, trong đó có một số giáo sư, khoa trưởng đã cộng tác với tôi lâu năm. Bây giờ đám đông đã hơi yên lặng đôi chút, và những tiếng hoan hô nghe đã rõ.

Tôi cảm động nhưng không khỏi lo ngại. Sự bùng nổ này của các sinh viên làm cho nhiệm vụ của tôi trở nên khó khăn hơn. Làm sao tôi vừa có thể thoả mãn những đòi hỏi của sự khôn ngoan, của tình thế? Sự đón tiếp hôm nay càng nồng nhiệt bao nhiêu thì sau này nếu tôi không thành công trong nhiệm vụ khó khăn, sự thất vọng của họ lại càng lớn hơn bấy nhiêu. Tôi chỉ vẫy tay chào các sinh viên học sinh, và hình như chỉ lẩm bẩm một vài tiếng cảm ơn.

Các sinh viên lại công kênh tôi ra xe. Đoàn người đón tiếp tôi kéo dài trên trăm thước.

Đến Huế, một đám sinh viên khác không có phương tiện lên Phú Bài đã chờ sẵn, nhập đoàn, rước tôi qua cầu Trường Tiền, chợ Gia Hội rồi mới quay trở về Toà Viện trưởng Đại học Huế. Bây giờ tôi bước lên thềm đại học, đứng trước hàng ngàn sinh viên học sinh vẫy tay chào, tôi yêu cầu im lặng, rồi nói

một vài lời. Thực tình tôi rất cảm động, cho nên giọng nói của tôi có phần ấp úng:

- Bây giờ chúng ta đã lật qua một trang lịch sử. Những hận thù, hiểu lầm, kỳ thị nên chôn theo dĩ vãng. Mọi người Việt Nam chúng ta, dù là Công giáo hay Phật giáo đều chung một số phận khốn đốn như nhau hết. Mọi người Việt Nam chúng ta, nhất là thành phần trí thức, giáo sư, sinh viên, phải đoàn kết lại để viết một trang sử đẹp đẽ hơn, ít lầm lỗi hơn, nhiều hứa hẹn hơn.

Các sinh viên reo hò inh ỏi, nhiều anh em đứng gần chạy lại ôm chầm lấy tôi. Một đại diện sinh viên đứng ra bày tỏ nỗi hân hoan được gặp lại tôi, cảm ơn chính phủ cách mạng đã thoả mãn yêu cầu của anh em, và tỏ ý tin tưởng rằng sự hợp tác giữa tôi và các anh em sinh viên học sinh Huế sẽ bền chặt và tốt đẹp.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 44 -

Những cơn sóng gió mới

Đám đông dần dần giải tán trong sự yên tĩnh. Sau buổi ồn ào, tôi càng lo sợ nhiều hơn. Tình hình Huế vẫn còn sôi động, tuy bề ngoài chẳng có gì rõ rệt. Tôi nhận thấy một số phần tử quá khích vẫn còn muốn tiếp tục cuộc đấu tranh dưới một hình thức mới. Phía Phật giáo vẫn không cho rằng việc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm đã đủ thoả mãn họ.

Trong bầu không khí ngột ngạt của thành phố Huế, những ngày cuối năm 1963 và đầu năm 1964 tôi nhận thấy nhiều hứa hẹn bùng nổ nay mai, thú thật là tôi vui đầu vào công việc bề bộn của Viện Đại học, ít để ý đến những sinh hoạt chính trị bên ngoài. Thỉnh thoảng có vài đám đông Phật tử kéo đi biểu tình ngoài đường phố, nếu những đòi hỏi không rõ rệt. Phía chính quyền địa phương thì cố gắng mị dân và trấn an mọi người, đưa ra những hứa hẹn mập mờ chẳng thoả mãn được ai.

Vào khoảng đầu tháng ba năm 1964 sau Tết ít lâu, một hôm ông Lãnh sự Mỹ tại Huế, là ông Helble đến gặp tôi, nói rằng ông Đại sứ Lodge muốn ra Huế, gặp riêng tôi nay mai, vậy ông đem tin cho tôi biết trước. Theo chương trình

thì ông Lodge sẽ ra vào buổi sáng, gặp tôi tại tư thất rồi hai ông bà Đại sứ lên lăng TỰ ĐỨC ăn trưa tại đó, và về Sài Gòn trong ngày. Tôi trả lời:

- Ông Đại sứ Mỹ đích thân ra thăm tôi thật là vinh hạnh lớn cho tôi, nhưng tôi thiết nghĩ trong hoàn cảnh hiện tại, việc ông Đại sứ đến tư thất tôi, gặp riêng tôi không tiện lắm, có thể gây ra một số hiểu lầm từ nhiều phía. Vì vậy tôi nghĩ rằng chỉ ít lâu nữa, việc xây cất trường Đại học Sư phạm Huế, do quỹ viện trợ Hoa Kỳ đài thọ một phần phí tổn sắp hoàn tất. Hoặc là ông Đại sứ cố chờ đến lúc đó ra khánh thành trường và gặp tôi nhân dịp đó tốt hơn. Nếu ông Đại sứ muốn gặp tôi sớm hơn thì lấy cớ ra thăm trường đang xây cất, tôi sẽ hướng dẫn ông đi coi công trường, rồi nói chuyện trong dịp đó, nhờ ông Lãnh sự chuyển lời với ông Đại sứ như thế.

Ông Helble điện thoại ngay cho ông Lodge, nhưng ông Lodge trả lời rằng ông muốn ra Huế gặp tôi ngày mai. Ông sẽ đến Huế lúc mười một giờ trưa, và gặp ông ngay sau đó, đôi bên nó chuyện khoảng một giờ, rồi sau đó ông bà Đại sứ đi thăm lăng TỰ ĐỨC. Tôi không còn cách gì thoái thác được, đành làm mặt vui nhận lời vậy.

Hôm sau khoảng mười một giờ, ông đến tại nhà riêng của tôi. Vừa bước vào cửa, nhìn tôi ông Lodge nói một câu ca ngợi tôi bằng tiếng Pháp.

- Cha là một nhân vật nổi tiếng nhất Việt Nam, tôi không thể đến Việt Nam mà không đến dâng lên cha lòng kính mến của tôi.

Dĩ nhiên là tôi chỉ cho rằng đây là một câu nói xã giao hơi quá, chứ thực tình tôi chẳng dám nghĩ mình là nhân vật nổi tiếng chi cả.

Trong phòng chỉ có tôi và ông Lodge. Câu chuyện xoay quanh tình hình chính trị Việt Nam và những nhân vật lãnh đạo lúc bấy giờ. Khởi đầu ông Lodge hỏi tôi một cách tổng quát:

- Cha nghĩ thế nào về những tướng lãnh hiện đang lãnh đạo Việt Nam?

Thực tình tôi không biết rõ và quen thân với một tướng lãnh nào lúc bấy giờ, vả lại tôi cũng không muốn trả lời, dù biết:

- Tôi chỉ quen nhiều trong giới giáo sư, trí thức, chính trị, ngoại giao. Đối với các tướng tá, thì số lớn tôi có nghe nói đến, có biết mặt một số, và giao thiệp theo phép lịch sự và xã giao với một số khác khi làm Viện trưởng Viện

Đại học Huế lần thứ nhất, tôi không hiểu rõ một tướng lĩnh nào quan trọng trong tân chế độ.

Ông Lodge hỏi rõ ràng hơn:

- Chắc là cha có biết nhiều về tướng Trần Văn Đôn?

Lúc bấy giờ chính phủ Nguyễn Khánh vừa được thành lập ngày 1-2 sau cuộc chinh lý ngày 31-1. Chính phủ dưới quyền tướng Khánh Thủ tướng gồm một số nhân vật chính trị tên tuổi như Nguyễn Tôn Hoàn, Hà Thúc Ký, Lê Văn Hoạch, Âu Trường Thanh, Nguyễn Xuân Oánh.

Hình như trước ngày ông Lodge ra Huế gặp tôi vài hôm thì có Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mak Namara và tướng Maxwell Taylor sang Việt Nam xem xét tình hình quân sự và duyệt xét chương trình bình định.

Để xoa dịu Phật giáo tướng Khánh chấp nhận hiến chương Phật giáo 4-1-64 ngày 14-3-64 dành cho Phật giáo nhiều quyền lợi và biệt đãi tối đa. Lúc đó tướng Trần Văn Đôn không còn giữ một chức vụ gì quan trọng trong chính phủ Nguyễn Khánh cho nên nghe ông hỏi đến tướng Đôn tôi hơi ngạc nhiên:

- Tôi quen biết trong thời kỳ ông làm tư lệnh tại vùng này. Tôi thường gặp ông trong các dịp lễ lạc, nhưng cũng không thân tình lắm hay biết về ông nhiều, tuy nhiên tôi nghe nhiều người nói rằng ông Đôn là một tướng lĩnh có trình độ văn hoá cao, đối xử với các quân nhân tử tế, nên được nhiều người trọng nể mến phục. Về chính kiến của ông thì tôi không dám bình phẩm chi hết.

Ông Lodge lần lượt hỏi tôi về một số các tướng lĩnh và chính khách trong ngoài chính phủ Nguyễn Khánh bấy giờ. Tôi tránh né trả lời, bởi vì tôi không muốn phê bình ai hết, cũng chẳng có tư cách gì để phê bình ai. Tôi sợ những lời mình nói ra có thể bị hiểu lầm và gây nên những ảnh hưởng mình không muốn. Cuối cùng, tôi trình bày với ông Lodge trường hợp ông Cần.

- Nhân dịp ông Đại sứ ra đây thăm tôi, tôi lấy làm cảm kích lắm, và nhân tiện muốn trình bày với ông Đại sứ một việc mà tôi đã muốn tìm dịp thưa với ông từ lâu. Đó là trường hợp ông Ngô Đình Cần. Tôi nói thật là tôi quen thân với ông Cần, và nhận thấy ông không phải là người xấu, ông lại cũng không có trách nhiệm và tội lỗi gì trong việc gây ra những cuộc đàn áp Phật giáo trước đây.

Trái lại theo chỗ tôi biết thì chính ông đã cố gắng dung hoà, nềm dẻo, nhưng tình thế dồn dập không cho phép ông làm được việc tốt cho đất nước chúng tôi. Sau cái chết của ông Diệm, ông Nhu mới đây, và ông Khôi thời Việt Minh, hiện nay trong gia đình họ Ngô, một gia đình cách mạng lòng danh ở Việt Nam, chỉ còn mình ông Cẩn đang sống sót, nhưng hiện nay bệnh hoạn, vì bị đau trong tù, vì bị đối xử không lấy gì làm nhân đạo lắm.

Vì tình nhân đạo cũng như vì lẽ phải, sự công bằng, tôi tha thiết xin ông Đại sứ dùng những ảnh hưởng sẵn có của ông để cứu ông Cẩn khỏi chết, và nếu có thể giúp cho ông ra ngoại quốc thoát nạn chữa bệnh luôn thể.

Bây giờ ông Diệm, ông Nhu đã bị ám sát, ông Cẩn không còn là kẻ đáng sợ đối với các tướng lãnh cách mạng nữa, giết ông chẳng ích lợi gì cho ai, mà chỉ gây thêm một tội ác.

Ông Lodge có vẻ đặc biệt lưu ý đến việc này:

- Tôi xin long trọng hứa với cha rằng tôi sẽ làm mọi cách để ông Cẩn khỏi bị khép án tử hình. Lời tôi hứa với cha hôm nay cũng là lời tôi đã hứa với Đức giáo hoàng. Trong dịp tôi về Mỹ dự tang lễ cố Tổng thống Kennedy, tôi được lệnh của tân Tổng thống Johnson sang ngay La Mã gặp các Giám mục Mỹ và Đức giáo hoàng để đưa ra lời hứa đó. Dịp đó Đức Hồng y Spellman đưa tôi vào bệ kiến Đức giáo hoàng và tôi đã hứa với ngài rằng tôi sẽ làm mọi cách để cứu ông Cẩn bằng được. Vậy bây giờ trước mặt cha, tôi xin nhắc lại lời hứa đó, và nếu tôi không làm tròn lời hứa này, tôi sẽ từ chức Đại sứ Mỹ tại Việt Nam lập tức.

Câu chuyện giữa tôi và ông Lodge đến đây thì chấm dứt, và đó cũng là ngày cuối cùng tôi gặp ông Lodge với tư cách Đại sứ Mỹ tại Việt Nam.

Ít lâu sau, toà án cách mạng ở Huế xử vụ Phan Quang Đông, và đến ngày 8 tháng 3 Phan Quang Đông bị kết án tử hình, bồi thường 18 triệu đồng cho các nạn nhân do y ra lệnh hạ sát. Các tội danh được nêu lên để kết án Phan Quang Đông là mưu sát, bắt giam người trái phép, sách thủ tiền tài, lũng đoạn kinh tế v.v...

Đến ngày 16-4 toà án cách mạng Sài Gòn xử vụ ông Cẩn. Phiên toà kéo dài đến ngày 22-4 thì ông Cẩn bị kết án tử hình về các tội danh tương tự như trường hợp Phan Quang Đông. Lúc ra trước toà, ông Cẩn đi không nổi, phải

có người đi. Tiếng ông thều thào trả lời thật chân thành:

- Tôi, quân sự không biết, hành chánh không biết, học hành tầm thường, làm sao có thể ra lệnh cho ai được.

Vài hôm sau, ông Cẩn và Phan Quang Đông xin ân xá. Tình trạng mập mờ kéo dài đến ngày 5-6 thì đại tướng Dương Văn Minh, quốc trưởng bác đơn xin ân xá, và ngày 5-6 Phan Quang Đông bị xử tử tại Huế, cùng ngày đó ông Cẩn bị xử bắn tại Sài Gòn. Ngày 23-6 ông Lodge chính thức đệ đơn từ chức, và tướng Maxwell Taylor được cử thay thế.

Tôi không hiểu vì thất bại trong việc cứu ông Cẩn như đã hứa với Đức giáo hoàng hay vì lý do nào khác mà ông Lodge từ chức Đại sứ Mỹ tại Việt Nam, nhưng rất có thể lý do thứ nhất là lý do chính.

Khi rời Sài Gòn ngày 28-6 ông Lodge còn tiếp tục đóng kịch, lấy tư cách được tặng là công dân danh dự của Việt Nam, ông mặc áo gấm, đội khăn đóng nói vài tiếng Việt tung hô Việt Nam và từ giã đám tiễn đưa ở phi trường Tân Sơn Nhất.

Cái chết của ông Cẩn làm tôi buồn lắm, và từ đó tôi ít chú ý đến những biến cố chính trị. Tình hình chính trị chung có vẻ bình thường, nhưng tôi nhận thấy dân chúng bắt đầu chán chường đối với cuộc cách mạng 1-11. Những phần tử tham gia cao cuộc cách mạng, cách riêng Phật giáo, lại càng bất mãn hơn bất cứ ai, vì họ có cảm tưởng họ bị cướp công.

Trong các chính phủ sau cách mạng phe Phật giáo không có một chân gì được coi là xứng đáng. Nhiều nơi bắt đầu có những cuộc biểu tình lẻ tẻ phản đối chính phủ. Phía Công giáo thì lo sợ nạn kỳ thị tôn giáo, đôi lúc cũng có vài hành động vội vàng, như cuộc biểu tình của giáo dân từ các trại định cư ở Biên Hoà kéo về công trường Lam Sơn, tố cáo những kẻ lợi dụng cách mạng gây nên những vụ đàn áp Công giáo.

Tại Huế, hôm 15-9 hàng vạn giáo dân biểu tình trên các đường phố lớn, nêu lên những lời tố cáo tương tự như ở Sài Gòn. Tôi lo sợ sẽ có những cuộc chống lại các cuộc biểu tình của Công giáo. Rất may chuyện này không xảy ra, ít nhất trên một qui mô rộng lớn.

Sở dĩ những cuộc chống đối giữa Phật tử Huế và những cuộc xuống đường lên án kỳ thị tôn giáo của giáo dân Phủ Cam không bùng nổ trên một qui mô

rộng vì sau cách mạng đa số Phật tử Huế đã hiểu thế nào là sự tiến công, sự phản bội sau nhiều ngày tranh đấu cam go, không khí cách mạng đã mang lại những đột biến không ngờ ngoài sức tưởng tượng của họ.

Hầu hết những lãnh tụ sinh viên Phật tử, từng nắm giữ vai trò quan trọng trong công cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, có vẻ bơ vơ, dường như họ bị thời cuộc mới bỏ quên hoặc có nhớ tới họ chẳng nữa cũng chỉ dùng họ vào những vai trò đánh bóng quá trớn cho luồng khí mới.

Đành rằng, trong suốt thời gian dài trước đây, Phật tử cổ đô bị ngược đãi, bị không chế nhưng tôi thấy khi cách mạng hình thành họ lại không muốn khơi thêm hố sâu của sự chia rẽ. Hơn ai hết dân Huế hiểu rằng chia rẽ cũng không mang lại lợi ích gì, chỉ tạo đau thương thêm, ngộ nhận thêm.

Tôi nói vậy là nói một cách bao quát rộng lớn. Thời gian bây giờ, làm sao tránh khỏi một vài cá nhân xáo động cho việc kỳ thị. Họ mang một số thanh niên đột nhập khu Công giáo Phủ Cam gây những vụ thanh toán nhau lẻ tẻ.

Về những vụ thanh toán nhau lẻ tẻ này, tôi được một người bạn sinh viên Văn khoa cho biết, nhóm quá khích kia thành lập một Ủy ban thanh trừng của sinh viên học sinh cách mạng, kê danh sách những người mà họ mệnh danh là “tay sai chế độ cũ” để tìm cách thanh toán hành hung.

Sinh viên này nói: một buổi sáng đang ngồi uống café ở Lạc Sơn thì bị Ủy ban kia đến “hỏi thăm sức khỏe”. Bọn họ khoảng chín người vây quanh, đánh anh cho đến lúc ngã gục rồi mới bỏ đi.

Nhiều trường hợp xích mích lẻ tẻ tương tự đã xảy ra ở Huế trong thời gian này. Nên đa số người Công giáo lo ngại mỗi khi xuất hiện một mình ngoài thành phố. Đi đâu họ cũng rủ bạn bè thật đông. Một đôi lần xảy tới những cuộc xô xát lớn. Có một số lánh vào Nam.

Tuy nhiên như tôi đã nói, đây chỉ là những hành động đơn phương của một số cá nhân quá khích, trên tổng quát, giữa Phật giáo và Công giáo Huế không hề có những chia rẽ, đổ kỵ diễn ra quá đáng.

Người Công giáo phần nhiều tuy không hưởng lợi lộc gì của chế độ cũ khi cách mạng đã tỏ ra thức thời. Họ sống khép nép, thu mình trong giáo khu Phủ Cam, hoặc Cầu Kho. Mọi hình thức phô diễn vào các ngày lễ cũng được giới hạn. Ngôi thánh đường Phủ Cam đang xây cất dở dang, vôi vàng ngưng

ngang. Cho tới bây giờ vẫn chỉ có mặt tiền uy nghi vươn lên giữa trời xanh, phô bày nhiều vết tích loang lổ, tội nghiệp. Những hào khí của cách mạng thực sự tàn đi, để lại một cô đô trầm mặc và mơ mộng cũ.

Trong khi đó, sau nhiều tháng, chính phủ cách mạng đã không thực thi được điều gì mà toàn dân trông chờ. Vẫn chỉ là những khuôn mặt cũ, những chương trình cũ khiến đại đa số những kẻ trực tiếp góp phần vào công cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm chán nản.

Họ mang cảm tưởng sự góp phần xương máu của họ trở thành vô duyên, hoặc chỉ là một cái thang cho một vài cá nhân leo lên danh vọng để rồi tà hưởng thụ.

Những lãnh tụ cách mạng của Phật giáo và sinh viên, thay vì giúp Hội đồng quân nhân cách mạng nhiều ý kiến, đã không ai bảo ai, đột ngột thu mình vào những nơi trú ngụ an toàn. Có một lãnh tụ sinh viên tâm sự với tôi, anh ta đầy chán nản khi thấy mỗi ngày luồng gió cách mạng thêm nhuốm mùi băng hoại. Anh tỏ vẻ bi quan về tình thế hiện tại. Đôi mắt của anh tôi thấy đã buồn, nhắc chuyện cách mạng, anh càng buồn hơn.

Sở dĩ tôi phải nhắc nhở đến những sự kiện này là để chứng minh rằng đa số đồng bào Phật giáo cũng như Công giáo Huế khác với Sài Gòn đã không bước vào hành trình đối chọi nhau, gây thêm rắc rối thù hận cho nhau.

Hơn bất cứ nơi nào hết trên quê hương, ở miền đất được mệnh danh là lỗ rốn của cách mạng này, người ta lại ít nghe thấy dân chúng trầm trở về bầu khí cách mạng. Tôi có dịp ghé qua nhiều nơi, dưới tầm mắt tôi người dân Huế đang cố gắng sống thu mình vào cuộc sống bình thường, như thời gian tiền chế độ.

Sau cách mạng, người ta tổ chức rất nhiều buổi nói chuyện, vạch mặt những chỗ mà người ta gọi là các thủ đoạn độc tài của chế độ Diệm từ thành thị đến thôn quê.

Những cuộc mít tinh tập trung dân chúng địa phương kéo dài nhiều tháng. Những sinh viên, lãnh tụ Phật giáo được sử dụng trong vai trò thuyết trình viên, họ hô hào cách mạng vùng lên, tàn tích của chế độ Diệm phải được triệt hạ. Tuy nhiên các lãnh tụ sinh viên tranh đấu chân chính, oái oăm thay, lại kín miệng can trọng và khi xuất hiện nói chuyện giữa đám đông, chỉ có những sinh viên lãnh tụ lạ hoắc.

Tôi có tham dự một vài buổi nói chuyện kiểu này, và thấy thuyết trình viên quả thực đã thành công. Một thuyết trình viên sinh viên văn khoa, học trò của tôi, đã khóc ròng khi diễn tả lại cảnh tra tấn tù đầy, cảnh chín hầm, cảnh thủ tiêu rồi anh giơ tay lên trời hô hào toàn dân hãy huỷ diệt làn sóng độc tài của chế độ cũ.

Lối diễn tả của sinh viên này làm nhiều kẻ cảm động, nhưng làm tôi buồn cười. Vì có lẽ nhiều lãnh tụ sinh viên Huế thời đó biết rõ thực chất của sinh viên kia. Thời gian đấu tranh, anh ta chỉ tham gia cầm chũm. Ngục tối anh ta chưa từng nếm. Cảnh dã man anh chưa từng chứng kiến, tham dự.

Anh không hề có mặt ở chùa Từ Đàm, suốt thời gian ngôi chùa ấy bị phong toả. Cơm chay anh không hề ăn như rất nhiều bạn bè Quốc Học, Đồng Khánh. Ấy vậy mà anh nói năng như thật, diễn tả như thật. Hội đồng tướng lĩnh cách mạng rất thành công trong việc sử dụng đường lối tuyên truyền này, nhưng họ không ngờ, những lãnh tụ sinh viên thực sự, thái độ xa rời họ, mất niềm tin tưởng nơi họ.

Tôi không có ác ý gì với sinh viên kia, nhưng phải ghi lại điều này, để cho mọi người thấy rằng, ngay những công cuộc bé nhỏ, những tướng lĩnh cách mạng đã không tìm cách hoàn bị chu toàn, hướng gì những công cuộc lớn.

Bởi vậy, dân chúng miền Trung sống xa cách, âm thầm, sự xa cách và âm thầm đáng quan ngại, cho thấy những bùng nổ lớn trong tương lai...

Đúng như điều tôi dự đoán trước, những manh nha của một sự phản kháng chính trị đã bắt đầu hình thành từ những thành phần trí thức của cố đô đưa tôi đến sự chán nản tột độ. Cho tới bây giờ, tôi cũng không biết động lực nào thúc đẩy những cộng sự của tôi, học trò của tôi bước vào hành trình phiêu lưu đưa đất nước vốn rối loạn, lại càng thêm rối loạn như vậy.

Vào năm 1964 tôi vừa chẵn hai mươi lăm tuổi linh mục. Vì không còn nao nức gì, lại buồn hoa thời đại mình đang sống, tôi quyết định không tổ chức lễ Ngân khánh to tát làm gì, dường như tôi đã giấu hết bạn bè thân thuộc. Tôi dự định nhân dịp này suy nghiệm về những chuyện đã trải qua trong đời, như một tấm gương thanh khiết, tôi muốn soi lại đời mình trong đó thế thôi.

Tuy nhiên những giáo sư và sinh viên trong Đại học cũng tìm ra, họ kéo tới chúc mừng thật đông ngoài sức tưởng tượng.

Cầm đầu số giáo sư, sinh viên tới mừng lễ Ngân khánh của tôi là bác sĩ Lê Khắc Quyến, lúc bấy giờ đang giữ chức Khoa trưởng y khoa, ông Quyến có mang theo một bức Hoành Phi bằng gỗ mít khắc mấy chữ Hán son son thiếp vàng: “Thiện Mỹ lương toàn”.

Thú thực lúc bấy giờ tôi cảm động lắm. Số giáo sư đến đông đủ như vậy, chứng tỏ sau cách mạng mối giao hảo giữa chúng tôi vẫn bền chặt, thắm thiết. Tình hình mới của chính trị không hề ảnh hưởng đến tình thân thiện trong Viện đại học với nhau.

Tôi còn cảm động hơn lúc giáo sư Lê Tuyên với một người bạn gái tới mừng tôi cùng với bức Hoành Phi ghi mấy chữ “Sư sinh đại nghĩa”. Tuyên là học trò của tôi, chọn mấy chữ này, tôi thấy vừa khéo vừa cảm động.

Những sinh hoạt Đại học trở lại bình thường như xưa đó là điều làm tôi hãnh diện. Mặc dù ở Sài Gòn hoặc ở Cố đô Huế đã sôi sục những xáo trộn vừa nổi rõ lên, vừa âm thầm, nhưng trong Viện Đại học cả giáo sư lẫn sinh viên không có xảy ra chuyện chi.

Tôi hằng duy trì Đại học chỉ duy nhất có một thiên chức là phát huy văn hoá thuần túy.

Chính trị không thể tự do vào tung hoành hoặc lũng đoạn trong lãnh vực Đại học dưới quyền tôi điều khiển. Ngay thời gian đấu tranh chống chế độ Ngô Đình tôi cũng không bao giờ chấp nhận cho các giáo sư và sinh viên chọn Đại học làm địa điểm tập trung xách động.

Mặc dù đôi lần có mấy giáo sư thân tình tới yêu cầu tôi thay đổi quan điểm này, tôi nhất định từ chối đến cùng.

Bây giờ sau cách mạng tôi càng muốn không khí Đại học Huế phải được bình thường hơn bao giờ. Cuộc tìm kiếm và phát huy văn hoá phải được tiếp tục.

Bởi vậy dù không chống đối những phong trào mà sinh viên học sinh tham dự trước đây, nhưng tôi cũng không chấp nhận để nó bành trướng trong những lãnh vực sinh hoạt Đại học. Thà là tôi không còn hiện diện ở sinh hoạt này hơn là ngoảnh mặt chấp nhận những điều ngược hẳn với chủ trương vững mạnh của mình.

Lúc bấy giờ tôi có nghe nhiều sinh viên rục rịch kéo về miền quê, tham dự những sinh hoạt cộng đồng với những người dân nghèo khó như hát cho đồng bào nghe, nói chuyện với đồng bào... tìm hiểu ra, tôi được biết những sinh viên của tôi tham dự vào chương trình bình định của chính quyền do Phó Thủ tướng Nguyễn Tôn Hoàn phát động.

Nhiều giáo sư có tới gặp tôi yêu cầu tôi có thái độ về sự việc này, nhưng trong thâm tâm tôi thấy việc làm đó không có gì nguy hại, còn đáng cổ vũ thêm lên, tuy nhiên tôi chỉ im lặng không bác bỏ, cũng không chấp nhận.

Sinh viên làm gì ngoài khu Viện Đại học thì làm, miễn việc học hành không gián đoạn, các kỳ thi không đến nổi tệ, đó là tâm trạng thực nhất của bất cứ vị nào điều khiển, coi sóc ngành giáo dục.

Tôi nghĩ đa số sinh viên Huế sau một mùa tranh đấu đầy nước mắt và cam go họ đã thức tỉnh. Nhìn chung quanh đất nước vẫn chẳng thay đổi bao nhiêu, dân chúng không hưởng lợi bao nhiêu, có lẽ họ đã nhận ra cuộc cách mạng không thể ngày một, ngày hai là đập đổ được tất cả, thay đổi tất cả.

Phải có một cuộc cách mạng lâu dài mới hy vọng đem đến những mục đích cao đẹp mà mọi người mong muốn. Để có một cuộc cách mạng xã hội hữu hiệu như vậy trước hết tuổi trẻ phải có căn bản văn hoá, phải kiên gan tìm tòi mới không gặp những cam go, thất bại...

Nhưng mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên. Ông trên đã không chịu lòng những kẻ trần tục tội lỗi của Ngài. Không khí im lìm chỉ kéo dài một thời gian, như tôi đã dự đoán trước đây, nó đã tới giai đoạn bùng dậy.

Huế cố đô thân yêu, mảnh đất trầm mặc nghìn năm của dòng sông Hương đang chuẩn bị bước tới một chuyển mình khác kinh khủng hơn, không chỉ ngắn hạn như cuộc tranh đấu có máu và nước mắt trước đây, nó kéo dài hơn và tạo thêm những xáo trộn cho một chính phủ, một quốc gia đang đối đầu với kẻ thù ghê gớm của thế kỷ: Cộng sản.

Tôi tưởng qua thời gian nổi sóng cũ, những kẻ thức thời ở Huế đã học được mớ kinh nghiệm, đã hiểu thế nào là lạm dụng chiếm đoạt, bất công. Câu nói của anh sinh viên ngày nào chúng tôi còn nhớ rõ ràng: “Chúng con đã chán nản”. Đôi mắt buồn của anh tôi cũng nhớ như đinh đóng cột. Không nhẽ lúc này nó đã đổi thay, nó đã bỏ rơi kẻ hằng suy nghĩ về nó.

Tôi không nhớ rõ phong trào chính trị hậu cách mạng ở Huế được chuẩn bị từ thời gian nào, với động lực nào thúc đẩy. Tôi vốn không quan tâm tới chính trị, nên muốn tìm hiểu lúc này thật khó khăn. Tuy nhiên tôi có thể ghi lại đây không sai chạy cái ngày mà tổ chức nhân dân Cứu quốc Huế hình thành, khởi đầu cho giai đoạn đấu tranh chống đối mãnh liệt thời đó.

Điều mà tôi không mấy quan ngại trước đây khi giáo dân Hồ Nai kéo về Sài Gòn biểu tình chống kỳ thị nay đã thực sự là đáng lưu ý ở Huế, phong trào chính trị mới đang có tình đào sâu cái hố kỳ thị giữa Phật tử và giáo dân Ky-tô.

Người ta có muốn ngăn chặn cũng không cứu vãn lại được nữa.

Trước đó, khi có dịp gặp gỡ những giáo sư hoặc sinh viên trong Viện Đại học tôi khoác lác đề cập đến những xáo trộn xảy ra tại Thủ đô Sài Gòn không ngoài mục đích cho họ thấy rằng:

Những xáo trộn như vậy không đi đến đâu, chỉ tạo thêm những ngộ nhận, những mặc cảm giữa người và người với nhau. Mệnh danh là xuống đường đòi bình đẳng, nhưng bình đẳng đâu thấy, chia rẽ hiện hình nguyên vẹn, nồng nàn. Đó là điều bất hạnh nhất, đáng lấy làm đề tài suy ngẫm nhất.

Những người gặp gỡ tôi đã phát biểu những ý kiến đồng nhất như vậy. Lúc đó tôi hân hoan và tin tưởng rằng Đại học Huế phải được trưởng thành thêm và bành trướng thêm. Tuy nhiên khi hay tin phong trào chính trị bắt đầu hoạt động, mà những kẻ khởi xướng chính là những người cộng sự với tôi, đã làm cho tôi bàng hoàng không ít...

Thoạt đầu nhóm hoạt động chính trị mang tên là Phong trào nhân dân cứu quốc qui tụ một số giáo sư như Lê Tuyên, Mai Văn Lễ, Cao Huy Thuần, Tôn Thất Hanh và do bác sĩ Lê Khắc Quyến, Khoa trưởng y khoa làm chủ tịch, nhưng sau đó phong trào lan rộng trong hàng ngũ sinh viên Huế, thực sự biến Đại học Huế làm môi trường hoạt động chính trị, trái hẳn với những nguyện ước của tôi.

Giáo sư Lê Khắc Quyến còn ngang nhiên đặt văn phòng của phong trào trong Viện Đại học. Họ lấy mọi phương tiện trong cơ sở văn hoá này để dùng vào các chương trình chính trị của họ. Tôi có nghe một vài sinh viên thân tín tường trình lại những hoạt động này, nhưng tôi không tin, vì mới

hôm nào đây Lê Khắc Quyến, Lê Tuyên còn tới mừng lễ Ngân khánh của tôi bằng mấy bức hoành phi, mang những dòng chữ chí tình “Thiện mỹ lưỡng toàn”, “Sư sinh đại nghĩa”.

Qua nhiều lần gặp gỡ ông Quyến cũng như người học trò cũ của tôi Lê Tuyên đã quá hiểu nguyện vọng của tôi là gạt hẳn những không khí, những phong trào chính trị ngoài ngưỡng cửa Đại học. Tôi còn ân cần tâm sự với họ rằng, Đại học chỉ dùng vào công cuộc kiếm tìm và phát huy văn hoá mới, gây dựng và nuôi dưỡng những bác học cho tương lai, không thể đem những thứ thành quả ngắn, những xáo động nửa vời vào lưng đoạn chi phổi sinh hoạt hưởng thụ đó. Hơn những người nào hết, chính Quyến và Lê Tuyên là những người vốn vấ nhất trong việc ủng hộ mục đích của tôi. Không ngờ vật đổi sao dời, ngày một ngày hai họ đã phát lộ một bộ mặt khác, chủ trương khác, tới khi Lê Khắc Quyến đích thân đến gặp tôi và mời tôi tham gia phong trào nhân dân cứu quốc lúc đó mới thấy thực sự chán nản bàng hoàng. Tôi đã cố gắng giữ vững tinh thần trong lúc đó với Quyến để câu chuyện diễn ra trong vòng thân thiết bình thản.

Tôi im lặng nghe Quyến trình bày về phong trào nhân dân cứu quốc, có lẽ Quyến nói khá nhiều về mọi vấn đề, mọi khía cạnh. Nhưng cho tới nay tôi chẳng còn nhớ được gì. Tuy nhiên điều làm tôi không bao giờ quên đi, Quyến ngỏ lời yêu cầu tôi ủng hộ phong trào chính trị này. Và tôi thành thực nói với giáo sư chủ tịch Lê Khắc Quyến:

- Các anh lập phong trào chính trị tôi không có quyền ngăn cản. Nếu lập phong trào tranh đấu tự do dân chủ cho quê hương, tôi càng tán thành là đằng khác. Hơn lúc nào hết anh thấy quê hương đang cần nhiều hậu thuẫn để đánh bại hay đối đầu với làn sóng đỏ Cộng sản...

Tôi nhấn mạnh với bác sĩ Quyến rằng, tư cách một Linh mục Viện trưởng viện đại học không cho phép tôi có ý kiến rõ ràng về phong trào chính trị của ông ấy. Tôi còn nhắc lại lập trường cũ của tôi là tách rời chính trị khỏi sinh hoạt Đại học và nói với ông Quyến là tôi không chấp thuận việc phát động phong trào trong giới sinh viên của tôi.

Bác sĩ Quyến có vẻ bất bình, ông ta biện dẫn một vài lý do để bênh vực cho lập luận của ông. Tuy nhiên tôi vẫn trầm tĩnh nói:

- Anh dư biết mơ ước của tôi là phát huy văn hoá dân tộc. Trước đây tôi đã nhiều lần nói với các anh rằng chính trị là nhất thời văn hoá mới trường cửu.

Nếu Đại học muốn trường cửu, Đại học không nên làm những chuyện nhất thời. Các anh đã đồng ý với tôi về điểm đó trước, thì bây giờ tôi cũng xin các anh cho tôi giữ vững lập trường ấy.

Bác sĩ Quyên chống chế:

- Trước đây tình thế khác, chúng tôi đã chấp thuận lập trường của cha. Bây giờ với không khí chính trị mới, phải có sinh khí mới trong Đại học.

Tôi mỉm cười, có lẽ nụ cười bấy giờ chua xót lắm, buồn thảm lắm.

- Tôi xác định với anh một lần nữa: Tôi không muốn cho Đại học có Đảng phái chính trị. Chẳng phải lúc này tôi mới có chủ trương lập trường này mà ngay từ khi Đại học khai sinh, tôi cũng đã nhấn mạnh đến lập trường của tôi. Khi nào tôi còn giữ chức coi sóc Đại học Huế, tôi còn tranh đấu tới cùng. Không ngờ lúc này các anh đặt văn phòng của phong trào ở Đại học mà không cho tôi hay. Lại khám xét sinh viên trước khi họ vào trường nữa. Đó là chuyện trái ngược với không khí Viện Đại học này. Nếu các anh tiếp tục hoạt động, các anh gắng tìm chỗ khác đặt văn phòng, xin trả Đại học cho tôi ngay.

Giáo sư Lê Khắc Quyên lớn giọng:

- Cha đuổi chúng tôi đi hả?

Tôi lắc đầu:

- Không phải đuổi. Anh nói quá. Tôi chỉ yêu cầu các anh trả lại không khí trầm mặc cho Đại học. Tôi chưa hiểu rõ lắm về phong trào của các anh, nhưng có đi phố và nhìn thấy nhiều khẩu hiệu đả đảo tướng lãnh, đồng hoá người Công giáo với Cần lao.

Tôi là Công giáo, nhưng không phải bất cứ người Công giáo nào cũng là đảng viên Đảng Cần lao của chế độ cũ. Tập thể Cần lao không xấu, chỉ có cá nhân xấu mà thôi. Cho nên các anh đừng lẫn lộn...

Các anh cần phân tích người nào tốt, kẻ nào xấu, đừng đồng hoá tập thể tôn giáo và Cần lao, làm như thế không đạt được mục tiêu gì, chỉ gây chia rẽ giữa tôn giáo này và tôn giáo khác mà thôi.

Tôi cũng nhấn mạnh với ông Quyến:

- Lực lượng duy nhất hiện nay để chống Cộng sản là lực lượng quân đội. Bây giờ các anh nêu đích danh những tướng lãnh cầm đầu quân đội đả kích. Hành động đó có khác nào chúng ta phá đi bức thành trì chống cộng. Điều đó không thể chấp nhận được. Đất nước chúng ta đã chìm đắm bao nhiêu năm. Không thể tạo cơ hội thuận tiện để cho mảnh đất còn lại của quê mẹ khốn khổ này rơi vào tay Cộng sản.

Tôi còn nói với giáo sư Quyến một lần nữa là, ông ta hãy dời văn phòng của phong trào ra khỏi Viện Đại học để tôi khỏi lấy làm thất tín vì đã không giữ vững lập trường duy trì ch của mình. Giáo sư Quyến không nói gì. Ông ta đứng dậy cùng với mấy giáo sư đi theo xin cáo lui.

Tôi tiễn ông Quyến ra tận cửa. Tuy ông không phản đối những ý kiến của tôi trong cuộc mạn đàm, nhưng tôi thấy nét mặt ông có vẻ buồn buồn, và tức bực. Thú thực tôi đã hết sức khiêm tốn trong câu chuyện với mục đích duy trì hoà khí giữa những kẻ cộng tác hàng ngày với nhau. Vậy mà câu chuyện không ít thì nhiều đã đem lại sự nghi kỵ, nếu không nói là bất bình giữa tôi và giáo sư chủ tịch Lê Khắc Quyến. Trong lúc Quyến lẳng lặng lên xe, các giáo sư khác, trong phong trào chính trị có lẽ thông cảm cho mục tiêu tối thượng của tôi, đã thân ái hứa hẹn với tôi rằng, phong trào nhân dân cứu quốc không đả kích tập thể giáo dân Ky-tô nữa và ngưng lại mọi chương trình đồng hoá Cần lao với Công giáo. Những giáo sư này đoán chắc rằng, họ chỉ tranh đấu cho tự do dân chủ mà thôi.

Sở dĩ tôi góp ý họ về những vấn đề đả kích tướng lãnh, tổ khổ Cần lao là vì, ngay sau khi phong trào nhân dân cứu quốc hình thành, họ ra một tờ báo lấy tên là Lập Trường làm cơ quan ngôn luận. Tờ báo đặt ngay ở nhà in của Viện Đại học dưới chân cầu Bạch Hổ.

Và mọi phương tiện của nhà in này, phong trào đều xung công vào việc ấn loát tờ báo này.

Từ những số đầu tiên, những tờ báo này vạch mặt chỉ tên những kẻ họ cho là Cần lao ác ôn, tay sai hoặc công an mật vụ của chế độ cũ. Hầu như tất cả những nhân vật nắm những chức vụ từ hạ tầng cơ sở như xã quận đến tỉnh thành đều là những mục tiêu chính để họ nguyên rửa, mặc dầu trên thực tế, những kẻ bị chỉ trích chỉ là công cụ mọn hèn của chế độ Ngô Đình Diệm.

Qua tờ báo địa phương này, phong trào Nhân dân cứu quốc của giáo sư Lê Khắc Quyến lên án gắt gao đảng Cần lao, quan trọng và nguy hiểm hơn nữa họ còn dùng những luận cứ để đồng hoá người Công giáo với Cần lao nông cốt. Tạo phong trào chống Cần lao kịch liệt trên báo chí, với đủ mọi phương tiện, đủ mọi lập luận, họ gây cảm hờn giữa quần chúng và giáo dân cổ đô Huế.

Tờ Lập Trường còn nêu đích danh những tướng lĩnh mà họ cho là con đẻ của chế độ cũ để đả kích. Xuyên qua số tướng lĩnh này, họ chỉ trích luôn cả tập thể quân đội. Phải công nhận rằng (dù tôi bất đồng ý với chủ trương của phong trào nhân dân cứu quốc) các giáo sư từng cộng tác với tôi ít nhiều đã thành công. Dân chúng Huế, đa số đã ủng hộ, cổ vũ cho mục tiêu của phong trào.

Ngoài thành phố, hàng trăm khẩu hiệu viết trên những tấm vải màu, nội dung chống chế độ nhà Ngô, chống tướng lĩnh nhan nhản khắp nơi, tôi đọc những câu khẩu hiệu này tự nhiên thấy trái tim mình nôn nao, quặn thắt. Dầu gì đi nữa, chế độ cũ kể như đã hoàn toàn bị triệt hạ rồi, không khí cách mạng và nhiều người khao khát mong chờ cũng đã hết.

Giờ đây không phải lúc để chúng ta đả kích lẫn nhau, vạch mặt chỉ tên lẫn nhau, triệt hạ uy tín lẫn nhau mà là giai đoạn cần phải tạo dựng lại, củng cố lại. Chế độ nhà Ngô sụp đổ, mang theo cả công trình của ông Diệm lại từ con số không, tất cả nguồn mạch quê hương lại phải khởi đi từ con số không buồn thảm đó.

Muốn thành công cứu vớt sự suy tàn của quê cha đất tổ, một nhóm người không thể gồng mình làm được công việc đòi hỏi nhiều mức sống và can đảm này mà tất cả phải bắt tay với nhau, quên đi những kỷ niệm u buồn, hướng về bầu trời tương lai đang mở ra trước mắt.

Có lẽ không riêng gì tôi, nhiều người ở giải đất ồm ông gầy yếu này đều mong muốn như vậy.

Nhưng không hiểu tại sao những người trí thức lại hiểu lệch lạc như vậy. Tôi không tin những cộng sự của tôi cố tình tạo ra một tình trạng chia rẽ, nhiều nhượng thêm cho quê hương. Hơn bất cứ người nào hết, những cộng sự của tôi đã có rất nhiều kinh nghiệm trong giai đoạn chuyển tiếp vừa rồi. Trong thâm tâm tôi tin họ sẽ hiểu bao quát vấn đề để kịp thời dừng lại ở giai đoạn khởi đầu nhiều sôi nổi.

Tuy nhiên, đó chỉ là sự mong ước ảo tưởng của tôi, không những cộng sự viên thuộc lãnh vực Đại học Huế với tôi chẳng soát xét lại công cuộc chống lại Cần lao mà càng tiến sâu hơn nữa. Ngoài thành phố, trong trường sở, đâu đâu tôi cũng nhìn thấy sự căm thù và nổi giận.

Phong trào chính trị này còn lập thêm những trạm phóng thanh ở các phân khoa Đại học, các ngôi chùa và tối tối họ loan truyền những bài viết đả kích quân đội, Công giáo, Cần lao nặng nề.

Tôi không hưởng ơn mưa móc gì của chế độ Tổng thống Diệm.

Tôi không hề bênh vực gì chế độ ông ấy. Tuy nhiên tôi cũng không mấy hài lòng khi thấy phong trào kia cố tình đồng hoá người Công giáo với Cần lao. Cần lao cũng có kẻ tốt người xấu, không phải tất cả Cần lao đều xấu hết. Vì vậy trong buổi gặp gỡ với giáo sư Quyến, tôi đã thành thật nói với ông ấy điều này.

Bên giòng lịch sử 1940 - 1965

- 45 -

Vĩnh biệt Huế

Nhưng những lời khuyến cáo của tôi đã không ích lợi gì. Lê Khắc Quyến, Lê Tuyên và đồng bọn vẫn tiếp tục cuộc tranh đấu chính trị của họ và vẫn chiếm cứ Đại học, gây ra nhiều xáo trộn. Tôi cảm thấy bất lực để đối phó với họ, và quá chán nản tôi đã nghĩ đến việc từ chức Viện trưởng, cuốn gói ra đi, từ biệt xứ Huế mà tôi đã tận tâm phục vụ ngót 20 năm trời.

Vào cuối tháng tám, một hôm vì quá bức mình và chán nản, tôi đã thảo đơn từ chức, nhưng rồi lại bỏ vào hộc bàn viết. Sở dĩ tôi còn ngần ngại chưa dứt khoát quyết định là vì ở Đại học còn nhiều việc chưa làm xong, nhiều dự trù chưa được thực hiện: Đại học Y khoa với viện trợ của Gia Nã Đại chưa xây cất hết, đại giảng đường của Đại học Khoa học cũng đang còn bỏ dở, Đại học Sư phạm vừa xây cất xong chưa được chính thức khánh thành, chương trình xây cất Trung tâm kỹ thuật ở Đồng An Cựu với sự giúp đỡ của Đại học Stanford chưa bắt đầu. Việc hiệu đính các Châu bản triều Nguyễn khởi công

từ ba năm trước với sự cộng tác của giáo sư Chen Ching Ho cũng chưa hoàn tất. Ngày 9 tháng 9 tôi vào Sài Gòn để gặp ông Đại sứ Anh xin giúp cho Đại học Y khoa một vài giáo sư và một số dụng cụ thí nghiệm. Từ trước đến nay tôi đã liên lạc mấy lần với Toà đại sứ Anh để xin viện trợ cho Đại học Huế nhưng luôn luôn bị từ chối, lần này tôi hy vọng thành công vì ông Đại sứ Anh vừa mới ra thăm Huế và hứa hẹn giúp đỡ, tôi vào Sài Gòn mới được ba hôm công việc chưa xong gì thì ngày 12 tháng 9 xảy ra vụ đảo chánh do nhóm Phạm Ngọc Thảo chủ động. Nhân cơ hội đó Lê Tuyên và Lê Khắc Quyển đã cho phao đồn ở Huế rằng tôi đã vào Sài Gòn lần này chỉ là để cổ xúy và trực tiếp tham gia vào cuộc đảo chánh ấy, họ đã hội họp sinh viên và giáo sư lại đề công khai lên án tôi và đòi tôi phải từ chức, phần đông các giáo sư và sinh viên phản đối việc đó vì còn muốn tôi ở lại. Tuy thế ngày 14 tháng 9 tôi đã nhận được một điện tín từ Huế đánh vào yêu cầu tôi từ chức, viện lẽ rằng sự hiện diện của tôi ở Đại học Huế trong giai đoạn hiện tại không còn thích hợp và cần thiết.

Đã nuôi sẵn ý định rút lui từ hai tháng nay rồi nên khi nhận được điện tín ấy của Lê Khắc Quyển đồng ký với Lê Tuyên, Tôn Thất Hanh, Mai Văn Lễ và một vài giáo sư khác, tôi đã không ngần ngại đắn đo lập tức đến gặp Bùi Tường Huân, lúc đó mới được phe Phật giáo đưa lên làm Tổng trưởng Bộ quốc gia giáo dục, và đưa cho ông ta cái thư xin từ chức mà tôi đã viết sẵn hai tháng trước và lúc vào Sài Gòn tôi đã mang theo. Bùi Tường Huân hình như đã sắp đặt trước với nhóm Cứu quốc ở Huế trước nên đã vui vẻ chấp nhận sự từ chức của tôi liền và vài hôm sau đã ký nghị định giải nhiệm cho tôi và bổ nhiệm tôi làm giáo sư Đại học Sư phạm Sài Gòn. Lúc chấp nhận sự từ chức của tôi Bùi Tường Huân có nói: “Ít hôm nữa, lúc nào thuận tiện mời cha trở lại Huế làm lễ bàn giao. Chúng tôi sẽ tổ chức một lễ tiễn đưa cha thật trọng thể và sẽ gắn huy chương cho cha để tỏ lòng tri ân công lao cha đối với Đại học Huế nói riêng và nền giáo dục nói chung”.

Tôi đã từ chối và đã không trở lại Huế làm lễ bàn giao, chỉ nhờ một người bạn ra đưa sách vở và đồ đạc vào Sài Gòn thôi. Tôi không trở lại Huế, thực ra vì không muốn gây xúc động cho nhiều người mà tôi biết chắc là còn mến tiếc tôi và còn muốn cho tôi ở lại điều khiển Đại học Huế. Từ đó tôi sống trong im lặng ở Sài Gòn, tuy nhiên tôi vẫn luôn theo dõi những thăng trầm của Viện Đại học Huế mà ông coi như là sự nghiệp lớn nhất và thành công nhất của đời tôi, một sự nghiệp mà tôi phải vất vả dày công tạo dựng, vun trồng suốt bảy năm, cầu mong cho nó được phát triển và mãi mãi tồn tại với non sông để tên tuổi tôi cũng được mãi mãi gắn chặt vào.

LINH MỤC CAO VĂN LUẬN

*Bản đánh máy thực hiện tại Hố Nai, Biên Hoà, Việt Nam tháng 5- 2008 bởi
Lê thị Thanh Nguyệt*

Nguồn: Vantuyen

Người đăng: Thanh Vân

Thời gian: 19/09/2008 10:11:43 CH